

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2777/BKHĐT-KTĐPLT

V/v báo cáo sơ kết thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội của các vùng

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2050-CV/BCSĐCP ngày 21/7/2023 về phối hợp triển khai Kế hoạch theo dõi, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng; chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 164/NQ-CP ngày 4/10/2023 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo như sau:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng Đề cương báo cáo, gửi văn bản đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương¹ báo cáo kết quả sơ kết tình hình thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 06 vùng kinh tế - xã hội. Về tiến độ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đôn đốc các cơ quan² khẩn trương triển khai sơ kết và có văn bản số 10881/BKHĐT-KTĐPLT ngày 25/12/2023 gửi Văn phòng Chính phủ về tiến độ thực hiện xây dựng báo cáo của các cơ quan liên quan.

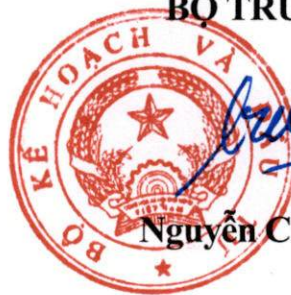
Đến nay, trên cơ sở các báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 06 vùng kinh tế - xã hội (kèm theo các kiến nghị và Báo cáo tình hình thực hiện của từng vùng).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan, địa phương (d/s kèm theo);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (HTH (T)).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

¹ Vùng trung du và miền núi phía Bắc: VB số 9503/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023; Vùng đồng bằng sông Hồng: VB số 9520/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023; Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: VB số 9504/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023; vùng Tây Nguyên: VB số 9505/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023; vùng Đông Nam Bộ: VB số 9500/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023; vùng ĐBSCL: VB số 9519/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023.

² Vùng đồng bằng sông Hồng: VB số 9779/BKHĐT-KTĐPLT ngày 22/11/2023; Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: VB số 10053/BKHĐT-KTĐPLT ngày 30/11/2023; vùng Đông Nam Bộ: VB số 10045/BKHĐT-KTĐPLT ngày 30/11/2023; vùng ĐBSCL: VB số 10046/BKHĐT-KTĐPLT ngày 30/11/2023.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với các Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo văn bản số 2477 /BKHĐT-KTĐPLT ngày 14 tháng 4 năm 2024)

Trong năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành 06 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm: Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 đối với Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 đối với vùng Đồng bằng sông Hồng; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 đối với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 đối với vùng Tây Nguyên; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 đối với vùng Đông Nam Bộ và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã khẩn trương ban hành các Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, cụ thể là: Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022¹; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023²; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022³; Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022⁴; Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022⁵ và Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022⁶.

Qua hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đã đạt được các kết quả như sau:

¹ Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

² Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

³ Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁴ Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁵ Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶ Về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

I. Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị

Trung ương đã tổ chức các Hội nghị toàn quốc theo hình thức trực tiếp và trực tuyến để quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị nêu trên. Các Hội nghị do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, trực tiếp phát biểu và chỉ đạo, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của đồng chí Tổng Bí thư đối với toàn bộ 6 vùng kinh tế - xã hội, nhằm triển khai nhanh, thực hiện có hiệu quả các nội dung của các Nghị quyết đã được ban hành, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả nước.

Tiếp theo, Chính phủ đã tổ chức 06 Hội nghị tại 06 vùng kinh tế xã hội nhằm triển khai Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị tại các tỉnh: Lào Cai, Quảng Ninh, Bình Định, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, kết hợp với các hoạt động xúc tiến đầu tư vùng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức⁷. Các Hội nghị do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì, phát biểu chỉ đạo nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã sát sao ngay từ những bước triển khai đầu tiên, trực tiếp chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, địa phương thực hiện quyết liệt các Nghị quyết, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện; phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ, tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong Vùng.

Ngay sau khi các Nghị quyết của Chính phủ được ban hành, các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố đã nghiêm túc triển khai nghiên cứu, quán triệt trong tập thể Ban cán sự đảng các Bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành, phổ biến nội dung sâu rộng, bằng nhiều hình thức đa dạng tới các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, các tầng lớp Nhân dân; đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị nhằm cụ thể hoá quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 06 vùng kinh tế - xã hội; xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung triển khai thực hiện tại các vùng, qua đó, tạo sự thống nhất và chuyển biến rõ rệt

⁷ Các Hội nghị về triển khai Chương trình hành động của Chính phủ được tổ chức tại các địa phương: tại tỉnh Lào Cai ngày 27/8/2022 đối với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; tại tỉnh Quảng Ninh ngày 12/2/2023 đối với vùng Đồng Bằng sông Hồng; tại tỉnh Bình Định ngày 5/2/2023 đối với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ; tại tỉnh Lâm Đồng ngày 20/11/2022 đối với vùng Tây Nguyên; tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 26/11/2022 đối với vùng Đông Nam Bộ; tại TP Cần Thơ ngày 21/6/2022 đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong công tác tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung và các vùng kinh tế xã hội nói riêng.

II. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới; có 10/15 chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu đề ra⁸, trong đó hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu về phát triển kinh tế xã hội, thể hiện đường lối chỉ đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Tăng trưởng GDP cả năm 2023 tăng 5,05% (2 vùng động lực là vùng đồng bằng sông Hồng tăng 6,28% và vùng Đông Nam Bộ tăng 5,06%)⁹, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 430 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.284 USD¹⁰ (cao nhất là vùng Đông Nam Bộ đạt 166 triệu đồng, thấp nhất là vùng Tây Nguyên chỉ đạt 67,6 triệu đồng¹¹). Thu ngân sách nhà nước vượt 8,12% dự toán¹², xuất nhập khẩu có xu hướng phục hồi, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 683 tỷ USD, giải ngân vốn đầu tư công ước đạt 95% kế hoạch, cao hơn năm 2022 là 3,58% và số tuyệt đối cao hơn khoảng 146 nghìn tỷ đồng.

Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế và hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục có xu hướng phục hồi; Cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GDP: *khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* chiếm tỷ trọng 11,96%, giá trị tăng thêm (VA) tăng 3,83%, tiếp tục là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế; *khu vực công nghiệp và xây dựng* chiếm 37,12%, VA tăng 3,02%; *khu vực dịch vụ* chiếm 42,54%, VA tăng 6,82%; *thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm* chiếm 8,38%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 9,6%, thu hút FDI đạt gần 36,6 tỷ USD, thực hiện đạt gần 23,2 tỷ USD, tăng 3,5%. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường đạt hơn 217,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 4,5%.

Về huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, thực hiện các dự án cao tốc, quốc lộ, các dự án giao thông liên kết vùng và kết cấu hạ tầng cấp bách, quan trọng khác: các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã quan tâm, chỉ đạo các cơ quan trung ương cân đối nguồn lực đáng kể dành cho đầu tư phát triển như bổ sung kế hoạch

⁸ 10 chỉ tiêu gồm: Tốc độ tăng CPI; Tỷ lệ đào tạo có văn bằng chứng chỉ; Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo; Số bác sĩ trên 1.000 dân; Số giường bệnh trên 1.000 dân; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế; Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị; Tỷ lệ KCN, KCX đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

⁹ Các vùng còn lại: vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng 6,53%; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Trung bộ tăng 5,51%; vùng Tây Nguyên tăng 4,81%; vùng Đông Nam Bộ tăng 5,06%; vùng đồng bằng sông Cửu Long tăng 6,37%.

¹⁰ Số liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 9/1/2024 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2023.

¹¹ Số liệu của Tổng Cục Thống kê.

¹² Trong điều kiện thực hiện miễn, giảm, gia hạn nhiều loại thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất gần 194 nghìn tỷ đồng.

đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 từ nguồn dự phòng chung với số vốn hơn 30.683 tỷ đồng¹³; bổ sung 4.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NSTW năm 2023 cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thực hiện dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển¹⁴; phân bổ 13.369,468 tỷ đồng số vốn còn lại của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các dự án đủ thủ tục đầu tư¹⁵;...nhờ đó hệ thống kết cấu hạ tầng có sự chuyển biến vượt bậc, nhất là hạ tầng giao thông; đưa vào khai thác nhiều công trình quan trọng, có tính kết nối vùng. Công tác quy hoạch thực hiện theo tiến độ, quản lý tài nguyên, môi trường được tăng cường, triển khai quyết liệt các chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm, bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, phát triển bền vững, không chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1,1%. Tiếp tục nâng cao chất lượng và triển khai có hiệu quả các chương trình giáo dục đào tạo, y tế. Các chính sách dân tộc, tôn giáo được quan tâm thực hiện có hiệu quả. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật được chú trọng và có nhiều đổi mới. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được triển khai sôi động, liên tục, đạt nhiều thành tích nổi bật. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các tỉnh, thành phố đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, khai thác những tiềm năng, thế mạnh, khắc phục những điểm nghẽn phát triển và đạt được những kết quả tích cực, đóng góp vào những thành tựu chung của cả nước.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ

Tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị đã đề ra các chỉ tiêu phát triển đến năm 2030, các nhiệm vụ chi tiết cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện kèm theo danh mục các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng, có tính liên kết của 6 vùng kinh tế - xã hội.

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong 6 vùng đã bám sát các nhiệm vụ được giao, ban hành các Chương trình hành động, kế hoạch thực hiện cụ thể nhằm khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở các báo cáo của các cơ quan, địa phương, kết quả đạt được như sau (*kết quả cụ thể xin đính kèm theo tại các Phụ lục thực hiện của các vùng*):

1. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

¹³ Tại Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 29/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁴ Tại Quyết định số 1162/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁵ Tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Về phát triển nông nghiệp:

Các vùng có thế mạnh về nông nghiệp đã phát triển các mô hình theo hướng nông nghiệp hiệu quả cao, nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2023, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đã hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và các vùng chuyên canh, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm theo tiêu chuẩn. Nhiều địa phương triển khai tích cực phù hợp với thế mạnh của từng tỉnh, khuyến khích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, truy xuất nguồn gốc nông sản, an toàn thực phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Các địa phương tích cực chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiệu quả kinh tế cao¹⁶.

Về phát triển công nghiệp:

Các bộ, ngành, địa phương đã đề ra kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp theo định hướng có chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh như công nghiệp chế biến, chế tạo; một số ngành công nghiệp chủ yếu đạt kết quả tốt như công nghiệp lọc hóa dầu, khí, điện, than; công nghiệp chế biến nông lâm sản và công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản được đầu tư phát triển¹⁷.

Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 đã được phê duyệt để triển khai trên địa bàn các tỉnh¹⁸, theo đó từng bước chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực; Nghiên cứu, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi trên địa bàn các vùng có lợi thế về điện gió, điện mặt trời¹⁹. Chủ động nghiên cứu phát triển, sản xuất năng lượng hydrogen phù hợp với lộ trình phát triển năng lượng quốc gia.

Nhiều địa phương đã nỗ lực vượt qua khó khăn, từng bước phục hồi sản xuất, duy trì được thành tích công nghiệp khá với chỉ số IIP tăng ở hầu hết các địa phương trên cả nước, nhiều địa bàn công nghiệp trọng điểm tiếp tục phục hồi, duy trì đà tăng tích cực như Bà Rịa - Vũng Tàu; Bình Dương; Vĩnh Phúc; Vĩnh Long; Quảng Ninh; Thành phố Hồ Chí Minh...

¹⁶ Các cơ quan trung ương đã hỗ trợ tỉnh Sơn La trở thành trung tâm chế biến cây ăn quả; hỗ trợ tỉnh Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất, chế biến gỗ; hỗ trợ các tỉnh miền Trung tháo gỡ vướng mắc, mở rộng thị trường cho nhóm hàng thủy sản, lâm nghiệp; lúa và cây ăn trái vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục giữ vị trí quan trọng, chiếm tỷ lệ về sản lượng lớn nhất cả nước (trương ứng 55,4% và 60%).

¹⁷ Bộ Công Thương đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan đối với dự thảo đề cương Đề án xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

¹⁸ Vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh, thành phố khác trên cả nước.

¹⁹ Vùng miền Trung và các tỉnh, thành phố khác.

Về phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế: các bộ đã phối hợp với các địa phương rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong quá trình lập quy hoạch tỉnh, khuyến khích thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Nhiều khu có tỷ lệ lấp đầy cao, thu hút được các nhà đầu tư chất lượng là các tập đoàn quốc tế lớn, đa quốc gia, trở thành các động lực tăng trưởng kinh tế, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, của vùng²⁰.

Về phát triển dịch vụ:

Các bộ, địa phương đã quan tâm, chú trọng phát triển dịch vụ, ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong GDP cả nước, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao hiệu quả các ngành dịch vụ chất lượng cao như tài chính, du lịch, viễn thông, logistics,...

Các bộ, ngành đã phối hợp với các địa phương tổ chức các Hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa tại các vùng, để quảng bá sản phẩm, thúc đẩy hợp tác sản xuất, kinh doanh tham gia chuỗi liên kết phát triển kinh tế vùng bền vững. Các tỉnh, thành phố đang khẩn trương triển khai các nhiệm vụ trở thành trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và khu vực với các ngành dịch vụ cao cấp, hiện đại, tập trung dịch vụ tài chính, du lịch²¹, ngân hàng, thương mại, logistic; xây dựng cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế²².

Về phát triển kinh tế biển:

Các vùng và địa phương có biển, nhất là vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ tập trung phát triển mạnh kinh tế biển theo Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát cơ chế, chính sách nhằm phát triển kinh tế biển²³; tiếp tục thực hiện các chủ trương, giải pháp tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm khai thác hợp pháp các nguồn lợi từ biển, phù hợp với hệ sinh thái biển²⁴.

²⁰ Khu kinh tế mở Chu Lai; Khu kinh tế Dung Quất; Khu kinh tế Nghi Sơn;...

²¹ Thành phố Hải Phòng đã ký kết và triển khai Thỏa thuận Hợp tác phát triển du lịch giữa các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Hồng mở rộng; Thực hiện các nội dung hợp tác phát triển du lịch giữa 05 tỉnh, thành phố Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Lào Cai (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) tại Biên bản ghi nhớ Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố; Tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức thành công Festival về miền Quan họ năm 2023 với chủ đề "Tỏa sáng tinh hoa, bản sắc văn hóa" nhằm kết nối tinh hoa các di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh như Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Nhã nhạc Cung đình (Huế); hát Xoan (Phú Thọ); Bài Chòi (Quảng Nam); Đờn ca tài tử Nam bộ (Bạc Liêu); Dân ca Ví dặm (Hà Tĩnh); Công chiêng Tây Nguyên (Đắk Lắk).

²² Tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

²³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương để tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp, trong đó sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển.

²⁴ Tỉnh Quảng Ngãi đang xây dựng Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo, phân đấu hoàn thành, phê duyệt đầu năm 2024; Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phân đấu nằm trong nhóm 5 địa phương phát triển kinh tế biển hàng đầu cả nước (Tỷ trọng kinh tế biển, bao gồm dầu khí khoảng 75% GRDP (nếu không tính dầu khí khoảng 60% GRDP); Đà Nẵng đang đầu tư, phát triển các lĩnh vực kinh tế biển với mục tiêu đến năm 2030 đóng góp 15% vào GRDP thành phố.

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Về thể chế hóa cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định về thành lập Hội đồng điều phối vùng²⁵ do Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên của Hội đồng điều phối là lãnh đạo các Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch các tỉnh, thành phố trong 06 vùng kinh tế xã hội. Hội đồng điều phối vùng là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, điều phối, giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về liên kết vùng, phát triển bền vững các vùng.

Sau khi được thành lập, các Hội đồng điều phối vùng đã tổ chức các cuộc họp để thảo luận các vấn đề của vùng; các hoạt động trong các tháng cuối năm 2023 trong đó tập trung đề ra giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn phát triển của các vùng như phát triển giao thông kết nối, quy hoạch, cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các vùng, giải pháp điều phối trong các lĩnh vực thương mại, đô thị, logistics, dịch vụ chất lượng cao.

- Về hoàn thiện thể chế:

Quốc hội đã thông qua nhiều Luật quan trọng trong năm 2023²⁶. Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền các cơ chế chính sách, sơ kết, tổng kết các chính sách đặc thù về phát triển các tỉnh, thành phố²⁷ và về đầu tư xây dựng công trình đường bộ²⁸ tạo điều kiện để các tỉnh, thành phố phát triển mạnh mẽ và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án quan trọng, liên kết vùng, trong đó có các cơ chế mới, đột phá, vượt trội, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành Nghị quyết số 98/2023/QH15, tạo điều kiện để Thành phố phát triển mạnh mẽ, tương xứng là đầu tàu kinh tế của cả nước, có tác động lan tỏa ra các địa phương trong vùng và cả nước. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 98/2023/QH15 do Thủ tướng Chính phủ

²⁵ Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Trung du và miền núi phía Bắc; Quyết định số 826/TTg-CP ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng; Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên; Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ; Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long.

²⁶ Luật Đầu thầu; Luật Hợp tác xã; Luật Nhà ở; Luật Tài nguyên nước; Luật Kinh doanh bất động sản;.. Riêng Luật Đất đai sửa đổi được thông qua tháng 2 năm 2024.

²⁷ Báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ năm 2023 về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền.

²⁸ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, trong đó một số công trình đường bộ quan trọng của Vùng được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện.

trực tiếp là Trưởng ban chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ triển khai, sớm đưa các cơ chế, chính sách vào thực tiễn. Bên cạnh đó, các bộ, ngành đang hoàn thiện xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) để có những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, phát huy vai trò của Thủ đô Hà Nội là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Về cơ chế, chính sách đặc thù của 06 vùng: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ và địa phương hoàn thiện Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù của các Vùng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, làm căn cứ để nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù cho Vùng trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về các hoạt động hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng cụ thể:

Các Bộ và địa phương trong các vùng đã tích cực triển khai các hoạt động liên kết nội vùng và liên vùng²⁹ nhằm cụ thể hóa chủ trương về hợp tác, liên kết vùng tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị; phát huy vai trò của các Hội đồng điều phối trong việc giải quyết các vấn đề của không chỉ từng địa phương và của cả vùng.

Trong quá trình triển khai các hoạt động liên kết vùng có sự đồng thuận cao, tham gia đầy đủ và đóng góp các ý kiến tâm huyết của Lãnh đạo các Bộ, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong các vùng, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ cũng như tầm quan trọng của hợp tác, liên kết vùng.

- Về lập quy hoạch tỉnh và quy hoạch vùng:

Tiến độ và chất lượng công tác quy hoạch được nâng lên. Đối với các quy hoạch vùng: Hội đồng thẩm định và đã tổ chức họp thẩm định đối với Quy hoạch 05 vùng kinh tế - xã hội³⁰, đã xin ý kiến các Hội đồng điều phối vùng và hiện đang tiếp tục hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Đối với quy hoạch các tỉnh, thành phố: Tính đến hết năm 2023, 61/63 địa phương đã hoàn thành lập, trình thẩm định quy hoạch và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 40/63 quy hoạch tỉnh³¹. Đối với các địa phương còn lại sẽ tiếp tục triển khai, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2024 theo quy định. Bên cạnh đó,

²⁹ Bộ Công Thương đã triển khai các hoạt động kết nối cung cầu của các tỉnh, thành; Bộ GTVT phối hợp với các địa phương trong việc sớm giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình giao thông kết nối liên vùng và hạ tầng đường thủy nội địa; Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò là trung tâm của Vùng, là động lực kinh tế của cả nước đã tổ chức thành công 05 Hội nghị tổng kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với 36 tỉnh, thành phố; Các hoạt động liên kết vùng trong du lịch (Khánh Hòa - Lâm Đồng - Đắk Lắk);...

³⁰ Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt tại Quyết định số 278/QĐ-TTg ngày 28/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

³¹ Theo văn bản số 10863/BKHĐT-QLQH ngày 25/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo tổng kết thi hành Luật Quy hoạch, theo đó, trong 23 quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt: 16 QH đã trình phê duyệt; 3 QH chuẩn bị trình phê duyệt; 2 QH đang lấy ý kiến thẩm định; còn 02 QH chưa trình thẩm định là TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.

Quy hoạch tổng thể quốc gia và nhiều quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

- Về cải cách hành chính:

Các bộ, ngành và các địa phương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, thành lập doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch; chú trọng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư đã góp phần tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp yên tâm đầu tư kinh doanh. Qua đó, môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương đã có nhiều cải thiện, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp có sự phát triển đáng kể.

Các địa phương chủ động, tăng cường triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính qua các hoạt động xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã được nâng cao, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và tạo niềm tin đối với người dân và doanh nghiệp.

Về phân cấp: các bộ, cơ quan trung ương đã thực hiện chủ trương tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ đề xuất và thực hiện phân cấp nhiều cơ chế, chính sách, tạo sự chủ động tối đa cho các địa phương quá trình điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, giúp các địa phương có căn cứ pháp lý triển khai thực hiện và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới.

3. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

Về phát triển khoa học công nghệ:

Phát triển khoa học và công nghệ đã bám sát mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với những chuyển biến tích cực. Tại Nghị quyết số 30 về phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và Nghị quyết số 24 về phát triển vùng Đông Nam Bộ, Bộ Chính trị đã quy định một nội dung riêng về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thể hiện tầm quan trọng của việc phát triển khoa học - công nghệ trong giai đoạn tới. Thực hiện các chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ, các cơ quan liên quan đã phối hợp với các tỉnh, thành phố³² tổ chức các hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh; triển khai các Đề án xây dựng cơ chế thúc đẩy để hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh,

³² Các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ và các địa phương trên cả nước. Ngày 28/10/2023 đã diễn ra Lễ Khánh thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp Khai mạc Triển lãm Quốc tế Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2023 (VIIE 2203) tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, ghi dấu mốc quan trọng trong quá trình kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam.

cấp cơ sở được tiến hành theo quy định. Các tỉnh, thành phố³³ đã ưu tiên phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo nhằm xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và công ty công nghệ; chú trọng đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý, sản xuất.

Về phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị:

Các bộ, ngành liên quan và các địa phương tích cực phối hợp, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng trên tinh thần đổi mới tư duy, phương thức, cách làm; khẩn trương triển khai các dự án hạ tầng giao thông lớn, quan trọng, bước đầu đạt được những kết quả nhất định nhằm tạo ra hệ thống giao thông hiện đại, có tính kết nối nội vùng và liên vùng. Các địa phương trong các vùng đã phát triển các khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại với hạ tầng kỹ thuật và giao thông kết nối tốt.

Năm 2023 có thể coi là năm đột phá về hạ tầng, cụ thể là đầu năm 2023 đã đồng loạt khởi công 12 dự án cao tốc Bắc - Nam (tổng chiều dài 729 km, đi qua 15 tỉnh, thành phố: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau) với tổng mức đầu tư khoảng 147 nghìn tỷ đồng; khởi công các dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Hà Nội, đường Vành đai 3 TP Hồ Chí Minh, sân bay Long Thành.

Đến hết năm 2023 đã hoàn thành 20 dự án hạ tầng giao thông, gồm 17 dự án đường bộ, 1 dự án hàng hải; 2 dự án đường thủy, trong đó 9 dự án cao tốc mới hoàn thành gồm Mai Sơn - Quốc lộ 45; Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; Nghi Sơn - Diễn Châu; Vĩnh Hảo - Phan Thiết; Phan Thiết - Dầu Giây; Nha Trang - Cam Lâm; Mỹ Thuận - Cần Thơ; Cầu Mỹ Thuận 2 và Tuyên Quang - Phú Thọ; đưa vào sử dụng 475 km đường cao tốc, nâng tổng số km đường cao tốc đưa vào khai thác là 1.892 km, đưa vào khai thác nhiều công trình giao thông khác và phát triển mạnh hạ tầng xanh, hạ tầng số hiện đại, đồng bộ (các dự án quan trọng, cụ thể xin báo cáo tại các Phụ lục đính kèm).

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Về phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đã chú trọng đầu tư, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của từng Vùng, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ của vùng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Các bộ phối hợp với các tỉnh,

³³ TP Hà Nội đang triển khai phương án thành lập Sàn Giao dịch công nghệ; Nghiên cứu, đưa Dự án trung tâm Nghiên cứu chuyên giao công nghệ và Giám định công nghệ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi vào hoạt động; Thực hiện tiếp nhận quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 của Chính phủ, trong đó Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý) đã được khánh thành, đi vào hoạt động. Tỉnh Quảng Ninh hoàn thành Đề án và Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, định hướng đến 2050. Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển doanh nghiệp KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh đến năm 2025.

thành phố xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức thành công các lễ hội văn hóa cổ truyền, chương trình giao lưu nghệ thuật có ý nghĩa; xây dựng Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức truyền thông, quảng bá các di sản văn hóa, tác phẩm văn học nghệ thuật đặc sắc, có giá trị tư tưởng của Việt Nam ra thế giới; hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

Về an sinh, phúc lợi xã hội:

An sinh xã hội và phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm, bảo đảm, mở rộng phạm vi bao phủ. Chế độ chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng. Công tác giảm nghèo đa chiều bền vững được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt, từng bước nâng mức sống của nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, hạn chế tối đa số hộ tái nghèo. Công tác giảm nghèo đã đạt những kết quả tích cực, nhất là vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước, nhiều địa phương đã ban hành chuẩn nghèo riêng cao hơn mức chuẩn nghèo chung của cả nước.

Về giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Các bộ và địa phương đã quan tâm đến công tác đào tạo, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; triển khai xây dựng Đề án phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu trong khu vực và Châu Á³⁴; hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục, đào tạo các cấp học.

Các cơ quan đang hoàn thiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, trong đó gồm hợp phần về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đồng thời, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tỉnh, thành phố. Thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng người tài, chuyên gia, quản lý giỏi, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác chuyên môn.

Về y tế:

Ngành y tế đã hoàn thành công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản của các địa phương được giữ vững. Cơ chế, chính sách phát triển y tế ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Với sự nỗ lực của ngành y tế các tỉnh, thành phố, công tác y tế dự phòng đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Mạng lưới cơ sở y tế gồm các đơn vị đầu ngành là Bệnh viện, Viện đã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Các địa phương đã quan tâm

³⁴ Trong đó có Trường Đại học Việt Đức tại Thành phố Hồ Chí Minh

về đầu tư hạ tầng y tế, nâng cấp, hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện³⁵.

Về quản lý và bảo vệ môi trường:

Các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố đã thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và môi trường theo quy định; đã hướng dẫn các tỉnh, thành phố về công tác bảo vệ môi trường, trong đó tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp, môi trường biển theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Các tỷ lệ về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nguy hại được các địa phương nghiêm túc triển khai³⁶. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn quy định. Tỷ lệ bình quân cả nước về khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 91%.

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Các cơ quan đã thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; hoàn thành có chất lượng xây dựng các quy hoạch ngành quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp triển khai tốt công tác đối ngoại biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Lào, Campuchia, bảo đảm hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển, tăng cường quan hệ quốc phòng gắn bó, đoàn kết và tin cậy với các nước.

Các bộ và các địa phương đã phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ các cấp vững chắc; thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; kiểm tra, khảo sát, điều chỉnh bổ sung hệ thống công trình quốc phòng một số địa bàn trọng điểm đáp ứng yêu cầu phòng thủ của đất nước; quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ; tăng cường theo dõi, phối hợp nắm tình hình để kịp thời xử lý, không để bị động bất ngờ.

Về công tác đối ngoại: các cơ quan trung ương đã chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; hỗ trợ, kết nối các hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố; hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp kết nối, mở rộng hợp tác thương mại, đầu tư và du lịch với các đối tác nước ngoài. Các địa phương trong các vùng đã có nhiều hoạt động đối ngoại thiết thực, hiệu quả, ký kết các văn kiện, thỏa thuận, cam kết hợp tác với các đối tác nước ngoài.

³⁵ Bệnh viện Trung ương Huế đang tiếp tục tập trung xây dựng và phát triển để trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước, tiên tiến đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á.

³⁶ Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác đạt tỷ lệ cao nhất là 100% về chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định.

6. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Các cơ quan trung ương và các địa phương đã tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên giáo, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra giám sát, công tác dân vận, mặt trận đoàn thể.

Chú trọng đào tạo, phát triển đảng viên và cán bộ có năng lực, phẩm chất và trách nhiệm, có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và giáo dục lý luận chính trị, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đảng viên và nhân dân trong việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

7. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể

Thời gian qua các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án được giao tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc khẩn trương của các bộ, các ngành, các cơ quan địa phương, nhiều nhiệm vụ đã có kết quả bước đầu, nhiều dự án đã xong thủ tục đầu tư, đã khởi công hoặc chuẩn bị khởi công.

Mặc dù vậy, thời gian thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ mới được hơn 1 năm nên nhiều nhiệm vụ cần có thêm thời gian để nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan liên quan, nhằm vừa đạt tiến độ và chất lượng, hiệu quả công việc cao nhất. *(Chi tiết các nhiệm vụ, đề án, dự án xin được báo cáo tại các Phụ lục theo vùng đính kèm theo).*

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua 01 năm triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ, kinh tế xã hội phát triển toàn diện ở mức khá, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, làm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm; nhiều địa phương có mức tăng trưởng cao, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đóng góp tích cực vào sự phát triển của vùng cũng như cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ; cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng về giao thông được ưu tiên đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của người dân tại các vùng được nâng lên; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có nhiều thành tựu lớn; quốc phòng, an ninh được bảo đảm, duy trì môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, còn một số khó khăn như quy mô nền kinh tế còn nhỏ, ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc; hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn; một số cơ chế, chính sách pháp luật còn chồng chéo, thiếu thống nhất;

các hoạt động liên kết vùng đã được quan tâm nhưng cần tham gia sâu hơn vào các vấn đề của từng vùng.

Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số khó khăn, thách thức như sau:

- Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bảo đảm tính bền vững; quy mô kinh tế các tỉnh, thành phố còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có, khả năng chống chịu và có các giải pháp kịp thời trước các yếu tố tiêu cực từ bên ngoài chưa cao.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy có nhiều cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống giao thông kết nối chưa đồng bộ, hạ tầng ven biển còn yếu, hạ tầng có tính chiến lược (như cảng biển, logistic...) năng lực còn thấp, kết nối với hạ tầng quốc gia chưa thực sự thuận lợi ảnh hưởng đến khả năng hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Khoa học công nghệ chưa thật sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chưa hình thành được nhiều doanh nghiệp lớn, làm chủ công nghệ ở các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, sản xuất chip, chất bán dẫn... An sinh, phúc lợi xã hội có nhiều tiến bộ nhưng chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ. Chất lượng nguồn nhân lực cải thiện chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Mạng lưới y tế tại một số địa phương còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, tình trạng quá tải tập trung vào các bệnh viện Trung ương vẫn diễn ra.

- Do thời gian thực hiện các Nghị quyết từ khi được ban hành đến nay chưa nhiều; các đề án, nhiệm vụ chưa được phê duyệt nên chưa có căn cứ triển khai cụ thể; nguồn lực triển khai các dự án còn khó khăn, do đó không đủ nguồn lực để thực hiện ngay, khởi công toàn bộ các công trình, dự án mà cần phân kỳ đầu tư trong các kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau³⁷.

- Các nội dung liên kết vùng quan trọng như liên kết trong hạ tầng giao thông; liên kết đầu tư phát triển; khả năng kết nối, tích hợp kinh tế tỉnh, thành phố vào chuỗi giá trị toàn cầu chưa cao; hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành cụm liên kết ngành; liên kết trong việc đào tạo và sử dụng lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng, liên vùng... đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng cần tăng cường hơn, làm rõ hơn lợi ích của các bên tham gia liên kết vùng để tạo sự đồng thuận, hưởng ứng trong quá trình triển khai.

Bài học kinh nghiệm

Một là, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, sâu sát thực tiễn các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ. Huy động và

³⁷ Các Nghị quyết mới được ban hành hơn 1 năm nên các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và dự án lớn, quan trọng cần thêm thời gian để hoàn thành, đánh giá một cách toàn diện. Nguồn lực còn khó khăn, phụ thuộc vào nguồn lực trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, đồng thời phát sinh các nhiệm vụ khẩn cấp như khắc phục thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, đầu tư các công trình nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước (kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ;...),...

sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng.

Hai là, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, công tác tổ chức thực hiện của các Bộ, cơ quan trung ương, sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ phải quyết liệt, hiệu quả hơn, đổi mới tư duy phát triển, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ. Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức.

Ba là, phát huy toàn diện, đồng bộ và có hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế; thu hút mọi nguồn lực, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính, đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành phố trong vùng và liên vùng; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đi đôi với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các cấp, ngành, địa phương để thực hiện ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện

Năm là, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân. Có phản ứng chính sách kịp thời, giải quyết ngay và dứt điểm những vướng mắc, bất cập của môi trường đầu tư, kinh doanh, các chính sách an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trong năm 2024

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, các Nghị quyết của Bộ Chính trị và các Chương trình hành động của Chính phủ.

Tình hình thế giới, khu vực sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt. Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát, chính sách tiền tệ của một số nền kinh tế lớn còn chứa đựng yếu tố bất định. Các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu trở thành rủi ro thường trực, tác động ngày càng nặng nề.

Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; nhu cầu các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam tiếp tục suy giảm; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro; quy mô nền kinh tế nước ta còn khiêm tốn nhưng độ mở lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, sạt lở tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn...

Trước tình hình đó, phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2024 dự báo sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, do đó, các bộ, ngành, địa phương đều quyết tâm thực hiện nhiều giải pháp trọng tâm tại các Chương trình hành động của Chính phủ để tập trung lãnh đạo thực hiện trong năm 2024 hoàn thành theo tiến độ đề ra.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị và các Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị

Các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trên cả nước tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ của Bộ Chính trị đã đề ra và các đề án, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Chính phủ giao; chủ động theo dõi, đôn đốc và bám sát tiến độ, kịp thời phối hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Về phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng.

- Các tỉnh, thành phố tập trung cơ cấu lại kinh tế theo hướng hiện đại, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh.

- Tập trung phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nhất là những ngành, lĩnh vực, những công đoạn có hàm lượng khoa học - công nghệ, giá trị gia tăng cao dựa trên nền tảng công nghiệp công nghệ cao và kinh tế số. Rà soát quy hoạch các khu, cụm công nghiệp; có giải pháp hỗ trợ triển khai các loại hình khu công nghiệp mới như công nghiệp sinh thái, công nghiệp công nghệ cao,... nhằm hình thành chuỗi liên kết ngành, nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất công nghiệp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tăng cường tổ chức kết nối doanh nghiệp - ngân hàng để giải quyết về vốn đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ.

- Tập trung phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương; phát triển các trung tâm dịch vụ lớn, cao cấp, hiện đại, có giá trị gia tăng cao; tập trung phát triển thương mại điện tử. Khẩn trương nghiên cứu các cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công các trung tâm tài chính; phát triển ngành logistics và hình thành các trung tâm logistics tầm cỡ khu vực trong Vùng.

- Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển; hoàn thành tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm, tập trung giải ngân vốn đầu tư công.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của các địa phương trong vùng.

3. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng một cách thiết thực, hiệu quả, theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, nâng cao vai trò điều phối, liên kết của Hội đồng điều phối vùng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các tỉnh, thành phố, khắc phục các điểm nghẽn phát triển. Sớm hoàn thiện việc lập quy hoạch các vùng và các địa phương chưa được phê duyệt quy hoạch tỉnh. Tiếp tục triển khai quyết liệt các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 98/2023/QH15. Rà soát, báo cáo các cơ chế, chính sách đặc thù của các vùng báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét; hoàn thiện Luật Thủ đô (sửa đổi); sớm hoàn thành hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Nghệ An và thành phố Đà Nẵng; sơ kết các Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù của các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Cần Thơ; hoàn thiện Đề án phát triển cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (TP. Hồ Chí Minh).

- Đẩy nhanh công tác triển khai các quy hoạch đã được phê duyệt; hoàn thành lập quy hoạch các tỉnh, thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch (TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); Khẩn trương hoàn thiện các đề án đề xây dựng các trung tâm tài chính của khu vực và quốc tế³⁸.

4. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, chuyển đổi số; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, nhất là nghiên cứu, đầu tư phát triển các công nghệ mới, công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn. Phát triển mạnh lĩnh vực thông tin - truyền thông, chuyển đổi số và xây dựng các đô thị thông minh.

- Dành nguồn lực thích đáng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ trong đó gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích

³⁸ Tại TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng.

ứng với biến đổi khí hậu; rà soát các cơ chế chính sách đặc thù đã được ban hành để trình cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng đối với các địa phương khác có khả năng thực hiện³⁹; có giải pháp khắc phục các điểm nghẽn về hạ tầng tại các đô thị lớn như ùn tắc giao thông và ngập úng; đẩy nhanh việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án mới; triển khai và hoàn thành theo tiến độ các dự án đã được khởi công trong năm 2023, các dự án giao thông quan trọng, liên kết vùng nhất là các dự án kết nối giữa các đô thị trung tâm với các địa phương khác trong vùng và liên vùng. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/BCT ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế; sớm hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền về Chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển các loại hình văn hóa, nghệ thuật tạo điểm nhấn đặc trưng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo cơ sở hạ tầng về văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa cơ sở, văn hóa công vụ nhất là đạo đức công vụ. Quan tâm thích đáng thể dục, thể thao thành tích cao và đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện các giải pháp đột phá phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế xã hội của các vùng.

- Về y tế, tiếp tục tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực cho các cơ sở y tế để tăng cường tiếp cận của người dân tại các vùng. Phát triển hệ thống y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC), các cơ sở khám chữa bệnh ở các vùng. Nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế. Có chính sách khuyến khích thu hút nhân lực y tế làm việc trong các cơ sở y tế các tuyến. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế các tỉnh, huyện khó khăn trên cả nước.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, du lịch, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống y tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

6. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ. Nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời phát hiện, tham mưu với cấp có thẩm quyền về các chủ trương, xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ.

³⁹ Như phát triển các đô thị lớn theo định hướng giao thông công cộng (TOD); thu hút nhà đầu tư chiến lược; ưu đãi cho phát triển khoa học - công nghệ...

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn những vấn đề phức tạp liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước cũng như các vùng kinh tế - xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và kinh tế - xã hội, triển khai thực hiện hiệu quả các đề án bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên các tuyến biên giới, địa bàn chiến lược, trọng điểm. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, rộng khắp trên địa bàn.

7. Dự kiến tình hình thực hiện năm 2024

Các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục thực hiện theo tiến độ trong năm 2024 các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và các Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Ban đảng

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức, đồng thời thực hiện thành công các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng kinh tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Chương trình hành động thực hiện Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

2. Đối với Quốc hội

- Giao các cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành; quan tâm, xem xét các cơ chế, chính sách mới, tạo điều kiện cho các địa phương và các vùng kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

- Xem xét các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy sự phát triển của vùng trong các ngành, lĩnh vực: quy hoạch đô thị và nông thôn; giao thông đường bộ (tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án PPP, thẩm quyền đầu tư dự án quốc lộ, cao tốc đi qua các địa phương, dự án đi qua nhiều địa phương; ...); phát triển du lịch (thuế, đất đai, vay vốn).

3. Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Lãnh đạo, chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương khẩn trương triển khai theo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp, đề án được giao tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Xem xét, chỉ đạo các cuộc họp quan trọng về: Hội đồng điều phối các vùng để cho ý kiến về: các cơ chế, chính sách đặc thù vùng, quy hoạch các vùng, quy hoạch TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh; các dự án quan trọng quốc gia: tuyến đường sắt đô thị TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh...

4. Đối với các bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính

phủ thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị. Rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho 06 vùng kinh tế - xã hội; nghiên cứu các cơ chế, chính sách khuyến khích các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của các vùng, thu hút đầu tư trong các lĩnh vực nông nghiệp hiệu quả cao; khoa học công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, logistics, kinh tế số, khởi nghiệp, trung tâm tài chính quốc tế; phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong vùng.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng một cách thiết thực, hiệu quả, theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, nâng cao vai trò điều phối, liên kết của Hội đồng điều phối vùng. Tăng cường hợp tác liên vùng và quốc tế, mở rộng cơ hội và tạo lợi thế cạnh tranh cho khu vực.

- Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh để nhanh chóng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phương án phát triển đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội và các cấp có thẩm quyền ban hành.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng; nâng cao hiệu quả đầu tư công, triển khai quyết liệt từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép với ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được giao, các công trình trọng điểm, các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông lớn có sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển vùng và liên vùng.

- Quan tâm, bố trí nguồn lực thích đáng, bảo đảm thực hiện được các mục tiêu về an sinh xã hội, hỗ trợ các đối tượng chính sách; các vấn đề về dân tộc; bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật nhằm phát triển bền vững; thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong vùng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; quyết liệt thực hiện rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa thủ tục và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất khó khăn, vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

(Chi tiết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương xin báo cáo tại các Phụ lục đính kèm).

DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG NHẬN VĂN BẢN

I. Danh sách các bộ, cơ quan trung ương:

1. Bộ Quốc phòng
2. Bộ Công an
3. Bộ Công Thương
4. Bộ Giao thông vận tải
5. Bộ Nội vụ
6. Bộ Tài chính
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường
8. Bộ Tư pháp
9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10. Bộ Xây dựng
11. Bộ Y tế
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo
13. Bộ Khoa học và Công nghệ
14. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
15. Bộ Ngoại giao
16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17. Bộ Thông tin và Truyền thông
18. Ngân hàng nhà nước Việt Nam
19. Ủy ban Dân tộc
20. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

II. Danh sách các địa phương và các cơ quan liên quan:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 63 địa phương.
- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC 1a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022

MỞ ĐẦU

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị. Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 96-NQ/TW NGÀY 01/8/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Về công tác nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, tổ chức thực hiện

Trên cơ sở các nhiệm vụ, nội dung được giao, ngay sau khi các Nghị quyết số 11 và Nghị quyết số 96 nêu trên được ban hành, các Bộ¹, ngành và 14/14 địa phương của Vùng đã cụ thể hóa, ban hành nhiều văn bản, chương trình, kế hoạch hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên. Các bộ, cơ quan trung và địa phương đều nhấn mạnh việc quyết tâm, phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Các chương trình, kế hoạch hành động đều cụ thể hóa mục tiêu, định hướng phát triển, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại các Nghị quyết gắn với các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của ngành, của địa phương. Xác định rõ các nội dung công việc cụ thể, trách nhiệm, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc bộ, cơ quan trung ương, giữa các cấp các ngành tại địa phương.

¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Quyết định số 1616/QĐ-BKHĐT ngày 29/9/2022 ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ; đã biên soạn cuốn tài liệu "Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các vùng, địa phương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù" gửi tới các cơ quan Trung ương, các Bộ ngành, địa phương để thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và phục vụ công tác chuyên môn

Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị được các Ban cán sự đảng của các Bộ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn và yêu cầu tại các Nghị quyết, theo đó các nội dung, yêu cầu của các Nghị quyết nêu trên được quán triệt, phổ biến rộng rãi, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu được đề ra, góp phần cùng các bộ, tỉnh, thành phố trong vùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu, qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP của các bộ, ngành và địa phương đã có những kết quả nhất định trong nhận thức vai trò quan trọng của ngành, địa phương mình với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc. Các bộ, ngành và địa phương đã cụ thể hóa chương trình, đường lối của Bộ Chính trị, Chính phủ bằng việc xây dựng, cụ thể hóa các chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

II. Về tình hình phát triển kinh tế - xã hội Vùng năm 2023

1. Một số kết quả, chỉ tiêu chủ yếu đạt được

Trong năm 2023, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản nhờ chính trị, xã hội ổn định, tình hình kinh tế - xã hội đã có chuyển biến tích cực..., tuy nhiên, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như áp lực các thị trường lớn, truyền thống suy giảm; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh; thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh đó, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, quyết liệt, thống nhất, khoa học, linh hoạt, các tỉnh trong Vùng đã khẩn trương xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, kịch bản điều hành phù hợp với thực tiễn; quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trên tất cả các lĩnh vực phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH. Một số kết quả đạt được như sau (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo):

- Tăng trưởng GRDP của Vùng năm 2023 ước đạt 6,53%, cao hơn bình quân chung cả nước (khoảng hơn 5%), trong đó một số địa phương có mức tăng trưởng khá cao như Tuyên Quang (7,46%), Phú Thọ (7,45%), đặc biệt là Bắc Giang (cao nhất cả nước với mức tăng trưởng là 13,45%);

- Cơ cấu GDRP khá tích cực: Công nghiệp 42,93% - Nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,3% - Dịch vụ 34,99% - Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 4,9%;

- Quy mô GRDP (theo giá HH) đạt 842,26 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người của Vùng đạt khoảng 68 triệu đồng;

- Thu ngân sách nhà nước toàn Vùng năm 2023 vào khoảng 88,9 nghìn tỷ đồng; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt khoảng 67 tỷ USD;

- Số doanh nghiệp hoạt động vào khoảng trên 52 nghìn doanh nghiệp; thu hút khoảng 788 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký khoảng 22 tỷ USD;

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới quốc gia của toàn Vùng là 968 xã, đạt tỷ lệ khoảng 47,9%, thấp nhất so với các vùng của cả nước (bình quân cả nước đạt 74,05%); có 28 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Trong vùng có tỉnh Thái Nguyên có tỷ lệ xã đạt chuẩn cao nhất (87,3%), Cao Bằng thấp nhất (12,2%);

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của Vùng giảm khá mạnh nhưng vẫn ở mức cao nhất cả nước với 18,20%; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 587.952 hộ (theo công bố của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 134/QĐ-LĐTBXH ngày 31/01/2024).

2. Một số đánh giá về kinh tế xã hội của Vùng

- Nhìn chung, trong năm 2023, kinh tế toàn vùng ở mức khá, nhiều địa phương hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; đã thu hút được một số nhà đầu tư vào địa bàn Vùng; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đang được đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong Vùng được nâng lên. Một số địa phương có mức tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào GRDP chung cả nước, có vai trò dẫn dắt đầu tàu phát triển vùng như Bắc Giang, Thái Nguyên, Lào Cai và bước đầu phát huy được thế mạnh của từng địa phương trên cơ sở khai thác tốt các ngành kinh tế động lực.

+ Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư và cải thiện rõ rệt nhất là hạ tầng giao thông; hệ thống đô thị được xây dựng khang trang, hiện đại, đồng bộ. Hạ tầng giáo dục, y tế tiếp tục được đầu tư và hoàn thành nhiều công trình quan trọng.

+ Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; chất lượng giáo dục, khám, chữa bệnh cho nhân dân từng bước được nâng lên; đời sống vật chất và tinh thần của người dân trong Vùng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh.

+ An sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới, hạn chế tình trạng di dân tự do tiếp tục được quan tâm và có chuyển biến, đạt nhiều kết quả đáng khích lệ; an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn các tỉnh trong vùng được giữ vững; tình trạng hàng giả, kém chất lượng, buôn lậu qua biên giới được kiểm soát; Quốc phòng, an ninh và đối ngoại được tăng cường, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; giữ vững chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

- Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn một số tồn tại:

+ Quy mô nền kinh tế các địa phương trong vùng còn nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm một số địa phương gần như thấp nhất cả nước (theo giá so sánh: tỉnh Bắc Kạn có quy mô khoảng 8,84 nghìn tỷ đồng, Cao Bằng 12,19 nghìn tỷ đồng, Điện Biên 13,57 nghìn tỷ đồng); toàn vùng có 14/63 địa phương, chiếm khoảng 1/3 diện tích toàn quốc nhưng chỉ đóng góp khoảng 8% vào GRDP chung cả nước; hầu hết các địa phương vẫn chưa tự chủ về cân đối ngân sách mà vẫn cần sự điều tiết, hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

+ Trong sản xuất: Tình hình tiêu thụ nông sản còn gặp nhiều khó khăn, tình trạng được mùa, rớt giá vẫn thường xuyên xảy ra; sự hợp tác, gắn kết giữa nông dân sản xuất, doanh nghiệp và cơ sở chế biến chưa chặt chẽ, thiếu cơ chế ràng buộc; công nghiệp vẫn chủ yếu là khai thác và chế biến thô nên giá trị gia tăng thấp, ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên, sản xuất thủy điện ảnh hưởng nhiều bởi biến đổi khí hậu nên còn bấp bênh, thiếu ổn định (như Lai Châu); du lịch chưa khai thác được hết tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, thiếu sự bài bản và chuyên nghiệp để hướng tới mang lại giá trị gia tăng cao.

+ Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp, thương mại còn thiếu và yếu, chưa thu hút được đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế... để tạo điều kiện cho phát triển các cụm sản xuất liên ngành đối với các sản phẩm ưu tiên phát triển trên địa bàn. Cơ sở hạ tầng giao thông, nhất là giao thông kết nối nội vùng (các tuyến kết nối ngang), kết nối vùng với Thủ đô Hà Nội và ĐBSH, kết nối với thị trường Trung Quốc còn thiếu và yếu nên khó tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế xã hội.

+ Đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là các huyện miền núi cao vẫn còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ văn hóa. Năng lực chỉ đạo, điều hành quản lý kinh tế ở một số địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó, tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước của một bộ phận cán bộ và dân cư đã hạn chế sự nỗ lực vươn lên. Công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở và dạy nghề cho đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn

III. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ

1. Về phát triển nhanh, bền vững kinh tế vùng

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và của Chính phủ, ngay sau khi Nghị quyết số 11 và Nghị quyết số 96 nêu trên được ban hành, các Bộ, ngành địa phương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao trong phát triển kinh tế vùng, bảo đảm phát triển Vùng một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững với trọng tâm là phát triển vùng theo hướng xanh, bền vững và toàn diện trên cả ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường.

- Về nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa hiệu quả cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, hình thành các vùng chuyên canh thích hợp gắn với tích

cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như thực hiện xây dựng đề án đưa Sơn La trở thành trung tâm chế biến cây ăn quả (đang được tỉnh Sơn La và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện), đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất, chế biến gỗ (Tỉnh đang lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền theo phân công nhiệm vụ). Bên cạnh đó, các nội dung về hoàn thiện quy hoạch (Quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai đã được ban hành; Quy hoạch về lâm nghiệp quốc gia, Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản... đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt); nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện thể chế, chính sách; thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vùng đã được triển khai, tạo cơ sở để các địa phương triển khai, thực hiện.

- Về công nghiệp: cụ thể hóa định hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường với trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo năng lượng, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu về phát triển ngành. Cụ thể: đã có 4 quy hoạch ngành quốc gia trong lĩnh vực điện, năng lượng, khoáng sản, dự trữ và cung ứng xăng dầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai các thủ tục nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất, theo đó xác định nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn một số ngành công nghiệp để ưu tiên phát triển vùng theo hướng phải đáp ứng các nguyên tắc: (i) dựa trên kết quả phân tích, đánh giá khách quan lợi thế của từng vùng, từng địa phương, (ii) có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, (iii) có ý nghĩa nền tảng, có tác động lan tỏa cao đến các ngành kinh tế khác, (iv) sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường, (v) tạo giá trị gia tăng cao; đồng thời tiếp tục rà soát để nâng cấp, hoàn thiện các quy định của pháp luật về công nghiệp hỗ trợ.

- Về ứng dụng KH-CN, chuyển đổi số: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh các hoạt động của các tổ chức trung gian, môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ, sản giao dịch công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến như cấp chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (đã được Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg); hỗ trợ các địa phương trong vùng tham gia các Chương trình/nhiệm vụ KH-CN cấp quốc gia (Chương trình nông thôn miền núi, Đổi mới công nghệ, Quỹ gen, Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, Sở hữu trí tuệ,...) nhằm giải quyết đồng bộ các khâu sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực, giải quyết các vấn đề lớn mang tính liên tỉnh, liên vùng;

- Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao hiệu quả ngành du lịch, dịch vụ: Đẩy mạnh du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa vùng đồng bào dân tộc, du lịch sinh thái, tâm linh gắn giá trị gia tăng cao; Thúc đẩy dịch vụ KKT cửa khẩu, nhất là tại các địa phương có tiềm năng, lợi thế như Lào Cai, Lạng Sơn, các trung tâm dịch vụ tổng hợp nhằm tạo ra bộ mặt mới cho và dịch vụ của vùng. Phát triển một số dịch vụ chất

lượng cao, dịch vụ tài chính ngân hàng, thương mại, dịch vụ công nghệ, viễn thông; du lịch, vui chơi giải trí; logistics; sản xuất, gia công, chế biến; mậu dịch biên giới, dịch vụ xuất nhập khẩu như: dịch vụ hải quan, thanh toán quốc tế, bảo hiểm, kiểm nghiệm, kiểm dịch.

- Trong lĩnh vực chuyển đổi số, nhiều quy định pháp luật đã được nghiên cứu, ban hành như Luật bổ sung, sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 để phù hợp với thực tiễn ứng dụng và phát triển công nghệ số, kinh tế số và xã hội số; nhiều văn bản về chính sách, chiến lược thúc đẩy chuyển đổi số của các Bộ, ngành cũng đã được ban hành (Bộ Công thương ban hành trong lĩnh vực thương mại điện tử, năng lượng, logistics; Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025 do Bộ Thông tin truyền thông xây dựng...); nhiều chương trình liên quan được triển khai như Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Bộ KH-CN), phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (NHNN), Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Bộ TTTT) ...;

- Đổi mới phân cấp, phân quyết triệt để từ trung ương đến địa phương theo hướng trao quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm, nhất là trong phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước. Nội dung này thể hiện rất rõ nét trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (phân cấp cho địa phương chủ động dự kiến, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công theo ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025); triển khai, thực hiện các Chương trình MTQG (trung ương chỉ giao mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổng vốn kế hoạch trung hạn và hàng năm, địa phương triển khai, thực hiện trên cơ sở đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng phù hợp các quy định của pháp luật) theo các quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022;

2. Về công tác hoàn thiện thể chế phát triển và liên kết vùng

2.1. Công tác xây dựng, lập quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn Vùng:

- Đối với quy hoạch ngành, lĩnh vực: Đến nay, 19 quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt gồm: 05 quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông ((1) đường bộ, (2) đường sắt, (3) cảng biển (đang điều chỉnh), (4) đường thủy nội địa, (5) cảng hàng không); (6) tài nguyên nước; (7) cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (8) quy hoạch điện VIII; (9) hạ tầng phòng cháy chữa cháy; (10) phòng chống thiên tai và thủy lợi; (11) địa chất khoáng sản; (12) hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; (13)

thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (14) tổng thể về năng lượng quốc gia; (15) mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; (16) hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; (17) sử dụng đất an ninh; (18) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (19) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Về quy hoạch vùng, địa phương: Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc hiện đã được thẩm định và đang hoàn thiện. Đối với các địa phương, đến nay đã có 14/14 địa phương trong Vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

2.2. Thành lập, ban hành và thực hiện quy chế Hội đồng Vùng, cơ chế đặc thù Vùng

- Ngày 19/8/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 975/QĐ-TTg thành lập Hội đồng điều phối vùng Trung du và Miền núi phía Bắc gồm đại diện của 16 Bộ, ngành trung ương và 14 địa phương trong vùng do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang là Chủ tịch Hội đồng.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng Vùng đã được Chủ tịch Hội đồng ban hành tại Quyết định số 55/QĐ-HĐĐPTDMNPB ngày 7/9/2023. Đến nay, các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành công tác thành lập Tổ điều phối cấp bộ/cấp tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Quyết định số 1948/QĐ-BKHĐT ngày 5/12/2023 thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối vùng, thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng vùng).

- Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về phát triển Vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện đang được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành và địa phương xây dựng cơ chế chính sách đặc thù về phát triển Vùng và sẽ nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Hội đồng vùng trung du và miền núi phía Bắc đã họp lần thứ nhất vào ngày 15/9/2023 tại Hòa Bình do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc chủ trì; kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng vùng đã được ban hành tại Quyết định số 108/QĐ-HĐĐPTDMNPB ngày 22/11/2023 nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị có đại diện là thành viên Hội đồng điều phối Vùng, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả, phù hợp vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong từng lĩnh vực điều phối cũng như gắn trách nhiệm với chức năng, nhiệm vụ và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cá nhân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng ở cả trung ương và địa phương.

2.3. Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

a. Về hạ tầng giao thông²:

- Đường bộ: Đến nay, đã đưa vào khai thác 429km đường bộ cao tốc, đang tiếp tục triển khai 371km đường bộ cao tốc trong giai đoạn này, trong đó: cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai đã hoàn thành, dự kiến đưa vào khai thác tháng 12/2023; cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang đã khởi công, cơ bản hoàn thành và đưa vào khai thác năm 2025; tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai hiện đang triển khai xây dựng, cơ bản hoàn thành năm 2024; cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng, cao tốc Chợ Mới – Bắc Kạn đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến khởi công năm 2024, hoàn thành năm 2026. Các tuyến quốc lộ quan trọng như: QL.2C, QL.3B, QL.4B, QL.4E, QL.12, QL.31, QL.32C, QL.37, QL.279... đã và đang được đầu tư nâng cấp, mở rộng đảm bảo thuận tiện cho người và phương tiện lưu thông.

- Đường sắt: đang từng bước nâng cấp các ga hàng hóa để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; tiếp tục đàm phán với Trung Quốc để thực hiện dự án đầu nối ray giữa ga Lào Cai với ga Hà Khẩu Bắc.

- Đường thủy: đã khởi công dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống tháng 7/2023 để nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, dự kiến hoàn thành năm 2025;

- Hàng không: CHK Điện Biên đã đưa vào khai thác trở lại ngày 02/12/2023 theo đúng tiến độ; Dự án đầu tư xây dựng CHK Sa Pa đang tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư, dự kiến hoàn thành năm 2025.

b. Về phát triển hạ tầng thiết yếu, phát triển đô thị, kinh tế cửa khẩu

- Tỷ lệ đô thị hóa của vùng trung du và miền núi phía Bắc đạt 24% (đến tháng 12 năm 2023) thấp hơn tỷ lệ đô thị hóa cả nước (41,7%). Toàn vùng có 170 đô thị, trong đó có 2 đô thị loại I (Thái Nguyên và Việt Trì), 6 đô thị loại II (Bắc Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La, Yên Bái), 9 đô thị loại III (Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Hòa Bình, Lai Châu, Điện Biên, Phố Yên, Sông Công, Phú Thọ), 13 đô thị loại IV và 140 đô thị loại V.

- Kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các địa phương được quan tâm triển khai, đầu tư, nhất là từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn của 3 chương trình mục tiêu quốc gia (Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững), nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ trên địa bàn. Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc thí điểm hiện đang được Bộ Công thương tích cực đàm phán về Thỏa thuận khung.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

² Theo báo cáo của Bộ giao thông vận tải tại văn bản số 14245/GTVT-KHĐT ngày 12/12/2023.

- Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, du lịch kết hợp với quảng bá các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh được tổ chức diễn ra sôi nổi với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và của các địa phương (hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn; 115 năm thành lập tỉnh Lai Châu...); Xây dựng văn hóa cơ sở gắn với Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng;

- Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được triển khai thực hiện tốt, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên; Các hoạt động về y tế - dân số được triển khai hiệu quả. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, giáo dục thanh, thiếu niên, phát huy vai trò người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ,... được quan tâm thực hiện. Các vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng được hướng dẫn, giải quyết kịp thời, không phát sinh những vấn đề nổi cộm. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đấu thầu, mua sắm thuốc, thiết bị vật tư y tế tại các bệnh viện, cơ sở y tế;

- Các chính sách, giải pháp ổn định, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động tiếp tục được triển khai; lĩnh vực lao động, việc làm có chuyển biến tích cực.

4. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh được tăng cường; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân; tổ chức luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện sát thực tế, đạt kết quả cao. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá và vô hiệu hóa kịp thời hoạt động tuyên truyền của các thế lực thù địch; chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh, góp phần duy trì ổn định, hợp tác và phát triển.

- Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng, phát triển đi vào chiều sâu; nhiều thỏa thuận, hợp tác trong lĩnh vực xây dựng đảng, hoạt động của cơ quan dân cử, phát triển nông nghiệp, xuất khẩu lao động... được ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần quan trọng vào sự phát triển của tỉnh. Quan hệ đối ngoại với các tỉnh của nước bạn (Trung Quốc, Lào) tiếp tục được duy trì theo hướng mật thiết và chủ động, tích cực mở rộng giao lưu hữu nghị, hợp tác trên nhiều lĩnh vực; tổ chức chu đáo, thành công các hoạt động.

5. Về tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW (khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong

nội bộ, tạo sự chuyên biến tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, và Nhà nước.

- Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai, cụ thể hóa, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, quy định, kết luận của Trung ương về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế. Công tác cán bộ tiếp tục được thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu đảm bảo đúng nguyên tắc, thẩm quyền theo phân cấp quản lý, đổi mới theo quy trình dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ;

- Các cấp ủy, chính quyền đã tập trung tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động Nhân dân, tiếp dân, đối thoại và giải quyết kịp thời các kiến nghị, bức xúc và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Công tác dân vận của hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò công tác dân vận trong phát triển kinh tế - xã hội.

6. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể

Tình hình thực hiện từng nhiệm vụ đã được giao cụ thể kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 (các Phụ lục kèm theo)

IV. Đánh giá chung

1. Mặt được

- Nhìn chung, các Bộ, ngành, địa phương đã sát sao, kịp thời ban hành và cụ thể hóa việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Chính phủ ngay từ khi các Nghị quyết được ban hành, thực hiện tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến các cấp, các ngành; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhiều nội dung, nhiệm vụ cụ thể đã và đang được triển khai tích cực;

- Công tác trao đổi, phối hợp thông tin xử lý các vấn đề chung giữa các địa phương trong Vùng trung du miền núi phía Bắc được triển khai, thực hiện một cách bài bản, thực chất, đi vào chiều sâu (như công tác phối hợp xây dựng các Quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, các vấn đề về liên kết vùng, xây dựng cơ chế đặc thù vùng...) thông qua các hoạt động của Hội đồng Vùng với nội dung nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động cụ thể;

- Phát triển kinh tế xã hội của Vùng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận (GRDP cao hơn mức bình quân cả nước, thu nhập người dân được cải thiện đáng kể, kết cấu hạ tầng của Vùng, trong đó gồm hạ tầng giao thông dần được triển khai, xây dựng, tạo thuận lợi cho kết nối nội vùng, liên vùng trong phát triển kinh tế, thương mại...);

- Đời sống nhân dân, an sinh xã hội, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm và đạt kết quả đáng khích lệ; Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển và nâng cao; chất lượng giáo dục, khám, chữa bệnh cho nhân dân từng

bước được cải thiện; các vấn đề về bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh được đảm bảo;

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công tác dân vận, ... luôn được triển khai sát sao, thường xuyên, quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện tốt, phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, củng cố niềm tin vững chắc của nhân dân, của đồng bào, nhất là đồng bào DTTS có tỷ lệ cao trong Vùng.

2. Một số tồn tại

- Một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể (nghiên cứu, xây dựng các mô hình, đề án...) thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ) còn chưa đáp ứng được tiến độ đề ra do là nội dung mới, lĩnh vực nghiên cứu rộng, cần nhiều thời gian nghiên cứu, rà soát; một số cơ chế, chính sách ban hành đã dành nhiều sự quan tâm cho các địa phương trong Vùng nhưng chưa thực sự mang tính "đột phá", tạo sức bật đáng kể;

- Kinh tế của Vùng tuy tăng trưởng khá nhưng còn chưa thực sự bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm; Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phát triển du lịch còn hạn chế (mới có khoảng 26,4% lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ). Đầu tư của nhà nước cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn thấp; cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất còn hạn chế; Dân số nông thôn đông sống phân tán, thu nhập thấp chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng vừa thiếu vừa kém, do đó bị hạn chế trong việc tiếp thu kiến thức quản lý kinh tế và tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất.

- Liên kết hợp tác còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu, còn mang tính hình thức, hiệu quả còn thấp, chưa tạo ra được chuỗi sản xuất kinh doanh mang nét đặc trưng của vùng. Việc thực hiện theo các chương trình dự án còn hạn chế, thiếu thể chế chính sách liên kết vùng; sự đồng bộ giữa quy hoạch vùng và quy hoạch ngành và quy hoạch tổng thể của các địa phương dựa trên lợi thế của từng vùng còn hạn chế; hệ thống cơ sở dữ liệu vùng chưa được xây dựng.

- Cải cách thủ tục hành chính còn chậm, môi trường đầu tư kinh doanh của một số địa phương trong vùng còn chưa thực sự hấp dẫn, chưa thuận lợi để thu hút đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, việc tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp của các tỉnh trong vùng còn yếu gây khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, thu hút đầu tư; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 theo công bố vừa qua của nhiều địa phương trong vùng còn thấp (6/14 địa phương có thứ hạng trên 50), thuộc nhóm cuối cả nước nên ảnh hưởng nhiều tới khả năng thu hút, vận động nguồn lực ngoài nhà nước;

3. Bài học kinh nghiệm

- Cần quán triệt, nghiêm túc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng và có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị;

- Từng ngành, từng địa phương phải xây dựng những biện pháp cụ thể, phù hợp với định hướng chung và tình hình thực tế trong đó phải có những giải pháp mang tính đột phá nhằm giải quyết cho được những hạn chế, yếu kém đã tồn tại của giai đoạn trước; Tổ chức thực hiện tốt, hiệu quả, đồng bộ các giải pháp, biện pháp đã đề ra với tinh thần phần đầu cao nhất;

- Tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ hơn nữa trên tất cả các lĩnh vực. Phát huy cao độ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể trong vận động quần chúng; Lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất, là động lực và mục tiêu của sự phát triển; chú trọng ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển văn hóa, xã hội; đẩy mạnh truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân;

- Rà soát, kịp thời chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa xã hội, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giải quyết tốt mối quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; phát triển trong giai đoạn này phải tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc trong giai đoạn sau.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, thuận lợi và khó khăn

1. Bối cảnh quốc tế

- Hòa bình, hợp tác, liên, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững vẫn là xu hướng chủ đạo. Tuy nhiên, vấn đề cạnh tranh giữa các cường quốc, xu thế đa cực, chủ nghĩa dân tộc, cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, các vấn đề địa chính trị, tranh chấp biển đảo, tự do an ninh an toàn hàng hải vẫn diễn biến phức tạp (vấn đề xung đột Nga - Ucraina; Trung Đông; Biển Đỏ...);

- Kinh tế thế giới tuy vẫn giữ nhịp phát triển nhưng gặp nhiều khó khăn trở ngại. Tăng trưởng, thương mại, đầu tư toàn cầu chững lại và dự báo phục hồi chậm hơn kỳ vọng. Bối cảnh tăng trưởng chậm và sụt giảm thương mại đầu tư của kinh tế toàn cầu dự báo tác động đến kinh tế trong nước (trong đó có khu vực trung du và miền núi Bắc Bộ).

- Cách mạng công nghiệp 4.0 và thời đại kinh tế số diễn biến nhanh, sâu rộng và tác động trên mọi mặt của đời sống xã hội, làm thay đổi cấu trúc phát triển, thay

đổi phương thức quản lý xã hội, tổ chức sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu dùng và người lao động. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đến năng lực cạnh tranh quốc gia;

2. Tình hình trong nước

- Kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, tạo áp lực lớn cho nền kinh tế nhưng cũng là cơ hội để tham gia thị trường thế giới, là điểm đến của các tập đoàn lớn; Trong khuôn khổ hợp tác Vành đai và Con đường (BRI), Việt Nam với vị trí địa lý là “cầu nối” giữa Trung Quốc - Đông Nam Á có cơ hội thuận lợi để phát triển và kết nối các tuyến hành lang kinh tế xuyên biên giới, giúp tăng cường kết nối và thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa các nước

- Trong nước tiếp tục đối mặt các khó khăn từ các năm trước và cần tập trung giải quyết như tái cơ cấu kinh tế, bội chi ngân sách và nợ công, các vấn đề trong đầu tư; Các vấn đề về xã hội như già hóa dân số, ô nhiễm môi trường, BDKH, sức ép về phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng, các vấn đề về lối sống, văn hóa đang là thách thức cho thời gian tới

- Năm 2024, tăng trưởng kinh tế dự báo tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực; các chính sách hỗ trợ được ban hành trong năm 2023 sẽ có tác động rõ nét hơn vào nền kinh tế; các động lực về đầu tư, tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ; các vấn đề tồn đọng, bất cập kéo dài được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn, những cải thiện mạnh mẽ về cơ chế chính sách được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt thực hiện sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng.

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm tạo động lực cho vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển. Trong đó, phát triển hệ thống giao thông đường bộ nên được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong phát triển kết cấu hạ tầng vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Cần ưu tiên xây dựng đường kết nối các tỉnh với các tuyến đường cao tốc, đầu tư hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, bảo đảm hệ thống giao thông thông suốt.

- Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ gắn với các khu công nghiệp của vùng KTTĐ Bắc Bộ và các KCN của trong các KKT cửa khẩu và các khu công nghiệp của vùng ĐBSH để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả. Hình thành các khu, cụm công nghiệp nhỏ và vừa gắn với quá trình đô thị hoá, tạo việc làm phi nông nghiệp. Tập trung lấp đầy các KCN đã được phép thành lập và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy hoạch; Về nông nghiệp, cần đầu tư nâng cao giá trị của sản phẩm nông, lâm nghiệp, phát triển nông nghiệp

có quy mô lớn và chuyên canh, phát triển các sản phẩm từ gỗ là lợi thế của các tỉnh trong vùng; tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; Chuyển dịch cơ cấu và nâng cao hiệu quả ngành du lịch, dịch vụ, đẩy mạnh du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa vùng đồng bào dân tộc, du lịch sinh thái, tâm linh gắn giá trị gia tăng cao.

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng.

- Rà soát, sắp xếp các tổ chức bộ máy, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tinh giản biên chế, quản lý chặt chẽ tài sản công. Nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính, hành động, hiện đại hóa nền hành chính nhà nước, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế song song với xây dựng và triển khai các chính sách thu hút nhân tài, đáp ứng các yêu cầu của nhà nước kiến tạo, thích ứng thời đại cách mạng khoa học công nghệ.

- Có hệ thống cơ chế, chính sách đủ mạnh áp dụng riêng cho Vùng với nhiều nội dung đột phá, mang tính đặc thù phù hợp với Vùng (cơ chế, chính sách đặc thù Vùng). Hoàn thiện một số chính sách theo hỗ trợ theo ngành đối với Vùng để phát huy các thế mạnh như: chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống hạ tầng kết nối với đường cao tốc, đường quốc lộ của các địa phương gắn với phát triển du lịch; hỗ trợ đầu tư các khu, điểm du lịch trọng điểm, vùng nông nghiệp chuyên canh, nguyên liệu nông lâm sản phục vụ chế biến gắn xuất khẩu theo chuỗi sản phẩm; liên kết đầu tư xây dựng hạ tầng và các cơ sở sản xuất kinh doanh khu kinh tế cửa khẩu gắn với phân cấp ...

Hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Về liên kết vùng, tập trung (i) Phối hợp liên kết phát triển giao thông liên vùng, nhằm kết nối giao thông của các địa phương với đường cao tốc, đường quốc lộ; kết nối các đường tỉnh lộ giữa các tỉnh; (ii) Phối hợp, liên kết phát triển du lịch các địa phương trong vùng và với địa phương các vùng khác; (iii) Phối hợp, liên kết phát triển nông nghiệp, xây dựng vùng sản xuất chuyên canh liên tỉnh, tổ chức chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu một số sản phẩm chủ yếu của vùng. Phát triển nông nghiệp sinh thái chất lượng cao, hình thành các khu trồng trọt và chăn nuôi công nghệ cao; (iv) Phối hợp, liên kết bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn lưu vực sông Hồng, sông Đà; phát triển rừng sản xuất cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản như giấy, gỗ ván ép; (v) Hợp tác liên kết phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển dịch vụ thương mại trên cơ sở liên kết hành lang kinh tế Việt Nam-Trung Quốc và các nước ASEAN; hợp tác liên kết xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất

khẩu nông sản của các tỉnh sang thị trường Trung Quốc; (vi) Phối hợp liên kết xây dựng và phát triển trường đại học, cao đẳng và dạy nghề ở các tiểu vùng; (vii). Hợp tác với các tỉnh trong lĩnh vực trao đổi thông tin, xây dựng quy hoạch; xúc tiến đầu tư, tham gia hội chợ thương mại, xúc tiến xuất khẩu. Phối hợp triển khai thực hiện dự án ODA và vận động thu hút ODA phát triển cơ sở hạ tầng.

3. Về hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị.

- Hoàn thành lập và phê duyệt quy hoạch phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững; trong đó phát triển hệ thống đô thị trong vùng kết nối nội vùng và với các đô thị lớn vùng ĐBSH, các chuỗi liên kết, trung tâm kinh tế, đô thị vùng gắn với các đô thị vùng biên giới...

- Về giao thông: tiếp tục triển khai các dự án giao thông đường bộ liên vùng để đến năm 2025 cơ bản hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc như Hòa Bình - Mộc Châu, Hữu Nghị - Chi Lăng, Chợ Mới - Bắc Kạn, Tuyên Quang - Hà Giang và tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; về hàng không: đầu tư cảng hàng không Sa Pa theo hình thức đối tác công tư (PPP), nghiên cứu đầu tư đối với các cảng hàng không Nà Sản, Lai Châu; về đường sắt, cải tạo nâng cấp các ga hàng hóa hiện tại, đầu tư kết nối tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai, đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nghiên cứu đầu tư tuyến Hà Nội - Đồng Đăng;

- Về hạ tầng thủy lợi, tập trung đầu tư nâng cấp, phát triển hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu (sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, nước sinh hoạt...); đầu tư nâng cấp cho các công trình thủy lợi tưới cho cây ăn quả. Sửa chữa, nâng cấp và đảm bảo an toàn cho các hồ chứa, đập dâng. Nâng cấp, cải tạo kênh mương nội đồng để tăng cường năng lực tưới chủ động.

- Về hạ tầng cấp điện: Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện trung thế, hạ tầng, cung cấp điện ổn định, hạn chế các sự cố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống nhân dân.

- Về hạ tầng mạng lưới thông tin: Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin với công nghệ hiện đại, độ bao phủ rộng, tiến tới phủ sóng di động 100% thôn, bản trong vùng.

- Về hạ tầng cấp nước: Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung cho các xã, cụm xã, các khu đông dân cư, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ hoạt động của các cơ sở sản xuất, nhất là trong các KCN, CCN.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Về phát triển văn hóa: Tiếp tục quan tâm đầu tư các trạm truyền thanh, truyền hình cho các xã chưa phủ sóng phát thanh, truyền hình Việt Nam; tăng thời

lượng phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc, coi trọng việc giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc, xóa bỏ các tập tục lạc hậu.

- Về y tế: Tăng cường hệ thống cơ sở và bác sỹ chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Bảo vệ và phát triển kinh tế rừng, thực hiện có hiệu quả các định hướng ưu tiên về tài nguyên và môi trường của Chiến lược phát triển bền vững; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khắc phục và cải thiện chất lượng môi trường, tập trung xử lý môi trường làng nghề, các khu công nghiệp. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với môi trường; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, môi trường ở các lưu vực sông, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn đa dạng sinh học.

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Chú trọng an ninh biên giới và các địa bàn trọng yếu; tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với nền quốc phòng toàn dân, chống truyền đạo trái phép, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, buôn lậu, gian lận thương mại và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời tiếp tục thực hiện tốt quản lý bảo vệ biên giới, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng; đập tan mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá đại đoàn kết các dân tộc.

6. Dự kiến tình hình thực hiện năm 2024 tại Nghị quyết số 96/NQ-CP: tại các Phụ lục kèm theo.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư; các Ban của Đảng.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Tiếp tục quan tâm, cho ý kiến chỉ đạo về các nội dung đang được các cơ quan xin ý kiến (như Đề án đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ NSNN để đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSĐP, các cơ quan, đơn vị có liên quan; ...) để làm cơ sở triển khai, thực hiện;

2. Đối với Quốc hội.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các chính sách hiện hành liên quan theo thẩm quyền như pháp luật về đường bộ, quy hoạch đô thị và nông thôn... và các văn bản hướng dẫn thi hành để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất

nước hiện nay, trong đó có chính sách khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân vào các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và khu vực biên giới;

- Kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo các cấp, các ngành và cơ quan liên quan bố trí đủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội...), góp phần tạo điều kiện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, giải pháp trong phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trong vùng, trong cả nước.

3. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương

- Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc (14 tỉnh) để làm cơ sở cho các địa phương xây dựng quy hoạch Tỉnh giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến 2045;

- Kiến nghị Hội đồng điều phối Vùng chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về chỉ tiêu, chỉ số phát triển trong các ngành, lĩnh vực của Vùng để tạo thuận lợi cho công tác thống kê, dự báo, phân tích phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành cũng như nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể.

- Các Bộ, ngành TW khẩn trương nghiên cứu, triển khai trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách như chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ như tập trung phát triển các khu kinh tế cửa khẩu trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác phát triển “hai hành lang” kinh tế giữa Việt Nam với Trung Quốc; Ưu tiên phát triển công nghiệp điện, chế biến sâu khoáng sản, chế biến nông lâm sản, chế tạo và lắp ráp điện tử, vật liệu xây dựng..., nhất là đối với các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

4. Đối với các địa phương trong vùng.

- Cần tập trung tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất, toàn diện và nhất quán các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các Chương trình, Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh; đặc biệt là các định hướng lớn, nhiệm vụ cụ thể đã được Bộ Chính trị, Chính phủ ban hành tại các Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, tập trung vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế của từng địa phương và của vùng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.

- Chủ động và tích cực huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn

và hàng năm theo hướng tập trung, có trọng điểm, hoàn thành theo tiến độ, không nợ đọng XDCB để nâng cao hiệu quả đầu tư. Trên cơ sở quy hoạch, các địa phương tính toán nhu cầu, điều kiện và khả năng triển khai thực tế để đề xuất danh mục các dự án đầu tư theo các loại hình đầu tư phù hợp, phương án huy động vốn đầu tư đối với từng dự án, danh mục các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP); Sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước như nguồn "vốn môi" để tập trung đầu tư cho các dự án, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án đầu tư cấp thiết để bố trí trong kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm trên cơ sở khả năng cân đối vốn của Ngân sách địa phương và hỗ trợ của Ngân sách Trung ương.

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ, đặc biệt có chính sách ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số cho các cấp, các ngành, cán bộ cơ sở ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường hợp tác liên vùng, liên tỉnh trong xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, hình thành các tour du lịch; khai thác, sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

- Tập trung cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (đây vốn là điểm yếu của nhiều địa phương trong Vùng giai đoạn vừa qua). Xây dựng danh mục, vận động, xúc tiến kêu gọi đầu tư thông qua giới thiệu tiềm năng phát triển của các địa phương và các chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư, đồng thời tổ chức đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực quảng bá và vận động các dự án đầu tư trong và ngoài nước; Chủ động ban hành các cơ chế, chính sách để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đặc biệt là cải thiện dịch vụ công cấp độ 3, cấp độ 4, tháo gỡ các khó khăn về thủ tục hành chính, cải thiện môi trường dịch vụ công để thu hút đầu tư khu vực ngoài Nhà nước đầu tư trên địa bàn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh biên giới và các địa bàn trọng yếu. Đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gia tăng hoạt động, kích động tư tưởng ly khai, tự trị, truyền đạo trái phép, lôi kéo người dân đi theo các tà đạo, di cư tự do, xâm lấn biên giới, tình hình xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, mua bán tàng trữ vũ khí, ma túy./.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

PHỤ LỤC 1 b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023, DỰ KIẾN NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 96/NQ-CP		Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
1	2	3	4	5	6	7
I	VỀ KINH TẾ					
1	Tăng trưởng GRDP bình quân vùng/tỉnh	%	8 - 9%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	6,53	8 - 9%
2	Quy mô kinh tế vùng/tỉnh (giá hiện hành)	nghìn tỉ đồng	2100,0	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	842,3	trên 842
	<i>Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	12 - 13%		17,3	
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	45 - 46%		42,93	
	<i>Dịch vụ</i>	%	37 - 38%		34,99	
	<i>Thuế và các sản phẩm trừ trợ cấp</i>				4,79	
3	GRDP bình quân đầu người vùng	triệu đồng	140,0	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	68,05	
4	Tổng thu ngân sách nhà nước vùng	nghìn tỉ đồng	190	Bộ Tài chính; các địa phương	73,998	78,996
5	Tỉ lệ đô thị hóa vùng	%	khoảng 40	Bộ Xây dựng; các địa phương	24	27
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước vùng trung du miền núi Bắc bộ	%	20 - 30%	Bộ Thông tin và Truyền thông; các địa phương		
II	VỀ XÃ HỘI					
7	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	khoảng 80	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các địa phương	48	54
	<i>Trong đó: Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	khoảng 80			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 96/NQ-CP		Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
8	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới ít nhất mỗi tỉnh	Huyện/tỉnh	3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các địa phương	26,4	
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	65 - 70%			
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	35 - 40%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các địa phương		
10	Tỉ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	2 - 3%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các địa phương	3,9	
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế; các địa phương	34,9	
12	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	11		11,8	
13	Tỉ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	100			
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	trên 95		92,9	
III	VỀ MÔI TRƯỜNG					
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	khoảng 54-55	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các địa phương	54	54
16	Tỉ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95 - 100%	Bộ Xây dựng; các địa phương	95	97
17	Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	93 - 95%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các địa phương	95	96
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường các địa phương	99,99	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 96/NQ-CP		Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
19	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường; các địa phương	91,24	
20	Tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các địa phương	56,26	
21	Tỉ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Công Thương; các địa phương	14,08	

PHỤ LỤC 1 c

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 96/NQ-CP NGÀY 01/8/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN LẾT VÙNG						
1	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý III/2023	Thủ tướng Chính phủ	Đã thẩm định, đang hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền	Trình cấp có thẩm quyền
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	14 địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	13/14 địa phương	14/14 địa phương
3	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ	Đã hoàn thành	
4	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý II/2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	Quý IV/2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
6	Đề án thí điểm khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng các cơ quan liên quan và địa phương	2025	Ban cán sự Đảng Chính phủ	Đang thực hiện	
7	Đề án xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp	Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ		
8	Đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ		
9	Đề án đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc	Lào Cai	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Ngoại giao	2023	Thủ tướng Chính phủ		
10	Đề án "Phát triển hạ tầng thương mại vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030"	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
II	PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG						
1	Xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc từ nay đến 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Bộ TN&MT báo cáo đã tích hợp vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021 - 2030	
2	Đề án thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ	Bộ TNMT đề xuất tích hợp vào “Chương trình truyền thông truyền thông nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 21/01/2021	
3	Đề án tái cơ cấu công nghiệp, thương mại các địa phương vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Đề án nghiên cứu xây dựng cụm liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo tại thành phố Thái Nguyên và Bắc Giang theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân với môi trường	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
5	Đề án phát triển bền vững thị trường trong nước vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
6	Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương và các địa phương	2025	Thủ tướng Chính phủ/Quốc hội	Bộ Tài chính báo cáo sẽ soạn, đánh giá tổng thể các luật thuế để báo cáo cấp có thẩm quyền vào thời điểm thích hợp	
III	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN						
1	Đề án xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Chưa báo cáo	

PHỤ LỤC 1 d

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 96/NQ-CP NGÀY 01/8/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

STT	Nhiệm vụ, đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP			Tình hình, tiến độ đến 2023	Dự kiến tiến độ năm 2024	Ghi chú
		Cơ quan chủ trì thực hiện/báo cáo	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến			
1	2	3	4	5	6	7	8
I	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC, TIỀN CAO TỐC						
1	Chợ Mới - Bắc Kạn	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	2021 -2025	Bộ GTVT đã phê duyệt điều chỉnh CTĐT, đang trình TTCP phê duyệt CTĐT với quy mô cấp 4 làn xe	Phân đầu khởi công 2024	
2	Tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đang nghiên cứu phương án đầu tư	Dự kiến phê duyệt CTĐT	
3	Đoạn Hùng - Chợ Bến	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đoạn Đoàn Hùng - Phú Thọ đã hoàn thành; đoạn Phú Thọ - Cô Tiêt đã có đường cấp III, 2 làn xe; đoạn Cô Tiêt - Chợ Bến đang lập báo cáo tiền khả thi	Dự kiến phê duyệt CTĐT	
4	Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước 2024	Đang thực hiện dự án	Dự kiến hoàn thành	
5	Giai đoạn 2 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Đang nghiên cứu dự án đầu tư		Thủ tướng Chính phủ đã giao UB quản lý vốn NN tại doanh nghiệp và VEC nghiên cứu phương án huy động vốn, hình thức đầu tư để tiếp tục mở rộng với quy mô 4 làn xe
6	Tập trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (Quốc lộ 4), vành đai 2 (Quốc lộ 279), và vành đai 3 (Quốc lộ 37) và một số tuyến Quốc lộ quan trọng khác	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Các tuyến quốc lộ như: QL2C, QL3B, QL4B, QL4E, QL12, QL31, QL32C, QL37, QL279... đã và đang được đầu tư nâng cấp, mở rộng		
7	Đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ các xã biên giới vào các đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra các mốc quốc giới và đường tuần tra biên giới	Bộ Quốc phòng	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030			Báo cáo của Bộ Quốc phòng chưa bao gồm nội dung này
8	Tuyến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La	Các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn	Trước năm 2030			
9	Tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT. 15)	Tuyên Quang, Hà Giang	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030 (giai đoạn I 2021 - 2025)			

STT	Nhiệm vụ, đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP			Tình hình, tiến độ đến 2023	Dự kiến tiến độ năm 2024	Ghi chú
		Cơ quan chủ trì thực hiện/báo cáo	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến			
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Cao Bằng	Ngân sách nhà nước và các nguồn	2020 - 2024 (giai đoạn 1)			
11	Tuyến cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng	Lạng Sơn	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Đã phê duyệt dự án, đang lựa chọn nhà đầu tư và khởi công dự án	Khởi công và triển khai đầu tư, xây dựng	
12	Tuyến Quang - Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tuyên Quang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đang triển khai, hoàn thành 2023		
13	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đang nghiên cứu phương án đầu tư		
14	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đang nghiên cứu phương án đầu tư		
II CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ NỐI VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC, ĐƯỜNG VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI, QUỐC LỘ QUAN TRỌNG KẾT NỐI							
1	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Quang - Xin Mần (ĐT 177)	Hà Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
2	Hỗ trợ dự án BOT cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Lạng Sơn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
3	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Yên Bái	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
4	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
5	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Bắc Kạn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025	Đang trình cấp có thẩm quyền phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư	Tiếp tục triển khai	
6	Dự án giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi Yên Bái	Phú Thọ	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
7	Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Bàn Vực	Lào Cai	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025	Đang triển khai	Dự kiến hoàn thành	
8	Đường nối Quốc lộ 37 - Quốc lộ 17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
9	Đường liên kết vùng Hòa Bình với Hà Nội và cao tốc Sơn La (Hòa Bình - Mộc Châu)	Hòa Bình	Ngân sách nhà nước	2022 - 2027	Đang trình cấp có thẩm quyền phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư		
10	Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Lai Châu	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025	Đang trình cấp có thẩm quyền phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư		
11	Dự án đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên	Điện Biên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025			
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Sơn La	Ngân sách nhà nước	2022 - 2026	Đang trình cấp có thẩm quyền phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư		
III ĐẦU TƯ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐIỆN KHÍ HÓA							

STT	Nhiệm vụ, đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 96/NQ-CP			Tình hình, tiến độ đến 2023	Dự kiến tiến độ năm 2024	Ghi chú
		Cơ quan chủ trì thực hiện/báo cáo	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nghiên cứu đầu tư tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Từ vẫn đang lập quy hoạch tuyến; đã giao lập báo cáo tiền khả thi		
2	Nghiên cứu đầu tư tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030		Dự kiến nghiên cứu quy hoạch tuyến	
IV	CẢNG HÀNG KHÔNG						
1	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Đang kêu gọi xúc tiến đầu tư		
2	Đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước 2025	Hoàn thành xây dựng các hạng mục đường cất hạ cánh, nhà ga; đưa vào khai thác T12/2023		
3	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Nà Sản	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Đang kêu gọi xúc tiến đầu tư		
4	Đầu tư cảng hàng không Sa Pa	Lào Cai	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030			
V	ĐƯỜNG THỦY						
1	Nâng cấp tuyến Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030	Đang nghiên cứu đầu tư; phần đầu hoàn thành trước năm 2030		

PHỤ LỤC 1e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

Cập nhật đến ngày 25/3/2024

STT	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo	Ghi chú
I	Các Bộ, cơ quan liên quan				
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8546/BNN-KH ngày 22/11/2023			
2	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	187/BC-LĐTBOXH ngày 18/12/2023			
3	Bộ Giao thông Vận tải	14245/BGTVT-KHĐT 12/12/2023			
4	Bộ Tài nguyên và Môi trường	10779/BTNMT-KHTC ngày 22/12/2023			
5	Bộ Tài chính	13892/BTC-NSNN ngày 19/12/2023			
6	Bộ Công thương	8517/BCT-KHTC ngày 30/11/2023			
7	Bộ Xây dựng	5908/BXD-QHKT ngày 21/12/2023			
8	Bộ Khoa học và Công nghệ	4951/BKHCN-ĐP ngày 22/12/2023			
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	5939/BTTTT-VCL 28/11/2023			
10	Bộ Y tế	1477/BC-BYT 29/11/2023			
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	7025/BGDĐT-KHTC 15/12/2023			
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			1	
13	Bộ Công an	1916/BC-BCA 29/11/2023			
14	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT 22/11/2023			
15	Ủy ban Dân tộc	167-BC-UBDT ngày 30/01/2024			
16	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước	2617/UBQLV-TH 30/11/2023			
17	Ngân hàng nhà nước	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023			
II	Các địa phương				

STT	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo	Ghi chú
1	Tỉnh Hà Giang	435/BC-UBND 28/11/2023			
2	Tỉnh Cao Bằng	3252/BC-UBND 27/11/2023			
3	Tỉnh Tuyên Quang	756/BC-SKH ngày 26/12/2023			Được UBND tỉnh ủy quyền
4	Tỉnh Lạng Sơn	637/BC-UBND 29/11/2023			
5	Tỉnh Lào Cai	485/BC-UBND 21/11/2023			
6	Tỉnh Yên Bái	1133/BC-SKHĐT 17/11/2023			Được UBND tỉnh ủy quyền
7	Tỉnh Thái Nguyên	4420/BC-SKHĐT 18/11/2023			Được UBND tỉnh ủy quyền
8	Tỉnh Bắc Kạn	783/BC-UBND 20/11/2023			
9	Tỉnh Bắc Giang	765/BC-SKHĐT 20/11/2023			Được UBND tỉnh ủy quyền
10	Tỉnh Phú Thọ	419/BC-SKHĐT 20/11/2023			Được UBND tỉnh ủy quyền
11	Tỉnh Hòa Bình	570/BC-UBND 6/12/2023			
12	Tỉnh Sơn La			1	
13	Tỉnh Lai Châu	528/BC-UBND 30/11/2023			
14	Tỉnh Điện Biên	5443/BC-UBND 15/11/2023			

PHỤ LỤC 2a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 14-NQ/CP ngày 08/2/2023, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ, phân công lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nói chung, Nghị quyết số 30 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14 của Chính phủ, Chương trình hành động và Kế hoạch hành động bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng qua đó đã tạo đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của cả Bộ, địa phương, phát huy tinh thần nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai với lộ trình, thời gian hoàn thành cụ thể; thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu được đề ra, góp phần cùng các bộ, tỉnh, thành phố trong vùng nỗ lực hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết số 30-NQ/TW. Việc ban hành các

văn bản, cơ chế, chính sách của bộ, tỉnh/thành phố được triển khai kịp thời, đồng bộ, phù hợp với nội dung các văn bản do Trung ương ban hành và phù hợp với tình hình thực tế. Qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ.

Nhìn chung, việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ đã được các bộ, địa phương tích cực, chủ động triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

II. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, năm bản lề có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Kinh tế toàn cầu phục hồi nhưng còn nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế trong nước phải đối mặt với không ít rủi ro, thách thức, chịu “tác động kép” từ biến động bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại của nền kinh tế đã tích tụ, kéo dài nhiều năm, đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút đầu tư, ... của nước ta, tạo sức ép rất lớn trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy còn có những khó khăn nhất định, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, địa phương đã chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, cùng với sự nỗ lực cố gắng của các cấp, ngành, địa phương, sự đồng lòng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội năm 2023 tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực.

1. Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội năm 2023

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) vùng đồng bằng Sông Hồng năm 2023 tăng trưởng bình quân 6,28%/năm, cao hơn vùng Đông Nam Bộ 5,06%, vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền trung 5,51%, vùng Tây Nguyên 4,82%, vùng. Trong đó Quảng Ninh dẫn đầu toàn vùng với tốc độ tăng 11,03%, tiếp theo là thành phố Hải Phòng, Nam Định, Hưng Yên với tốc độ tăng lần lượt là 10,34%, 10,19%, 10,05%, thấp nhất vùng là tỉnh Bắc Ninh (-9,28%) đây là mức giảm sâu nhất trong 10 năm trở lại đây của Tỉnh. Nguyên nhân là do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ở mức thấp, số lượng và quy mô đơn hàng giảm, các ngành sản xuất sản phẩm điện tử có quy mô lớn phải chịu tác động mạnh từ diễn biến bên ngoài. Ước tính, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) giảm 12,44%; một số ngành cấp 2 chiếm tỷ trọng cao của tỉnh giảm như: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 12,91%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 16,1%; sản xuất thiết bị điện giảm 27,6%... GRDP khu vực công nghiệp giảm 13,08%. Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp giảm 7%.

Quy mô GRDP (giá hiện hành) năm 2023 vùng đồng bằng sông Hồng đạt 3.129,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn quy mô GRDP vùng Đông Nam Bộ 3.156,5 nghìn tỷ đồng và cao hơn 04 vùng kinh tế xã hội còn lại, trong đó Thành phố Hà Nội cao nhất cả nước với 1.298,1 nghìn tỷ đồng.

(2) Tỷ trọng GRDP của các nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ vẫn chiếm tỷ trọng lớn, trở thành động lực và đầu tàu tăng trưởng kinh tế của toàn vùng, trong đó công nghiệp và xây dựng chiếm 41,40%, Dịch vụ chiế 44,23%, Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,85%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,52%. Tỷ trọng GRDP của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng tại tỉnh Bắc Ninh chiếm 72,6% cao nhất toàn vùng, tiếp theo là tỉnh Hà Nam 63,99%. Hưng Yên 61,4%.

(3) GRDP bình quân đầu người theo giá thực tế của vùng năm 2023 ước đạt 131,9 triệu đồng/người, thấp hơn vùng Đông Nam Bộ 166 triệu đồng/người và cao hơn các vùng kinh tế xã hội còn lại. Tỉnh Quảng Ninh GRDP bình quân đầu người 231,4 triệu đồng/người gấp 1,4 lần năm 2020, cao nhất vùng đồng bằng sông Hồng, đứng thứ 2 cả nước sau Bà Rịa – Vũng Tàu (331,3 triệu đồng/người).

(4) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: cả nước có 6.064/8.167 xã (74,25%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 1.582 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 245 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; bình quân cả nước đạt 16,9 tiêu chí/xã; có 268 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (đạt 41,6% số huyện cả nước). Có 20 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn NTM; Phấn đấu hết năm 2023, lũy kế tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới cả nước gần đạt 78%. Riêng vùng ĐBSH là vùng đầu tiên và duy nhất (tính đến thời điểm này) đã có 100% số xã đạt chuẩn NTM; trong đó các tỉnh: Nam Định, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; toàn vùng có 100 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM.

(5) Tốc độ tăng năng suất lao động (giai đoạn 2021-2030) của vùng chiếm 4,3%, đứng thứ 4/6 vùng kinh tế xã hội, cao hơn vùng Đông Nam Bộ (2,5%).

(6) Số giường bệnh trên 10.000 dân của vùng là 29,4 giường bệnh (chưa bao gồm giường bệnh tuyến trung ương trên địa bàn) thấp hơn cả nước (32 giường bệnh). Có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương trong vùng, Thành phố Hải Phòng cao nhất vùng với 54,4 giường bệnh, tiếp theo là Quảng Ninh với 54,1 giường bệnh, thấp nhất vùng là thành phố Hà Nội với 15,2 giường bệnh.

(7) Số bác sĩ trên 10.000 dân của vùng là 11,8 bác sĩ, cao hơn trung bình cả nước (11,5 bác sĩ), trong đó Quảng Ninh tỷ lệ cao nhất cả vùng đạt 14,7 bác sĩ, tiếp theo là tỉnh Vĩnh Phúc với 14 bác sĩ, Hà Nội 13,4 bác sĩ, thấp nhất vùng là tỉnh Nam Định với 4,3 bác sĩ.

(8) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế của vùng là 92% gần bằng tỷ lệ của các nước (92,04%), trong đó Nam Định tỷ lệ cao nhất vùng với 94,6%, Bắc Ninh 94,2%, thấp nhất vùng là Thái Bình 88,7%.

(9) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn của vùng là 70%.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra

1. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và của Chính phủ, ngay sau khi Nghị quyết 30 và Nghị quyết 14 được ban hành, Bộ, ngành địa phương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững để tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng; tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành sản xuất gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế nền tảng, sản xuất thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển các ngành, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng lớn; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; lấy công nghiệp và dịch vụ hiện đại tiếp tục là ngành kinh tế trọng điểm, trụ cột của nền kinh tế; nông nghiệp phát triển hiệu quả, năng suất cao gắn liền với quá trình xây dựng nông thôn mới theo hướng đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Về nông nghiệp: Tập trung thực hiện 03 trọng tâm: (i) Thúc đẩy sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; (ii) Đẩy mạnh xuất khẩu nông lâm thủy sản; (iii) Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động nguồn lực hợp tác công tư để phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Về khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Thực hiện mục tiêu đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết của Đảng, với mong muốn tăng cường hợp tác trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động khoa học và công nghệ giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với Lãnh đạo các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, từ năm 2022 đến nay Bộ Khoa học và công nghệ đã triển khai ký kết 02 Chương trình phối hợp với UBND các địa phương trong vùng DBSH gồm Hải Phòng, Vĩnh Phúc, nội dung phối hợp tập trung vào: (1) Tăng cường chỉ đạo, điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và Công nghệ ở địa phương; (2) Tăng cường huy động các nguồn lực để đầu tư cho phát triển Khoa học và Công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và Công nghệ, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp; (3) Nghiên cứu đổi mới, xây dựng và thí điểm áp dụng một số mô hình, cơ chế, chính sách tháo gỡ, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (4) Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (5) Xây dựng và tổ chức

thực hiện các nhiệm vụ khoa học và Công nghệ theo hướng hỗ trợ các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Về việc xúc tiến đầu tư: Các địa phương trong vùng đã tổ chức/tham gia các hội nghị quốc tế về xúc tiến đầu tư, tập trung thực hiện các biện pháp thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia vào đầu tư, kinh doanh tại các địa phương trong vùng tiêu biểu như: Thành phố Hà Nội: Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Thành phố Hà Nội đã đăng cai tổ chức Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Lào Cai, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh (Việt Nam) và Vân Nam (Trung Quốc) lần thứ X năm 2023 (tháng 11/2023); Tỉnh Thái Bình đã tổ chức thành công Chương trình giao lưu văn hóa - kết nối doanh nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc “Thai Binh Homecoming Day”; Tổ chức thành công các đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại nước ngoài (*Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Úc, Vương quốc Anh...*) qua đó đã ký được một số thỏa thuận hợp tác quan trọng.

- Về phát triển văn hóa, du lịch kết nối: Thành phố Hải Phòng đã ký kết và triển khai Thỏa thuận Hợp tác phát triển du lịch giữa các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Hồng mở rộng¹; Bản ghi nhớ Hợp tác phát triển trong lĩnh vực du lịch giữa Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố: Lào Cai, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025. Thực hiện các nội dung hợp tác phát triển du lịch giữa 05 tỉnh, thành phố Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Lào Cai (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) tại Biên bản ghi nhớ Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố. Tích cực tham gia các sự kiện du lịch hàng năm do các địa phương tổ chức². Phối hợp tổ chức và tham dự các hội nghị, hội thảo, liên kết phát triển du lịch do các địa phương tổ chức³; Tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức chương trình nghệ thuật với chủ đề “*Vĩnh Phúc bốn mùa tình yêu*” tại thị trấn Tam Đảo; Tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức thành công Festival về miền Quan họ năm 2023 với chủ đề “Tỏa sáng tinh hoa, bản sắc văn hóa” nhằm kết nối tinh hoa các di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh như Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Nhã nhạc Cung đình (Huế); hát Xoan (Phú Thọ); Bài Chòi (Quảng Nam); Đờn ca tài tử Nam bộ (Bạc Liêu); Dân ca Ví dặm (Hà Tĩnh); Công chiêng Tây Nguyên (Đắk Lắk).

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

Các Bộ, các địa phương trong vùng đã ban hành Quyết định thành lập, triển khai các hoạt động Tổ điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu, phân công của Hội đồng điều phối vùng ĐBSH trong hợp tác, liên

¹ Ninh Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An

² Hội chợ Du lịch quốc tế VITM Hà Nội, Lễ hội mùa thu Côn Sơn - Kiếp Bạc, Liên hoan âm thực Quảng Ninh

³ Hội thảo “Du lịch Hải Phòng - Cơ hội vàng bút phá”; “Hải Phòng - Điểm đến du lịch Golf”; “Diễn đàn du lịch MICE thành phố Hà Nội; Hội nghị xúc tiến khởi động tuyến du lịch vàng “Hai Quốc gia - Sáu điểm đến” của Việt Nam và Trung Quốc; Hội nghị liên kết hợp tác phát triển du lịch Hải Phòng - Quảng Ninh - Bình Định,...

kết phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ.

2.1. Về công tác xây dựng, lập quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn Vùng

- Đối với quy hoạch ngành, lĩnh vực: Đến nay, 20 quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt gồm: 05 quy hoạch liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông ((1) đường bộ, (2) đường sắt, (3) cảng biển (đang điều chỉnh), (4) đường thủy nội địa, (5) cảng hàng không); (6) tài nguyên nước; (7) cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (8) quy hoạch điện VIII; (9) hạ tầng phòng cháy chữa cháy; (10) phòng chống thiên tai và thủy lợi; (11) địa chất khoáng sản; (12) hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu; (13) thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản; (14) tổng thể về năng lượng quốc gia; (15) mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; (16) hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; (17) sử dụng đất an ninh; (18) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (19) Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (20) Quy hoạch mạng lưới y tế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về quy hoạch vùng, địa phương: Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng hiện đã được thẩm định và đang hoàn thiện. Đối với các địa phương, đến nay đã có 09/11 địa phương trong Vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên đang hoàn thiện để trình).

2.2. Thành lập, ban hành và thực hiện quy chế Hội đồng Vùng, cơ chế đặc thù Vùng

- Ngày 18/9/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 826/QĐ-TTg thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng gồm đại diện của 17 Bộ, ngành trung ương và 11 địa phương trong vùng do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính là Chủ tịch Hội đồng.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng Vùng đã được Chủ tịch Hội đồng ban hành tại Quyết định số 45/QĐ-HĐĐPĐBSSH ngày 11/7/2023. Đến nay, các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành công tác thành lập Tổ điều phối cấp bộ/cấp tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Quyết định số 1948/QĐ-BKHĐT ngày 5/12/2023 thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Văn phòng Hội đồng điều phối vùng, thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng vùng).

- Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị về phát triển Vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hiện đang được Chính phủ giao chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành và địa phương xây dựng cơ chế chính sách đặc thù về phát triển Vùng và sẽ nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Hội đồng vùng đồng bằng Sông Hồng đã họp lần thứ nhất vào ngày 20/07/2023 tại Thành phố Hà Nội do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng chủ trì; kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng vùng đã được ban hành tại Quyết định số 91/QĐ-HĐDPĐBSH ngày 02/11/2023 nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị có đại diện là thành viên Hội đồng điều phối Vùng, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả, phù hợp vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong từng lĩnh vực điều phối cũng như gắn trách nhiệm với chức năng, nhiệm vụ và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cá nhân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng ở cả trung ương và địa phương.

3. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước, điển hình như: (1) Thành phố Hà Nội đã tổ chức thành công Ngày Hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Vùng Thủ đô năm 2023. Thành phố đang triển khai phương án thành lập Sàn Giao dịch công nghệ; Nghiên cứu, đưa Dự án trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc đi vào hoạt động; Thực hiện tiếp nhận quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 01/8/2023 của Chính phủ, trong đó Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia (Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý) đã được khánh thành, đi vào hoạt động; Hiện nay, Hà Nội đang dẫn đầu toàn quốc về số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ với 151 doanh nghiệp/730 doanh nghiệp khoa học và công nghệ của cả nước (chiếm 20,5%); (2) Thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động giai đoạn 2021-2025 của các chương trình khoa học và công nghệ có mục tiêu, trọng điểm⁴; Hải Phòng được vinh danh là địa phương tiêu biểu chủ động thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số tại Lễ biểu dương “TOP Công nghiệp 4.0 Việt Nam-I4.0 Awards” do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp với Hội Tự động hóa Việt Nam, Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số tổ chức; (3) Tỉnh Quảng Ninh hoàn thành Đề án và Nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, định hướng đến 2050. Tiếp tục triển khai Chương trình phát triển doanh nghiệp KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh đến năm 2025, đến nay Quảng Ninh có 25 doanh nghiệp KH & CN, đứng thứ tư toàn quốc sau Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Thanh Hóa. Tổ chức thành công sự kiện Kết nối cung cầu công nghệ, đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2023 “Techconnect Innovation VietNam 2023, góp phần đẩy mạnh hợp tác liên kết kinh tế, thương mại, đầu tư đối với các đơn vị trên

⁴ Tiếp tục quản lý 33 nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp năm 2022, thực hiện 06 nhiệm vụ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Triển khai mới 21 nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố; tổ chức đánh giá nghiệm thu 26 nhiệm vụ. Phê duyệt danh mục 52 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố năm 2023.

địa bàn tỉnh Quảng Ninh với các đơn vị tại các địa phương trên cả nước và các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế tham dự Sự kiện; (4) Tỉnh Bắc Ninh xác định chuyển đổi số là cơ hội, tạo bứt phá, vươn lên, là một nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững đến năm 2030, là trọng tâm của đổi mới sáng tạo. Mô hình chính quyền điện tử dần được hoàn thiện với hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư tập trung, đồng bộ đảm bảo năng lực xử lý, lưu trữ và kết nối an toàn, thông suốt. Kết quả xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) luôn được duy trì trong nhóm 10 tỉnh cao nhất cả nước.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị: Đã khởi công Dự án tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ và đường vành đai 3 và Dự án tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình; nghiên cứu, triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng các cầu lớn vượt sông Hồng: Hồng Hà, Mễ Sở, Hoài Thượng... để khớp nối đồng bộ với đường Vành đai 4, Vùng Thủ đô. Đã khởi công và đang thi công đường quốc lộ 6; đường vành đai 3 (đoạn trên địa bàn huyện Đông Anh); cơ bản hoàn thành dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: Giai đoạn II dự án Xây dựng tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biên tỉnh Nam Định với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - đường bộ ven biển.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Tiếp tục xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của vùng, gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc sinh sống ở vùng đồng bằng Sông Hồng và mang đặc trưng nền văn minh Sông Hồng. Trong đó, Thành phố Hà Nội tiếp tục được bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, tiếp tục quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hồ Văn, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Tu bổ, tôn tạo Di tích Nhà tù Hỏa Lò giai đoạn 2023-2025. Tại các di tích, danh thắng của Thành phố diễn ra nhiều hoạt động văn hóa hấp dẫn thu hút khách tham quan; Thành phố Hải Phòng chú trọng triển khai các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật, thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội của thành phố và phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân, một số hoạt động nổi bật như: Chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể của thành phố Hải Phòng được UNESCO ghi danh. Triển khai có hiệu quả Đề án sân khấu truyền hình. Tổ chức thành công Lễ hội Hoa Phượng Đỏ - Hải Phòng 2023; Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn; hội diễn Ca - Múa - Nhạc thành phố năm 2023; Tỉnh Thái Bình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; nghệ thuật trình diễn dân gian “Nghệ thuật Chèo tỉnh Thái Bình” được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; trình cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích cấp quốc gia đối với Miếu Giàng (xã Đông Á, huyện Đông Hưng), Đình Quán (xã Quang Bình, huyện Kiến Xương); Tỉnh Hà Nam tập trung chỉ đạo, tổ chức thành công Tuần văn hoá, du lịch Hà Nam năm 2023 với chủ đề “Hà Nam - Hành trình kết nối” và các hoạt động văn hóa, thể thao

hưởng ứng Tuần văn hóa, du lịch Hà Nam năm 2023; Chương trình giao lưu nghệ thuật hướng tới kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản.

- Công tác giáo dục đào tạo: Các địa phương trong vùng hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023; tích cực triển khai các nhiệm vụ năm học 2023-2024 theo kế hoạch; duy trì ổn định quy mô và nâng cao chất lượng các cấp học. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phê duyệt Đề án xã hội hóa giáo dục mầm non, phổ thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

- Công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Ngành Y tế đã chủ động trong công tác giám sát dịch bệnh, chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc, trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mua sắm, cấp thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế,... đáp ứng yêu cầu; tăng cường giám sát các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng, phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là dịch Covid-19, sốt xuất huyết, sởi, viêm não Nhật Bản...

- An sinh xã hội và phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm, bảo đảm, mở rộng phạm vi bao phủ. Chế độ chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng. Công tác giảm nghèo đa chiều bền vững được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tốt, từng bước nâng mức sống của nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, hạn chế tối đa số hộ tái nghèo, góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh năm 2023 còn 2,01%, tỷ lệ hộ cận nghèo còn 2,37%. Công tác giáo dục nghề nghiệp được quan tâm, đầu tư theo hướng tập trung vào các nghề trọng điểm, gắn với thị trường lao động. Hoạt động khoa học công nghệ có chuyển biến tích cực, nhiều tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng và đưa vào cuộc sống.

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh tiếp tục được chú trọng, Bộ Quốc phòng phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả các chiến lược, nghị quyết, kết luận của Đảng và hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng; các nghị quyết về đất đai, quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, phương hướng phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,...

- Xây dựng và thực hiện các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, quốc tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến Việt Nam diễn ra trên địa bàn các tỉnh, thành phố. Phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động lợi dụng khiêu khích động viên người, đình công, các sự kiện chính trị, xã hội nhạy cảm để kích động biểu tình, chống đối chính quyền, gây rối an ninh, trật tự.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế: Phối hợp, triển khai tốt công tác đối ngoại biên giới, đạt hiệu quả thiết thực, nổi bật là chủ động,

tích cực phối hợp với các lực lượng chức năng của Trung Quốc, Lào, Campuchia triển khai các hoạt động⁵ trao đổi đoàn, giao lưu, tiếp xúc, chúc Tết; kết nghĩa cụm bản, đồn - trạm biên phòng; phối hợp đấu tranh với các loại tội phạm xuyên biên giới, di cư trái phép; tăng cường các hoạt động tuần tra chung trên bộ; tích cực phối hợp với chính quyền các địa phương giáp biên phía nước bạn trong quản lý, bảo vệ biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Lào, Campuchia hòa bình, ổn định, hợp tác, hữu nghị và phát triển, tăng cường quan hệ quốc phòng gắn bó, đoàn kết, hữu nghị và tin cậy với các nước, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

6. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW (khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

- Thành ủy, tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, trong đó trọng tâm là xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân. Quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức, có năng lực đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế được thực hiện với quyết tâm cao, đạt kết quả tích cực. Xây dựng chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ bản đồng bộ với đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy. Ban hành cơ chế, chính sách phục vụ việc tinh giản biên chế đúng quy định, phù hợp với thành phố. Công tác kiện toàn tổ chức Đảng bảo đảm kịp thời, đồng bộ với quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố.

- Thành ủy, tỉnh ủy và các cấp ủy, chính quyền đã tập trung tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động Nhân dân, tiếp dân, đối thoại và giải quyết kịp thời các kiến nghị, bức xúc và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

⁵ Các hoạt động đối ngoại quốc phòng cấp cao, đẳng cai và tổ chức thành công Chương trình đánh giá năng lực lực lượng chuẩn bị tham gia hoạt động Gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (CEPPP) trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN Mở rộng... tích cực chuẩn bị tổ chức Giao lưu Hữu nghị quốc phòng biên giới 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia lần thứ nhất, dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12/2023. Hội nghị lần thứ 8 Ủy ban Hợp tác quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tham mưu giúp Ban Lào xây dựng cơ sở chính trị tại 5 cụm bản: Pha Thí, Chè Mai, Mường Pợ/tỉnh Hủa Phăn; Na Luông/tỉnh Luông Pha Băng và Pà Lăn/tỉnh Phông Xa Lỳ.

7. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể được giao tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ (tại các Phụ lục gửi kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đồng bằng sông Hồng; các bộ, địa phương trong vùng đã khẩn trương, nghiêm túc ban hành các Chương trình hành động và Kế hoạch của Tỉnh ủy, thành ủy, UBND tỉnh, thành phố và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị cùng thực hiện hiệu quả, thành công các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị quyết số 14/NQ-CP cơ bản đã đạt được những kết quả tích cực, các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 14/NQ-CP của Chính phủ cơ bản đã được các Bộ, địa phương tích cực triển khai đảm bảo về chất lượng nội dung, mục tiêu và tiến độ yêu cầu.

Kinh tế địa phương duy trì đà tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố tiếp tục được cải thiện. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. Đã khẳng định được vai trò đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc. Nhiều công trình cảng biển quan trọng được khởi công và đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Chủ động, tích cực và phối hợp tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án lớn và các cơ chế, chính sách phát triển vùng tại thành phố. Hợp tác và liên kết vùng được tăng cường; hình ảnh, vị thế và uy tín của địa phương được nâng cao.

Hạn chế, khó khăn

Chưa có nhiều liên kết vùng trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành cụm liên kết ngành. Các nội dung liên kết vùng quan trọng như liên kết trong xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch; liên kết đầu tư phát triển; liên kết trong việc đào tạo và sử dụng lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng, liên vùng... đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng vẫn còn chưa nhiều.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy có nhiều cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống giao thông kết nối chưa đồng bộ, hạ tầng ven biển còn yếu, hạ tầng có tính chiến lược (như cảng biển, logistic...) năng lực còn thấp, kết nối với hạ tầng quốc gia chưa thực sự thuận lợi ảnh hưởng đến khả năng hấp dẫn nhà đầu tư...

Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bảo đảm tính bền vững; kinh tế thành phố dễ bị tổn thương bởi ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài và rủi ro từ sự bất ổn thị trường quốc tế; khả năng kết nối, tích hợp kinh tế tỉnh, thành phố vào chuỗi giá

trị toàn cầu còn yếu; cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công tại một số dự án vẫn còn chậm. Chưa hình thành các doanh nghiệp tầm cỡ ở các lĩnh vực thế mạnh của thành phố.

Khoa học công nghệ chưa thật sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. An sinh, phúc lợi xã hội có nhiều tiến bộ nhưng chưa tạo được chuyển biến mạnh mẽ. Chất lượng nguồn nhân lực cải thiện chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

Bài học kinh nghiệm

Một là, Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, sâu sát thực tiễn. Huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng.

Hai là, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, công tác tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ phải quyết liệt, hiệu quả hơn, đổi mới tư duy phát triển, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch, đẩy nhanh lộ trình thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết. Đặc biệt là phải phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức.

Ba là, để hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết cần phát huy toàn diện, đồng bộ và có hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế; thu hút mọi nguồn lực, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính, đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành lân cận; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đi đôi với tăng cường quốc phòng - an ninh, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

Bốn là, trong bối cảnh càng có nhiều khó khăn, thách thức, càng phải đề cao sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các cấp, ngành, địa phương để thực hiện ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra. Phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tránh độ trễ trong khâu triển khai nhằm gia tăng hiệu quả tác động của chính sách. Giữ vững kỷ luật, kỷ cương, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và người có thẩm quyền, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Năm là, chú trọng bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân. Cơ quan

quản lý nhà nước thường xuyên đối thoại, lắng nghe ý kiến cộng đồng doanh nghiệp và người dân để có phản ứng chính sách kịp thời, giải quyết ngay và dứt điểm những vướng mắc, bất cập của môi trường đầu tư, kinh doanh, các chính sách an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng trong năm 2024

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tình hình thế giới trong năm 2024 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam nói chung và các địa phương vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi cầu tiêu dùng yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt tiền tệ ở nhiều nền kinh tế lớn gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu; rủi ro thu hẹp thị trường, đảo chiều của dòng vốn gia tăng. Hiện tượng tiết cực đoan, hạn hán, lũ lụt trở nên trầm trọng hơn, tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, an ninh nguồn nước tại một số quốc gia, khu vực, đi cùng các chính sách cấm xuất khẩu lương thực, thực phẩm của các quốc gia tác động tới thị trường, giá cả hàng hóa trên thế giới, tiềm ẩn rủi ro an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản, nhưng nền kinh tế tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.

Vùng đồng bằng sông Hồng là cửa ngõ phía bắc của cả nước và ASEAN về kết nối phát triển kinh tế, thương mại với Trung Quốc - thị trường rộng lớn nhất thế giới và ngược lại; có hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ và tốt nhất cả nước về cả đường bộ, đường biển, đường sông, đường hàng không, đường sắt. Tuy nhiên, hiện nay Trung Quốc đang xây dựng cảng thương mại tự do Hải Nam tại đảo Hải Nam sẽ ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa của Tây Nam Trung Quốc qua vùng đồng bằng sông Hồng để ra thế giới.

Việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CP và thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó đề ra đầy đủ, đồng bộ các giải pháp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới và đề ra nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết và

thể chế điều phối phát triển Vùng đủ mạnh, thiết thực, hiệu quả; tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới, tạo đột phá để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội của Vùng... có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong việc phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, những cơ chế chính sách đặc thù này sẽ khó được ban hành; quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng đến nay chưa được phê duyệt và nếu được phê duyệt trong năm 2023 thì cũng cần tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch vùng; sự liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong Vùng chưa thực sự chặt chẽ; sự cạnh tranh ở một mức độ nhất định giữa các địa phương trong vùng là không thể tránh khỏi. Đồng thời, các địa phương trong vùng cũng được dự báo là sẽ tiếp tục gặp những khó khăn từ nội tại của từng địa phương,

Trước những thuận lợi và khó khăn trên năm 2024, các địa phương trong vùng chỉ đạo tiếp tục giữ vững ổn định và bảo đảm tốc độ tăng trưởng khá của nền kinh tế. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển. Tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật ở các ngành, các cấp; phòng chống tham nhũng, lãng phí. Cùng cố quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng.

Giữ ổn định và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát lạm phát, đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế nền tảng, sản xuất thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu; lấy công nghiệp và dịch vụ hiện đại tiếp tục là ngành kinh tế trọng điểm, trụ cột của nền kinh tế; nông nghiệp phát triển hiệu quả, năng suất cao gắn liền với quá trình xây dựng nông thôn mới theo hướng đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp.

Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù cho Vùng, cho từng địa phương về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho từng địa phương và Vùng đồng bằng sông Hồng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng.

Phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, ngành Trung ương hoàn thành xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) để có những cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, phát huy vai trò của Thủ đô Hà Nội là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Tập trung triển khai các Kế hoạch, chương trình thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về chiến lược phát triển dài hạn, đặc biệt là Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP. Chủ động phối hợp cùng các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng nghiên cứu, xây dựng thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng, cho từng địa phương. Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các cấp các ngành để tạo bước tiến mạnh mẽ về thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, phát triển văn hóa - xã hội, từng bước tạo dấu ấn riêng của từng địa phương.

- Rà soát, đề xuất các cơ quan Trung ương điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho địa phương và vùng đồng bằng sông Hồng phát triển đột phá như nghiên cứu, đề xuất Trung ương điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách về tài chính - ngân hàng, đầu tư nhằm khuyến khích tạo nguồn thu trên địa bàn; xây dựng tỷ lệ điều tiết ngân sách phù hợp để địa phương chủ động huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển mô hình kinh tế mới (xanh, tuần hoàn, chia sẻ,...), tạo động lực mới cho phát triển. Cho phép được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng vì lợi ích chung của địa phương, của vùng và cả nước.

- Phối hợp nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh, tham gia tích cực vào hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Hồng để đảm bảo hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường trong nội tỉnh và liên tỉnh, các hoạt động liên kết đầu tư phát triển các cụm liên kết ngành.

- Chủ động rà soát, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật, các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh các liên kết giữa các địa phương trong vùng và liên vùng; Tham gia ký kết văn bản hợp tác, biên bản ghi nhớ làm cơ sở phối hợp cùng các địa phương trong vùng, đặc biệt là những địa phương có vị trí liên kề để phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đô thị, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên, đất đai, nguồn nước.

3. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị.

Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho công nghiệp công nghệ số làm nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tỉnh, thành phố.

- Xác định khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế của tỉnh. Tập trung tối đa sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của tỉnh, thành phố, của các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp FDI làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế số, dịch vụ số; phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số; phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số đa dạng, hấp dẫn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ, có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong tỉnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tiếp thu và làm chủ công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, chuyển giao vào sản xuất và đời sống, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao năng lực quản lý các cấp. . Cùng cố, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức, hình thành mạng lưới các tổ chức có khả năng tiếp nhận, hỗ trợ, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, gắn kết chặt chẽ với giáo dục - đào tạo, sản xuất - kinh doanh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học, cơ sở nghiên cứu, các tổ chức khoa học-công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ.

- Tham gia phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, thúc đẩy kết nối chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ số giữ vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường thể chế; hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu.

- Bảo đảm chi cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, triển khai và ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, huy động vốn đầu tư, các nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ (SHTT) đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền SHTT, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa SHTT trở thành công cụ thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; nâng cao nhận thức về SHTT, khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT, hình thành văn hóa SHTT trong xã hội.

Về hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Tập trung phát triển hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bền vững theo mạng lưới, phân bổ hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất để góp phần đưa đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng đô thị lớn, có tỷ lệ đô thị hóa cao và chất lượng sống tốt, ngang bằng với các đô thị lớn trong khu vực và là đầu mối kết nối với các đô thị lớn trong nước và quốc tế.

- Hình thành các chuỗi đô thị gắn với hạ tầng công nghiệp – đô thị. Thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị có quy mô lớn và vừa có chức năng ở gắn với các công trình cấp đô thị loại I trực thuộc trung ương, cấp quận như: Thương mại dịch vụ, Trung tâm khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo, logistic, Trung tâm nghiên cứu R&D, thể dục - thể thao, du lịch, văn hoá, vui chơi giải trí ...; các khu đô thị có quy mô nhỏ và vừa có chức năng ở gắn với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để khắc phục các tiêu chí còn thiếu và yếu cấp quận, cấp thị xã và cấp phường; hạn chế chia tách nhỏ các khu đô thị.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình phát triển nhà ở đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả trong sử dụng đất; phát triển các tòa nhà hỗn hợp, chung cư cao tầng; Tiếp tục phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở công nhân với đầy đủ các thiết chế, đáp ứng yêu cầu về nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp; Tăng cường rà soát, quy hoạch, xây dựng các khu tái định cư bảo đảm phục vụ triển khai các dự án hạ tầng, phát triển đô thị tại các địa phương.

- Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là phương thức đối tác công tư (PPP), trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, kết hợp cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương để đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội tỉnh, liên tỉnh, liên vùng và quốc tế; phát

triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng.

- Tiếp tục tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khác. Đa dạng hóa nguồn lực và hình thức đầu tư để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn đặc biệt là hệ thống thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Chú trọng bảo tồn và phát huy các công trình kiến trúc cổ; giữ gìn và phát triển không gian xanh, mặt nước gắn với các khu đô thị du lịch, sinh thái.

- Chú trọng đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, nhất là tại các đô thị lớn; rà soát, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị, khu dân cư tập trung; ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số vào quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, chống biến đổi khí hậu.

- Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT,... Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GRDP của các địa phương. Khẩn trương phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế; trong đó tập trung: hạ tầng số và công nghệ số, ứng dụng khoa học và công nghệ, xây dựng thành phố thông minh...

- Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật hưởng ứng, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của tỉnh, thành phố và đất nước. Phối hợp đăng cai tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quy mô quốc gia, quốc tế như: Giải thưởng âm nhạc toàn quốc, các hoạt động Triển lãm Mỹ thuật Đồng bằng sông Hồng, Liên hoan nghệ thuật về đề tài thiếu nhi, các hoạt động hưởng ứng năm du lịch quốc gia, các hoạt động ngoại giao văn hóa....

- Từng bước đầu tư phương tiện, thiết bị công nghệ nhằm tăng hiệu ứng của di sản văn hóa, nhất là các di tích lịch sử, kiến trúc phục vụ nhu cầu trải nghiệm, khám phá của du khách. Vận hành, khai thác phát huy hiệu quả các hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin cơ sở; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, du lịch gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc sinh sống ở vùng đồng bằng Sông Hồng và mang đặc trưng nền văn minh Sông Hồng. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững của tỉnh, của vùng và cả nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao, tạo nguồn thu cho ngân sách và tái đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao.

- Duy trì tốt hệ thống giám sát, phát hiện bệnh truyền nhiễm. Nâng cao chất lượng tuyến y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm y tế và phòng khám đa khoa nhằm thu hút người bệnh đến khám chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

- Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động. Hoàn thành Bộ định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dịch vụ đào tạo các nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; đầu tư nâng cao chất lượng các bệnh viện trong vùng, quản lý chất lượng khám, chữa bệnh; giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn và chất lượng nguồn nhân lực y tế.

- Thực hiện hiệu quả chủ trương “Đầu tư cho công tác an sinh, phúc lợi xã hội đi trước so với tốc độ phát triển kinh tế”. Các chế độ, chính sách của thành phố đối với người có công, đối tượng chính sách bảo đảm ngày càng tốt hơn.

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát huy tinh thần chủ động hội nhập, đưa các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đồng thời tích cực mở ra những cơ hội hợp tác mới; phát huy vai trò chủ động của tỉnh, thành phố tại các cơ chế đa phương. Đa dạng hóa các kênh thông tin đối ngoại, đổi mới nội dung, phương pháp, mở rộng đối tượng tiếp cận thông qua việc đa dạng các ngôn ngữ. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - xã hội. Làm tốt công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài và tranh thủ tối đa nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp phục vụ phát triển tỉnh, thành phố. Nâng cao giá trị kiều hối và viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, nắm chắc tình hình địa bàn, không để tình huống bất ngờ xảy ra. Tổ chức lực lượng đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, tăng cường tuần tra vũ trang, kiểm tra hành chính tại các điểm, tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự. Thực hiện nghiêm Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai quyết liệt các giải pháp kiềm chế, giảm tai nạn, không để xảy ra ùn tắc giao thông kéo dài và đưa xe trái phép trên địa bàn tỉnh, thành phố. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, khắc phục sơ hở về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy; thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm

pháp luật về phòng cháy, chữa cháy. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2024. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2024 bảo đảm chất lượng. Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý, sắp xếp nguồn dự bị động viên. Bảo đảm đồng bộ vũ khí trang bị kỹ thuật, duy trì hiệu quả hoạt động dây chuyền động viên công nghiệp và thu hồi, xử lý vũ khí, vật liệu nổ ngoài luồng.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác Biên phòng quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới biển, đảo, cửa khẩu của thành phố. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), kịp thời hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngư dân khi tham gia các hoạt động trên biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

6. Dự kiến tình hình thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ trong năm 2024 (*Tại các Phụ lục kèm theo*)

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Đối với Đảng đoàn Quốc hội

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ tiếp tục tăng chi ngân sách cho công tác y tế - dân số, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng; quan tâm dành ngân sách trung ương để hỗ trợ đầu tư y tế các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng; xem xét điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm y tế để có thể cân đối được Quỹ BHYT, tạo điều kiện để tính chi phí quản lý, khấu hao, chi phí nhân lực phục vụ chăm sóc toàn diện vào giá dịch vụ y tế⁶.

- Xem xét, ban hành Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và Nghị quyết về việc

⁶ Bộ Y tế

áp dụng thí điểm chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, tạo môi trường kinh doanh ổn định cho các Nhà đầu tư có vốn nước ngoài (FDI)⁷.

- Phân cấp hơn nữa cho chính quyền địa phương có mặt bằng phát triển kinh tế cao về công nghiệp và đô thị như các địa phương có Nghị quyết riêng của Quốc hội với một số chính sách đặc thù. Đề nghị xem xét một số vấn đề cần phân cấp cụ thể: Chuyển đổi đất lúa; thẩm quyền phê duyệt dự án hạ tầng giao thông liên tỉnh; dự án đô thị; biên chế giáo viên⁸ v.v...

3. Đối với Ban cán sự Đảng Chính phủ, Bộ, ngành

- Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng (11 tỉnh) để làm cơ sở cho các địa phương xây dựng quy hoạch Tỉnh giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến 2045;

- Kiến nghị Hội đồng điều phối Vùng chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về chỉ tiêu, chỉ số phát triển trong các ngành, lĩnh vực của Vùng để tạo thuận lợi cho công tác thống kê, dự báo, phân tích phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành cũng như nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể.

- Các Bộ, ngành TW khẩn trương nghiên cứu, triển khai trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách như chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ như Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có Di sản Thế giới và tiếp tục đầu tư 09 khu du lịch quốc gia trong vùng; Phát triển khu vực Hải Phòng – Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng,... nhất là đối với các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm 2024.

4. Đối với các địa phương trong Vùng

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ đã được Bộ Chính trị chỉ đạo tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 và Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong vùng.

- Ưu tiên bố trí kinh phí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực khác để thực hiện các chương trình, đề án về y tế, giáo dục, lao động, ... nhằm góp phần thực hiện được các mục tiêu về an sinh xã hội; ưu tiên ngân sách đầu tư cho các dự án thuộc hạ tầng an sinh xã hội trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, giải quyết việc làm và cung ứng các dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc đối tượng chính sách.

⁷ Tỉnh Bắc Ninh

⁸ Tỉnh Bắc Ninh

- Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, như lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Bắc Hưng Hải...

- Chủ động rà soát, nghiên cứu, xây dựng, điều chỉnh các cơ chế, chính sách, khung pháp lý phù hợp nhằm thu hút đầu tư cho lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông; ưu tiên bố trí quỹ đất, các điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư công nghệ số và đổi mới, sáng tạo tại địa phương. Đặc biệt, thu hút và xây dựng quan hệ đối tác với các tổ chức, doanh nghiệp uy tín, tinh hoa trong nước và quốc tế.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô và các tỉnh, thành phố Vùng đồng bằng Sông Hồng cách mạng, tinh nhuệ, hiện đại. Phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa chính trị là cửa ngõ kết nối của ASEAN trong công tác đối ngoại. Tăng cường vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững các địa phương trong vùng./.

Vùng Đồng bằng sông Hồng

PHỤ LỤC 2b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023, DỰ KIẾN NĂM 2024 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 14/NQ-CP		Ước thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%	9	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK)	6,28	
2	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK)	100	
+	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,5		4,9	
+	Công nghiệp - xây dựng	%	47,0		41,4	
+	Dịch vụ	%	41,0		44,23	
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	8,5		9,52	
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	274	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK)	131,9	
4	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP	%	35	Bộ Thông tin và Truyền thông	18,25	
5	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100	100
+	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	50		35	45
+	Số xã đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu	%	20		10	15
6	Tốc độ tăng năng suất lao động (giai đoạn 2021-2030)	%	7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (TCTK)	4,3	
7	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	48-52	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	27-27,5	
8	Tỉ lệ thất nghiệp	%	< 3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2,76	
9	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân hàng năm (giai đoạn 2021-2030)	%	1,5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1,1	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 14/NQ-CP		Ước thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
10	Số giường bệnh trên 10.000 dân	giường bệnh	32	Bộ Y tế	29,4	
11	Số bác sĩ trên 10.000 dân	bác sĩ	11	Bộ Y tế	11,8	
12	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>95	Bộ Y tế	92	
13	Tỉ lệ dân số đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100	Bộ Xây dựng	97,5	
14	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70	75
15	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường	89,65	
16	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường	99	
17	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường	89,9	

PHỤ LỤC 2c

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG						
1	Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	Đang hoàn thiện để trình Hội đồng thẩm định	Hoàn thành
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND các địa phương trong vùng	Các bộ, cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Quảng Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, các địa phương còn lại trong vùng đang thực hiện, đã được Hội đồng thẩm định thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ	Hoàn thành
3	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-HĐĐPĐBSH ngày 11/7/2023 quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	đã Hoàn thành 2023

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
4	Xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách để khuyến khích nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; cho phép địa phương để đầu tư các dự án vùng, liên vùng; phân cấp, phân quyền mạnh hơn trong lĩnh vực tài chính gắn với quá trình đánh giá tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023-2024	CP; TTgCP	Ngày 19/01/2023, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã giao Bộ Tài chính căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với Đề án "Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan", báo cáo Chính phủ về định hướng chính sách sửa đổi và thời điểm đề nghị xây dựng Luật để sửa đổi, bổ sung Luật NSNN hiện hành để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XV theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tư pháp đã hoàn thiện báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội đối với kế hoạch sửa đổi Luật NSNN, theo đó sẽ đề xuất cụ thể về việc đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh vào thời điểm thích hợp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Tiếp tục hoàn thiện Đề án trình Bộ Chính trị
5	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam Trung Quốc (Quảng Ninh)	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang triển khai	Hoàn thiện
6	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Khu kinh tế Vân Đồn	UBND tỉnh Quảng Ninh	Các bộ, cơ quan liên quan và UBND tỉnh Quảng Ninh	2023-2024	TTgCP	Đang triển khai	Hoàn thiện
7	Tổng kết, xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	UBND thành phố Hà Nội, các bộ, cơ quan có liên quan	2023-2025	Chính phủ	Hoàn thành	
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG						

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp mới (như: sản xuất chip, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới,...) cho vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	Bộ Công thương đang khẩn trương triển khai xây dựng, tuy nhiên do phát sinh khó khăn về kinh phí, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh thời gian trình trong năm 2024	Trình Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản, thủy hải sản và thực phẩm vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	Bộ Công thương đang khẩn trương triển khai xây dựng, tuy nhiên do phát sinh khó khăn về kinh phí, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh thời gian trình trong năm 2024	Trình Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển Quốc tế kết nối với các tuyến hàng lang, vành đai kinh tế	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Xây dựng Đề cương và dự toán thực hiện Đề án	Phê duyệt Đề cương, dự toán kinh phí thực hiện Đề án
4	Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ GTVT đã giao các cơ quan, đơn vị khẩn trương xây dựng dự thảo Đề án đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển tại Thông báo số 288/TB-BGTVT ngày 08/9/2023. Trường Đại học Hàng hải đã xây dựng kế hoạch triển khai, hiện nay đang triển khai xây dựng dự thảo Đề án, nội dung bao gồm tầm nhìn, mục tiêu; địa điểm thực hiện; quy mô, lĩnh vực, hạng mục đầu tư; thời gian thực hiện; tiến độ thực hiện	Trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và UBND thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	TTgCP	Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 136/BHĐVN-QLĐTĐB gửi 02 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng về việc phối hợp thực hiện Nhiệm vụ; đồng thời ngày 05 tháng 10 năm 2023 đại diện Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Phòng Quản lý khai thác biển và hải đảo (đơn vị được Cục giao chủ trì thực hiện Nhiệm vụ) và cán bộ đại diện Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) đã có buổi làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, thảo luận về các nội dung: (1). Đề nghị cử đơn vị đầu mối phối hợp với Cục Biển và Hải đảo Việt Nam xây dựng Đề án; (2). Thống nhất các nội dung cần thu thập, điều tra thực trạng và nguồn lực phát triển của tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng và một số tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng; (3) Đề xuất các nội dung cần thiết đề nghị UNDP hỗ trợ (Chuyên gia, học hỏi kinh nghiệm các nước khu vực Đông Nam Á và quốc tế, tổ chức họp trực tuyến để trao đổi kinh nghiệm từ đó nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh và các vùng lân cận).	
6	Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan và UBND thành phố Hải Phòng	2023 - 2024	TTgCP	Đã xây dựng dự thảo phương án điều chỉnh	Hoàn thiện
III	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN ĐẠI						

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	Đã gửi hồ sơ trình Bộ Tư pháp thẩm định. Bộ Xây dựng đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự án Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 QH15 tháng 6/2024 và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 8 QH15 tháng 10/2024.	
2	Đề án Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan	2023 - 2024	TTgCP	Chưa thực hiện	Triển khai thực hiện
IV PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI SỐ							
1	Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Hồng, tại thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Chưa thực hiện	
2	Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Chưa thực hiện	Triển khai thực hiện đề án
3	Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Đã ra thông báo tuyển chọn, và mở Hội đồng tuyển chọn đơn vị chủ trì nhiệm vụ KHCN để xây dựng đề án và đã chọn được Viện Nghiên cứu và phát triển vùng, Bộ KHCN.	Triển khai xây dựng đề án, và thực hiện đề án.
4	Đề án đầu tư phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn tự động hóa, công nghệ sinh học, y dược, công nghệ vật liệu mới.	UBND tỉnh Hà Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	Chưa thực hiện	Triển khai thực hiện

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Chương trình nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xử lý môi trường, phát triển kinh tế biển, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và đảm bảo quốc phòng an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Bộ KH&CN đang giao các đơn vị thuộc Bộ rà soát, đánh giá các chương trình KH&CN trong đề án tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia để xây dựng và trình Chính phủ trong giai đoạn 2023-2026	Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao
6	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023-2026	TTgCP	Bộ KH&CN đã giao Vụ Phát triển KH&CN địa phương phối hợp cùng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đề án "Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi giai đoạn đến năm 2035" Quyết định số 1826/QĐ-BKH&CN ngày 18/8/2023 của Bộ KH&CN, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong kế hoạch năm 2025	Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao
7	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách trong xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Hiện nay dự thảo Nghị định này đã gửi xin ý kiến của Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện nội dung và đang phối hợp với Bộ KH&CN hoàn thiện dự thảo để trình Chính phủ xem xét, ban hành	
V	PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC						
1	Đề án phát triển Đại học Bách Khoa Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	TTgCP	Đang nghiên cứu để tổ chức xây dựng Đề án	Bộ GDĐT sẽ hoàn thiện dự thảo Đề án theo thời hạn được giao

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Đề án Phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Đại học Quốc gia Hà Nội	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan và các địa phương trong vùng	2023-2025	TTgCP	Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Đại học Quốc Gia Hà Nội thực hiện	Bộ GDĐT sẽ phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện theo thời hạn được giao
VI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN							
1	Đề án xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh sông Hồng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	Bộ đã phân công cụ thể tới các đơn vị chuyên môn của Bộ (Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, Cục Di sản văn hóa và Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam) tập trung triển khai công việc	Hoàn thành hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong năm 2024
2	Đề án phát triển du lịch cho vùng, trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	Bộ đã phân công cụ thể tới các đơn vị chuyên môn của Bộ (Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, Cục Di sản văn hóa và Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam) tập trung triển khai công việc	Hoàn thành hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có Di sản Thế giới và tiếp tục đầu tư 09 Khu du lịch quốc gia trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	<p>I. Tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia trong vùng, đã đề xuất 09 khu vực gồm 06 khu vực được xác định trong quy hoạch thời kỳ trước và bổ sung 03 khu vực: (1) 06 địa điểm được xác định trong thời kỳ trước: Ba Vì (Hà Nội), Cát Bà (Hải Phòng), Vân Đồn (Quảng Ninh), Công Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Tràng An (Ninh Bình), Tam Chúc (Hà Nam); (2) Các địa điểm đề xuất bổ sung 03 địa điểm: Hương Sơn - Quan Sơn (Hà Nội); Yên Tử (Quảng Ninh), Hồ Đại Lải (Vĩnh Phúc)</p> <p>II. Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có di sản thế giới: Chưa xây dựng</p>	Hoàn thành hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong năm 2024
4	Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	TTgCP	<p>Bộ Y tế đã có Tờ trình số 1774/TTr-BYT ngày 28/12/2022. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 19/3/2023 thành lập Hội đồng thẩm định. Đã gửi hồ sơ quy hoạch xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, Ngày 28/7/2023 Hội đồng thẩm định đã thông qua Quy hoạch, ban hành Báo cáo thẩm định. Đã hoàn thiện sau thẩm định, gửi thành viên Hội đồng thẩm định rà soát, đang tổng hợp đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 11/2023.</p>	Hoàn thành

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023		Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 2149/QĐ-BYT ngày 03/8/2022 thành lập Ban soạn thảo Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật (CDC) Trung ương. Tại dự thảo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được thẩm định thông qua, thành lập CDC Trung ương trên cơ sở phát triển từ Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương sẽ quản lý 28 tỉnh, thành phố khu vực miền Bắc (đến tỉnh Hà Tĩnh) trong đó có vùng đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh đó, thành lập CDC 3 khu vực: miền Trung (Viện Pasteur Nha Trang), Tây Nguyên (Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên), miền Nam (Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh).	Hoàn thành
6	Xây dựng cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử vùng đất cổ đô Hoa Lư	UBND tỉnh Ninh Bình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	2023 - 2024		Đang lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Xây dựng hồ sơ để Chính phủ trình Quốc hội trong quý IV/2024.
VII QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							
1	Đề án tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	Đang thực hiện: (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giao Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học phê duyệt tại Quyết định số 257/QĐ-BTĐD ngày 30/11/2023).	
1	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	TTgCP	Chưa thực hiện	
VIII QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2025	TTgCP	Hoàn thành có chất lượng xây dựng các Quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự vào Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV; báo cáo Chính phủ các nhiệm vụ, đề án, dự án, bảo đảm chất lượng, tiến độ.	Tiếp tục thực hiện
2	Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng đồng bằng sông Hồng theo quy hoạch	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2030	TTgCP	Bộ Quốc phòng đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng và phát triển các khu KTQP đến năm 2025 phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương và vùng, ưu tiên nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực, ngành, tăng cường cải cách thể chế, chính sách, đẩy mạnh phát triển liên kết vùng.	Tiếp tục thực hiện

PHỤ LỤC 2d

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 14/NQ-CP NGÀY 08/02/2023 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
I	Đường bộ					
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Hưng Yên, tỉnh Bắc Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2027	Hà Nội đã khởi công ngày 25/6/2023; Công tác GPMB đạt 90,02%. Hưng Yên Dự án thành phần 1.2: Đang tích cực triển khai công tác GPMB đạt 84% khối lượng công việc; Dự án thành phần 2.2. Đã khởi công, đang chuẩn bị thực hiện các mũi thi công; Bắc Ninh cũng đang tích cực triển khai thực hiện	Hà Nội: Hoàn thành công tác lựa chọn nhà đầu tư và khởi công thi công xây dựng hệ thống đường cao tốc thuộc Dự án thành phần 3 đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Hưng Yên: Dự án thành phần 1.2: Cơ bản hoàn thành công tác GPMB của dự án thành phần; Tích cực đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án thành phần 2.2 Bắc Ninh: Tích cực triển khai thực hiện
3	Đầu tư tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã thực hiện đầu tư một số đoạn tuyến	Huy động nguồn lực để đầu tư khép kín đường vành đai 5

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
4	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền/địa phương	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã phối hợp xây dựng cơ chế chính sách thí điểm để thực hiện đầu tư các đoạn tuyến	Phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình, Thái Bình được giao làm cơ quan chủ quản, cơ quan có thẩm quyền triển khai đầu tư các đoạn tuyến
5	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã phối hợp xây dựng cơ chế chính sách thí điểm để thực hiện đầu tư các đoạn tuyến	Phối hợp với UBND thành phố Hải Phòng huy động nguồn lực triển khai đầu tư
6	Đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã phối hợp xây dựng cơ chế chính sách thí điểm để thực hiện đầu tư các đoạn tuyến	Phối hợp với UBND tỉnh Bắc Ninh (dự kiến giao là cơ quan chủ quản) và các địa phương có liên quan huy động nguồn lực để triển khai đầu tư
7	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây (đoạn qua địa bàn vùng)	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án	Hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
8	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B Quảng Ninh - Lạng Sơn, đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bộ Giao thông vận tải/UBND tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án	Khởi công và triển khai thi công dự án
II Cảng hàng không						
10	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn	Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp/địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đã triển khai đầu tư đáp ứng nhu cầu vận tải	Tiếp tục khai thác có hiệu quả cảng hàng không hiện hữu

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
III	Đường sắt					
12	Dự án đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh)	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2032	Đang xây dựng Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam	Tiếp tục hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi
13	Hoàn thành đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Đang nghiên cứu lập điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án	Tiếp tục hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền
14	Hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2035	Đang triển khai	Dự kiến đưa vào vận hành tuyến Nhỏ - Ga Hà Nội (đoạn trên cao)
III	Đường thủy nội địa					
16	Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	<p>Đã tập trung triển khai thi công hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng theo kế hoạch Dự án kênh nối Đáy - Ninh Cơ.</p> <p>Đã khởi công Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống vào tháng 9/2023</p>	Tiếp tục khai thác có hiệu quả các tuyến đường thủy hiện hữu. Đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống
IV	Cảng biển					

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
18	Đầu tư bến cảng mới tại cảng biển Hải Phòng (các bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8 khu bến cảng Lạch Huyện)	UBND tỉnh, thành phố Hải Phòng	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Tiếp tục phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan để đẩy nhanh tiến độ thực hiện bến số 3, 4, 5, 6, 7, 8 của Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư	- Các bến số 3, 4, 5, 6 dự kiến hoàn thành trong năm 2025; - Các bến 7, 8 dự kiến hoàn thành năm 2027
19	Đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch	UBND tỉnh Quảng Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	(1) Tỉnh Quảng Ninh báo cáo: đã thu hút được 10 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 64.712 tỷ đồng với các dự án trọng điểm như: Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh, Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh tại Cẩm Phả. Bến cảng đa năng tại đảo Hòn Miều, Bến cảng nước sâu đa năng tại đảo Cái Chiên, Cảng hàng lông Yên Hưng,... Bên cạnh đó, đã hướng dẫn nhà đầu tư để sớm triển khai đầu tư tổng thể xây dựng các bến cảng dọc sông Chanh; (2) Bộ GTVT báo cáo: Đang phối hợp nghiên cứu đầu tư xây dựng mới bến cảng LNG tại khu bến Cẩm Phả thuộc cảng biển Quảng Ninh	Quảng Ninh báo cáo tiếp tục: (1) Kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào cảng biển theo quy hoạch; (2) Phối hợp với các cơ quan của Bộ Giao thông vận tải trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng các bến cảng biển theo quy hoạch; (2) Bộ GTVT báo cáo: Tiếp tục phối hợp để hoàn thiện các quy hoạch và dự án liên quan đến việc Đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh
V	Công trình, dự án khác					

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
1	Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ UBND thành phố Hải Phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030	Dự án Trung Tâm nghề cá lớn Hải phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn vay WB, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đang xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi và dự kiến khởi công xây dựng năm 2025, hoàn thành năm 2028. Trung tâm nghề cá lớn tại TP Hải phòng được đầu tư sẽ góp phần phát triển nghề khai thác hải sản tại các tỉnh phía Bắc và vùng đánh cá Vịnh bắc bộ, khắc phục các khuyến nghị của EC	Hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và trình phê duyệt

PHỤ LỤC 2e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

Cập nhật đến ngày 25/3/2024

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
I	Các Bộ, cơ quan trung ương			
1	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT ngày 22/11/2023		
2	Bộ Công an	1920/BC-BCA-VPB ngày 29/11/2023		
3	Bộ Ngoại giao	6730/BNG-THKT ngày 22/12/2023		
4	Bộ Tài chính	13902/BTC-NSNN ngày 19/12/2023		
5	Bộ Công thương	8531/BCT-KHTC ngày 30/11/2023		
6	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	196/BC-LĐTBXH ngày 22/12/2023		
7	Bộ Giao thông vận tải	14369/BGTVT-KHĐT ngày 14/12/2023		
8	Bộ Xây dựng	172/BXD-PTĐT ngày 10/01/2024		
9	Bộ Thông tin và truyền thông	6008/BTTTT-VCL ngày 01/12/2023		
10	Bộ Giáo dục và đào tạo	6961/BGDĐT-KHTC ngày 14/12/2013		
11	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8987/BNN-KH ngày 08/12/2023		
12	Bộ Y tế	1466/BC-BYT ngày 24/11/2023		
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	4717/BKHĐN-ĐP ngày 11/12/2023		
14	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	390/BC-BVHTTDL ngày 08/12/2023		
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	11220/BTNMT-KHTC ngày 29/12/2023		
16	Bộ Tư pháp	651/BTP-PLDSKT ngày 02/02/2024		
17	Ngân hàng nhà nước	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023		

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
II	Các địa phương			
1	Hà Nội	500/BC-UBND ngày 7/12/2023		
2	Hải Phòng	416/BC-UBND ngày 24/11/2023		
3	Quảng Ninh	344/BC-UBND ngày 12/12/2023		
4	Hải Dương	3620/BC-UBND ngày 30/11/2023		
5	Hung Yên	3451/BC-SKHĐT ngày 6/12/2023		
6	Vĩnh Phúc	397/BC-UBND ngày 29/11/2023		
7	Bắc Ninh	154/BC-UBND ngày 27/12/2023		
8	Hà Nam	382/BC-UBND ngày 30/11/2023		
9	Nam Định	318/BC-UBND ngày 20/11/2023		
10	Ninh Bình	225/BC-UBND ngày 22/11/2023		
11	Thái Bình	584/BC-SKHĐT ngày 27/11/2023		

PHỤ LỤC 3a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được các kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 168/NQ-CP NGÀY 29/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 26) và Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 168) là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu đạt được cao nhất các mục tiêu đã đề ra, xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030 đạt mục tiêu: “Trở thành vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc

phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường”.

Chương trình hành động xác định 17 chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội và môi trường, phấn đấu đạt đến năm 2030, trong đó có một số chỉ tiêu quan trọng như: tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7-7,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. Thu ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20-25% cả nước; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47-48%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35-40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1-1,5%/năm; đạt 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%.

Nghị quyết số 168 của Chính phủ đề ra 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, bao gồm:

(1) Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị;

(2) Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng;

(3) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển;

(4) Phát triển mạnh hệ thống đô thị, đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông;

(5) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

(6) Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng;

(7) Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại;

(8) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị;

Bên cạnh đó, Chương trình hành động của Chính phủ cũng đã đề ra 34 nhiệm vụ cụ thể và 11 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Vùng để phát triển bứt phá, gồm các dự án có tính kết nối vùng: đường cao tốc trục Bắc Nam, đường cao tốc trục ngang kết nối Đông - Tây, đường bộ ven biển, đường sắt, cảng biển, các dự án nâng cấp 9 cảng hàng không hiện có trong vùng, xây mới cảng hàng không Phan Thiết, Quảng Trị; đồng thời đã phân công cho các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện với lộ trình và thời gian thực hiện cụ thể.

2. Nhiệm vụ sơ kết, đánh giá:

Thực hiện Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023 và chỉ đạo của đồng chí Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2050-CV/BCSĐCP ngày 21/7/2023 về phối hợp triển khai Kế hoạch theo dõi, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển vùng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo các Bộ, ngành, địa phương sơ kết, đánh giá thực

hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ nhằm:

- Đánh giá về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị.

- Đánh giá về tình hình thực hiện, tiến độ, mục tiêu và các biện pháp tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, những kết quả đạt được, những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân trong quá trình thực hiện; sự phù hợp của đường lối, chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 26-NQ/TW với tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, vùng, ngành, lĩnh vực liên quan.

- Đánh giá việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền trong tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch (bao gồm trách nhiệm của cơ quan chủ trì và các cơ quan có liên quan).

- Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 9504/BKHĐT-KTĐPLT ngày 14/11/2023 gửi 20 Bộ, ngành và 14 địa phương về việc xây dựng Báo cáo phục vụ sơ kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ kèm Đề cương sơ kết;

Đến nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 14 báo cáo của các tỉnh, thành phố thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ (BTBDHTB) và 20 báo cáo của các Bộ, ngành: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Bộ Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Dân tộc (Phụ lục kèm theo).

Báo cáo sơ kết được tổng hợp từ Báo cáo tổng kết các báo cáo của địa phương và các bộ, ngành; Nội dung Báo cáo gồm có 4 phần (ngoài phần Mở đầu, Phụ lục):

(i) Phần thứ nhất: Tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 168/NQ-CP và Đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết

(ii) Phần thứ hai: Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong năm 2024

I. Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết số 26-NQ/TW đã được các ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương nghiêm túc tổ chức nghiên cứu, học tập và quán triệt bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, sử dụng hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin, gắn các nội dung thực hiện Nghị quyết với triển khai chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ. Qua đó, nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ của từng bộ, ngành đối với phát triển vùng. Nghị quyết cũng được các cấp ủy địa phương kịp thời tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt đến cán bộ chủ chốt; tổ chức nghiên cứu, học tập, phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên các cấp chính quyền, đoàn thể, các lực lượng vũ trang và nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Nhìn chung, việc triển khai quán triệt Nghị quyết đã được các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, qua đó đã nâng cao được nhận thức về tầm quan trọng của Nghị quyết đối với sự phát triển của vùng. Thông qua đó, cả hệ thống chính trị và nhân dân hiểu rõ mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng. Nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ được nâng cao, đặc biệt là về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là về kinh tế biển và quốc phòng, an ninh biển, đảo của Tổ quốc. Từ đó, đổi mới về tư duy phát triển, tạo đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động; phát triển nhanh, bền vững tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng và các địa phương trong vùng; nâng cao trình độ và thu nhập của người dân trong vùng. Xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn tới có ý nghĩa chiến lược đối với từng địa phương trong vùng và với cả nước.

Các địa phương trong vùng đều thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Các cơ quan Trung ương đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Chính trị giao, qua đó, góp phần quan trọng vào các kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng.

II. Công tác xây dựng, ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị.

1. Chính phủ:

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Các bộ, ngành:

Các bộ, ngành đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ, ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các nhiệm vụ theo phân công, chủ động xây dựng cơ chế, chính sách, bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ được giao. Trong năm 2023, đã có 14/20 bộ, ngành trung ương ban hành quyết định, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW. Còn lại 06/20 bộ ngành chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 168 hoặc cụ thể hoá các nội dung, nhiệm vụ của Nghị Quyết số 26 và NQ168 trong Chương trình công tác của cơ quan.

Các đề án, dự án đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm nhằm bổ sung nguồn lực cho vùng đã được các bộ phối hợp với các địa phương triển khai nhằm phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và vùng.

(Phụ lục: Chương trình, kế hoạch hành động của bộ, ngành nhằm triển khai Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168 của Chính phủ)

3. Các địa phương:

Cấp ủy đảng các địa phương trong vùng đã xây dựng chương trình, kế hoạch hành động triển khai; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ; lồng ghép trong các Nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư trong giai đoạn 5 năm 2021-2025; phân công trách nhiệm các cấp, các ngành triển khai thực hiện.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương theo thẩm quyền đã ban hành các nghị quyết, quyết định, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương...; đưa các nhiệm vụ triển khai Nghị quyết thành các đề án, dự án cụ thể về phát triển kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, du lịch...), kết cấu hạ tầng, đất đai và môi trường, văn hóa, xã hội (y tế, giáo dục, đào tạo, giảm nghèo...), xây dựng nông thôn mới, đảm bảo quốc phòng, an ninh,... Đặc biệt, các địa phương trong vùng đã quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ trong xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 trình các cấp phê duyệt và triển khai thực hiện.

Các địa phương trong vùng đều thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Các cơ quan Trung ương đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được Bộ Chính trị, qua đó, góp phần quan trọng vào các kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng.

(Phụ lục: Tổng hợp Chương trình, kế hoạch hành động của các địa phương nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Phát triển kinh tế vùng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế biển phát triển

1.1. Phát triển kinh tế vùng:

- Theo số liệu của Tổng cục thống kê, quy mô kinh tế của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ (BTBDHTB) (GRDP theo giá hiện hành) đạt 1.570 nghìn tỷ đồng, tương đương 65,5 tỷ USD, tỷ trọng tăng dần qua các năm, năm 2020 chiếm 14,26%, đến năm 2023 chiếm 15,06% GDP cả nước; đứng thứ 3/6 vùng kinh tế - xã hội.

- GRDP bình quân trong vùng đạt 112 nghìn tỷ đồng/địa phương, bằng khoảng 70% bình quân chung cả nước. GRDP bình quân đầu người của vùng (GRDP/người) năm 2023 đạt 75,62 triệu đồng/người, tăng 8,7% so với năm 2022, bằng 74,21% bình quân chung cả nước, và đạt 48,47% mục tiêu đến 2030 (156 triệu đồng/người). Một số địa phương có GRDP/người cao hơn bình quân Vùng là TP. Đà Nẵng (107 triệu đồng/người), Quảng Ngãi (100 triệu đồng/người), Khánh Hòa (88,7 triệu đồng/người).

- Tốc độ tăng GRDP của vùng năm 2023 đạt khoảng 5,51%, cao hơn bình quân chung cả nước (5,05%) nhưng thấp hơn khá nhiều so với mục tiêu giai đoạn 2021-

2030 tăng bình quân 7-7,5%/năm. Một số địa phương do ngành công nghiệp và du lịch phục hồi nên đạt tốc độ tăng trưởng khá hơn so với bình quân chung là: Thanh Hóa (7,1%), Nghệ An (7,14%), Hà Tĩnh (8,05%), Quảng Bình (7,2%), TT-Huế 7,03%, Bình Định (7,61%), Phú Yên 9,16%, Khánh Hòa (10,35%), Ninh Thuận (9,4%), Bình Thuận (8,1%)

- Năng suất lao động (NSLĐ) của vùng có xu hướng ngày càng tăng. Tốc độ tăng NSLĐ năm 2023 đạt 5,51%, cao hơn tốc độ bình quân chung cả nước (3,65%), bình quân đạt khoảng 145 triệu đồng/lao động. Nhóm các tỉnh Bắc Trung Bộ năng suất lao động có xu hướng tăng cao: Thanh Hóa 7,71%, Nghệ An 10,13%, Hà Tĩnh 10,01%, Quảng Bình 12,14%.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu và phát triển các ngành kinh tế:

Cơ cấu kinh tế của vùng tiếp tục chuyển dịch tích cực, theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng (CN-XD) và dịch vụ trong GRDP. Đến năm 2023, tỷ trọng GRDP khu vực CN-XD đạt mức là 35,12% (mục tiêu đến 2030 đạt 40,7%), khu vực dịch vụ là 40,03% (mục tiêu đến 2030 đạt 37,5%), khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) là 16,81% (mục tiêu đến 2030 đạt 11,5%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 8,04% (cả nước 2023: CN-XD 42,93%, DV 34,99%, NLTS 17,3%, Thuế 4,79%).

1.2.1. Về cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp vùng:

Các địa phương trong vùng đã tập trung triển khai Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Bộ Chính trị về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ NNPTNT đã phối hợp các địa phương trong Vùng triển khai việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang hợp tác, phát triển đa ngành; thúc đẩy tích hợp đa giá trị trong sản phẩm NLTS; chuyển từ chuỗi cung ứng nông sản sang phát triển các chuỗi ngành hàng. Duy trì tăng trưởng trên tất cả các tiểu ngành, lĩnh vực, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; Bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm; an toàn thực phẩm góp phần bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; Phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, xanh, hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị có hiệu quả kinh tế; Quyết liệt tháo gỡ các vướng mắc, mở cửa thị trường cho nông sản Việt (nhất là 02 nhóm hàng thủy sản, lâm nghiệp); thúc đẩy ký kết các đơn hàng mới; phối hợp đẩy mạnh đàm phán để đa dạng hóa hàng nông sản được xuất khẩu chính ngạch sang nhiều thị trường. Truyền thông kịp thời tới người dân, doanh nghiệp các quy định mới của các nước nhập khẩu; việc thiết lập và cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đã đạt được nhiều kết quả tích cực góp phần định hướng người nông dân thực hành sản xuất chuyên nghiệp hơn, sản xuất theo tiêu chuẩn và nhu cầu của thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng.

a) Năm 2023, các địa phương trong Vùng đã tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích một số cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như: rau, quả.... Tổng diện tích cây lương thực có hạt của Vùng năm 2023 đạt khoảng 1.360

nghìn ha (trong đó: lúa khoảng 1.180 nghìn ha; ngô 174,72 nghìn ha). Diện tích nhóm cây có củ khoảng 180 nghìn ha (trong đó: sắn khoảng 150 nghìn ha; khoai lang 20 nghìn ha). Nhóm cây rau đậu, thực phẩm có diện tích khoảng 235 nghìn ha (rau các loại 192 nghìn ha; đậu, đỗ các loại 40 nghìn ha). Cây công nghiệp: Diện tích lạc khoảng 73 nghìn ha; vừng 16 nghìn ha; mía 70 nghìn ha; chè búp 10,3 nghìn ha; cà phê 6,68 nghìn ha; cao su 121 nghìn ha; điều 30 nghìn ha; hồ tiêu 6,3 nghìn ha. Cây ăn quả: Năm 2023, diện tích cây ăn quả toàn Vùng đạt khoảng 170 nghìn ha. Các tỉnh có diện tích trồng cây ăn quả lớn trong Vùng là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Khánh Hoà, Bình Thuận.

b) Tổng đàn gia súc tăng trưởng khá; trong đó: lợn 5,1 triệu con; đàn trâu khoảng 732 nghìn con; đàn bò 2,43 triệu con; đàn dê, cừu 810 nghìn con; gia cầm 122 triệu con; trứng 3,3 triệu quả. Sản lượng sản phẩm chăn nuôi vùng BTBDHTB năm 2023 đạt khoảng 1,4 triệu tấn; sản lượng sữa tươi đạt khoảng 395 nghìn tấn.

c) Các tỉnh trong Vùng tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng nuôi tôm công nghệ cao, đầu tư thâm canh; quản lý vùng nuôi, đảm bảo phát triển bền vững. Nâng cao năng lực đánh bắt, đẩy mạnh khai thác xa bờ, tăng năng lực bảo quản, chế biến, tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 90 nghìn ha, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt trên 300 nghìn tấn, tiếp tục tập trung phát triển nuôi trồng theo chiều sâu, xác định đối tượng, phương thức nuôi, quản lý môi trường nuôi, áp dụng công nghệ nuôi bền vững. Cơ cấu sản lượng khai thác biển tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khai thác vùng khơi, giảm tỷ trọng khai thác vùng lộng. Năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1,7 triệu tấn. Số lượng tàu khai thác thủy sản có công suất từ 90 CV trở lên đạt khoảng 16 nghìn chiếc.

d) Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 54,22%; bảo vệ nghiêm ngặt trên 3,7 triệu ha rừng; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý bền vững đạt khoảng 135 nghìn ha (vùng nằm trong top đầu cả nước về trồng rừng có chứng chỉ); gần 700 nghìn ha rừng trồng kinh doanh gỗ lớn, đây là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu để phục vụ chế biến, thương mại lâm sản trong nước và phục vụ xuất khẩu.

e) Về đổi mới tổ chức hợp tác: Dự kiến hết năm 2023, toàn Vùng có khoảng 15 liên hiệp HTX nông nghiệp, 4.436 HTX nông nghiệp (năm 2022 là 4.006 HTX nông nghiệp); 3.200 trang trại sản xuất nông nghiệp (năm 2022 là 3.189 trang trại); 2.442 sản phẩm được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên (năm 2022 là 1.740 sản phẩm).

1.2.2. Quy hoạch phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng:

Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn tới năm 2050 của 14 địa phương đã được phê duyệt, trong đó quy hoạch Vùng, quy hoạch tỉnh đã thống nhất việc gắn kết giữa đầu tư hạ tầng giao thông, các hành lang kinh tế và định hướng phát triển công nghiệp của từng địa phương, vùng¹. Cơ cấu nội bộ các ngành công nghiệp đã có

¹ Phát triển công nghiệp lọc, hóa dầu và sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế tập trung ở Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Phú Yên; ưu tiên sản xuất năng lượng tái tạo tại Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận; xây dựng trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại Ninh Thuận và Bình Thuận; tập trung phát triển công nghiệp bán dẫn, sản xuất và thiết kế chip, vi mạch điện tử, sản xuất linh kiện, thiết bị

sự dịch chuyển tích cực; ngành công nghiệp có lợi thế như công nghiệp chế biến hải sản, đóng và sửa chữa tàu biển, hóa chất, hóa dầu... được phát huy. Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đã được hình thành theo từng khu vực. Một số ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển như: lọc hóa dầu, sản xuất thép, công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin, sản xuất lắp ráp ô tô.

- Đã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng trong quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn tới năm 2050 để tăng cường liên kết, hạn chế cạnh tranh trong phân bổ, thu hút các nguồn lực. Đồng thời, hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương để tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp, trong đó sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển.

1.2.3. Về tập trung phát triển mạnh kinh tế biển, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại với những sản phẩm có thế mạnh, có thương hiệu và tham gia hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu. Công nghiệp chế biến nông lâm sản và công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản được đầu tư phát triển.

- Về mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất: Bộ Công Thương đã có Công văn số 5104/BCT-DKT ngày 03/8/2023 về việc lấy ý kiến dự thảo đề cương Đề án xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 3956/UBND-KTN ngày 16/8/2023 góp ý dự thảo Đề án gửi Bộ Công Thương. Đến nay, Bộ Công Thương đang tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh/thành trong Vùng và các Tập đoàn, doanh nghiệp trực tiếp có liên quan để hoàn thiện Đề cương Đề án, trình phê duyệt và tổ chức các bước tiếp theo theo quy định.

- Đã triển khai công tác thăm lượng, thăm định để phê duyệt trữ lượng đối với mỏ Báo Vàng, Kèn Bàu; tích cực triển khai chuỗi dự án Cá Voi Xanh. Đối với mỏ Báo Vàng, Hợp đồng dầu khí Lô 112 đã được Thủ tướng Chính phủ gia hạn 03 năm (gia hạn lần 10) giai đoạn tìm kiếm thăm dò (đến hết ngày 31/12/2025). Hiện tại đang triển khai công tác nghiên cứu địa chất, địa vật lý theo kế hoạch. Đối với mỏ Kèn Bàu, Hợp đồng dầu khí Lô 114 đã được Thủ tướng Chính phủ gia hạn lần 4 giai đoạn tìm kiếm thăm dò thêm 02 năm (đến hết ngày 16/3/2025). Hiện nay, đang triển khai công tác nghiên cứu địa chất, địa vật lý theo kế hoạch.

- Về hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi, lợi thế về điện gió, điện mặt trời đang được phát huy; toàn vùng có khoảng 1.066 MW điện mặt trời và 1.138 MW điện gió đã được EVN COD đưa

điện từ, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu thiết kế, thử nghiệm vi mạch điện tử tại Đà Nẵng, Bình Định, Thừa Thiên Huế. Thu hút đầu tư các ngành công nghiệp có lợi thế như sản xuất ô tô, và phụ trợ tập trung ở Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Nam; luyện kim, cơ khí chế tạo, chế biến thép tập trung ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa; đóng mới và sửa chữa tàu biển tập trung ở Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; chế biến nông, thủy sản; công nghiệp dược liệu tập trung ở Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa; sản xuất vật liệu xây dựng ưu tiên ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa; công nghiệp dệt may, da giày tập trung ở Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Thuận.

vào vận hành. Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo: tỉnh Quảng Ngãi đang xây dựng Đề án, phân đầu hoàn thành, phê duyệt đầu năm 2024.

- Về nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen: Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành đơn vị liên quan triển khai xây dựng dự thảo Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen). Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện dự thảo Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen đảm bảo phù hợp với lộ trình phát triển năng lượng quốc gia và điều kiện kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Ngày 01 tháng 11 năm 2023, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 7646/BCT-DKT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen.

1.2.4. Cơ cấu lại các ngành dịch vụ. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế.

- Quy mô khu vực dịch vụ của vùng ngày càng được mở rộng, đến năm 2023 đạt 628,67 nghìn tỷ đồng; tăng trưởng năm 2023 ước đạt khoảng 9%. Năm 2023, xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ cả nước giảm, riêng vùng BTBDHTB vẫn tăng nhẹ, đạt 21,8 tỷ USD, tăng 100 triệu USD so năm 2022 (xuất khẩu cả nước 2023 giảm 15,6 tỷ USD). Các địa phương xuất khẩu trọng điểm vùng là Thanh Hóa 5,05 tỷ USD, Nghệ An 1,8 tỷ USD, Hà Tĩnh 2,45 tỷ USD, TP. Đà Nẵng 1,85 tỷ USD, Quảng Nam 1,82 tỷ USD, Quảng Ngãi 2,69 tỷ USD.

- Năm 2023, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều chương trình để kích cầu du lịch; triển khai mạnh mẽ các hoạt động liên kết, hợp tác và kế hoạch quảng bá, xúc tiến, trong đó, chú trọng truyền thông trên các nền tảng số, theo từng nhóm đối tượng khách và khai thác giá trị quảng bá trong hàng loạt sự kiện văn hóa-thể thao-du lịch. Các hoạt động điển hình như: Lễ hội Festival bốn mùa, kỷ niệm 30 năm Quân thể Di tích Cố Đô Huế, 20 năm Nhã nhạc Cung đình, Festival Biển, Đêm đại nhạc hội; Giải Marathon, Liên hoan phim, Lễ hội Pháo hoa Quốc tế, Lễ hội Du lịch Golf; Chương trình liên kết phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam qua điện ảnh; Bên cạnh đó, hoạt động liên kết vùng trong du lịch được quan tâm chú trọng (Khánh Hòa - Lâm Đồng - Đắk Lắk); Xúc tiến mở rộng đường bay, phát triển thị trường quốc tế; liên kết với các đối tác truyền thông quốc tế, có tầm ảnh hưởng, như: Google, Facebook, National Geographic, BBC Nature... để quảng bá du lịch thông qua các bộ phim, bài viết và các chương trình hợp tác, hỗ trợ quảng bá trên các nền tảng số (Quảng Bình)... Doanh thu du lịch năm 2023 tăng cao, thu hút khách quốc tế, công suất phòng nhiều nơi đạt trên 45% .

- Đã hoàn thiện Dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các địa phương đã phối hợp với Bộ VHTTDL xây dựng dự thảo Đề án “Cơ chế điều phối, liên kết các hoạt động du lịch liên quốc gia; liên vùng, liên tỉnh; đề xuất các dự án kết nối vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ”. Xây dựng quy chế phối hợp với các địa phương trong vùng tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch mới, thúc đẩy du lịch phục hồi nhanh và phát triển bền vững. Nhiều sản phẩm du lịch

từng bước được hình thành, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với biển, đảo và dân khảng định vị thế đối với du lịch cả nước như du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch tham quan tìm hiểu di sản, du lịch văn hóa - lịch sử, giáo dục, du lịch sinh thái, khám phá hang động, du lịch tìm hiểu lịch sử - cách mạng; du lịch biển, đảo; du lịch tham quan di sản văn hóa, sinh thái; du lịch MICE. Bên cạnh đó là các sản phẩm khác như du lịch cộng đồng, thể thao, lễ hội, tâm linh, mua sắm hàng hóa, hàng lưu niệm tại các chợ truyền thống, các trung tâm thương mại....

Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch trong vùng ngày càng được quan tâm và đẩy mạnh với nhiều hình thức xúc tiến quảng bá như tổ chức các lễ hội, tham gia các hội chợ triển lãm, thông qua mạng truyền thông, Internet, báo chí... và đặc biệt nhiều hoạt động xúc tiến quảng bá ra nước ngoài trong những năm qua được đẩy mạnh vào những thị trường có nhiều tiềm năng như: ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, châu Âu, Mỹ. Thành phố Huế được vinh danh nằm trong danh sách 10 thành phố hàng đầu châu Á năm 2023.

1.3. Phát triển các tiểu vùng, các khu kinh tế, các trung tâm kinh tế vùng và một số khu vực kinh tế

1.3.1. Phát triển các tiểu vùng

a) Tiểu vùng Bắc Trung Bộ:

Tăng trưởng đạt khá, cơ cấu kinh tế tiểu vùng đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ; thu ngân sách nhà nước của các địa phương đều đạt và vượt dự toán; một số dự án qui mô lớn là động lực phát triển của vùng đã được đầu tư. Năm 2023, GRDP của tiểu vùng đạt 668,94 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm trên 42,6% GRDP của vùng BTBDHTB, cao nhất so với hai tiểu Vùng còn lại. Tốc độ tăng trưởng năm 2023 tiểu vùng đạt 7,2%, trong đó, Thanh Hóa, Nghệ An đóng góp khoảng 70% GRDP của vùng BTBDHTB. GRDP/người 2023 đạt 66,38 triệu đồng/người, tăng hơn 05 triệu đồng so năm 2022, nhưng thấp hơn bình quân Vùng. NSLĐ đạt trên 145 triệu đồng, bằng với bình quân Vùng.

b) Tiểu vùng Trung Trung bộ (Vùng động lực miền Trung):

Vùng động lực miền Trung, bao gồm khu vực ven biển (các địa bàn cấp huyện từ đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đến biển) thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi; trong đó thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng.

Năm 2023, GRDP của tiểu vùng Trung Trung bộ đạt 448,88 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm trên 28,5% GRDP của vùng BTBDHTB. Tốc độ tăng trưởng năm 2023 tiểu vùng chỉ đạt 0,18%, trong đó tỉnh Quảng Nam có tốc độ tăng trưởng âm (-8,25%), nguyên nhân là do ngành công nghiệp của tỉnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tình hình thế giới biến động phức tạp, kinh tế phục hồi chậm, suy giảm nhu cầu tiêu dùng, khó khăn trong thị trường tiêu thụ, nhất là ô tô. GRDP/người 2023 đạt 86,56 triệu đồng/người, tăng hơn 03 triệu đồng so năm 2022. NSLĐ đạt trên 160 triệu đồng, cao hơn hai tiểu vùng còn lại.

c) Tiểu vùng Nam Trung Bộ

Tiểu vùng Nam Trung Bộ có tốc độ tăng trưởng năm 2023 đạt 8,8%, cao nhất trong ba tiểu vùng. GRDP đến năm 2023 đạt trên 452,69 nghìn tỷ đồng, đóng góp trên 28,82% GRDP của vùng BTBDHTB. GRDP/người năm 2023 đạt 82,24 triệu đồng/người, cao hơn GRDP/người của vùng (75,62 triệu đồng), tăng hơn 10 triệu đồng so với năm 2022, tăng cao nhất so với hai vùng còn lại. NSLĐ theo giá hiện hành đạt 145 triệu đồng/người, bằng với bình quân vùng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ nhất là tại các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, Thu ngân sách nhà nước của các địa phương trong vùng đều đạt và vượt dự toán năm.

1.3.2. Phát triển các khu kinh tế

a) Khu kinh tế ven biển

Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ tập trung nhiều khu kinh tế (KKT) ven biển với 11/18 khu kinh tế ven biển của cả nước, trong đó có 4/8 khu kinh tế trọng điểm. Trong thời gian qua, phát triển các KKT ven biển đã đạt được những kết quả nhất định; tỷ lệ lấp đầy đạt trên 40% tổng diện tích đất dành cho sản xuất; một số dự án lớn quan trọng tại các KKT của Vùng đã hoàn thành và đi vào hoạt động góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng các địa phương trong vùng.

(i) Khu kinh tế mở Chu Lai: Vai trò của KKT mở Chu Lai từng bước được khẳng định trong sự phát triển chung của tỉnh Quảng Nam và cả vùng. Lũy kế đến nay, KKT mở Chu Lai có 199 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 74 nghìn tỷ đồng, trong đó có 47 dự án FDI và 152 dự án trong nước; hiện có 142 dự án đã đi vào hoạt động. Trong khu có nhiều nhà máy hoạt động thuộc các lĩnh vực khác nhau từ công nghiệp nhẹ đến công nghiệp nặng, tiêu biểu nhất là khu công nghiệp cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải với 35 dự án đang hoạt động. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tại Khu kinh tế mở Chu Lai ước tính chiếm trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, chủ yếu tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Dự báo trong giai đoạn tiếp theo, Chu Lai vẫn là vùng động lực phát triển kinh tế và công nghiệp không những của Quảng Nam mà cả vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Trong năm 2023, KKT mở Chu Lai đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và văn bản thống nhất đầu tư cho 16 dự án mới trong Khu kinh tế với tổng vốn đăng ký đầu tư 2.996 tỷ đồng tương đương khoảng 127 triệu USD, trong đó có 04 dự án FDI với số vốn đăng ký khoảng 58,58 triệu USD; Cấp điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 44 dự án; Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động đối với 02 dự án. Giá trị xuất khẩu ước đạt 1.200 triệu USD (đạt 80% so với kế hoạch); Giá trị nhập khẩu ước đạt 1.500 triệu USD (đạt 60% so với kế hoạch).

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn, kim ngạch xuất nhập khẩu giảm, lao động giảm. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao vẫn còn một số nhiệm vụ thực hiện nhưng chưa đảm bảo so với tiến độ đề ra (công tác quy hoạch, quản lý đất đai, đầu tư công, tổ chức bộ máy...). Hiện nay, tỉnh đang xây dựng đề án áp dụng một số cơ chế đặc thù riêng cho các dự án động lực trong khu như Đề án cơ chế hợp tác hỗ trợ ngành công nghiệp cơ khí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giữa Trường Hải và các doanh nghiệp cơ khí của tỉnh Quảng Nam; nhằm mục đích

phát triển khu phức hợp ô tô Chu Lai - Trường Hải có quy mô ngang tầm khu vực, tạo ra sản phẩm ô tô có công nghệ phù hợp, đạt tiêu chuẩn quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Khu phi thuế quan vẫn đang trong giai đoạn xây dựng quy chế hoạt động và đề xuất cơ chế chính sách. Hệ thống các văn bản quy định bộ máy quản lý KKT còn chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành đối với KKT.

(ii) Khu kinh tế Dung Quất: Sau hơn 27 năm hoạt động KKT Dung Quất đã và đang khẳng định vai trò của mình với những đóng góp quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi và vào phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đến nay, Khu đã thu hút được trên 348 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đạt 18,08 tỷ USD (trong đó, có 63 dự án FDI, vốn đăng ký đạt 2,203 tỷ USD), tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện đạt gần 60%. Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 24,786 nghìn tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 2.200 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 3.500 triệu USD; lũy kế đến năm 2023 giải quyết việc làm cho hơn 68 nghìn lao động. thu hút được 12 dự án, tổng vốn 507,39 triệu USD. Hiện nay, có nhiều dự án lớn đang đồng loạt triển khai và dự kiến sẽ triển khai trong thời gian tới. Hạ tầng cảng biển được đầu tư và khai thác hiệu quả, đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn KKT Dung Quất có 03 bến cảng chuyên dùng có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 200.000DWT và 04 bến cảng tổng hợp có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 70.000 DWT, sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, kim ngạch xuất, nhập khẩu ngày càng tăng; sản lượng hàng hóa qua cảng, năm 2023 đạt khoảng 39,23 triệu tấn.

Tuy nhiên, chưa hình thành được tuyến container tại cảng Dung Quất do đó chưa thu hút các doanh nghiệp tập trung xuất hàng hóa tại cảng Dung Quất, và các chủ kinh doanh hạ tầng cảng chưa mạnh dạn đầu tư nâng cấp thêm hạ tầng cảng biển nên các doanh nghiệp phải xuất hàng ở các cảng xa hơn, gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trong khu kinh tế.

(iii) Khu kinh tế Nghi Sơn: sau gần 18 năm hoạt động, KKT Nghi Sơn đã thu hút được 266 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư là 148.523 tỷ đồng và 23 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký đầu tư là 12.808 triệu USD. Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 19,5 nghìn tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.674 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 1.476 triệu USD; giải quyết việc làm cho hơn 58 nghìn lao động, thu hút được 12 dự án, tổng vốn 10.742 tỷ đồng; tạo việc làm cho khoảng 32.155 lao động, chiếm khoảng 1,5% lực lượng lao động của tỉnh Thanh Hóa. Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn (tổng mức đầu tư đạt khoảng 9 tỷ USD) là một trong 3 dự án công nghiệp lớn nhất cả nước, có công suất 10 triệu tấn dầu thô/năm, đáp ứng khoảng 35% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của cả nước. Cảng tổng hợp Quốc tế Nghi Sơn đang khai thác 02 tuyến vận tải container quốc tế; không chỉ phục vụ các doanh nghiệp trong tỉnh mà cả doanh nghiệp các tỉnh lân cận, mở ra cơ hội giao thương hàng hóa, dịch vụ vận tải của các tỉnh trong vùng với các nước trong khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, quy hoạch phân khu công nghiệp trong KKT Nghi Sơn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa có trung tâm logistic, cảng cạn ICD, hệ thống các trường đạt chuẩn quốc tế, nhà ở xã hội, các khu thiết chế công đoàn, xử lý nước thải tập trung, luồng vào cảng. Một số dự án được đầu tư nhưng tiến độ thực hiện còn chậm, kéo dài nhiều năm, công tác giải ngân vốn đầu tư chậm, nhất là các dự án đầu tư hạ tầng giao thông.

(iv) Khu kinh tế Vũng Áng: Khu kinh tế Vũng Áng được phát triển theo hướng đa ngành nghề, đa lĩnh vực với các trụ cột: Công nghiệp luyện kim, năng lượng chế biến, chế tạo; Trung tâm logistics và dịch vụ cảng biển; Phát triển thương mại, dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc. Phát triển đồng bộ khu liên hợp công nghiệp luyện kim, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, trung tâm điện lực gắn với cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương; đảm bảo hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành trung tâm kinh tế và đô thị phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh, liên kết phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình và kết nối với các trung tâm kinh tế trong khu vực. Lũy kế đến cuối năm 2023, Khu kinh tế Vũng Áng có 153 dự án, bao gồm 56 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II được đầu tư theo hình thức BOT) với tổng vốn đăng ký là 16.016,933 triệu USD và 97 dự án đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 55.762,020 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư đã thực hiện của các dự án đạt trên 85%, giải quyết việc làm cho trên 20.500 lao động (lao động Việt Nam và lao động nước ngoài). Trong đó riêng năm 2023, cấp mới 03 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 91,6 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Vũng Áng năm 2023 là trên 10.900 tỷ đồng, chiếm trên 60% tổng thu ngân sách toàn tỉnh. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2,6 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt trên 3,2 triệu USD.

Tuy nhiên, hiện nay diện tích đất công nghiệp của Khu kinh tế không còn nhiều, nhỏ lẻ và manh mún, gây khó khăn trong thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư lớn, có sức lan tỏa cao. Căn cứ Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, Hà Tĩnh hiện nay đang xây dựng Đề án mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo dư địa phát triển lâu dài và bền vững cho Khu kinh tế.

(v) Các khu kinh tế khác:

- KKT Vân Phong: lũy kế đến nay, KKT Vân Phong đã thu hút được 146 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký 5 tỷ USD; trong đó, có 118 dự án đầu tư trong nước và 28 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đã thực hiện đạt 3,2 tỷ USD. KKT Vân Phong đã giải quyết việc làm cho 9.052 lao động (trong đó có 333 lao động nước ngoài). Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 1.697,72 tỷ đồng (trong đó nộp ngân sách hoạt động trung chuyển xăng dầu tại Vân Phong đạt 961,71 tỷ đồng), kim ngạch xuất khẩu đạt 455,73 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 524,45 triệu USD; thực hiện điều chỉnh 08 dự án (04 dự án đầu tư trong nước và 04 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đầu tư tăng 22.380 tỷ đồng; thực hiện cấp mới 02 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký mới 73 tỷ đồng.

- Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô: Lũy kế đến nay thu hút được 57 dự án, tổng vốn đăng ký 81.935 tỷ đồng; trong đó, có 15 dự án FDI với tổng vốn 2.577 triệu USD, 42 dự án trong nước với tổng vốn 25.128 tỷ đồng. Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 193,3 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 108 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 49 triệu USD; giải quyết việc làm cho hơn 4.647 lao động.

- Khu kinh tế Nhơn Hội: Lũy kế đến nay thu hút được 121 dự án đăng ký đầu tư, với tổng vốn khoảng 119.533 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt khoảng 28.485 tỷ đồng (trong đó, 15 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký đầu tư

610 triệu USD). Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 140 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 153,3 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 39 triệu USD; giải quyết việc làm cho hơn 9.064 lao động, thu hút được 22 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 2.826,58 tỷ đồng, trong đó, 03 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký 1.069,597 tỷ đồng (tương đương 45,08 triệu USD).

- Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An: Lũy kế đến nay, trong KKT, KCN có 307 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư 147.169,59 tỷ đồng (tương đương 6,03 tỷ USD). Trong đó: 86 dự án FDI, vốn đăng ký 3,83 tỷ USD và 221 dự án trong nước vốn đăng ký 58.671,15 tỷ đồng. Năm 2023, các doanh nghiệp đã đóng góp cho ngân sách địa phương khoảng 58.998 tỷ đồng, xuất khẩu ước đạt 1,19 tỷ USD, tăng 30 % so với cùng kỳ năm 2022; chiếm 38,3% trên tổng kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh năm 2023. Nộp ngân sách nhà nước đạt 2.854 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2022; chiếm 16% trên tổng thu ngân sách cả tỉnh năm 2023. Tổng số vốn cấp mới và điều chỉnh năm 2023 là 41.648,3 tỷ đồng, tương đương 2 tỷ USD, vượt 108% mục tiêu đề ra; so với cùng kỳ năm 2022, số vốn đầu tư đăng ký tăng 37,0%. Tuy nhiên, khu vực này có nhiều tuyến giao thông quốc gia giao cắt như quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc Nam, đường bộ cao tốc làm cho quỹ đất thuận lợi để phát triển trong KKT bị chia nhỏ; việc thu hút dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất trên 600 ha liền mảnh trong KKT là rất khó có thể đáp ứng nếu không di dời, tái định cư nhiều hộ dân trong KKT.

- Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị: Tổng nguồn vốn huy động đầu tư vào khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 4/2023 là: 4.052.475 triệu đồng; trong đó: Thu hút đầu tư: 54 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 304,710 nghìn tỷ đồng (có 06 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư 117,886 nghìn tỷ đồng, tương đương 6,4 tỷ USD). Tổng diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng 4.494,55ha; trong đó có 19 dự án đi vào hoạt động với số vốn đăng ký đầu tư 1.150,07 tỷ đồng, diện tích đất sử dụng là 256,55ha; 30 dự án đang đầu tư xây dựng với số vốn đăng ký đầu tư 150.464,17 tỷ đồng, diện tích đất sử dụng là 2.612,03ha; 05 dự án đang nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án đầu tư với số vốn đăng ký 153 nghìn tỷ đồng, diện tích đất sử dụng là 1.625,97ha. Trong đó riêng năm 2023: có 19 dự án đi vào hoạt động với số vốn đăng ký đầu tư 1.150,07 tỷ đồng, diện tích đất sử dụng là 256,55ha; Doanh thu khoảng 450 tỷ; Nộp NSNN khoảng 25 tỷ; giải quyết việc làm cho khoảng 250 người. Trong năm chưa có dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

- Khu kinh tế Hòn La: Lũy kế đến nay, KKT Hòn La đã thu hút được 78 dự án với tổng mức đầu tư 107.700 tỷ đồng. Một số dự án lớn vẫn đang triển khai xây dựng, dự kiến sau khi hoàn thành sẽ tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh như: Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và II, Dự án Cảng Tổng hợp quốc tế Hòn La, Nhà máy sản xuất Viên nén năng lượng của Tập đoàn DOHWA - Hàn Quốc, Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Quảng Xuân Luxury... Năm 2023, nộp ngân sách nhà nước đạt 80 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 83 triệu USD; giải quyết việc làm cho hơn 1,5 nghìn lao động, thu hút được 03 dự án, tổng vốn 260 tỷ đồng.

- Khu kinh tế Nam Phú Yên: Tổng thu ngân sách năm 2023 trong khu vực đạt trên 585 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 123,74 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 259,45 triệu USD. Một số dự án đầu tư đã hoàn thành, đi vào hoạt động tại đây như: Nhà máy Thủy điện Hương Sơn (giai đoạn 1), Nhà máy sản xuất nước khoáng Sơn Kim, các khu bãi đỗ xe, tổ hợp logistics và thương mại tổng hợp.

b) Các Khu kinh tế cửa khẩu: Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo là có mức tăng trưởng kim ngạch cao nhất trên đường biên giới Việt-Lào và là một trong những KKTCK có hoạt động thương mại sôi động trong cả nước so với các cặp cửa khẩu giữa Việt Nam và Lào. Kim ngạch XNK năm 2022 đạt 1.765 triệu USD, năm 2023 đạt 2.083 triệu USD tăng 18% so với năm 2022. Khối lượng hàng hóa qua cửa khẩu từ 3.200 nghìn tấn lên 4.200 nghìn tấn năm 2023. Thu ngân sách năm 2021 đạt 225 tỷ đồng, năm 2022 đạt 124 tỷ đồng, năm 2023 đạt 374 tỷ đồng, tăng 3 lần so với năm 2022. Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (Quảng Trị) lũy kế đến nay đã thu hút được khoảng 1.663 tỷ đồng đầu tư vào hệ thống kết cấu hạ tầng. Năm 2023, hoạt động xuất nhập cảnh đạt 531,669 lượt khách; lượng phương tiện vận tải xuất nhập cảnh tăng so với năm trước, đạt 206,339 lượt phương tiện, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Thu ngân sách năm 2023 tại cửa khẩu Lao Bảo đạt 360 tỷ đồng, giảm 1,2% so với cùng kỳ. Trong năm, có 02 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, với tổng số vốn đăng ký là 312 tỷ đồng.

c) Khu công nghiệp: Tính đến hết năm 2023, vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ có trên 52 khu công nghiệp (KCN) đã có quyết định thành lập với diện tích đất tự nhiên 10.446,5 ha, trong đó có trên 29 KCN với tổng diện tích hơn 3.649,6 ha đã đi vào hoạt động với số lượng dự án đầu tư là 986 dự án. Quy mô bình quân 1 KCN là 200,9 ha, thấp hơn so với bình quân chung cả nước 268,5 ha. Tỷ lệ lấp đầy còn thấp, chiếm khoảng 34,9%. Địa phương trong vùng có số khu công nghiệp (KCN) đang hoạt động nhiều nhất là Đà Nẵng và Quảng Nam, đặc biệt thành phố Đà Nẵng có 100% số KCN đi vào hoạt động. Một số địa phương có số KCN đi vào vận hành thấp là Khánh Hòa, Ninh Thuận.

1.4. Thu, chi ngân sách

a) Tại Báo cáo số 43/BC-CP ngày 21/10/2023 của Chính phủ trình Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2024 đã đánh giá ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đạt 197.476 tỷ đồng, bằng 95,9% so dự toán (206.019 tỷ đồng), trong đó: Thu nội địa đạt 154.156 tỷ đồng, bằng 99,2% so với dự toán TTCP giao (155.341 tỷ đồng) thấp hơn tỷ lệ thu/dự toán cả nước 101,8%. Thu từ hoạt động XNK đạt 43.320 tỷ đồng, bằng 85,5% so với dự toán TTCP giao (50.678 tỷ đồng), cả nước đạt 83,5%.

Cập nhật theo báo cáo của 14 địa phương trong vùng, đến 31/12/2023 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 228.915 tỷ đồng, vượt 10,7% dự toán trung ương giao và vượt 6,1% dự toán HĐND các địa phương giao, trong đó: thu nội địa 179.130 tỷ đồng, thu hoạt động XNK đạt 50.557 tỷ đồng. Kết quả thu của vùng BTBDHTB vượt dự toán cao hơn so với bình quân chung cả nước (vượt 5,6%), đóng góp thu ngân sách nhà nước của vùng khoảng 13% tổng thu cả nước (mục tiêu đến 2030 đạt 20-25% tổng thu cả nước).

b) Về ước thực hiện chi NSDP của Vùng: Tổng số chi cân đối NSDP trên địa bàn Vùng ước thực hiện năm 2023 là 201.742 tỷ đồng, bằng 99,1% so với dự toán TTCP giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển là 56.625 tỷ đồng, bằng 100,4% so với dự toán TTCP giao. Chủ yếu do chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán TTCP giao. Chi thường xuyên là 143.887 tỷ đồng, bằng 100,5% so với dự toán

TTCP giao (chủ yếu do tăng chi theo mức lương cơ sở 1,8 trđ/tháng từ ngày 01/7/2023).

1.5. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của vùng năm 2023 thực hiện đạt khoảng 686,14 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước khoảng 170 nghìn tỷ đồng (chiếm 24,7%), vốn ngoài nhà nước khoảng 330 nghìn tỷ đồng (chiếm 48%), vốn FDI là 2.781,26 triệu USD, tương đương 65,3 nghìn tỷ đồng (chiếm 9,5-10%).

Năm 2023, thu hút vốn FDI của vùng tăng cao nhất trong 5 năm gần đây, tổng vốn FDI đăng ký đạt 2.781,26 triệu USD, tăng 144,9% so cùng kỳ 2022, trong đó số dự án FD cấp mới của vùng là 183 dự án, số vốn 2.132 triệu USD, số dự án tăng vốn 80 lượt, số vốn 441,54 triệu USD, số dự án góp vốn mua cổ phần 114 lượt, số vốn 207,37 triệu USD. Lũy kế tổng số dự án FDI còn hiệu lực đến hết năm 2023 của vùng là 2.425 dự án với 67,521 tỷ USD, số vốn bình quân 4,8 tỷ USD/1 tỉnh (cả nước 7,4 tỷ USD), chiếm khoảng 14,4% tổng vốn FDI trên địa bàn cả nước. Địa phương hiện thu hút FDI cao là: Thanh Hóa 193 dự án, với 15,074 tỷ USD, Hà Tĩnh 84 dự án với 12,087 tỷ USD, Đà Nẵng 1.017 dự án với 6,479 tỷ USD, Quảng Nam 224 dự án với 6,324 tỷ USD.

1.6. Về đẩy mạnh phát triển hạ tầng số: các địa phương trong vùng dành nguồn lực chuyển đổi số, kết quả xếp hạng chuyển đổi số các tỉnh trong vùng BTB-DHTB có sự khác biệt khá rõ rệt, trong đó có 3 địa phương nằm trong nhóm khá của cả nước (TP.Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa). Nhiều khó khăn, vướng mắc, thách thức đã được nhận diện như: Kết nối, chia sẻ dữ liệu; số hóa dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu số; hạ tầng dữ liệu số; an toàn thông tin, an ninh mạng và nguồn nhân lực...

Xếp hạng chuyển đổi số các tỉnh trong vùng BTB-DHTB

STT	Tỉnh, thành phố	Xếp hạng chuyển đổi số (DTI)	Xếp hạng chính quyền số
1	Đà Nẵng	1	1
2	Thừa Thiên Huế	4	2
3	Thanh Hóa	15	16
4	Quảng Ngãi	26	17
5	Ninh Thuận	27	24
6	Bình Định	29	19
7	Quảng Nam	31	30
8	Hà Tĩnh	37	39
9	Khánh Hòa	41	43
10	Quảng Bình	46	46
11	Bình Thuận	50	49
12	Nghệ An	52	52
13	Quảng Trị	55	55
14	Phú Yên	59	58

Nguồn: Báo cáo của Bộ TTTT

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

2.1 Xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về việc thành lập Hội điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ (BTBDHTB). Nhiệm vụ của Hội đồng tập trung vào: (1) Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/1/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng BTBDHTB; (2) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, các hoạt động liên kết vùng bảo đảm thực hiện đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Điều phối các hoạt động trong công tác lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (4) Nghiên cứu, đề xuất về thể chế, cơ chế, chính sách phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng bảo đảm các quy định, cơ chế, chính sách liên kết vùng, tiểu vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương; (4) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực; điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công để định hướng, dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước (FDI, vốn doanh nghiệp, tư nhân), thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, cấp bách, quan trọng; (5) Điều phối các hoạt động liên kết phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Nghiên cứu, đề xuất việc hình thành Quỹ phát triển hạ tầng vùng; (6) Điều phối các hoạt động liên kết phát triển bền vững các ngành kinh tế biển kết hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên biển.

- Đến nay, các Bộ, ngành và 14/14 địa phương trong Vùng đã thành lập Tổ điều phối cấp bộ và cấp tỉnh. Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-BKHĐT ngày 05/12/2023 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của văn phòng Hội đồng Điều phối vùng để tham mưu, giúp việc Hội đồng điều phối vùng; trình Chủ tịch HĐV ban hành Quyết định số 95/QĐ-HĐDPBTBDHTB ngày 08/11/2023 về kế hoạch công tác các tháng cuối năm 2023 của HĐDP vùng BTBDHTB.

(Phụ lục - Tổ điều phối cấp bộ và cấp tỉnh)

2.2. Xây dựng, tổ chức thực hiện Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050:

Đến nay, Vùng đã có 14/14 địa phương trong vùng có Quyết định phê duyệt Quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và tiến độ đề ra. Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, hiện đã được Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định, đang hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đã tổ chức nghiên cứu không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: Tiểu vùng Bắc Trung Bộ, tiểu vùng Trung Trung Bộ và tiểu vùng Nam Trung Bộ. Trong đó, tiểu vùng Trung Trung Bộ có vai trò động lực, có tác động lan toả, lôi kéo và thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng. Phát triển bền vững khu

vực phía Tây trên cơ sở phát huy cao nhất các tiềm năng lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế cửa khẩu, rừng và lịch sử, văn hoá; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; Tăng cường kết nối hữu cơ với các tiểu vùng khác trong vùng, với vùng Tây Nguyên, đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học.

Quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương quán triệt yêu cầu, chỉ đạo của trung ương, đảm bảo các quy hoạch có tầm nhìn tổng thể, dài hạn cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu...

Việc kịp thời hoàn thành công tác quy hoạch đã tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; là công cụ điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng; phân công rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở chuyên môn hóa cao phù hợp với lợi thế so sánh của các địa phương và các tiểu vùng.

2.3. Về rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch liên tỉnh:

- Để tháo gỡ khó khăn trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng, có tính chất liên vùng, liên tỉnh, đặc biệt là giao thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Theo đó, Quốc hội thông qua việc cho phép Thủ tướng Chính phủ giao một UBND cấp tỉnh được làm cơ quan chủ quản một số tuyến đường cao tốc, liên tỉnh, được sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác thực hiện hoạt động đầu tư công của dự án qua các địa phương. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/01/2024 về triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội. Vùng BTBDHTB có 02 dự án áp dụng thí điểm chính sách này.

- Hiện nay, Bộ KH&ĐT đang khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam để đón đầu thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các tập đoàn đa quốc gia, nhà đầu tư chiến lược trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng Đề án thí điểm tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, trình Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các địa phương, cơ quan liên quan tiếp tục vận động các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; rà soát, trao đổi với các đối tác phát triển nhằm đơn giản hóa, hài hòa các quy trình, thủ tục theo yêu cầu của nhà tài trợ và các quy định của pháp luật Việt Nam, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính.

- Việc nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch liên tỉnh đã được thực hiện thông qua cơ chế trao đổi giữa Bộ, ngành và địa phương và Hội đồng điều phối vùng BTBDHTB đã tổ chức các hội nghị nhằm bàn bạc tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

2.4. Về cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng cơ bản:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Đề án về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm huy động tối đa tiềm năng, lợi thế vùng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện trình Chính phủ dự thảo “Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn” (Tờ trình số 1669/TTr-BKHĐT ngày 09/3/2023 và Tờ trình số 5101/TTr-BKHĐT ngày 30/6/2023).

- Về nghiên cứu ban hành định mức phân bổ ngân sách (đầu tư công và chi thường xuyên) Bộ Tài chính đã có (i) Báo cáo số 20/BC-BTC ngày 6/1/2023 trình Chính phủ về nghiên cứu, rà soát Luật NSNN và (ii) Văn bản số 19/BTC-NSNN ngày 6/1/2023 trình Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời gian đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật NSNN. Đồng thời, đã có Văn bản số 142/BTC-NSNN ngày 4/1/2023 gửi các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị nghiên cứu, rà soát và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật NSNN. Hiện nay, Bộ Tư pháp đã hoàn thiện Báo cáo của Chính phủ để báo cáo Quốc hội đối với kế hoạch sửa đổi Luật NSNN theo hướng: Sẽ sửa đổi, bổ sung Luật NSNN sau khi có kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ NSNN để bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW và chủ động của NSDP, các cơ quan, đơn vị có liên quan”, theo đó sẽ có đề xuất cụ thể về việc đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh vào thời điểm thích hợp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.5. Về chính sách hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc gia, quốc tế: Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nghiên cứu phương án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ (thuộc vùng biển và ven biển: Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình) với khu vực trọng điểm phát triển là ven biển Nghệ An - Hà Tĩnh gắn với xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế, cảng biển xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa ở cửa ngõ Vịnh Bắc Bộ và các dịch vụ vận tải biển, dịch vụ logistics liên vùng, quốc tế; Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở Trung Trung Bộ (thuộc vùng biển và ven biển: Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi) với khu vực trọng điểm phát triển ở Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế gắn với xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á; Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở Nam Trung Bộ (thuộc vùng biển và ven biển: Bình Định - Phú Yên - Khánh Hòa - Ninh Thuận).

2.6. Về xây dựng chính sách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh:

- Trước những khó khăn của doanh nghiệp trong bối cảnh áp lực suy giảm toàn cầu và những bất cập nội tại trong nước, các bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ ban hành nhiều quyết sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn cho doanh nghiệp và nền kinh tế, qua đó thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo đà cho kinh tế phục hồi và tăng trưởng. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề như hàng không, du lịch, lữ hành đã nhanh chóng khôi phục, hoạt động du lịch tại nhiều địa phương có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) được quan tâm phát triển, chú trọng hoàn thiện thể chế, chính sách. Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV (Luật số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023). Tổ chức sản xuất của Tổ hợp tác, HTX hướng đến mục tiêu đạt chuẩn OCOP, góp phần hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương, vùng, quốc gia; phát triển và tham gia liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

- Ngân hàng Nhà nước đã xây dựng dự thảo Luật các Tổ chức tín dụng (sửa đổi) và trình Quốc hội cho ý kiến; Xây dựng và ban hành 13 Thông tư, tập trung vào các nội dung: (i) bổ sung quy định về cho vay phù hợp với quá trình chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và các quy định khác để tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách hàng tiếp cận vốn vay ngân hàng nhanh hơn và thuận tiện hơn; (ii) sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phép thành lập, hoạt động của TCTD, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đồng thời nâng cao yêu cầu về đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD; (iii) sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện vay để phù hợp với mục tiêu quản lý chặt chẽ hoạt động vay trả nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp và TCTD... Về chính sách thuế: Bộ Tài chính đang thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các luật thuế để báo cáo Chính phủ, UBNDTVQH xem xét sửa đổi, bổ sung vào thời điểm thích hợp đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế và tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế.

3. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

3.1. Phát triển hệ thống đô thị vùng có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; kết nối trong nước và quốc tế, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng.

Theo mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 26-NQ/TW, vùng BTBDHTB phấn đấu đến năm 2030 có tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47-48%. Tính đến tháng 9/2023, vùng BTBDHTB có số lượng đô thị nhiều nhất trong 06 vùng với 214 đô thị, trong đó có 06 đô thị loại I, 07 đô thị loại II, 10 đô thị loại III, 22 đô thị loại IV và 169 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa tính đến tháng 9/2022 đạt 39,81% đứng thứ 3/6, đứng sau 02 vùng Đông Nam Bộ (tỷ lệ đô thị hóa đạt 68%) và vùng Đồng bằng sông Hồng (tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,5%). Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất các quy định pháp luật trong lĩnh vực nhà nước quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có liên quan đối với đặc thù của vùng BTBDHTB. Nghiên cứu đề nghị xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị, trong đó đề xuất những chính sách quản lý, phát triển các đô thị trong vùng BTBDHTB. Đến nay, các đô thị đều đã có quy hoạch chung được phê duyệt; các

đô thị lớn từng bước được lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch phân khu và triển khai lập chương trình phát triển đô thị.

- Mạng lưới đô thị phát triển theo định hướng gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; hình thành ba tiểu vùng đô thị hóa tại Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ².

- Về Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. UBND UBND Tp. Đà Nẵng: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động trao đổi và hợp tác với các đơn vị tư vấn quốc tế (BCG, TheCityUK, TBI, FSVC...) để triển khai một số hoạt động nghiên cứu, tham vấn chính sách bước đầu và kết nối với một số định chế tài chính lớn của thế giới như Quỹ Warburg Pincus, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Standard Chartered... Hiện, UBND TP. Đà Nẵng đang xây dựng nội dung Đề án

- Về đầu tư hạ tầng y tế, nâng cấp, hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện. Bệnh viện Trung ương Huế đang tiếp tục tập trung xây dựng và phát triển để trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước, tiến tới đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, hiện đang xây dựng phê duyệt “Đề án phát triển Bệnh viện Trung ương Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế” trong năm 2023. Đồng thời, một số bệnh viện đa khoa tỉnh trong vùng được định hướng đảm nhận vai trò là bệnh viện vùng theo các Nghị quyết của trung ương hoặc Quyết định của Chính phủ, bao gồm 05 bệnh viện là BV Hữu nghị ĐK Nghệ An, BVĐK tỉnh Thanh Hoá, BV Đà Nẵng, BVĐK tỉnh Khánh Hoà, BVĐK tỉnh Bình Định.

Các huyện đảo trong Vùng, như huyện đảo Trường Sa, Lý Sơn... đã được quan tâm phát triển hệ thống y tế. Huyện Trường Sa có 03 trạm y tế. Tại huyện Lý Sơn một BV hạng III sắp được hoàn thành với quy mô 100 giường bệnh, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho cán bộ, quân và hơn 22.000 người dân trên đảo.

- Về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia: Bộ Giáo dục đào tạo đang hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng kế hoạch thực hiện gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển nguồn nhân lực vùng; phát triển thêm một số đại học quốc gia trong đó có Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng trở thành các đại học thuộc nhóm hàng đầu châu Á.

² Năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 05 đề án quy hoạch Khu kinh tế ven biển, Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định 05 đề án quy hoạch đô thị. Triển khai nhiệm vụ phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hòa trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu “Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh”. Tỉnh Khánh Hòa đang hoàn thiện các điều kiện cần thiết, làm cơ sở trình các cấp có thẩm quyền Đề án xây dựng Khánh Hoà đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tổng thể xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Thời gian thực hiện trong năm 2024-2025...

- Về cơ sở vật chất trường nghề: hiện có 402 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chiếm 21,09% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước. Cả vùng trong đó 272 cơ sở công lập và 130 cơ sở tư thục; trong đó: 84 trường cao đẳng, 85 trường trung cấp và 233 Trung tâm GDNN-GDTX. Có 11 trên 45 trường cao đẳng trên cả nước được lựa chọn để ưu tiên đầu tư tập trung theo tiêu chí chất lượng cao. Tổng số giáo viên là 15.136 người, trong đó có 5.189 giáo viên nữ. Tổng số tuyển sinh của vùng là 343.293 người, chiếm 17,13% của cả nước. Trong đó: Cao đẳng là 21.128 người, trung cấp: 40.915 người và sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng: 281.250 người. Số tốt nghiệp là 315.822 người, chiếm 18,38% cả nước. Trong đó: Cao đẳng là 18.298 người, trung cấp: 30.182 người và sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng: 267.342 người.

3.2 Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi nội vùng và liên vùng.

a) Đường bộ, cao tốc trọng điểm, liên vùng

- Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng: đến nay đã hoàn thành và đưa vào khai thác 661km/1.476km, đang triển khai đầu tư 1.231km các đoạn còn lại. Dự kiến đến hết năm 2024 hoàn thành thêm khoảng 128km (đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt và Cam Lâm - Vĩnh Hảo). Dự kiến đến cuối năm 2025 cơ bản hoàn thành tuyến cao tốc bắc - Nam qua vùng góp phần thông tuyến từ cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) - Cà Mau theo đúng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 tại Đại hội đảng XIII.

- Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, đến nay, toàn bộ 03 dự án thành phần đã hoàn thành phê duyệt dự án và tổ chức khởi công vào ngày 18/6/2023, dự kiến cơ bản hoàn thành năm 2026 và khai thác đồng bộ năm 2027.

- Tuyến cao tốc Hà Nội - Yên Bái (đoạn qua Nghệ An): đã thông qua báo cáo cuối kỳ với phương án hướng tuyến Yên Bái - Lạc Sơn - Yên Bái - Yên Bái - Thanh Thủy - Hà Nội, Bộ GTVT đang phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm việc với các Nhà tài trợ để kêu gọi nguồn vốn đầu tư.

- Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo: Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Quảng Trị làm cơ quan chủ quản. Hiện nay, UBND tỉnh Quảng Trị đang tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án.

- Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y: Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y dài 281 km, quy mô 4 làn xe, tiến trình đầu tư sau năm 2030. Trong thời gian tới Bộ GTVT sẽ lập Báo cáo NCKT và phối hợp với các tỉnh trong vùng dự án để huy động nguồn vốn đầu tư.

- Tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng dài 1.636km (cả nước 3.034 km). Đến 2023, các đoạn tuyến đường ven biển đi trùng quốc lộ (QL.1) trong Vùng đã được Bộ GTVT đầu tư hoàn thành theo quy hoạch, các đoạn không đi trùng quốc lộ, các địa phương đã bố trí các nguồn vốn đầu tư kế hoạch trung hạn 2021-2025 để hoàn thành toàn tuyến trước năm 2030.

b) Về đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trực ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển:

Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ngoài các tuyến cao tốc trục ngang (Vinh - Thanh Thủy, Cam Lộ - Lao Bảo), tình hình đầu tư đến hết năm 2023 như sau:

+ Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku: theo quy hoạch có chiều dài khoảng 180 km, quy mô 4 làn xe, tiến trình đầu tư sau năm 2030. Theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ "đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng, trong đó có tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku". UBND tỉnh Gia Lai đang chủ trì nghiên cứu phương án đầu tư dự án xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, trong đó ưu tiên phương án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

+ Các tuyến cao tốc có lộ trình đầu tư sau năm 2030, gồm Vũng Áng - Cha Lo (115km, 4 làn xe), Quảng Nam - Quảng Ngãi (100km, 4 làn xe), Phú Yên - Đắc Lắc (220km, 4 làn xe), Nha Trang - Liên Khương (85km, 4 làn xe): Bộ GTVT đang phối hợp với các tỉnh trong vùng dự án nghiên cứu đầu tư khi tính toán, cân đối được nguồn vốn.

c) Về nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng:

Hiện đã hoàn thành đưa vào khai thác công trình nhà ga T2 Cảng HKQT Phú Bài với công suất 5,0 triệu hành khách/năm; đã chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Đồng Hới với công suất khoảng 3,0 triệu hành khách và đang lập BCNCKT dự kiến khởi công quý III/2024; đang triển khai dự án cải tạo nhà ga hành khách cảng hàng không Vinh, dự kiến hoàn thành năm 2024; xây dựng hạ tầng kỹ thuật phía Bắc cảng HKQT Đà Nẵng, dự kiến hoàn thành năm 2024.

Về cảng hàng không Quảng Trị: UBND tỉnh Quảng Trị đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tháng 8/2023, cảng hàng không cấp 4C, có khả năng đỗ tàu bay code E và sân bay quân sự cấp II đáp ứng nhu cầu khai thác đến 5 triệu lượt hành khách/năm và 25.500 tấn hàng hóa/năm, hiện đang thực hiện hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Về đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết: Cảng hàng không Phan Thiết được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh là cảng hàng không quốc nội cấp 4E với vai trò là sân bay dùng chung dân dụng và quân sự, công suất thiết kế hành khách 2 triệu hành khách/năm tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 23/02/2018; Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 1925/QĐ-BGTVT ngày 29/8/2018. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông báo số 65/TB-BKHĐT ngày 25/12/2023 Kết luận cuộc họp của Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không Phan Thiết, hạng mục hàng không dân dụng theo hình thức hợp đồng BOT. Hiện nay, UBND tỉnh Bình Thuận đang tập trung chỉ đạo các đơn vị có liên quan giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấm dứt hợp đồng BOT trước thời hạn và tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà đầu tư thay thế thực hiện dự án Cảng hàng không Phan Thiết, hạng mục hàng không dân dụng theo hình thức hợp đồng BOT dự kiến trong tháng 3/2024

d) Về tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa. Nâng

cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng. Hiện nay đang tập trung nguồn lực triển khai: (i) cảng biển Thanh Hóa: đang triển khai dự án cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn, dự kiến hoàn thành trong năm 2024; (ii) cảng biển Nghệ An: đang nghiên cứu cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Lò cho tàu 30.000 DWT đầy tải, 50.000 DWT giảm tải để dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030; (iii) cảng biển Đà Nẵng: thành phố Đà Nẵng đang triển khai đầu tư hạ tầng dùng chung (đê chắn sóng, luồng tàu...) khu bến Liên Chiểu, dự kiến hoàn thành năm 2025; (iv) cảng biển Khánh Hòa: đang nghiên cứu cải tạo, nâng cấp luồng Ba Ngòi cho tàu 50.000 DWT để dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030.

e) Về kêu gọi vốn đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với khu vực Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực. Tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ: hiện nay Bộ GTVT đang giao Liên danh Công ty Petroleum Trading Lao Pulic (PretroTrade) - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả là Nhà đầu tư đề xuất dự án thực hiện lập Báo cáo NCKT dự theo phương thức PPP; hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án trước ngày 10/10/2024. Đối với tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên), Bộ GTVT triển khai nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết làm cơ sở để kêu gọi vốn đầu tư.

4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

4.1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng.

- Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua, trong đó đã hoàn thiện các chính sách lớn như: (1) an ninh nguồn nước; (2) điều hoà, phân phối nước; (3) nguồn lực thực hiện Luật; (4) khôi phục các dòng sông bị suy thoái cạn kiệt; (5) cơ sở dữ liệu tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia đối với lĩnh vực tài nguyên nước.

- Hoàn thiện dự án Luật Đất đai (sửa đổi); Dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản.

- Chính phủ đã hành 01 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước (Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023); Về Quy hoạch tài nguyên nước: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 quyết định phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đảm bảo tính liên kết, thống nhất, bền vững, cụ thể: (i) Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023);

- Xây dựng dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023); Khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 93 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đối với 10 loại khoáng sản (Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 1/11/2023). - Xây dựng Dự thảo Luật Địa chất và Khoáng sản thay thế Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 nhằm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước đối với ngành địa chất, khoáng sản, phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, khắc phục những tồn tại, bất cập nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về địa chất và tài nguyên khoáng sản, thúc đẩy hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trong giai đoạn mới.

- Hoàn thành sản phẩm cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia các tỷ lệ và bản giao, cung cấp cho Bộ, ngành, địa phương phục vụ kịp thời công tác lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hạ tầng đô thị, chuyển đổi số... khu vực các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và đồng thời thúc đẩy các hoạt động liên kết vùng đảm bảo đồng bộ, nhất quán và hiệu quả.

4.2 Về nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lồng ghép các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm giảm phát thải khí nhà kính và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu cho vùng. Điều tra, khảo sát, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Các địa phương đã được hướng dẫn về triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan thiên nhiên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái và bồi hoàn đa dạng sinh học, quản lý khu dự trữ sinh quyển theo quy định của pháp luật;

- Bộ TN&MT đã trình Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông Mã, Cả, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc và Kôn - Hà Thanh, bảo đảm sử dụng tổng hợp nguồn nước và phòng chống tác hại do nước gây ra, sử dụng hợp lý, hiệu quả hơn nguồn nước của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; gắn chế độ vận hành của công trình với các yêu cầu về phòng, chống lũ và điều tiết nước dưới hạ du các hồ để đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

Về chỉ tiêu môi trường của vùng đến 2023, tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 93,73%, tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý 99,96%, tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung: 43,93% (có 29/66 Khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung), đối với các KCN còn lại, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong KCN đã tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

5. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng

- Vùng BTBDHMT cần chú trọng đặc biệt tới phát triển mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế tư nhân, y tế dự phòng để nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và phòng tránh dịch bệnh. Số bệnh viện chuyên khoa hạng 1 tuyến TW trên địa bàn vùng có 4 bệnh viện với 1.040 giường bệnh tập trung chủ yếu vào các chuyên khoa ngoại, sản, nhi, lao và bệnh phổi, ung bướu, mắt, răng - hàm - mặt, tai - mũi - họng, tâm thần, lão khoa, nội tiết, huyết học và truyền máu, lâm sàng nhiệt đới, phong, da liễu, điều dưỡng phục hồi chức năng và y học cổ truyền. Bên cạnh hệ thống bệnh viện tuyến TW thuộc ngành y tế quản lý nói trên, toàn vùng hiện có 2 bệnh viện tuyến TW thuộc sự quản lý của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng là Bệnh viện Quân y 17 và Bệnh viện 87 - Tổng cục Hậu cần. Các bệnh viện này có nhiệm vụ khám chữa bệnh cho người dân trong tỉnh và các tỉnh trong tiểu vùng để tăng cường khả năng tiếp cận của người dân và góp phần giảm tình trạng quá tải của các bệnh viện tuyến cuối ở các thành phố lớn; chỉ đạo tuyến cho các cơ sở y tế của các tỉnh trong tiểu vùng; hỗ trợ kỹ thuật cho các bệnh viện của tỉnh khác trong tiểu vùng và đào tạo thực hành.

- Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025 và Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ GDĐT đã bổ sung các yêu cầu về rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng của giáo dục đại học đối với các cơ sở giáo dục đại học trở thành tiêu chí quan trọng và bắt buộc. Trong đó có các tiêu chí như cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện... Đối với các đề án mở ngành theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã quy định cụ thể về cơ sở vật chất tại Khoản 3 Điều 3 của Thông tư.

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp: Triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, các địa phương đang thực hiện việc rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao. Tăng cường đào tạo các ngành, nghề mới và các kỹ năng nghề mới cho một số ngành, nghề ở trình độ cao đẳng, trung cấp. Ưu tiên các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo lại nâng cao kiến thức, kỹ năng gắn với chuyển đổi việc làm cho người lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: Các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm đưa các kết quả ứng dụng vào thực tiễn sản xuất góp phần phát triển kinh tế-xã hội của vùng cũng đang được các cơ sở giáo dục đại học nỗ lực thực hiện mặc dù còn nhiều vướng mắc về cơ chế chính sách, pháp lý. Điển hình như Đại học Huế, năm 2013 chỉ từ 6 hợp đồng chuyển giao công nghệ với trị giá 510 triệu đồng đến năm 2022 Đại học Huế đã có 10 hợp đồng chuyển giao với trị giá gần 2,5 tỷ đồng; Đại học Đà Nẵng đã có khoảng 4 hợp đồng chuyển giao công nghệ (từ năm 2019-2022) với

giá trị khoảng 2.1 tỷ đồng. Bên cạnh những kết quả về chuyển giao công nghệ, thương mại hóa thì hoạt động sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học cũng đã có những chuyển biến tích cực và đột phá. Từ năm 2013-2023, Đại học Huế có gần 20 hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước, trong đó đã được cấp 04 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, 03 Giấy chứng nhận nhãn hiệu và 03 Chứng nhận bản quyền tác giả; Đại học Đà Nẵng được cấp 7 bằng sáng chế, Trường Đại học Nha Trang được cấp 02 bằng độc quyền sáng chế trong năm học 2022-2023.

- Thực hiện đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia: đến năm 2023, ước có khoảng 49 đơn vị cấp huyện huyện đạt chuẩn NTM, chiếm 18,35% so với cả nước và có 1584/2.156 xã đạt chuẩn NTM, đạt 73,5% tổng số xã (chiếm 26,12% so với cả nước), xấp xỉ tỷ lệ chung của cả nước (74,25%) và tăng khoảng 5% so với năm 2022. Trong số xã đạt chuẩn NTM, có 271 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (chiếm 17,13% so với cả nước) và có 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (chiếm 14,69% so với cả nước). Cả nước có 18/63 tỉnh hoàn thành và hoàn thành vượt mục tiêu năm 2023 được giao (tại Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó vùng BTBDHTB có 03 địa phương là Hà Tĩnh, Đà Nẵng và Phú Yên. Tuy nhiên, hiện trong vùng còn 02 tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Số lượng xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực II, III) vùng DTTS và MN, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM còn rất hạn chế. Đặc biệt, đến nay trong vùng BTBDHTB vẫn còn 06 huyện nghèo, chiếm tỷ lệ 37,5% tổng số huyện nghèo cả nước là trắng xã NTM” .

- Đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hóa, nhất là một số công trình văn hóa tiêu biểu của vùng: hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở các cấp các tỉnh, thành phố khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ được quan tâm đầu tư, hiện có 14 Trung tâm văn hoá cấp tỉnh, trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, trung tâm Văn hóa - Điện ảnh; cấp huyện có 168/170 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ 98,8%; cấp xã có 2098/2558 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 82%; cấp thôn có 17.832 làng, thôn, bản... có nhà văn hoá. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của Đảng, Nhà nước; tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản văn hóa được tổ chức UNESCO vinh danh. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu, xây dựng Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải trung Bộ nghiên cứu, tham gia góp ý xây dựng Quy hoạch vùng và Quy hoạch các tỉnh/thành phố trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, tập trung đóng góp những nội dung cụ thể liên quan đến phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao và du lịch của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải trung Bộ nói chung và từng địa phương trong vùng nói riêng, phù hợp với định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao và du lịch của cả nước trong thời kỳ 2021 - 2030 và điều kiện thực tế của vùng, của từng địa phương.

Hiện nay, UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh TT-Huế đã chỉ đạo xây dựng Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo xây dựng Đề án trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng và phía Nam của vùng.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Các địa phương trong Vùng đã phối hợp các lực lượng quốc phòng, an ninh duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ), quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ và thực hiện hiệu quả việc giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn cả nước nhất là các địa bàn trọng điểm,...

- Bộ Ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với phía Mỹ để triển khai Chương trình Đối tác Thái Bình Dương các năm 2022 - 2023 tại Phú Yên và Quảng Ngãi; thúc đẩy hợp tác trong khắc phục hậu quả bom mìn, triển khai các đội tìm kiếm MIA tại các địa phương trong Vùng. Thực hiện nhiều hoạt động đối ngoại của lãnh đạo các địa phương vùng BTBDHTB, tiêu biểu như: tỉnh Thanh Hóa đón đoàn Chủ tịch Liên minh nghị sỹ hữu nghị Nhật - Việt Nikai Toshihiro và tổ chức Hội nghị “Thanh Hóa - Nhật Bản đẩy mạnh hợp tác, phát triển nhanh và bền vững” (06 - 08/5/2023); Ký kết các văn kiện, thỏa thuận, cam kết hợp tác của các địa phương với các đối tác nước ngoài, tiêu biểu như: MOU giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Kyoto, Nhật Bản, MOU giữa Tp. Đà Nẵng và tỉnh Jeju, Hàn Quốc (7/2023); MOU giữa tỉnh Quảng Bình và tỉnh Yamanashi, Nhật Bản (10/2023), MOU giữa tỉnh Thanh Hóa và Tập đoàn Sumitomo, Nhật Bản, MOU giữa tỉnh Thanh Hóa và Tổng công ty đất đai, nhà ở Hàn Quốc (6/2023)...

- Về vận động, thu hút các nguồn vốn đầu tư và tài trợ quốc tế đối với các địa phương trong Vùng. Thúc đẩy sử dụng kinh phí từ Quỹ dự án tác động nhanh trong khuôn khổ hợp tác Mê Công - Sông Hằng, các nước Vùng Vịnh, Quỹ Cô-ôét Phát triển kinh tế Ả-rập (KFAED), Quỹ Phát triển Ả-rập Xê-út (SFD), Quỹ Phát triển Abu Dhabi (ADFD) của UAE và Quỹ Ca-ta tiếp tục tài trợ ODA cho các dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của Việt Nam.

7. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính

Đã tổ chức sơ kết thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, để tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị, Chính phủ đã đề nghị Quốc hội cho phép đưa vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội năm 2024 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2020/QH14 nêu trên. Trong thời gian tới, trên cơ sở thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng (cùng với Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội) theo Nghị quyết của Quốc hội, sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá tổng thể, toàn diện về hiệu quả của từng mô hình tổ chức chính quyền đô thị trên cơ sở so sánh, đối chiếu giữa các mô hình đang được thực hiện ở các thành phố; chỉ ra ưu, nhược điểm của từng mô hình.

- Căn cứ Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Chính phủ đã trình

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 và Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 về Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, các địa phương (trong đó có các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ) đang xây dựng Phương án triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ (trong đó có việc thành lập các ĐVHC đô thị và mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp).

Đồng thời, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đang triển khai xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 bảo đảm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; nâng cao tỷ lệ đô thị hóa; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế đang xây dựng Đề án thành lập thành phố trực thuộc Trung ương; các quận, thị xã thuộc thành phố; các phường thuộc quận, thị xã trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, sẽ xây dựng mô hình đô thị trực thuộc Trung ương phù hợp với các quy hoạch vùng, quy hoạch của địa phương (bao gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan); bảo đảm phù hợp, thống nhất với phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và có tính đến việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của các tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 theo định hướng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ.

- Về nội dung tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền: Bộ Nội vụ đã hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và trên cơ sở nội dung phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để nghiên cứu đề nhân rộng mô hình phân cấp tại địa phương. Về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: các địa phương đang tập trung chỉ đạo, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn theo phân cấp của Chính phủ tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Đối với các tỉnh, thành phố có cơ chế đặc thù, đã phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan để báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội cơ chế trao quyền chủ động cho địa phương trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (bao gồm cả các cơ quan chuyên môn).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức tiếp tục được đổi mới theo hướng gắn với vị trí việc làm và chức danh công chức. Bộ Nội vụ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 Phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023 - 2025". Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn vùng, trọng tâm là các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động: "Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí"; "Cả nước chung sức xây

dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”; “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”, triển khai Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025”;

IV. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

(1) Tăng trưởng kinh tế mặc dù cao hơn bình quân cả nước nhưng thấp hơn nhiều so mục tiêu đặt ra, chưa phát huy có hiệu quả lợi thế của vùng. GRDP bình quân đầu người của vùng còn thấp mới đạt 74% bình quân chung cả nước, trong đó GRDP/người trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản rất thấp (đây là khu vực có lực lượng lao động chiếm tỷ trọng cao).

(2) Phát triển kinh tế biển chưa có tính đột phá, 6 ngành kinh tế trọng điểm đóng góp chưa rõ nét, chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế: du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi, các ngành kinh tế biển mới...

(3) Tăng trưởng công nghiệp – xây dựng còn thấp, nhiều địa phương chưa chủ động nghiên cứu để phát triển ngành công nghiệp trọng điểm, hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có nhiều chuyển biến, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, chưa có sự gắn kết với nhau và với các hành lang kinh tế, các khu kinh tế cửa khẩu; chưa phát huy được ở mức cao nhất lợi thế của các hạ tầng kinh tế khác như sân bay, cảng biển gắn kết với định hướng phát triển của tỉnh, của vùng.

(4) Sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của vùng còn nhỏ lẻ, chậm đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất. Các khâu từ sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, quảng cáo thương hiệu, truy xuất nguồn gốc,... còn thiếu đồng bộ, chưa chuyên nghiệp. Chậm thực hiện việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, từ phát triển đơn ngành sang hợp tác, phát triển đa ngành.

(5) Du lịch có bước phát triển nhưng việc cơ cấu lại ngành du lịch còn chậm, chưa có cơ chế, chính sách đột phá để huy động các nguồn lực; dịch vụ du lịch chưa chuyên nghiệp, còn thiếu sản phẩm du lịch đặc sắc, chất lượng hoạt động du lịch nhiều khâu chưa đồng bộ.

(6) Thể chế liên kết vùng đã dần hoàn thiện, nhưng các cơ chế, chính sách liên kết vùng chưa đồng bộ, chưa đủ pháp lý để đảm bảo việc thực thi quyết nghị của Hội đồng các vùng hiệu quả.

(7) Nguồn vốn đầu tư phát triển còn hạn chế, huy động nguồn lực các địa phương trong vùng còn thấp. Hạ tầng giao thông, đường cao tốc Bắc - Nam đang trong giai đoạn đầu tư, hệ thống đường ngang, từ Đông sang Tây chưa được đầu tư nâng cấp; Phát triển kết cấu hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là về pháp lý liên quan đến: chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng; quản lý khoáng sản là vật liệu thông thường; hệ thống thông tin kết nối chưa đồng bộ, nguồn nhân lực chưa được huy động và sử dụng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao.

2. Nguyên nhân của các hạn chế

(1) Đại dịch Covid 19 năm 2019-2020 tác động tiêu cực đến thị trường sản phẩm, hàng hóa năm 2023, làm giảm nhu cầu và thay đổi xu hướng tiêu dùng, dẫn tới đơn hàng, đơn giá, thị trường xuất khẩu sụt giảm mạnh. Chi phí vốn, lãi suất, chênh lệch tỷ giá, chi phí sản xuất, logistics tăng cao, đứt gãy chuỗi cung ứng, khó khăn về dòng tiền, bao gồm vốn lưu động và vốn đầu tư trung, dài hạn, nguyên nhân do thị trường đầu ra của doanh nghiệp giảm sút về đơn hàng, trong khi đó các kênh huy động vốn khác bị khó khăn.

(2) Cơ chế quản lý, phân công, phân cấp trong phát triển kinh tế biển chưa cụ thể, mô hình thí điểm phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển, khu kinh tế đảo, khu khoa học công nghệ biển, khu công viên công nghệ cao, ... chậm được nghiên cứu; Cơ chế, chính sách đặc thù cho thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn làm hạt nhân thúc đẩy phát triển và liên kết cộng tác với nhau trong sản xuất kinh doanh chưa được ban hành; nội dung nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế biển còn thiếu đồng bộ, chưa thực sự gắn kết giữa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị có liên quan.

(3) Thiếu chính sách phù hợp, đồng bộ để định hướng, khuyến khích phát triển du lịch theo đúng tính chất của một ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và nội dung văn hóa, nghệ thuật sâu sắc. Sự phối hợp liên ngành, liên vùng hiệu quả còn thấp; đầu tư còn dàn trải, chưa huy động được nhiều nguồn lực của xã hội cho phát triển du lịch. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chưa được quan tâm đúng mức.

(4) Công tác cập nhật, phổ biến, hướng dẫn, giải đáp các quy định pháp luật còn nhiều bất cập nhất là các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, dẫn tới có cùng vấn đề nhưng cách hiểu khác nhau, nơi thì làm nhanh, kết quả tốt, nơi thì vướng mắc kéo dài. Việc tổ chức thi hành pháp luật còn thiếu chủ động, phản ứng chậm, phụ thuộc vào sự chỉ đạo, khẳng định, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương. Sự chùng chểo, mâu thuẫn trong một số quy định của pháp luật hiện hành. Một số quy định, thủ tục hành chính còn phức tạp; một số quy định tại các văn bản pháp luật chưa thống nhất, chưa rõ ràng, được hiểu theo nhiều cách khác nhau, việc thực hiện có thể dẫn đến rủi ro cho cấp triển khai. Ví dụ như: quy định trong phòng cháy, chữa cháy, hoàn thuế VAT,...;

(5) Công tác chỉ đạo, điều hành nhất là của người đứng đầu ở một số địa phương còn chưa sâu sát, phân công, phân nhiệm chưa rõ ràng, kiểm tra giám sát chưa thường xuyên. Tâm lý e ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 168/NQ-CP của Chính phủ đã được các bộ, ngành Trung ương và đảng bộ, chính quyền, nhân dân 14 địa phương trong vùng nghiêm túc nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

Tám nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Chính phủ đã được triển khai, phân công cho các cấp, các ngành trung ương và các địa phương, đã xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện đồng bộ. Sau hơn 1 năm thực hiện Nghị quyết, nhận thức của các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng ngày càng được nâng cao; sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị được huy động; nhiều điểm nghẽn đối với phát triển dần được khơi thông, tiềm năng, lợi thế của vùng và từng địa phương trong vùng đang được phát huy; đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực: kinh tế vùng tăng trưởng 5,51% cao hơn bình quân chung cả nước, cơ cấu GRDP tiếp tục chuyển dịch tích cực, tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn bình quân chung cả nước, tăng dần tỷ lệ đóng góp của vùng vào thu ngân sách cả nước, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 73,47%, tỷ lệ lao động qua đào tạo 67,7%, trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ 26,7%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm 1,1%, tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định trên 54%, trên 78% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tư duy về liên kết vùng dần được đổi mới; đã tăng cường hoạt động của Hội đồng điều phối vùng, cơ chế điều phối, kết nối vùng đang dần hoàn thiện, có hiệu quả cao hơn; tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương với các địa phương; hình thành cơ chế điều phối các tiểu vùng; ban hành hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để quản lý, điều tiết vùng. Triển khai nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để tạo đột phá cần thiết cho vùng và một số địa phương trọng điểm. Đã hoàn thành công tác quy hoạch tỉnh; Nguồn vốn ngân sách nhà nước đã tập trung đầu tư, nhất là đầu xây dựng hạ tầng giao thông, đường cao tốc, cảng biển, sân bay cho hạ tầng vùng;

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng năm 2023 còn thấp so mục tiêu, GRDP bình quân đầu người của vùng còn thấp, phát triển kinh tế biển chưa có tính đột phá; hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có nhiều chuyển biến, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, du lịch có bước phát triển nhưng việc cơ cấu lại ngành du lịch còn chậm, chưa có cơ chế, chính sách đột phá để huy động các nguồn lực; thể chế liên kết vùng đã dần hoàn thiện, nhưng các cơ chế, chính sách liên kết vùng chưa đồng bộ, chưa đủ pháp lý để đảm bảo việc thực thi quyết nghị của Hội đồng các vùng hiệu quả; hệ thống đường ngang, từ Đông sang Tây chưa được đầu tư nâng cấp; pháp lý liên quan đến: chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng; quản lý khoáng sản là vật liệu thông thường còn bất cập; hệ thống thông tin kết nối chưa đồng bộ, nguồn nhân lực chưa được huy động và sử dụng hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao.

Đối với nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương việc cập nhật, phổ biến, hướng dẫn, giải đáp các quy định pháp luật còn nhiều bất cập, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; Việc tổ chức thi hành pháp luật còn thiếu chủ động, phản ứng chậm chạp, phụ thuộc vào sự hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ. Công tác chỉ đạo, điều hành nhất là của người đứng đầu ở một số địa phương còn chưa sâu sát, phân công, phân nhiệm chưa rõ ràng, kiểm tra giám sát chưa thường xuyên. Tâm lý e ngại, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức.

Gửi kèm theo Báo cáo các Phụ lục sau:

- Phục lục: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KTXH chủ yếu của Vùng BTBDHTB năm 2023;

- Phục lục: tình hình thực hiện nhiệm vụ, đề án cụ thể chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị;

- Phục lục: Tình hình triển khai các danh mục dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị do các bộ, ngành và địa phương thực hiện.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng BTBDHTB trong năm 2024

Tình hình thế giới, khu vực sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; hậu quả của đại dịch COVID-19 còn tác động kéo dài. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, xung đột tại Ukraine và dải Gaza nhiều khả năng còn kéo dài. Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát, chính sách tiền tệ của một số nền kinh tế lớn còn chứa đựng yếu tố bất định. Các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu trở thành rủi ro thường trực, tác động ngày càng nặng nề.

Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam được nâng cao, chính trị - xã hội ổn định; mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng với nhiều hiệp định thương mại tự do, nhất là các hiệp định tự do thế hệ mới được đàm phán, ký kết và thực thi, đang đưa lại cơ hội mở rộng thị trường và thu hút đầu tư đối với vùng, nhất là đối với những ngành và lĩnh vực mà vùng có tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế biển.

Vùng BTBDHTB luôn được Đảng và Nhà nước xác định có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, xã hội, chính trị và quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh biển, đảo luôn được quan tâm, ưu tiên trong chính sách đầu tư và phát triển. Vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế cho phát triển nhanh và bền vững nhất là kinh tế biển; là nơi kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây với đường hàng hải quốc tế; là nơi có vị trí địa lý chiến lược về giao lưu kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây; có tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú và nhiều di sản văn hóa đặc sắc, nhiều cơ sở hạ tầng kinh tế quan trọng. Sự vươn lên mạnh mẽ của một số địa phương trong vùng và sự phát triển nhanh của vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam bộ đã bước đầu tạo động lực và có những tác động lan tỏa nhất định đối với sự phát triển của cả vùng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 là định hướng quan trọng để các bộ, ngành, địa phương hoạch định chiến lược phát triển ngành và các vùng thời gian tới nhằm tổ chức không gian lãnh thổ hợp

lý và phát huy cao nhất các lợi thế đặc thù của vùng. Đặc biệt, Bộ Chính trị đã ban hành 05 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội một số địa phương trong vùng, mở đường cho các cơ chế, chính sách và bổ sung nguồn lực để các địa phương phát triển nhanh, bền vững, trở thành các cực tăng trưởng, trung tâm của vùng và tiểu vùng với những tác động lan toả, tích cực cho phát triển của toàn vùng.

Phát triển vùng trong thời gian tới có nhiều khó khăn, sức ép lạm phát còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; nhu cầu các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam tiếp tục suy giảm; các yêu cầu về chất lượng ngày càng tăng, các hàng rào thuế quan, hàng rào kỹ thuật ngày càng khắt khe với nguy cơ làm giảm thu nhập và nhu cầu từ bên ngoài đối với các sản phẩm và dịch vụ mà vùng đang có thế mạnh như du lịch, thủy sản; CMCN 4.0 đang đặt ra các thách thức lớn về năng lực nghiên cứu, hấp thụ và khả năng bắt kịp, nhất là về chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng phù hợp, trong khi đây đang là điểm yếu của vùng; năng lực tiếp cận nền kinh tế số, xã hội số còn hạn chế; một số cơ chế, chính sách chưa thực sự phù hợp, chậm được điều chỉnh với đặc thù phát triển của vùng đang tạo ra rủi ro cạnh tranh lẫn nhau và là rào cản đối với thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Năm 2024 và các năm tiếp theo tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 26-NQ/TW, Nghị quyết số 168/NQ-CP và chương trình, kế hoạch hành động nhằm triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ.

Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện, phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh để hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Các cấp, các ngành và các địa phương tiếp tục quán triệt và tập trung thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Tiếp tục thực hiện đổi mới tư duy phát triển, tạo đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động:

- Phát triển nhanh, bền vững tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng và các địa phương trong vùng; nâng cao trình độ và thu nhập của người dân trong vùng là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược của các địa phương trong vùng và cả nước.

- Phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ phù hợp với các chiến lược phát triển quốc gia, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 ban hành kế hoạch kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung phát triển các ngành kinh tế biển trở thành vùng mạnh về biển, giàu từ biển; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả kết cấu hạ tầng hiện có, các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, hệ thống đô thị ven biển, các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các trung tâm vùng và vùng động lực.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Phát

triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; Đẩy mạnh liên kết nội vùng, giữa vùng với các vùng khác trong nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với nước bạn Lào, các nước tiểu vùng sông Mê Công. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển vùng và các tiểu vùng. Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng và biển; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa của vùng. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

2. Phân đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu KT-XH đến năm 2030 của Vùng: Giai đoạn 2021-2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7-7,5%/năm; GRDP vùng tăng từ 2,5-3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), cơ cấu nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,7%, dịch vụ chiếm khoảng 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 10,3%; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành). Thu ngân sách chiếm khoảng 20-25% cả nước; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47-48%; Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35-40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1-1,5%/năm, trong đó tỷ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm; Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 90%; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

3.1 Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, cơ chế Hội đồng điều phối Vùng đảm bảo các quy định pháp lý, cơ chế, chính sách liên kết vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả và có kỷ luật, kỷ cương nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng BTBDHTB.

- Rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành và đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Xây dựng “Đề án Phát triển bền vững khu vực phía Tây” trên cơ sở phát huy cao nhất các tiềm năng lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế cửa khẩu, rừng và lịch sử, văn hoá; tăng cường kết nối hữu cơ khu vực Đông - Tây thông qua các hành lang kinh tế.

- Tập trung nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền để hình thành các cụm liên kết ngành kinh tế biển ở phạm vi liên tỉnh gắn với các trung tâm kinh tế biển theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao vai trò, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của các địa phương trong quản lý, phát triển kinh tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn làm hạt nhân thúc đẩy phát triển và liên kết cộng tác với nhau trong sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục nghiên cứu để trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp lý bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng.

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch liên tỉnh như Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa. Nghiên cứu quy hoạch phát triển các khu vực liên tỉnh như Bắc Quảng Nam - Nam thành phố Đà Nẵng; Bắc Phú Yên - Nam Bình Định. Tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế như Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; La Lay - Mỹ Thủy; Cầu Treo - Vũng Áng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Vân Phong - Buôn Ma Thuột; Phú Yên - Đắk Lắk.

- Nghiên cứu và trình cấp có thẩm quyền cơ chế đầu tư phát triển du lịch Vùng, coi đây là ngành có tính chất của ngành kinh tế dịch vụ tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, gắn kết với văn hóa, nghệ thuật sâu sắc; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch chưa được quan tâm đúng mức.

- Hoàn thành hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng. Các thông tin, dữ liệu mang tính cập nhật về chủ trương, chính sách, thể chế, chương trình hợp tác, hoạt động hợp tác đa phương, song phương nội vùng và liên vùng, thể hiện rõ các thông tin, các mối quan hệ liên kết cơ bản, quan trọng nhất đối với từng vùng, từng địa phương.

3.2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Các địa phương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Quán triệt chủ trương, lấy quy hoạch là công cụ điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý, phân công, phân cấp trong phát triển kinh tế biển, thí điểm mô hình phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển, khu kinh tế đảo, khu khoa học công nghệ biển, khu công viên công nghệ cao, ... ở những nơi hội đủ điều kiện; thực hiện đồng bộ, có hệ thống nhằm phát triển các ngành kinh tế biển, gắn kết giữa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị có liên quan.

- Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới.

- Hình thành tổ chức phát triển theo các tiểu vùng:

+ Tiểu vùng Bắc Trung Bộ gồm 5 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị. Phát triển Tiểu vùng Bắc Trung Bộ trở thành khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ, đô thị biển của Vùng và cả nước, trong đó: thành phố Vinh là trung tâm kinh tế, văn hóa của tiểu vùng; Thanh Hoá là một cực tăng trưởng mới, gắn với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc.

+ Tiểu vùng Trung Trung Bộ gồm 5 tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Phát triển Tiểu vùng Trung Trung Bộ trở thành tiểu vùng động lực của Vùng và là khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ cao cấp, đô thị biển. Tập trung phát triển các khu vực ven biển thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi trở thành vùng động lực miền Trung của cả nước

+ Tiểu vùng Nam Trung Bộ gồm 4 tỉnh, thành phố: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận. Phát triển tiểu vùng Nam Trung Bộ trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng, dịch vụ du lịch, đô thị ven biển của cả nước.

- Phát triển bền vững khu vực phía Tây trên cơ sở phát huy cao nhất các tiềm năng lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế cửa khẩu, rừng và lịch sử, văn hoá; tăng khả năng chống chịu trong phòng chống thiên tai và kết nối hữu cơ với các vùng khác trong vùng. Khuyến khích phát triển các mô hình kết hợp sản xuất nông lâm bền vững, mô hình liên kết nông dân và doanh nghiệp sản xuất lâm nghiệp, trồng rừng và bảo vệ rừng tăng độ che phủ rừng và phục hồi rừng tự nhiên ở khu vực Trung du và miền núi nhất là đầu nguồn trong nội địa phía Tây của vùng.

- Hoàn thành xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt “Đề án Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất”; đưa vào Quy hoạch điện VIII một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen. Triển khai thực hiện quy hoạch Vùng theo chủ trương phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng.

- Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển; rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng để tăng cường liên kết, hạn chế cạnh tranh trong phân bổ, thu hút các nguồn lực.

- Tổ chức triển đồng bộ và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022; các quy hoạch, kế hoạch, Chương trình, Đề án liên quan trên địa bàn các tỉnh trong Vùng. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất NLTS theo hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; Phát triển và đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho nông sản, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của Vùng; Phát triển các doanh nghiệp đầu tàu để xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn và dịch vụ hỗ trợ vùng nguyên liệu để sản xuất nông sản hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu...

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất lao động, tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững và có chiều sâu, tạo ra những sản phẩm có lợi thế mạnh, có thương hiệu, tham gia sâu và hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu; ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; chế biến, chế tạo.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Khu vực Thanh Hóa đến Thừa Thiên- Huế phát triển 4 khu du lịch quốc gia gồm: Khu du lịch Kim Liên, Khu du lịch Thiên Cầm, Khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng, Khu du lịch Lăng Cô - Cảnh Dương; 6 điểm du lịch nổi tiếng gồm: Thành Nhà Hồ; Ngã Ba Đồng Lộc; khu Lưu niệm Nguyễn Du; TP. Đồng Hới; thành cổ Quảng Trị; Bạch Mã. Khu vực Đà Nẵng đến Bình Thuận tập trung đầu tư phát triển 09 khu du lịch quốc gia, gồm: Sơn Trà, Bà Nà (Đà Nẵng), Cù Lao Chàm (Quảng Nam), Mỹ Khê (Quảng Ngãi), Phương Mai (Bình Định), Vịnh Xuân Đài (Phú Yên), Bắc Cam Ranh (Khánh Hòa), Ninh Chữ (Ninh Thuận) và Mũi Né (Bình Thuận); 06 điểm du lịch nổi tiếng, gồm: Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Mỹ Sơn (Quảng Nam), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Trường Lũy (Quảng Ngãi, Bình Định), Trường Sa (Khánh Hòa) và Phú Quý (Bình Thuận) và 04 đô thị phát triển mạnh về du lịch, gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Hội An (Quảng Nam), thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) và thành phố Phan Thiết (Bình Thuận). Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch của Vùng và tiểu vùng du lịch phía Bắc; thành phố Nha Trang (Khánh Hòa) thành trung tâm du lịch của tiểu vùng du lịch phía Nam, đồng thời giữ vai trò trung tâm phụ trợ của Vùng; thành phố Quy Nhơn (Bình Định) thành trung tâm phụ trợ của tiểu vùng du lịch phía Bắc và thành phố Phan Thiết (Bình Thuận) thành trung tâm phụ trợ của tiểu vùng du lịch phía Nam.

3.3. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

a) Tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông gắn với phát triển các hành lang kinh tế vùng, tạo đột phá, phát triển nhanh, bền vững vùng; phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, cụ thể:

- Về đường bộ: hoàn thành các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt và Cam Lâm - Vĩnh Hảo; tiếp tục triển khai thi công cao tốc Bắc - Nam đoạn Bãi Vọt - Cam Lộ và Quảng Ngãi - Nha Trang và cao tốc Nha Trang - Buôn Ma Thuột; hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư: cao tốc đoạn La Sơn - Hòa Liên với quy mô 4 làn xe, mở rộng một số cầu, hầm trên QL.1 (cầu Gianh, Quán Hàu và hầm Đèo Ngang) và nâng cấp, cải tạo QL.24B đoạn Km23 - Km29; thực hiện cải tạo nâng cấp các tuyến QL.14B đoạn qua thành phố Đà Nẵng, QL.1 đoạn qua tỉnh Quảng Nam, Bình Định, QL.14E trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, QL.26 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, QL.28B trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, QL.8C trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, QL.46 trên địa bàn tỉnh Nghệ An...

- Về đường sắt, đường thủy nội địa: tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, nghiên cứu xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; tiếp tục khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa trong vùng.

- Về cảng biển: hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn; hoàn thành nghiên cứu các dự án cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Lò, luồng Ba Ngòi; tiếp tục triển khai đầu tư hạ tầng dùng chung cảng Liên Chiểu.

- Về cảng hàng không: hoàn tất các thủ tục để khởi công xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Đồng Hới; hoàn thành dự án cải tạo nhà ga hành khách cảng hàng không Vinh và dự án hạ tầng kỹ thuật phía Bắc cảng HKQT Đà Nẵng.

b) Tiếp tục phát triển các đô thị gắn với các chức năng chuyên ngành như đô thị du lịch (đô thị cổ Hội An, thị trấn Thuận An, thị trấn Lăng Cô...); đô thị công nghiệp (Tứ Hạ, Phú Bài, Điện Nam - Điện Ngọc, Tịnh Phong...); đô thị dịch vụ cho các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và một số cụm đô thị ở vùng miền núi gắn với tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây..

Tiếp tục thực hiện, hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng; phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào trước năm 2025; tỉnh Khánh Hòa trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030; các thành phố như Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn trở thành các trung tâm du lịch, thương mại và giao dịch quốc tế lớn của vùng và cả nước, đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Hoàn thành xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án Phát triển Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

Xây dựng các nhiệm vụ, đề án quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; rà soát, đánh giá nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong các đề án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để thực hiện điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết trong quá trình thực hiện. Thúc đẩy, kêu gọi hợp tác về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giữa các tổ chức hợp tác quốc tế với các địa phương vùng BTBDHTB. Phối hợp chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực cấp, thoát nước và xử lý nước thải để áp dụng cho vùng BTBDHTB để chủ động ứng phó với tình hình BĐKH. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và kịp thời xử lý những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch kiến trúc, về phát triển đô thị, về hạ tầng kỹ thuật, về nhà ở, về bảo vệ môi trường, về khoa học công nghệ, về bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa Vùng BTBDHTB và về hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng.

c) Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong các Khu kinh tế; mở rộng Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp chống quá tải hệ thống truyền tải điện và trạm biến áp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I, II (Quảng Bình), vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II (Hà Tĩnh).

d) Chuẩn bị đầy đủ thủ tục để triển khai đầu tư phát triển BV Trung ương Huế đạt chuẩn bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về y tế. Huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế để bệnh viện được công nhận chuẩn chất lượng JCI của Ủy ban quốc tế. Khuyến khích và ưu tiên nguồn vốn đầu tư

trực tiếp nước ngoài (vốn FDI) cho xây dựng và nâng cấp bệnh viện hoặc theo hình thức hợp tác đối tác công – tư (PPP).

Đối với đầu tư phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu trong các bệnh viện vùng: huy động vốn đầu tư từ các nguồn khác nhau, bao gồm nguồn từ ngân sách nhà nước (ngân sách TW và địa phương); nguồn viện trợ; nguồn đầu tư theo phương thức hợp tác đối tác công tư hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nhà nước cần tiếp tục đầu tư cho các bệnh viện trong vùng, nguồn lực Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, đầu tư bệnh viện. Bên cạnh đó phát huy vai trò xã hội để có thêm nguồn lực đầu tư khác từ các cá nhân, doanh nghiệp, nước ngoài cho các bệnh viện công lập và ngoài công lập. Khuyến khích hình thức đầu tư theo phương thức hợp tác đối tác công tư, hoặc huy động viện trợ.

Hoàn thành các công việc chuẩn bị để sớm triển khai đầu tư trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng; trung tâm khoa học và công nghệ, đào tạo, chăm sóc y tế tại tỉnh Thanh Hóa; Khu nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên; trung tâm KH&CN, đa ngành tại Thừa Thiên Huế; Khu đô thị Khoa học Quy Hòa tại Bình Định, Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại Quy Nhơn (Bình Định); Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương tại Khánh Hòa.

Xây dựng phương án để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và quận, huyện. Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Trị. Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa đạt tiêu chuẩn hạng 1; đưa vào sử dụng Bệnh viện Y học Cổ truyền (Quảng Ngãi). Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

e) Xây dựng phương án đầu tư, hoàn thiện trạm cáp quang biển cấp bờ thứ 2 tại Đà Nẵng; đầu tư hạ tầng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh Hà Tĩnh; hoàn thiện hạ tầng thông tin để Đà Nẵng thành trung tâm thông tin, truyền thông và khoa học công nghệ vùng. Phát triển Đà Nẵng trở thành 01 trong 05 Trung tâm bưu chính quốc gia trên cả nước; Trung tâm Bưu chính vùng (tại Nghệ An, Khánh Hòa).

3.4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ban hành và triển khai hiệu quả 07 quy hoạch tổng hợp lưu vực sông đối với các lưu vực sông trong vùng.

- Hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia; hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý đất lâm nghiệp, quản lý rừng và về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

- Ban hành mới các Quy định kỹ thuật về công nghệ trong khai thác, chế biến khoáng sản và bảo vệ môi trường, quy định kiểm soát sản lượng khai thác, tiêu thụ khoáng sản. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên nước, quản lý, bảo vệ nguồn sinh thủy, sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả; thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa các vùng.

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ” và phối hợp các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

- Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; Xem xét phương án ưu tiên đầu tư hệ thống cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai ven biển, phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động; các khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão, cảng cá, hạ tầng Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung. Vận hành hiệu quả hồ chứa đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du, nhất là các hồ chứa quan trọng đặc biệt: Cửa Đạt, Ngàn Trươi, Kẽ Gỗ... Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3.5. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng

- Phát triển giáo dục đại học Vùng theo hướng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là về khoa học và công nghệ biển, đại dương, du lịch, logistic để phát triển kinh tế biển, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu; Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế. Nghiên cứu và triển khai mô hình gắn kết du lịch với khám, chữa bệnh; xây dựng một số tổ hợp y tế công nghệ cao kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Thực hiện đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản văn hóa được tổ chức UNESCO vinh danh.

- Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực bảo vệ và quản lý di sản văn hóa. Đa dạng hóa các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển văn hóa; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá tiêu

biểu của của địa phương và của Trung ương trên địa bàn vùng. Hoàn thiện Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng; thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng; thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.

- Đầu tư cho khoa học và công nghệ đạt 2% tổng chi ngân sách. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Chủ động đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo .

3.6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Đẩy mạnh quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới, vùng biển, đảo của Tổ quốc; xử lý vụ việc xảy ra tại khu vực biên giới, biển đảo đúng chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng; đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự trên khu vực biên giới, biển đảo.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển của hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng, nhất là phát triển kinh tế biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại.

- Chủ động khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững.

3.7. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng.

Ưu tiên toàn diện cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thuộc lĩnh vực nội vụ, nhất là đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả về tổ chức bộ máy, biên chế; công vụ, công chức; xây dựng chính quyền địa phương. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo vị trí việc làm; hoàn thiện tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chế độ, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; trong đó xây dựng Nghị định về chế độ tiền lương mới đối với đối tượng thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Quyết liệt phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với bộ, ngành và chính quyền địa phương gắn với thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực; đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn

đầu mỗi bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương; tham mưu giải quyết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính các cấp. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 bảo đảm đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra;

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu./.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

PHỤ LỤC 3b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KTXH CHỦ YẾU NĂM 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 168/NQ-CP		Ước thực hiện năm 2023	Ghi chú
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
	VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	7 - 7,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5,51	
2	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
+	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	11,5		16,81	
+	Công nghiệp - xây dựng	%	40,7		35,12	
+	Dịch vụ	%	37,5		40,03	
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	10,3		8,04	
3	GRDP bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	triệu đồng	156	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	75,6	
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	Bộ Thông tin và Truyền thông	Khoảng 11%	
5	Đóng góp thu ngân sách nhà nước của vùng với cả nước	%	20-25	Bộ Tài chính	Khoảng 14%	
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47-48	Bộ Xây dựng	39,81	
7	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	90	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,47	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	%	30		20	<i>Bao gồm xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và nâng cao</i>
	VỀ XÃ HỘI					
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	67,7	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ</i>	%	35-40		26,7	
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	%	1-1,5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1,1	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 168/NQ-CP		Ước thực hiện năm 2023	Ghi chú
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
10	Tỷ lệ trên 10.000 dân đến năm cuối kỳ			Bộ Y tế		
	Số giường bệnh	Giường bệnh	32		36,5	
	Số bác sỹ	Bác sỹ	11		10,3	
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Bộ Y tế	92,04	
	VỀ MÔI TRƯỜNG					
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	54,22	
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị	%	100	Bộ Xây dựng	91,5	
14	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực nông thôn	%	80	Bộ Xây dựng	64,08	
15	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường	93,73	
16	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Khoảng 78%	

PHỤ LỤC 3c

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 168/NQ-CP NGÀY 29/12/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG						
1	Lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	HĐTĐ nhà nước đã thẩm định trình TTCP, dự kiến phê duyệt trong Quý I/2024	Dự kiến phê duyệt trong Quý I/2024
2	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương trong vùng	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	14/14 địa phương đã được TTCP phê duyệt Quy hoạch	
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2024	TTgCP/CP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức thực hiện, dự kiến trình Chính phủ trong tháng 4/2024	Dự kiến trình Chính phủ trong tháng 4/2024
4	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2024	TTgCP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức thực hiện	
5	Xây dựng thẻ chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về việc thành lập HĐĐP vùng và Quyết định số 49/QĐ-HĐĐPVBTBDHTB ngày 01/8/2023 về ban hành Quy chế hoạch động của HĐ ĐPV BTBDHTB	
6	Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2024	TTgCP	Chưa có báo cáo	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Đề án về liên kết ngành dịch vụ khoa học công nghệ với doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Triển khai thực hiện đề án “Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi giai đoạn đến năm 2035” (Quyết định số 1826/QĐ-BKH&CN ngày 18/8/2023 của Bộ KH&CN).	
8	Tiếp tục nghiên cứu ban hành định mức phân bổ ngân sách (bao gồm định mức chi đầu tư và chi thường xuyên) cho các giai đoạn ổn định ngân sách, theo hướng ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư và Tài chính	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2030	TTgCP	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư và Tài chính đang nghiên cứu thực hiện	
II CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN							
9	Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất	Các Bộ, ngành có liên quan và UBND tỉnh Quảng Ngãi	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2030	TTgCP	Bộ CT đã dự thảo đề cương Đề án xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã góp ý dự thảo Đề án, đang tiếp tục hoàn thiện Đề cương Đề án, trình phê duyệt và tổ chức các bước tiếp theo theo quy định.	
10	Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Bộ VHTTDL và các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang hoàn thiện dự thảo Đề án	
11	Đề án phát triển du lịch và dịch vụ biển, đảo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan và địa phương liên quan	2025	TTgCP	Chưa có báo cáo	
12	Đề án phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2024	TTgCP	Chưa có báo cáo	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Đề án cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	<i>Chưa có báo cáo về việc triển khai Đề án.</i> Năm 2023, Bộ NN&PTNT đã tập trung triển khai Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (trong đó có các nội dung phát triển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ)	
14	Đề án xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh Bình Thuận và các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	<i>Chưa có báo cáo về việc triển khai Đề án.</i> Năm 2023, Bộ NN&PTNT đã giao khoảng 2.582 tỷ đồng, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và khởi công một số dự án có tính chất liên vùng, trong đó có dự án trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá đảo Phú Quý.	
III HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ							
15	Lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 trong đó làm rõ phương án phát triển đô thị và nông thôn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; các đô thị trung tâm, hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đã hoàn thiện hồ sơ Đề án, Hội đồng thẩm định đã tổ chức họp ngày 24/11/2023, đang tiếp tục hoàn thiện để trình TTgCp phê duyệt	
16	Tiếp tục xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng để tăng cường tiềm lực quân sự quốc phòng, nâng cao sức mạnh tổng hợp, bảo vệ tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2021-2030	TTgCP	Bộ Quốc phòng đang chỉ đạo tiếp tục thực hiện	
IV	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU						

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
17	Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Bộ Quốc phòng đang chỉ đạo thực hiện	
18	Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Dự thảo đề án đang được lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.	
19	Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững, ít phát thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, thông minh thích ứng với khí hậu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ NNPTNT	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Chưa có báo cáo tiến độ thực hiện Đề án	
V	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN						
20	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2023-2030	CP/TTgCP	Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tổ chức thực hiện đề án	
21	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành Trung tâm y tế chuyên sâu	UBND các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Đà Nẵng, TT-Huế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đề án đang được các địa phương dự thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan. Nghệ An đã được Chính phủ cho phép lùi thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2024 (NQ162/NQ-CP ngày 04/10/2023)	Dự kiến hoàn thành năm 2024
22	Đề án phát triển Bệnh viện Trung ương Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Y tế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Bộ Y tế đang tổ chức thực hiện đề án	
23	Đề án phát triển Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế thuộc Trường Đại học Y - Dược Huế, Đại học Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trường Đại học Y - Dược Huế)	Bộ Y tế và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	2023	TTgCP	Chưa có báo cáo tiến độ thực hiện Đề án	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
24	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, TT-Huế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan và địa phương liên quan	2024	TTgCP	Đề án đang được dự thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.	Dự kiến hoàn thành năm 2024
25	Đề án phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	UBND tỉnh Nghệ An	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đề án đang được dự thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.	Dự kiến hoàn thành năm 2024
26	Đề án phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.	UBND tỉnh Bình Định	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đến cuối năm 2023, UBND thành phố Quy Nhơn đã tiếp thu ý kiến góp ý xây dựng Đề án, dự kiến sẽ xin ý kiến các cơ quan trung ương và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm 2024	Dự kiến hoàn thành năm 2024
VI	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI						
27	Tiếp tục củng cố, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Bộ Quốc phòng đang chỉ đạo thực hiện	
28	Đề án khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2030	TTgCP	Chưa có báo cáo	
29	Đề án thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây (Đề án Khu KTTM xuyên biên giới chung Lào Bào - Đensavan)	UBND tỉnh Quảng Trị	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023-2030	TTgCP	Đề án đang được dự thảo, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.	Dự kiến hoàn thành năm 2024
30	Tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 16/03/2016	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan và địa phương liên quan	2026-2030	Chính phủ	Chưa có báo cáo về việc triển khai Đề án.	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
VII TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
31	Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn Vùng	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Triển khai Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025”; tổ chức thành công Hội nghị điển hình tiên tiến toàn quốc, nhân kỷ niệm 75 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc, ...	
32	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương triển khai các bước xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	
33	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại;	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Phối hợp trình Chính phủ trình Quốc hội các cơ chế, chính sách đặc thù, trong đó đã trao quyền chủ động cho địa phương trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy (bao gồm cả các cơ quan chuyên môn). Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Đang nghiên cứu xây dựng Đề án mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh và xây dựng Báo cáo rà soát, đánh giá tổng thể việc thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành.	
34	Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022-2030	TTgCP	Đã tham mưu TTCP ban hành Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đang tập trung xây dựng Nghị định quy định chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng	

PHỤ LỤC 3d

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DANH MỤC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03/11/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168NQ-CP			Tình hình, tiến độ thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
I	Các tuyến đường bộ					
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Đến nay đã hoàn thành và đưa vào khai thác 61km/1.476km, đang triển khai đầu tư 1.231km các đoạn còn lại, dự kiến cơ bản hoàn thành vào năm 2025.	Dự kiến đến hết năm 2024 hoàn thành thêm khoảng 128km (đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt và Cam Lâm - Vĩnh Hào) và triển khai thi công các đoạn Bãi Vọt - Cam Lộ và Quảng Ngãi - Nha Trang
2	Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Đến nay, toàn bộ 03 dự án thành phần đã hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và tổ chức khởi công vào ngày 18/6/2023 theo đúng tiến độ Chính phủ yêu cầu, dự kiến cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và khai thác đồng bộ toàn Dự án năm 2027.	Tiếp tục triển khai thi công, dự kiến hoàn thành đúng tiến độ
3	Tuyến đường cao tốc Hà Nội - Vinh Chấn (đoạn qua Nghệ An)	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030 (Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn)	Hiện nay, Bộ GTVT đang phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm việc với các Nhà tài trợ để kêu gọi nguồn vốn đầu tư.	Phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An và các bộ, ngành liên quan để huy động nguồn lực triển khai đầu tư.
4	Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030 (Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn)	Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Quảng Trị là Cơ quan có thẩm quyền tại văn bản số 350/TTg-CN ngày 15/4/2022. Kết quả nghiên cứu của Tỉnh, đoạn tuyến từ đầu tuyến theo quy hoạch đến đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn dài khoảng 14 km, dự kiến phân kỳ theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng; đoạn tuyến từ cao tốc Cam Lộ - La Sơn đến cửa khẩu Lao Bảo có chiều dài khoảng 56 km, theo quy quy mô 4 làn xe; sơ bộ tổng mức đầu tư khoảng 7.938 tỷ đồng.	UBND tỉnh Quảng Trị đang tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án.

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168NQ-CP			Tình hình, tiến độ thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
5	Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Trong thời gian tới Bộ GTVT sẽ giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo NCTKT và phối hợp với các tỉnh trong vùng dự án để tìm kiếm nguồn vốn đầu tư.	Dự kiến giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo NCTKT
6	Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư /Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku đã được Thủ tướng chính phủ giao UBND tỉnh Gia Lai là cơ quan chủ trì nghiên cứu phương án đầu tư theo hình thức PPP tại Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 15/6/2022. Hiện nay tỉnh Gia Lai đã phối hợp với tỉnh Bình Định và giao Công ty Cổ phần hạ tầng và Bất động sản Việt Nam phối hợp với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nghiên cứu phương án đầu tư Dự án theo phương thức PPP; dự kiến sẽ báo cáo Hội đồng nhân dân cho ý kiến trong tháng 11/2023.	Các tuyến cao tốc khác, trong thời gian tới sẽ xem xét giao đơn vị trực thuộc và phối hợp với các tỉnh trong vùng dự án nghiên cứu đầu tư vào thời điểm thích hợp khi cân đối được nguồn vốn.
7	Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với cảng biển	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Bộ GTVT đang tổ chức nghiên cứu đầu tư các tuyến cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển	
II Cảng hàng không						
1	Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương/Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Đến nay, đã hoàn thành đưa vào khai thác công trình nhà ga T2 Cảng HKQT Phú Bài với công suất 5,0 triệu hành khách/năm; đã chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Đồng Hới với công suất khoảng 3,0 triệu hành khách và đang lập BCNCKT dự kiến khởi công quý III/2024; đang triển khai dự án cải tạo nhà ga hành khách cảng hàng không Vinh, dự kiến hoàn thành năm 2024; xây dựng hạ tầng kỹ thuật phía Bắc cảng HKQT Đà Nẵng, dự kiến hoàn thành năm 2024.	Hoàn tất các thủ tục để khởi công xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không Đồng Hới; hoàn thành dự án cải tạo nhà ga hành khách cảng hàng không Vinh và dự án hạ tầng kỹ thuật phía Bắc cảng HKQT Đà Nẵng.

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168NQ-CP			Tình hình, tiến độ thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
2	Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị	Bộ Quốc phòng/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	<p>- Cảng hàng không Phan Thiết: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông báo số 65/TB-BKHĐT ngày 25/12/2023 Kết luận cuộc họp của Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không Phan Thiết, hạng mục hàng không dân dụng theo hình thức hợp đồng BOT.</p> <p>- Cảng hàng không Quảng Trị: Đã phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tháng 8/2023, cảng hàng không cấp 4C, có khả năng đỗ tàu bay code E và sân bay quân sự cấp II đáp ứng nhu cầu khai thác đến 5 triệu lượt hành khách/năm và 25.500 tấn hàng hóa/năm</p>	<p>- Cảng hàng không Phan Thiết: dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương, đầu tư, chấm dứt hợp đồng BOT trước thời hạn và tổ chức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà đầu tư thay thế thực hiện dự án Cảng hàng không Phan Thiết, hạng mục hàng không dân dụng theo hình thức hợp đồng BOT dự kiến trong tháng 3/2024.</p> <p>- Cảng hàng không Quảng Trị đang thực hiện hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư.</p>
III	Cảng biển					
1	Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa	Bộ Giao thông vận tải / Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	<p>Cảng biển Thanh Hóa: đang triển khai dự án cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn, dự kiến hoàn thành trong năm 2024; (ii) cảng biển Nghệ An: đang nghiên cứu cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Lò cho tàu 30.000 DWT đầy tải, 50.000 DWT giảm tải để dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030; (iii) cảng biển Đà Nẵng: thành phố Đà Nẵng đang triển khai đầu tư hạ tầng dùng chung (để chấn sóng, luồng tàu...) khu bến Liên Chiểu, dự kiến hoàn thành năm 2025; (iv) cảng biển Khánh Hòa: đang nghiên cứu cải tạo, nâng cấp luồng Ba Ngòi cho tàu 50.000 DWT để dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030.</p>	<p>Hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào khu bến cảng Nam Nghi Sơn; hoàn thành nghiên cứu các dự án cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Lò, luồng Ba Ngòi; tiếp tục triển khai đầu tư hạ tầng dùng chung cảng Liên Chiểu.</p>
IV	Đường sắt					

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 168NQ-CP			Tình hình, tiến độ thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	Đầu tư tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ và nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên)	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Đang triển khai lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ.	Tiếp tục làm việc với nhà đầu tư để sớm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối với các tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên), trong thời gian tới sẽ nghiên cứu triển khai quy hoạch chi tiết làm cơ sở để kêu gọi vốn đầu tư.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

PHỤ LỤC 3e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

Cập nhật đến ngày 25/3/2024

S/tt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
I	Các Bộ, cơ quan trung ương	18		
1	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT 22/11/2023		
2	Bộ Công an	1917/BC-BCA-VP ngày 29/11/2023 (M)		
3	Bộ Ngoại giao	6828/BNG-THKT ngày 27/12/2023		
4	Bộ Tư pháp	651/BTP-PLDSKT ngày 02/2/2024		
5	Bộ Tài chính	14468/BTC-NSNN ngày 29/12/2023		
6	Bộ Công Thương		1	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	185/BC-LDTBXH ngày 18/12/2023		
8	Bộ Giao thông vận tải	14077/BGTVT-KHĐT ngày 08/12/2023		
9	Bộ Xây dựng	605/BXD-PTĐT ngày 07/02/2024		
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	5968/BTTTT-VCL ngày 29/11/2023		
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	531/BGDĐT-KHTC ngày 01/02/2024		
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9105/BNN-KH ngày 12/12/2023		
13	Bộ Nội vụ	211/BC-BCSĐ ngày 06/12/2023		
14	Bộ Y tế	1458/BC-BYT ngày 23/11/2023		
15	Bộ Khoa học và Công nghệ	4839/BKHCN-DP ngày 18/12/2023		
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5337/BVHTTDL-KHTC ngày 04/12/2023		
17	Bộ Tài nguyên và Môi trường	650/BTNMT-KHTC ngày 29/01/2024		
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023		
19	Ủy ban Dân tộc	138/BC-UBDT ngày 25/01/2024		
II	UBND tỉnh, thành phố vùng BTBDHTB	14		
1	Thanh Hoá	265/BC-UBND ngày 29/11/2023		
2	Nghệ An	942/BC-UBND ngày 30/11/2023		

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
3	Hà Tĩnh	576 /BC-UBND ngày 19/12/2023		
4	Quảng Bình	2550/UBND-TH ngày 11/12/2023		
5	Quảng Trị	314/BC-UBND ngày 14/12/2023		
6	Thừa Thiên - Huế	606/BC-UBND ngày 12/12/2023		
7	Thành phố Đà Nẵng	60/BC-UBND ngày 20/02/2024		
8	Quảng Nam	822-BC/BCSĐ ngày 18/12/2023		
9	Quảng Ngãi	266/BC-UBND ngày 04/12/2023		
10	Bình Định	219/BC-UBND ngày 29/11/2023		
11	Phú Yên	300/BC-UBND ngày 18/12/2023		
12	Khánh Hoà	446/BC-UBND ngày 21/12/2023		
13	Ninh Thuận	322/BC-UBND ngày 24/11/2023		
14	Bình Thuận	299/BC-UBND ngày 19/12/2023		

PHỤ LỤC 4a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 02 tháng 10 năm 2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết 23-NQ/TW); Chính phủ ban hành Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW (sau đây gọi là Nghị quyết số 152/NQ-CP). Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ, các Bộ đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ, tổ chức các buổi quán triệt đến các đơn vị nhằm tạo nhận thức sâu sắc tới toàn thể Đảng viên, công chức, viên chức và người lao động nắm chắc chỉ đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Qua đó, từng Đảng viên, công chức, viên chức và người lao động gắn nhiệm vụ được giao với triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn Tây Nguyên

- Tại các địa phương trong vùng: Tỉnh ủy các địa phương đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện. Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ, trong đó phân công các Sở ban ngành triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết được thực hiện đa dạng, phong phú dưới nhiều hình thức như thông qua báo, đài, trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành và thông qua các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể,...

Nhìn chung, việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ đã được các bộ, địa phương tích cực, chủ động triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

II. Tình hình kinh tế - xã hội của Vùng năm 2023

Năm 2023 còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; nền kinh tế trong nước phải đối mặt với không ít rủi ro, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh; lũ lụt, sạt lở đất, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm, sâu bệnh hại cây trồng thường xuyên xảy ra tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, các địa phương trong vùng đã chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong điều hành kinh tế - xã hội; một số kết quả, chỉ tiêu chủ yếu của Vùng đạt được như sau:

- Năm 2023, quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành vùng Tây Nguyên đạt 416,5 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng toàn vùng tăng khoảng 4,82%. GRDP bình quân đầu người đạt 67,6 triệu đồng/người/năm.

- Cơ cấu kinh tế của vùng cho nhiều chuyển biến có biểu hiện tích cực, ước tính năm 2023 tỷ trọng các ngành nông, lâm nghiệp đạt 34,09%; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng có xu hướng tăng, đạt 22,54%; tỷ trọng khu vực khu vực dịch vụ, đạt 38,76%; thuế trừ trợ cấp sản phẩm là 4,61%.

- Về thu NSNN:

+ Tại Báo cáo số 43/BC-CP ngày 21/10/2023 của Chính phủ trình Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2024 đã đánh giá ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn Vùng Tây Nguyên đạt 30.417 tỷ đồng, bằng 95,5% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó:

+ Thu nội địa đạt 29.572 tỷ đồng, bằng 96,8% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó: (i) Thu từ khu vực sản xuất kinh doanh chiếm khoảng 43% tổng thu, bằng 103,7% so với dự toán và bằng 99,5% so với cùng kỳ; (ii) Các khoản thu về nhà, đất chiếm khoảng 23,4% tổng thu, bằng 97,7% so dự toán và bằng 79,9% so cùng kỳ. Mặc dù thị trường nhà đất tiếp tục trầm lắng kéo dài, các địa phương đã nỗ lực, triển khai quyết liệt nhiều giải pháp để thu từ đất, bù đắp hụt thu NSNN do thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế.

+ Thu từ hoạt động XNK đạt 845 tỷ đồng, bằng 63,7% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

- Về chi NSDP:

Tổng số chi cân đối NSDP trên địa bàn Vùng ước thực hiện năm 2023 là 54.911 tỷ đồng, bằng 98,5% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển là 12.359 tỷ đồng, bằng 103,2% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Chi thường xuyên là 42.034 tỷ đồng, bằng 98,5% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.

(2) Nông nghiệp, nông thôn của Vùng tiếp tục đạt được những kết quả khá toàn diện

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây nông nghiệp khoảng 2,157 triệu ha; trong đó diện tích một số cây trồng chính như sau: Lúa 252.233 ha, hồ tiêu 77.000 ha, điều 89.983 ha, sắn 170.613 ha, cây ăn trái 138.591 ha, cao su 228.141 ha, cà phê 668.519 ha, mắc ca 16.429 ha... Các địa phương trong Vùng đã tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị trên đơn vị sản xuất như: tái canh các vườn cây cà phê già cỗi; mở rộng diện tích cây ăn trái trên đất trồng cây hàng năm, đất nương rẫy kém hiệu quả; giảm diện tích cây hồ tiêu, cây sắn... một số nông sản như: Cà phê, hồ tiêu, sầu riêng... tiêu thụ thuận lợi, giá bán tăng cao.

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc tăng trưởng khá, trong đó: Lợn 2,928 triệu con (tăng gần 500 nghìn con so với năm 2022); giữ ổn định đàn trâu khoảng 84.283 con; bò 924.661 con (tăng 3 nghìn con so với năm 2022).

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản giữ ổn định khoảng 19.126 ha, sản lượng nuôi trồng khoảng 43.108 tấn.

- Lâm nghiệp: Độ che phủ rừng đạt khoảng 46,52% (năm 2022 là 46,32 ha); bảo vệ nghiêm trên 2,562 triệu ha rừng; trồng rừng mới 16.401 ha rừng; khai thác gỗ rừng trồng 637.000 m³.

- Về xây dựng nông thôn mới: Toàn vùng có 365 xã được công nhận NTM (năm 2022 là 351 xã); tỷ lệ số xã NTM là 61,86% (năm 2022 là 59,5%); 51 xã NTM nâng cao; 17 xã NTM kiểu mẫu; 13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM. Tỷ lệ số hộ ở nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh khoảng 96,2%.

- Về đổi mới các tổ chức hợp tác: Toàn vùng hiện có 1.470 HTX nông nghiệp; 2.134 trang trại sản xuất nông nghiệp; 882 sản phẩm được công nhận OCOP.

2. Về đầu tư từ nguồn vốn NSNN cho các địa phương trong Vùng

2.1. Tình hình thực hiện năm 2023

a) Nguồn NSNN địa phương quản lý: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 Thủ tướng Chính phủ giao cho vùng Tây Nguyên là 24.625,732 tỷ đồng (chiếm 4,79% cả nước). Kế hoạch ngân sách địa phương vùng Tây Nguyên (05/05 địa phương) giao tăng so với Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm là 4.559,49 tỷ đồng.

Đến ngày 30/11/2023, tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao của vùng Tây Nguyên ước đạt 58,55% (cả nước ước đạt 65,1%).

b) Về Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): Tổng vốn CTMTQG được Thủ tướng Chính phủ giao cho vùng trong năm 2023 là 3.228,17 tỷ đồng, đến nay các địa phương đã phân bổ 3.084,17 tỷ đồng.

Đến ngày 30/11/2023, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn CTMTQG của Vùng ước đạt 58,94%, (cả nước ước đạt 61,88%).

c) Về các dự án bộ, ngành trung ương quản lý trên địa bàn Vùng: Căn cứ trên báo cáo của các bộ, ngành trung ương và tổng hợp từ hệ thống của Kho bạc Nhà nước, kế hoạch đầu tư công do bộ, cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn các tỉnh trong Vùng thuộc kế hoạch năm 2023 là 1.665,928 tỷ đồng. Lũy kế thanh toán từ đầu năm đến 23/11/2023 là 816,847 tỷ đồng, đạt 49,03%.

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ trong năm 2023

1. Về công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

2. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

2.1. Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

Năm 2023, nông nghiệp vùng Tây Nguyên phát triển theo định hướng của Bộ Chính trị, Chính phủ "*Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu*", tiếp tục duy trì và phát triển bền vững một số cây nông sản chủ lực như cà phê (chiếm 91% về diện tích và 94% về sản lượng cả nước); cây hồ tiêu (chiếm bằng 64,6% diện tích và 68,6% sản lượng cả nước, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu hồ tiêu đứng đầu thế giới); cây điều (bằng 28,6% diện tích và 21,8% sản lượng so với cả nước); cây cao su (bằng 24,9% diện tích và 22,1% sản lượng so với cả nước); mở rộng diện tích cây ăn quả; năm 2023, diện tích cây ăn quả vùng Tây Nguyên khoảng 139.000 ha (tăng 23.000 ha so với năm 2022), chiếm trên 10% diện tích cây ăn quả cả nước và sản xuất nông sản từng bước theo tiêu chuẩn an toàn và truy xuất nguồn gốc đảm bảo chất lượng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2.2. Phát triển công nghiệp

2.2.1. Về việc hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại cho các sản phẩm chủ lực của vùng Tây Nguyên

Hiện tại, có một Sở giao dịch hàng hóa được Bộ Công Thương cấp phép đang hoạt động là Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam. Theo báo cáo của Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam (MXV), năm 2022, khối lượng hàng hóa giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam đạt 1.126.047 lot với tổng trị giá đạt khoảng 1.222.039 tỷ đồng; có 42 loại sản phẩm hàng hóa được niêm yết giao dịch trong đó có các sản phẩm chủ lực của Tây Nguyên như cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều...

Trong thời gian tới, để thị trường mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa phát triển lành mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động này, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã chỉ đạo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa, trình Chính phủ trong năm 2024.

2.2.2. Về việc hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương tập trung phát triển các trung tâm logistics tại tiểu vùng Trung Tây Nguyên

Hiện nay, việc phát triển các trung tâm logistics tại Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Tuy nhiên tính đến nay, chưa có trung tâm hạng I, hạng II, trung tâm logistics chuyên dụng theo quy hoạch được xây dựng và đưa vào hoạt động. Do vậy, các địa phương trên cả nước nói chung và tiểu vùng Trung Tây Nguyên nói riêng cần căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thực tế của địa phương để xây dựng và phát triển các trung tâm logistics cấp tỉnh, thành phố để phục vụ cho các hoạt động logistics phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan, đảm bảo tính hiệu quả, tránh lãng phí trong đầu tư.

Trong thời gian qua, Bộ Công Thương đã và đang có ý kiến góp ý đối với quy hoạch của các địa phương trong vùng Tây Nguyên nói chung và các tỉnh thuộc tiểu vùng Trung Tây Nguyên nói riêng, đảm bảo bám sát, phù hợp với Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan, Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các quy hoạch về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics...) đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.2.3. Về ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử (TMĐT) vùng Tây Nguyên

Trong khuôn khổ thực hiện Kế hoạch phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2023, Bộ Công Thương đã phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng tổ chức 05 lớp đào tạo tập huấn về pháp luật TMĐT, ứng dụng các công cụ, giải pháp chuyển đổi số trong lĩnh vực TMĐT cho các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Nguyên, thu hút khoảng 450 học viên tham dự.

2.2.4. Về việc tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, hồ tiêu...

Năm 2023, trong khuôn khổ của Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 (diễn ra từ ngày 10 đến 14 tháng 3 năm 2023), Bộ Công Thương đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức Hội chợ triển lãm chuyên ngành Cà phê, thu hút trên 400 gian hàng của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Đắk Lắk chuyên về sản xuất, chế biến và kinh doanh cà phê, trong đó có 122 gian hàng ngành máy móc, thiết bị, nông nghiệp, phân bón, mặt hàng phụ trợ ngành cà phê, dùng kèm với cà phê. Cũng trong khuôn khổ của Lễ hội, Bộ Công Thương phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức Hội nghị kết nối giao thương quốc tế năm 2023 với chủ đề “Cà phê Buôn Ma Thuột - Kết nối đam mê và khát vọng phát triển”, thu hút gần 500 đại biểu tham dự, trong đó có gần 90 đại biểu quốc tế.

2.2.5. Về phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu lớn.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi.

- Thành lập các vườn ươm công nghệ, trung tâm khởi nghiệp, quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tận dụng hiệu quả cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng trong công nghiệp các ngành có kỹ thuật, công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường, phát triển công nghiệp từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh ngành.

- Định hướng ngành công nghiệp tăng trưởng theo mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, tin học vào tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị sản xuất, chế biến, tiếp cận thị trường. Xây dựng công nghệ số tổng thể các ngành, lĩnh vực khu vực Tây Nguyên dựa trên nền tảng công nghệ 4.0, liên kết tất cả các cơ sở hạ tầng đã triển khai và hiện có trên địa bàn tỉnh cũng như liên kết những công nghệ tiềm năng như lĩnh vực cơ sở dữ liệu số,... thành một hệ sinh thái đồng nhất, trở thành nền kinh tế số trong thời kỳ mới.

- Đào tạo nhân lực và lao động chất lượng cao, tập trung đào tạo nhân lực trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đáp ứng yêu cầu về định hướng cơ cấu lao động Tây Nguyên có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

- Đối với ngành công nghiệp thủ công mỹ nghệ của khu vực Tây Nguyên: Phát triển gắn liền với hoạt động kinh tế của các làng nghề, đồng thời bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống.

- Hoàn thiện các cơ chế chính sách phục vụ cho việc phát triển của Tây Nguyên để phát triển khu vực Tây Nguyên hiện đại, trở thành trung tâm thương mại dịch vụ chất lượng cao cấp quốc tế và vùng nông lâm nghiệp hiện đại phát triển cân bằng và bền vững. Đến năm 2050 sẽ tập trung nâng cao chất lượng khu vực Tây Nguyên, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái.

2.2.6. Về phát triển công nghiệp khai khoáng

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch khoáng sản) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023. Quy hoạch đã bám sát các chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trong đó có các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 23/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ. Các quan điểm, mục tiêu về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các nhóm/loại khoáng sản trong kỳ quy hoạch đã được đề cập trong quy hoạch (mục II Điều 1 Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023), cụ thể:

a) Đối với giải pháp “Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm”:

Phát triển bền vững ngành công nghiệp khai khoáng, trong đó có công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm (bao gồm các lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản) gắn với ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại gắn với quá trình chuyển đổi nền kinh tế đất nước theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia là quan điểm chủ đạo và xuyên suốt trong quá trình xây dựng Quy hoạch khoáng sản. Tại Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023, Bauxit được xác định là một trong các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chiến lược, quan trọng trong giai đoạn 2021-2030 và mục tiêu quy hoạch đối với khoáng sản bauxit là:

- Việc thăm dò, khai thác phải gắn với chế biến sâu (tối thiểu ra đến sản phẩm alumin); lựa chọn chủ đầu tư thực hiện các dự án thăm dò và khai thác phải đủ năng lực thực hiện đồng bộ các dự án từ khâu thăm dò đến chế biến sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường, đặc biệt cần lưu ý phương án thải và xử lý bùn đỏ bền vững, hiệu quả. Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để tái chế bùn đỏ. Các dự án sản xuất nhôm mới bằng công nghệ điện phân phải thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường, trong đó khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo.

- Thăm dò, khai thác khoáng sản bô-xít, sản xuất alumin, nhôm kim loại đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, cung cấp điện, nước, đảm bảo về môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học phù hợp với từng giai đoạn cụ thể; đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ sinh thái vùng Tây Nguyên.

b) Đối với nhiệm vụ “Tập trung phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm tại tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông)”

Khu vực có trữ lượng lớn và tập trung quặng bôxít gipxít thuộc các tỉnh: Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước và Gia Lai thuộc vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, đây cũng là khu vực ưu tiên tập trung phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm. Đối với tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông) nói riêng, mục tiêu cụ thể của Quy hoạch khoáng sản bauxit được đặt ra như sau:

- Mục tiêu thăm dò khoáng sản bauxit giai đoạn 2021-2030 đạt 1.330.187.000 tấn nguyên khai (đạt 77,81% Quy hoạch toàn quốc)

- Mục tiêu khai thác khoáng sản bauxit: (1) giai đoạn 2021-2030 đạt 59.700-96.700 103tấn NK/năm (đạt 85% Quy hoạch toàn quốc), tương đương 24.650-40.000 103tấn tinh quặng/năm (đạt 86% Quy hoạch toàn quốc); (2) giai đoạn 2031-2050 đạt 59.700-96.700 103tấn NK/năm, tương đương 24.650-40.000 103tấn tinh quặng/năm.

- Mục tiêu chế biến khoáng sản bauxit:

+ Chế biến Alumin: giai đoạn 2021-2030 đạt 10 – 16 106tấn/năm (đạt 86% Quy hoạch toàn quốc); giai đoạn 2031-2050 đạt 10 -16 106tấn/năm (đạt 83% Quy hoạch toàn quốc).

Trong giai đoạn 2021-2030, tăng số lượng các tổ hợp/nhà máy chế biến Alumin trên địa bàn các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng: (1) tỉnh Đắk Nông: tăng thêm 04 tổ hợp chế biến (hiện nay có 01 tổ hợp); tỉnh Lâm Đồng: tăng thêm 02 tổ hợp chế biến (hiện nay có 01 tổ hợp);

+ Chế biến nhôm thỏi: giai đoạn 2021-2030 đạt 1,2 - 1,5 106 tấn/năm, giai đoạn 2031-2050 đạt 2,25 - 2,45 106tấn/năm (hiện nay có 01 Nhà máy điện phân nhôm tại tỉnh Đắk Nông; trong giai đoạn 2021-2030 tăng thêm 02 nhà máy điện phân nhôm tại Lâm Đồng, Đắk Nông hoặc tỉnh khác: Bình Thuận; Ninh Thuận, Bình Phước, ...).

- Quy hoạch sử dụng đối với khoáng sản bô-xít gipxit khu vực Tây Nguyên: Khai thác, tuyển quặng tinh để cung cấp cho các nhà máy sản xuất alumin. Sản phẩm alumin và hydroxit cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy điện phân nhôm, các nhu cầu khác trong nước và xuất khẩu.

2.3. Tăng cường tiềm lực cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2023, đến năm 2030 tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của vùng đạt 25-30%, vì vậy, trong thời gian qua, căn cứ trên các định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, các địa phương trong vùng đã nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy kinh tế số tại địa phương, cụ thể, tính đến hết năm 2022, theo báo cáo thường niên kinh tế số Việt Nam 2022 (Do Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông công bố) đã xếp hạng tỷ trọng kinh tế số trên GRDP của các tỉnh, thành phố trên cả nước, trong đó bao gồm tỷ trọng kinh tế số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và tỷ trọng kinh tế số ngành, lĩnh vực (ngoại trừ ngành công nghiệp ICT) để có cái nhìn bao quát về thực trạng kinh tế số tại mỗi địa phương trong vùng.

Bảng 1. Đóng góp của kinh tế số vào GDP trong vùng Tây Nguyên năm 2022

Tỉnh/TP	Tỷ trọng KTS ICT trên GRDP (%)	Tỷ trọng KTS ngành, lĩnh vực trên GRDP (%)	Tỷ trọng KTS GRDP (%)
Việt Nam	9,02	5,24	14,26
Kon Tum	4,62	4,82	9,44
Gia Lai	2,57	4,21	6,77

Đắk Lắk	2,51	5,52	8,04
Đắk Nông	3,18	5,09	8,27
Lâm Đồng	2,44	3,87	6,31
Toàn vùng	3,06	4,70	7,76

Nguồn: Báo cáo thường niên kinh tế số Việt Nam 2022

Đối với các địa phương trong vùng Tây Nguyên, từ kết quả trên có thể thấy đóng góp của kinh tế số trong GRDP tại mỗi địa phương phụ thuộc nhiều vào tỷ trọng kinh tế số ICT trên GRDP. Năm 2022, kinh tế số tại khu vực Tây Nguyên còn phát triển tương đối chậm so (7,76 %) với mặt bằng chung của cả nước (14,26%). Với dự kiến năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế số nền tảng của cả nước đạt khoảng 20-25%; Tỷ lệ đóng góp của tổng các cấu phần kinh tế số vào GDP vào khoảng 20,5%¹ thì chỉ tiêu về kinh tế số trong năm 2023 đạt khoảng 10%, để đạt được mục tiêu đề ra cho vùng đến năm 2030 là 20-25% thì vùng Tây Nguyên sẽ cần phải có các chính sách mạnh mẽ hơn để phát triển kinh tế số - xã hội số.

2.3.1. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và vùng

Xác định rõ KH&CN phải trực tiếp phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế của vùng, theo các định hướng về nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định cụ thể tại Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết 152/NQ-CP: “lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... dựa trên công nghệ cao.”

Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang triển khai một số nhiệm vụ thuộc Chương trình KH&CN quốc gia theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN góp phần thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên như:

- Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia trong phát triển Sâm Ngọc Linh, cà phê;

- Tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 – 2025 (Chương trình Nông thôn miền núi) tại các tỉnh/thành phố trong cả nước trong đó có các tỉnh vùng Tây Nguyên nhằm hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp và các cá nhân ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Năm 2023, có 16 dự án chuyển tiếp thuộc Chương trình Nông thôn miền núi đang triển khai tại vùng Tây Nguyên; tổng kinh phí phê duyệt là 130.000 triệu đồng, trong đó kinh phí Trung ương hỗ trợ là 59.540 triệu đồng, nguồn

¹ Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20 tháng 01 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông

kinh phí đối ứng là 70.460 triệu đồng. Thông qua việc triển khai các dự án nêu trên, 80 quy trình công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, phù hợp được đơn vị chủ trì tiếp thu, làm chủ và ứng dụng vào sản xuất với 48 mô hình ứng dụng trên thực tế; đào tạo được 160 kỹ thuật viên; tập huấn kỹ thuật cho 3200 lượt người dân. Lực lượng này sẽ là nòng cốt để tiếp tục nhân rộng và phổ biến các kết quả của dự án.

- Triển khai “Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030”: Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham mưu, triển khai nhiều giải pháp phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; phát triển hoạt động hỗ trợ, bảo trợ về sở hữu trí tuệ nói chung, trong đó có hỗ trợ thúc đẩy cho khu vực Tây Nguyên, tiêu biểu như: Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn tư vấn về sở hữu trí tuệ và khai thác, phát triển cho các địa phương trong khu vực, trong năm 2023, đã tổ chức tại Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Kon Tum; Phối hợp với Sở KH&CN các địa phương và văn phòng điều phối nông thôn mới các tỉnh trong khu vực khảo sát, đánh giá tình trạng bảo hộ và nhu cầu bảo hộ trong và ngoài nước cho các sản phẩm OCOP của các tỉnh;

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm của các địa phương trong khu vực: Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang hỗ trợ bảo hộ cho các sản phẩm như mật ong hoa cà phê Gia Lai; cà phê Đắk Mil tỉnh Đắk Nông, cà phê Đắk Hà tỉnh Kon Tum, sầu riêng Đạ Huoai tỉnh Lâm Đồng. Chính phủ cũng đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06/5/2021 về việc tăng cường giải pháp hỗ trợ bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu ra nước ngoài. Theo đó, ngày 31/12/2021, Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương đã ký “Kế hoạch phối hợp hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2022-2025”. Trong thời gian tới, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp lựa chọn các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu trong khu vực Tây Nguyên để bảo hộ ra nước ngoài để bảo vệ, phát triển thị trường của Việt Nam nói chung và các tỉnh trong khu vực nói riêng.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy hoạt động của các tổ chức trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ, sản giao dịch công nghệ, nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến; khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ hoặc thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam. Tăng cường hướng dẫn địa phương đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất đối với một số ngành chủ lực, mũi nhọn của địa phương. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ địa phương, doanh nghiệp trong vùng xác định nhu cầu tìm kiếm, chuyển giao công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; kết nối, chuyển giao công nghệ với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các địa phương trong vùng triển khai hiệu quả các Chương trình phối hợp hoạt động KH&CN, một số nhiệm vụ có sự tham gia tích cực của doanh nghiệp bước đầu tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hỗ trợ các địa phương trong vùng triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhằm quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường ứng phó biến đổi khí hậu; các nhiệm vụ cấp thiết có tác động đến phát triển kinh tế - xã

hội, quốc phòng - an ninh của địa phương; nhất là các nhiệm vụ liên tỉnh, liên vùng phục vụ phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của địa phương...

2.3.2. Tăng cường tiềm lực KH&CN

a) Về đầu tư kinh phí cho KH&CN

- Bộ KH&CN đã hướng dẫn thực hiện dự toán chi sự nghiệp KH&CN năm 2023 cho các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương; Hướng dẫn, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương hoàn thành xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2024 đáp ứng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia gửi các cơ quan tổng hợp trình Chính phủ, Quốc hội. Chuẩn bị hướng dẫn Kế hoạch thực hiện dự toán chi sự nghiệp KH&CN năm 2024 cho các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương ngay sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Đối với vùng Tây Nguyên: Năm 2023, tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN do Trung ương cân đối cho 05 tỉnh/TP trong vùng là 114.222 triệu đồng trên tổng số kinh phí 3.291.000 triệu đồng ngân sách SN&KH Trung ương phân bổ cho các vùng trên phạm vi cả nước; kinh phí được UBND các tỉnh/TP phê duyệt là 128.475 triệu đồng (vượt 11,09 % so với kinh phí Trung ương cân đối); kinh phí thực hiện ước tính đến hết năm 2023 là 123.426 triệu đồng (đạt 96,07% so với con số UBND tỉnh, thành phố phê duyệt %). Hầu hết các địa phương đều sử dụng hết số kinh phí được UBND tỉnh/thành phố phê duyệt (hầu hết đạt mức 97 - 99%). Số không đạt 100% chủ yếu là do thực hiện tiết kiệm 10% ngân sách theo quy định. Về kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN: Năm 2023, cân đối cho 05 tỉnh Tây Nguyên là 8.000 triệu đồng trên tổng số 1.007.544 triệu đồng kinh phí ĐTPT cho KH&CN của cả nước.

So với nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN của cả nước, kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN vùng Tây Nguyên có xu hướng tăng trong những năm gần đây, tuy nhiên so với kinh phí SNKH&CN vẫn chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ đạt 0,34% kinh phí sự nghiệp KH&CN và chỉ chiếm chưa đến 01% kinh phí ĐTPT cho KH&CN của cả nước. Đây là một trong những trở ngại lớn trong việc thực hiện các mục tiêu đặt ra về phát triển KH&CN vùng Tây Nguyên hiện nay.

b) Về phát triển hệ thống tổ chức và nhân lực KH&CN

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương hoàn thiện, trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập, phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước; trình Chính phủ đề xuất xây dựng Nghị định quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập theo hướng quy định quyền tự chủ toàn diện của tổ chức KH&CN (tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy và nhân sự, về hợp tác quốc tế, về tài chính...) thay vì quy định hiện hành chỉ giới hạn quyền tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN.

- Về nhân lực KH&CN: Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn đến năm 2030 ; thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam để từng bước hình thành đội ngũ nhân lực KH&CN chất lượng cao ; hướng dẫn về vị trí

việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành KH&CN ; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong tổ chức KH&CN công lập .

2.3.3. Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy mối liên kết nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

- Phát triển thị trường KH&CN, kết nối cung cầu công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, tạo lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương và của vùng: Phối hợp, hướng dẫn một số Sở Khoa học và Công nghệ vùng Tây Nguyên (Đắk Lắk, Kon Tum) xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2030 của địa phương.

- Phối hợp xây dựng phát triển nền tảng đổi mới sáng tạo mở quốc gia nhằm khuyến khích đặt hàng giữa doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp lớn, tập đoàn trong nước và quốc tế với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề, thách thức trong quản lý, kinh doanh.

Trong hai ngày 25-26/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đồng hành cùng Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài; Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh và phối hợp với Ngân hàng Châu Á (ADB) và Viện Đổi mới sáng tạo mở và Doanh nhân công nghệ (Viện OITI) tổ chức thành công chương trình Ngày Đổi mới sáng tạo mở 2023 toàn quốc, tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh với chủ đề “Tech Traverse - Nơi công nghệ gặp gỡ ngành công nghiệp”.

Với thông điệp “nơi công nghệ gặp gỡ công nghiệp”, đây là sự kiện về đổi mới sáng tạo mở đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam, quy tụ hơn 100 chuyên gia đầu ngành đến từ các tổ chức quốc tế; các trường, viện nghiên cứu; lãnh đạo các tập đoàn, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), khởi nghiệp (startup)... trong nước và quốc tế. Open Innovation Day-TechTraverse 2023 đặt mục tiêu nâng cao nhận thức về đổi mới sáng tạo mở và chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp và khuyến khích hợp tác giữa các doanh nghiệp. Chia sẻ những câu chuyện mô hình, bài học thực tiễn về đổi mới sáng tạo mở trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp tiên phong chuyển đổi số để cải thiện và tăng cường hiệu quả chuỗi giá trị trong và ngoài Việt Nam. Đồng thời, trao đổi và thảo luận về những thách thức mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp đang đối mặt trong hành trình chuyển đổi số. Trong khuôn khổ Open Innovation Day-TechTraverse 2023, diễn ra 2 tọa đàm và tham luận chính tập trung các nội dung về góc nhìn toàn cầu hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở; phác thảo xu hướng và bối cảnh của các ngành công nghệ mới trong tương lai; chia sẻ câu chuyện tiên phong và giải pháp thành công nhờ đổi mới sáng tạo mở bằng chuyển đổi số; công bố nền tảng thách thức đổi mới sáng tạo mở.

- Thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia và tăng cường sự gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp để đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong sản xuất kinh doanh; phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Kết nối các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, phát huy vai trò của hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, gắn kết với các địa phương thúc đẩy hoạt động KH&CN&ĐMST mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội các địa phương tại vùng Tây Nguyên.

Bộ KH&CN đã tổ chức hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch, triển khai Đề án 844 và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương. Hiện 05 tỉnh/thành phố vùng Tây Nguyên đều đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án 844 và sắp xếp nguồn lực triển khai tại địa phương và ban hành Nghị quyết của HĐND quy định cơ chế tài chính cho hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, làm căn cứ triển khai các hoạt động tiếp theo. Cùng với đó, nhiều chương trình hội nghị tập huấn, hướng dẫn, tư vấn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên viên của các sở, ban, ngành ở địa phương đã được tổ chức, tập trung về xây dựng kế hoạch và triển khai các nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương; chuyển giao mô hình sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (Techfest), một số sự kiện Ngày hội khởi nghiệp ĐMST quốc gia tại địa phương nổi bật như:

+ Techfest 2022 khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với chủ đề “Khung trời cửa biển - Sáng tạo bút phá”: sự kiện đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng khởi nghiệp với chuỗi các sự kiện diễn ra như: Tọa đàm cấp cao về các chính sách đổi mới sáng tạo mở, liên kết mạng lưới người Việt ở nước ngoài, các tổ chức hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; hội thảo liên kết hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa và các địa phương vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; 10 hội thảo chuyên sâu; chương trình kết nối đầu tư, kết nối thị trường, kết nối cố vấn - chuyển giao công nghệ và hơn 100 gian hàng với hơn 500 sản phẩm dành cho các đơn vị tham gia trong các lĩnh vực công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và sản phẩm đặc trưng của vùng, miền trong cả nước...

+ Techfest Đắc Lắc 2023: Ngày hội KN ĐMST Đắc Lắc 2023 đã thu hút gần 150 gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cùng với một số sự kiện chính, như: Trưng bày, giới thiệu sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm khoa học công nghệ; hội thảo “Hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc; hội nghị “Kết nối cung cầu tiêu thụ hàng hóa sản xuất theo chuỗi cung ứng”; hội thảo “Giải pháp sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn góp phần thực hiện tiêu chí 3 sạch”; diễn đàn “Hệ sinh thái việc làm và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Thông qua hoạt động này, nhằm giúp đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, nông dân, học sinh, sinh viên quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp, giới thiệu các sản phẩm OCOP, các sản vật địa phương... Đồng thời, thực hiện hiệu quả chương trình chuyển đổi số với phương thức thương mại điện tử thanh toán không dùng tiền mặt. Bên cạnh đó, các sự kiện trong khuôn khổ Ngày hội khởi nghiệp đã có được những giải pháp sáng tạo, đột phá nhằm đẩy nhanh tiến trình phục hồi kinh tế - xã hội, tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển nhiều loại hình doanh nghiệp có khả năng

tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới với nhiều ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

+ Techfest Lâm Đồng 2023: Trong khuôn khổ Ngày hội, đã diễn ra nhiều hoạt động như: Triển lãm giới thiệu các dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, trình diễn công nghệ và kết nối cung cầu; trưng bày, giới thiệu các dự án, ý tưởng, sản phẩm khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sản phẩm OCOP đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các sản phẩm tiêu biểu khác của Lâm Đồng; hội thảo “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng và thương mại hóa sản phẩm”; Chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Lâm Đồng năm 2023. Techfest Lâm Đồng 2023 thu hút đông đảo doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia tạo động lực và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp; khơi dậy khí thế, tinh thần lập thân, lập nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, khát vọng vươn lên làm giàu; thu hút sự quan tâm, tham gia của xã hội, doanh nghiệp đối với các dự án, ý tưởng khởi nghiệp hay và có tiềm năng; góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của Nhân dân về vai trò của khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển giao mô hình tổ chức và vận hành cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST cho các địa phương; thúc đẩy hoạt động kết nối hợp tác giữa doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST với các nhà đầu tư trong nước, quốc tế, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh có uy tín; thúc đẩy hoạt động hợp tác công - tư để hình thành quỹ đầu tư cho khởi nghiệp ĐMST tại địa phương theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.

- Về hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp trong các trường đại học: Đến nay có khoảng 138 trường đại học, học viện, cao đẳng tổ chức những hoạt động về khởi nghiệp sáng tạo, trong đó có 43 trường đã thành lập vườn ươm, trung tâm, câu lạc bộ nhằm hỗ trợ khởi nghiệp lâu dài. Nơi đây đóng vai trò quan trọng trong việc kích lệ tinh thần doanh nhân, đổi mới sáng tạo trong sinh viên, giảng viên; hỗ trợ hoạt động chuyển giao kinh nghiệm trong trường đại học; gắn kết trường đại học với các doanh nghiệp và phát triển kinh tế địa phương.

Nhằm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, Bộ KH&CN đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) với mục tiêu kết nối và khai thác nguồn lực trong nước, quốc tế cho khởi nghiệp ĐMST, đóng vai trò trụ cột trong phát triển loại hình tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trong phạm vi cả nước, hình thành và phát triển Mạng lưới kết nối khởi nghiệp quốc gia; triển khai thí điểm, nhân rộng mô hình khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, không gian khởi nghiệp ĐMST.

Bên cạnh đó, một số địa phương đã hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh/thành phố với các mô hình linh hoạt phù hợp thực tiễn của địa phương, điển hình như: thành lập mới và sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở KH&CN, một số địa phương đang xây dựng các đề án thành lập trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo.

Đối với vùng Tây Nguyên, năm 2022 tỉnh Đắk Lắk thành lập Trung tâm ĐMST tỉnh Đắk Lắk thuộc Trường Đại học Tây Nguyên với mục tiêu “Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ các doanh nghiệp, sinh viên, học sinh và các cá nhân, tổ chức khai thác các nguồn lực tại địa phương và cơ hội đến từ cuộc Cách

mạng 4.0” và trở thành một trung tâm kiểu mẫu ở khu vực Tây Nguyên trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng thời là một đơn vị hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp, sinh viên, học sinh và các cá nhân, tổ chức trên toàn tỉnh Đắk Lắk.

2.3.4. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng

Công tác xây dựng hạ tầng thông tin KH&CN tiếp tục được chú trọng phát triển. Theo đó, tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Đề án “Phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Hoàn thiện các quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN; xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về KH&CN bảo đảm đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý nhà nước và phù hợp với tình hình thực tiễn. Thường xuyên cập nhật hoạt động thông tin công nghệ tại địa chỉ Techmartvietnam.vn. Tổ chức triển khai các cuộc điều tra thống kê KH&CN&ĐMST năm 2023.

Phát triển và hoàn thiện các dự án của Hệ tri thức Việt số hóa nhằm phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng người sử dụng: (1) Cập nhật dữ liệu và chạy thử nghiệm Hệ thống Chia sẻ dữ liệu nghiên cứu mở (OpenData) phục vụ chia sẻ, dùng chung tại địa chỉ website: <https://openscience.vn>; (2) Tiếp tục phối hợp triển khai các dự án: Nhân đạo số, Giáo dục số, Bách khoa toàn thư số, Bản đồ số...; (3) Tiếp tục tổng hợp dữ liệu và số hóa tri thức cơ bản các lĩnh vực công nghệ và dữ liệu về giáo dục đào tạo với tổng số lượng 5.000 biểu ghi; (4) Đang hoàn thiện và nhập dữ liệu vào hệ thống “Nền tảng số phục vụ chia sẻ, phát triển và ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo cho hệ sinh thái khoa học dữ liệu quốc gia” tại địa chỉ website: <https://openscience.vn>.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN cũng như quản lý các nguồn tài nguyên thông tin KH&CN nói chung. Thông qua hệ thống thông tin KH&CN, cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN đã hỗ trợ, cung cấp tài nguyên thông tin thông qua dải IP đến các tổ chức đầu mối thông tin các tỉnh vùng Tây Nguyên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý KH&CN, hoạt động nghiên cứu và phát triển, giáo dục và đào tạo, nhu cầu tra cứu, khai thác thông tin KH&CN của người dân, doanh nghiệp. Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ nghiên cứu, xây dựng Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng Tây Nguyên có khả năng chia sẻ, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN để phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu khoa học trên địa bàn.

3. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

3.1. Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá trong đồng bào các dân tộc

a) Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố, đưa di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc vùng Tây Nguyên vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cụ thể: Nghề dệt thủ công truyền thống của người Ba Na, tỉnh Kon Tum; Nghề dệt của nhóm A Ráp (Gia Lai), tỉnh Kon Tum.

- Lĩnh vực Bảo tàng

+ Tổ chức Lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ về công tác thuyết minh, giới thiệu, diễn giải, xây dựng chương trình giáo dục di sản văn hóa và hướng dẫn triển khai công tác giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên thông qua di sản văn hóa dành cho các bảo tàng, ban quản lý di tích khu vực miền Trung và Tây Nguyên (gồm 16 tỉnh, thành phố).

+ Hướng dẫn địa phương, triển khai các nhiệm vụ lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận bảo vật quốc gia cho xe tăng T59 số hiệu 377 (tại Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 30/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ), hiện đang lưu giữ và trưng bày tại khuôn viên tượng đài Chiến thắng Đắk Tô-Tân Cảnh, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum

- Lĩnh vực di tích

+ Xếp hạng di tích: Ban hành Quyết định xếp hạng quốc gia di tích khảo cổ Hang C6-1 (tỉnh Đắk Nông); đổi tên di tích lịch sử quốc gia Số 4 Nguyễn Du thành Biệt điện Bảo Đại (tỉnh Đắk Lắk).

+ Thẩm định, thỏa thuận các Quy hoạch, Dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ các di tích: di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo, tỉnh Gia Lai; chỉnh trang khuôn viên Bảo tàng tỉnh và di tích Biệt điện Bảo Đại, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; di tích lịch sử CADA và Địa điểm Miếu thờ tại Đồn điền CADA, xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; di tích lịch sử Làng kháng chiến Stor, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; di tích lịch sử Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; di tích lịch sử Điểm cao 1015, xã Rờ Koi, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; di tích Địa điểm Chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh, tỉnh Kon Tum; di tích Nhà đày Buôn Ma Thuột, di tích Nhà đày Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

b) Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2834/QĐ-BVHTTDL ngày 02/10/2023 thành lập Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và triển khai thu thập, xử lý số liệu thống kê về sự đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa, hoàn thiện Dự thảo Đề cương Chiến lược, chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dự kiến tổ chức vào tháng 12/2023.

c) Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” (gọi tắt là Phong trào “TĐĐKXDĐSVH”)

* Kết quả đạt được

- Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” khu vực Tây Nguyên nhìn chung hoạt động ổn định và hoạt động hiệu quả; các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đã

được các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp triển khai đồng bộ; nhiều nội dung hoạt động phong trào đã được đưa chỉ tiêu vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” được tuyên truyền lồng ghép trong việc vận động người dân thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng “Gia đình văn hóa”; “Làng, thôn, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa”; phong trào xây dựng “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được nhiều địa phương triển khai quyết liệt; phong trào xây dựng “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” được các cơ quan, Bộ, Ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương triển khai khá đồng bộ, được cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động đồng tình ủng hộ và đăng ký thực hiện.

- Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” đã đi vào cuộc sống và trở thành hoạt động thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư, phong trào đã tác động đến từng cá nhân, gia đình, cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang về hành vi, lối sống, đạo đức, nhân cách; khơi dậy truyền thống tương thân tương ái, uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách... Thông qua các nội dung trong phong trào, nhiều giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, đạo đức, gia phong của dòng tộc, làng, thôn, ấp, bản... được giữ gìn, bảo tồn và trao truyền, các nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, các phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, các đoàn thể được người dân hưởng ứng thi đua, tham gia thực hiện đầy đủ, trách nhiệm. Phong trào đã tập hợp được sức mạnh của toàn dân và cả hệ thống chính trị.

d) Hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

Tính đến hết năm 2022 hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở các cấp các tỉnh khu vực Tây Nguyên hiện có như sau:

- Cấp tỉnh: Có 05 Trung tâm Văn hoá, Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật, Trung tâm Văn hoá - Điện ảnh;

- Cấp huyện: 56/62 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ 93,5%;

- Cấp xã: Có 477/719 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 66,3%;

- Cấp thôn: Có 6.037/6977 làng, thôn, bản có Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ 86,5%.

Hệ thống thiết chế văn hoá các cấp đã chú trọng đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng thông qua các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn nhằm thu hút người dân đến sinh hoạt; Ngoài ra hệ thống Nhà Văn hoá xã, thôn còn thực hiện chức năng học tập cộng đồng gắn với công tác bảo tồn, phát huy vốn văn hoá cổ truyền của dân tộc thông qua việc tổ chức các đợt sinh hoạt cộng đồng, truyền dạy văn hoá dân gian trong đó có công việc của các tộc người dân tộc thiểu số, đồng thời thực hiện công tác sưu tầm, trưng bày, lưu giữ nhằm bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể tại địa phương.

Ngoài việc khai thác, phát huy tốt hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá tại địa phương, Trung tâm Văn hoá các tỉnh khu vực Tây Nguyên còn tích cực tham gia các liên hoan, hội thi, hội diễn do Trung ương tổ chức phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị và tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương như: Hội thi Múa không chuyên toàn quốc năm 2022; Liên hoan trình

diễn các di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại; Hội thi Tuyên truyền lưu động toàn quốc “Biển và Hải đảo Việt Nam”; Hội diễn Đàn, Hát dân ca 3 miền năm 2023... thu hút đông đảo lực lượng văn nghệ sỹ, diễn viên, tuyên truyền viên, các tầng lớp nhân dân tham gia.

e) Về hoạt động tuyên truyền cổ động

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành văn bản Hướng dẫn, chỉ đạo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch các tỉnh vùng Tây Nguyên tổ chức hiệu lực, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền các ngày kỷ niệm lớn của đất nước. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc; cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc, ý chí cách mạng, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước; nâng cao cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cục Văn hoá cơ sở chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh vùng Tây Nguyên tổ chức triển lãm tranh cổ động tầm lớn tuyên truyền “Giá trị văn hóa, con người Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển bền vững đất nước” tại tỉnh Đắk Nông, Kon Tum và Lâm Đồng.

3.2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực

- Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển thị trường lao động, triển khai Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030, các Chương trình, đề án, giải pháp về phục hồi và phát triển thị trường lao động.

- Hệ thống thông tin thị trường lao động bước đầu được xây dựng đồng bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; năng lực phân tích, dự báo cung - cầu lao động được nâng cao, kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và cả nước.

- Các hoạt động quản lý nhà nước, điều tiết về cung - cầu lao động được tăng cường; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động; Hiệu quả hoạt động hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm từng bước được nâng cao, tăng cường kết nối vùng; các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, các sàn giao dịch việc làm được đẩy mạnh, qua đó chủ động cung ứng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm trong nước, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm; chú trọng hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề, thanh niên người dân tộc thiểu số và lao động thuộc nhóm yếu thế. Theo báo cáo của Ngân hàng chính sách xã hội, thông

qua Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn huy động của ngân hàng chính sách xã hội, 09 tháng đầu năm 2023, các địa phương vùng Tây Nguyên đã hỗ trợ tạo, duy trì và mở rộng việc làm cho 10.930 lao động, chủ yếu là lao động nông thôn (2.229 lao động là người dân tộc thiểu số).

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính đến hết năm 2022, dân số trong vùng là 6.092,4 nghìn người; lực lượng lao động là 10.661,3 nghìn người, chiếm 20,62 lực lượng lao động cả nước; lao động có việc làm là 10.415,5 nghìn người, bằng 20,58% cả nước; lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 26,7% (cả nước là 26,2%); tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi từ 2,4-2,7% (cả nước là 2,6%).

- Phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tính đến hết năm 2022, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội của vùng là 354.569 người, trong đó, Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 430.644 người, Bảo hiểm xã hội tự nguyện là 76.095 người.

Trong 10 tháng đầu năm 2023, Trung tâm dịch vụ việc làm trực thuộc Sở LĐTBXH các tỉnh vùng Tây Nguyên đã tiếp nhận và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động: Tư vấn, giới thiệu việc làm cho 49.284 lượt người, trong đó có 31.785 người được giới thiệu việc làm; Hỗ trợ học nghề cho 1.7991 người; Tiếp nhận 27.984 người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 26.717 người hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Triển khai Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 22/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; làm tốt công tác tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo người lao động trước khi đưa đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối để tìm kiếm thị trường mới, ngành nghề mới và nhu cầu tuyển dụng lao động phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động của vùng Tây Nguyên. Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đặc biệt là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động sinh sống tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc ở nước ngoài; kết nối, giới thiệu việc làm cho người lao động hết hạn hợp đồng về nước. Trong năm 2023 (tính đến ngày 20/11/2023), số người trong vùng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 3.043 người, chiếm 2,08% cả nước.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ); hướng dẫn các địa phương thực hiện việc rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao góp phần nâng cao năng suất lao động, gắn với thị trường xuất khẩu lao động và xu hướng dịch chuyển lao động trong nông nghiệp; trong đó, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt. Tăng cường đào tạo các ngành, nghề mới và các kỹ năng nghề mới cho một số ngành, nghề ở trình độ cao đẳng, trung cấp. Ưu tiên các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao, các kỹ năng tương lai đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo lại nâng cao kiến thức, kỹ năng gắn với chuyển đổi việc làm cho người lao động bị tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thích ứng với điều kiện sản xuất mới, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên.

- Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động; xây dựng và thực hiện các mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp phù hợp với các nhóm đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

Tính đến năm 2022, Tây Nguyên có 105 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chiếm 5,51% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước. Tổng số giáo viên là 3.066 người, trong đó có 813 giáo viên nữ. Tổng số tuyển sinh của vùng là 105.320 người, chiếm 5,25% của cả nước. Trong đó: Cao đẳng là 2.253 người, trung cấp: 6.533 người và sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng: 96.534 người. Số tốt nghiệp là 87.094 người, chiếm 5,07% cả nước. Trong đó: Cao đẳng là 1.339 người, trung cấp: 2.645 người và sơ cấp, đào tạo nghề dưới 3 tháng: 83.110 người.

Hệ thống trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp nghề đến nay đã có: 04 trường đại học, trong đó 3 trường đại học đa ngành gồm Đại học Đà Lạt, Đại học Tây Nguyên, Đại học dân lập Yersin Đà Lạt và Đại học dân lập Buôn Ma Thuột đào tạo chuyên ngành Y, dược; 12 trường Cao đẳng chuyên nghiệp và Cao đẳng kỹ thuật nghề; 14 trường trung cấp nghề (tăng thêm 04 trường). Bên cạnh đó, còn có mạng lưới các trung tâm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dạy nghề khác trong và ngoài công lập phát triển đến tất cả các huyện trong vùng.

3.3. Tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới tư duy, phương thức giảm nghèo gắn với mô hình tăng trưởng kinh tế từng thời kỳ; đảm bảo người nghèo được tham gia và thụ hưởng thành quả của tăng trưởng kinh tế. Tập trung giải quyết các nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền, dân tộc trong vùng Tây Nguyên.

- Tăng cường nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng đối với công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo. Truyền thông, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành, người dân và cộng đồng về công tác giảm nghèo; chú trọng truyền thông định hướng người nghèo và cộng đồng, địa bàn nghèo tiếp cận, tham gia, thụ hưởng các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo và chủ động, nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

- Hỗ trợ người dân có việc làm, sinh kế, vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; các địa bàn nghèo để thoát khỏi tình trạng khó khăn, xây dựng nông thôn mới. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp.

- Lồng ghép các chương trình, đề án, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn Vùng; huy động nguồn lực xã hội cho công tác giảm nghèo.

Tỷ lệ nghèo chung của vùng Tây Nguyên đã giảm nhanh trong giai đoạn 2002-2022, từ mức 51,8% năm 2002 đã giảm xuống còn 11% vào năm 2022, tương đương mức giảm 40,8% trong vòng 20 năm, bình quân giảm 2,04%/năm; nhanh hơn mức giảm của cả nước, cụ thể: mức giảm tương ứng của cả nước từ 28,9% năm 2002 xuống còn 4,8% năm 2022, bình quân giảm 1,2%/năm. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo chung của vùng Tây Nguyên vẫn còn cao hơn gần 2,3 lần so với mức bình quân chung của cả nước vào năm 2022, nếu so sánh với các vùng khác thì mức tỷ lệ nghèo chung của vùng Tây Nguyên chỉ thấp hơn so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc ở mức 14,4%.

Tính đến năm 2023, tổng số hộ nghèo và cận nghèo đa chiều trong vùng là 236.766 hộ, tỷ lệ hộ nghèo là 15,39%; số hộ nghèo là 129.160 hộ, chiếm tỷ lệ 8,39%; hộ cận nghèo là 107.487 hộ, chiếm tỷ lệ 6,99%. Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2021-2023 của Tây Nguyên là 2.164,371 tỷ đồng.

3.4. Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3.4.1. Các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản

- Các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản của vùng Tây Nguyên được cải thiện rõ rệt trong 10 năm vừa qua:

+ Tuổi thọ trung bình toàn vùng tăng từ 69,4 năm 2012 lên 71,07 năm 2022.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 25,0% năm 2012 xuống còn 17,1% năm 2022; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 36,8% năm 2012 xuống còn 27,0% năm 2022.

+ Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm từ 26,4‰ năm 2012 xuống còn 19,18‰ năm 2022; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 40,2‰ năm 2012 xuống còn 30,01‰ năm 2022.

- Với sự nỗ lực của ngành y tế các tỉnh Tây Nguyên, công tác y tế dự phòng đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin của chương trình tiêm chủng mở rộng tại Tây Nguyên đạt tỷ lệ khá cao và được duy trì ở mức trên 95% trong nhiều năm liên tục (giai đoạn 2021-2023 giảm xuống khoảng 89% do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và khó khăn trong bảo đảm vắc xin trong giai đoạn chuyển nhiệm vụ từ Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế - Dân số sang nhiệm vụ thường xuyên). Các dịch bệnh khác lưu hành trong vùng như sốt rét, phong, lao... đã được khống chế.

Chỉ tiêu giường bệnh trên 10.000 dân của vùng Tây Nguyên là khoảng 31,5 và tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là khoảng 88%, thấp hơn không nhiều so với mục tiêu đề ra, nếu được đầu tư có khả năng đạt được, tuy nhiên có sự chênh lệch khá lớn giữa các tỉnh trong vùng.

Chỉ tiêu bác sĩ trên 10.000 dân của vùng Tây Nguyên mới đạt 7,9, thấp hơn nhiều so với trung bình cả nước và mục tiêu đề ra. Cần phải có những giải pháp hết sức đột phá mới có thể thực hiện được.

3.4.2. Mạng lưới cơ sở y tế

- Vùng Tây Nguyên có 02 đơn vị tuyến Trung ương là Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên tại Đắk Lắk, Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt tại Lâm Đồng; 30 cơ sở y tế cấp tỉnh, 8 cơ sở y tế cấp ngành, trong đó có 01 bệnh viện hạng I là Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên.

- Các Trung tâm y tế tuyến huyện với qui mô từ 80 đến 180 giường bệnh. Các Trạm y tế đa số được xây dựng ở vị trí mà người dân dễ dàng tiếp cận về giao thông như tại khu trung tâm xã, hoặc trực giao thông chính.

3.4.3. Phát triển nguồn nhân lực y tế

Tây Nguyên có 08 cơ sở đào tạo nhân lực y tế, bao gồm 03 trường đại học, 05 trường cao đẳng và 01 trường trung cấp (Trung cấp Y tế Tây Nguyên). Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên khu vực Tây Nguyên, có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng chuẩn và đổi mới chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực.

3.4.4. Cơ sở hạ tầng, dược, thiết bị y tế

Hệ thống cơ sở y tế phát triển cả về quy mô, số lượng và từng bước hiện đại hóa. Nhiều bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh được nâng cấp, xây dựng mới với trang thiết bị hiện đại đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn bệnh viện hạng I, hạng II, qua đó mở rộng quy mô và tăng cường năng lực, khả năng khám và điều trị nhiều loại bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

- Nước thải Y tế của các tỉnh vùng Tây Nguyên hầu hết đã được xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, hiện nay đã có nhiều công trình xử lý nước thải y tế đã bị xuống cấp. Cụ thể:

+ Kon Tum: Tổng lượng nước thải y tế phát sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum khoảng 945 m³/ngày và được thu gom, xử lý tại các cơ sở. Hiện tại nhiều bệnh viện, trung tâm y tế tại tỉnh Kon Tum đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung để thu gom, xử lý lượng nước thải y tế phát sinh, đảm bảo quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

+ Đắk Lắk: Tổng lượng nước thải y tế phát sinh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khoảng 4.893 m³/ngày. Nước thải được xử lý đạt cột A QCVN 28:2010/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Đắk Nông: Hầu hết các bệnh viện đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải, còn các trạm y tế xã phường và nhà hộ sinh thì đều chưa xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế, nước thải y tế được thải lẫn với nước thải sinh hoạt và xả ra môi trường. Riêng Trung tâm y tế huyện Đắk Song và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông hiện đã xuống cấp và không đảm bảo xử lý nước thải y tế theo quy chuẩn quy định.

+ Lâm Đồng: Các bệnh viện tuyến tỉnh đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế, hiện nay có 01 hệ thống đã xuống cấp (Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh); Có 10/12 bệnh viện tuyến huyện, Phòng khám đa khoa trung tâm đã đầu tư hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế, hệ thống xét nghiệm nước thải của Trung tâm y tế Cát Tiên đã xuống cấp; Trung tâm y tế Bảo Lộc, Trung tâm y tế Đam Rông chưa được đầu tư hệ thống xử lý chất thải lỏng; 04 Trung tâm đầu nôi chung hệ thống xử lý nước thải với Trung tâm y tế Dự phòng tỉnh hiện nay hệ thống đã bắt đầu xuống cấp; Phòng khám đa khoa khu vực, TYT xã, phường, thị trấn: có 16 đơn vị có hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế (hầm 2 ngăn tự hoại), các đơn vị còn lại chưa được đầu tư hệ thống xử lý chất thải lỏng.

+ Gia Lai: Các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện phần lớn đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải, còn lại các trạm y tế xã hầu hết chưa có hệ thống xử lý nước thải. Đối với cơ sở y tế thuộc các bộ ngành khác: các bệnh viện tư nhân, bệnh viện của Bộ quốc phòng hầu hết đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải. Còn lại đối với các cơ sở y tế tư nhân, một số cơ sở tự đầu tư hệ thống xử lý mô đun lắp sẵn để xử lý nước thải.

- Các địa phương trong Vùng cũng đã có nhiều quan tâm, chú trọng đến công tác phát triển dược liệu. Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng Sa nhân tím, Đảng sâm, Vàng đắng, Nấm linh chi, Nấm đông trùng hạ thảo, Nghiên cứu trồng Đảng sâm, Ngũ vị tử, Giảo cổ lam, Xuyên khung theo GACP ở tỉnh Kon Tum. Tại Đắk Lắk đã trồng thử nghiệm cây Sachi, Hà thủ ô đỏ, Sâm cau, Viễn chí lá nhỏ. Tỉnh Đắk Nông nghiên cứu sơ chế và bảo quản các dược liệu Nghệ, Đinh lăng...

4. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

4.1. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng

a) Về đường bộ

- Tuyến đường bộ cao tốc:

(1) Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột (CT.24)

Dự án có điểm đầu tại Cảng Nam Vân Phong, Khánh Hòa; điểm cuối tại đường cao tốc Bắc Nam - phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với chiều dài 117,5 km, quy mô 4 làn xe. Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội. Dự án có chiều dài 117,5 km, quy mô phân kỳ 04 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 21.935 đồng, được chia làm 03 dự án thành phần và giao 03 cơ quan chủ quản để thực hiện

Đến ngày 28/3/2023, 03 dự án thành phần đã hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi. Đến ngày 13/9/2023, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ GTVT đã hoàn thành thẩm định thiết kế kỹ thuật (TKKT), dự toán toàn bộ 08 gói thầu. Dự án đã tổ chức khởi công ngày 18/6/2023 theo đúng tiến độ Chính phủ yêu cầu. Đến nay, Dự án đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu đối với toàn bộ 08 gói thầu và tổ chức triển khai thi công trên hiện trường.

(2) Tuyến cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.27)

- Đoạn Tân Phú - Bảo Lộc: điểm đầu tại Tân Phú (Đồng Nai), điểm cuối tại Tp Bảo Lộc (Lâm Đồng), dài 67 km, quy mô 04 làn xe, tiến trình đầu tư trước năm 2030. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương giao UBND tỉnh Lâm Đồng là cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án theo phương thức PPP tại Thông báo số 24/TB-VPCP ngày 04/02/2021. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022. Trên cơ sở văn bản số 3479/UBND-VBTT ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao nhà đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) Dự án, Công ty cổ phần Đèo Cả đã có Tờ trình số 478/2023/TTr-ĐCG ngày 05/10/2023 gửi UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị thẩm định, phê duyệt BCNCKT Dự án. Trên cơ sở Tờ trình số 8947/TTr-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Bộ GTVT đã có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.

- Đoạn Bảo Lộc - Liên Khương: điểm đầu tại Tp Bảo Lộc, Lâm Đồng, điểm cuối tại Đức Trọng, Lâm Đồng, dài 74 km, quy mô 04 làn xe, tiến trình đầu tư trước năm 2030. Dự án đã được HĐND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 09/12/2022. Hiện Nhà đầu tư đề xuất dự án (Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty Cổ phần đầu tư Tập đoàn Phương Trang - FUTA GROUP, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành) đang lập hồ sơ BCNCKT Dự án.

(3) Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02): đoạn tuyến cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), dài 140 km, qui mô 06 làn xe, đầu tư trước năm 2030. Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Bình Phước là cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án tại văn bản số 658/TTg-CN ngày 22/7/2022 và Thông báo số 166/TB-VPCP ngày 06/6/2022. Hiện nay, Hội đồng thẩm định nhà nước đang thực hiện thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

(4) Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20):

Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku dài khoảng 180 km, quy mô quy hoạch 4 làn xe, tiến trình đầu tư sau năm 2030. Theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ đến năm 2030, phần đầu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng, trong đó có tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku. Tại Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 15/6/2022, Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Gia Lai chủ trì, phối hợp với Bộ GTVT, UBND tỉnh Bình Định nghiên cứu phương án đầu tư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, trong đó ưu tiên phương án đầu tư theo phương thức PPP để huy động tối đa mọi nguồn lực; thống nhất với các cơ quan, đề xuất phương án đầu tư (tiến trình đầu tư, hình thức đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp đầu tư theo phương thức PPP) báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Thực hiện chỉ đạo, UBND tỉnh Gia Lai đang phối hợp với UBND tỉnh Bình Định nghiên cứu phương án đầu tư Dự án để triển khai theo quy định. Đề nghị Bộ KHĐT cập nhật báo cáo của địa phương để tổng hợp.

- Tuyến Quốc lộ:

Về điều chỉnh Quy hoạch: căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 01/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, Bộ GTVT đã giao Cục Đường bộ Việt Nam (Cục ĐBVN) lập điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Tờ trình số 117/TTr- CĐBVN ngày 23/10/2023, Cục ĐBVN đã trình Bộ GTVT phê duyệt Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến Quy hoạch vùng Tây Nguyên gồm: bổ sung tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (điểm đầu Km0+000 kết nối với cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; điểm cuối Km135+932 kết nối với cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum), dài khoảng 136 km (đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi dài 58 km, đoạn qua tỉnh Kon Tum dài 78 km), quy mô 04 làn xe, tiến trình đầu tư trước năm 2030; bổ sung đây thời kỳ quy hoạch tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

Về nâng cấp cải tạo một số tuyến quốc lộ trong Vùng:

(1) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 28B đoạn qua tỉnh Lâm Đồng: điểm đầu tại Km0+00 (giao QL1A tại Km1656+900) thuộc huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; điểm cuối tại Km68+1000 (Km69) - Ngã ba Tahine giao với QL20 tại Km185+690 thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Tổng chiều dài khoảng 68 km (không bao gồm đoạn Km6+870 - Km7+990 thuộc Dự án đường cao tốc Vĩnh Hảo - Phan Thiết đã đầu tư xây dựng), đoạn qua tỉnh Lâm Đồng dài khoảng 17 km.

Bộ GTVT đã phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1495/QĐ- BGTVT ngày 16/11/2023 với quy mô đường cấp III theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, trong đó, đoạn Km0 - Km28 là đường cấp III đồng bằng, vận tốc thiết kế 80 km/h, đoạn Km28 - Km69 là đường cấp III miền núi, vận tốc thiết kế 60 km/h; các đoạn tuyến khó khăn áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với địa hình, địa chất, điều kiện giải phóng mặt bằng đảm bảo hiệu quả kinh tế. Tổng mức đầu tư 1.435 tỷ đồng và giao Cục ĐBVN làm chủ đầu tư. Hiện đang triển khai các công việc tiếp theo, phân đấu, hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, lựa chọn nhà thầu thi công và khởi công trong Quý I/2024.

(2) Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên, vốn vay WB: điểm đầu tại Km50+00 thuộc địa bàn huyện Tây Sơn, Bình Định; điểm cuối tại Km241+00 thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai. Dự án gồm 08 gói thầu xây lắp với chiều dài khoảng 143,6 km. Tổng mức đầu tư 3.654,44 tỷ đồng.

Dự án được Bộ GTVT phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 982/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2019 và số 818/QĐ-BGTVT ngày 03/7/2023. Dự án đã khởi công từ tháng 07/2021 và triển khai thi công đến nay đạt 73,1% giá trị hợp đồng xây lắp. Dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

(3) Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km90 - Km108 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: điểm đầu tại Km90+00 và điểm cuối tại Km108+00 thuộc địa phận huyện

Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai. Dự án gồm 01 gói thầu xây lắp với tổng chiều dài khoảng 18km. Tổng mức đầu tư là 522,19 tỷ đồng.

Bộ GTVT phê duyệt đã phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 849/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2022. Dự án đã khởi công tháng 06/2023 và đang triển khai thi công đạt 10,3% giá trị hợp đồng xây lắp. Dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

(4) Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: điểm đầu tại Km0+00 (trùng với Km1758+900, QL14) thuộc xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'Gar tỉnh Đắk Lắk; điểm cuối tại Km39+606,70 (trùng với Km1790+445, QL14) thuộc xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột. Dự án gồm 02 gói thầu xây lắp với chiều dài khoảng 39,6 km. Tổng mức đầu tư 1.509,1 tỷ đồng.

Bộ GTVT đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 1872/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2020 và giao Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk làm Chủ đầu tư. Dự án đã khởi công tháng 06/2021 và đang triển khai thi công đạt 41,5% giá trị hợp đồng xây lắp. Dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

(5) Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến qua đèo Mimosa và một số công trình trên Quốc lộ 20, tỉnh Lâm Đồng: điểm đầu tại Km0+384 tiếp giáp với nút giao Quốc lộ (QL20) (Km221+800, QL20); điểm cuối tại Km10+729 tiếp giáp với nút giao vòng xuyên ngã tư đường Khe Sanh giao với các đường Hùng Vương, Phạm Hồng Thái, Trần Hưng Đạo, thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và gồm sửa chữa, làm mới 11 cầu trên QL20. Dự án gồm 01 gói thầu xây lắp với chiều dài phần tuyến khoảng 8,1km. Tổng mức đầu tư 441,1 tỷ đồng.

Bộ GTVT đã phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 966/QĐ- BGTVT ngày 20/7/2022 và giao Ban QLDA 85 là chủ đầu tư. Dự án đã khởi công tháng 01/2023 và đang triển khai thi công đạt 33,7% giá trị hợp đồng xây lắp. Dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

Về công tác quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ trên địa bàn Tây Nguyên:

Hệ thống Quốc lộ qua địa bàn 05 tỉnh Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng) dài khoảng 3.142 km / 07 đơn vị quản lý (05 Sở GTVT và 02 Khu Quản lý đường bộ (QLĐB): III, IV), quy mô đạt cấp III-IV, chất lượng khai thác cơ bản ổn định, an toàn; hệ thống quốc lộ được phân bổ theo các trục dọc và trục ngang bao gồm:

(i) Trục dọc (03 tuyến): đường Hồ Chí Minh (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông), đường Trường Sơn Đông (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng), QL.14C (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông);

(ii) Trục ngang (15 tuyến): QL.19 (Bình Định - Gia Lai), QL19C (Bình Định - Phú Yên - Đắk Lắk), QL.19D (Gia Lai), QL.20 (Đồng Nai - Lâm Đồng), QL.24 (Quảng Ngãi - Kon Tum), QL.25 (Phú Yên - Gia Lai), QL.26 (Khánh Hòa - Đắk Lắk), QL.27 (Đắk Lắk - Lâm Đồng - Ninh Thuận), QL.27C (Khánh Hòa - Lâm Đồng), QL.28 (Bình Thuận - Lâm Đồng - Đắk Nông), QL28B (Bình Thuận - Lâm Đồng), QL.29 (Phú Yên - Đắk Lắk), QL.40 (Kon Tum), QL.40B (Quảng Nam - Kon Tum), QL.55 (Bà Rịa Vũng Tàu - Bình Thuận - Lâm Đồng);

Năm 2023, công tác quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ trên địa bàn Tây Nguyên được Bộ GTVT giao dự toán chi nguồn sự nghiệp kinh tế đường bộ với tổng kinh phí khoảng 836,557 tỷ đồng.

b) Đường sắt

- Tổ chức điều chỉnh “Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tại Quy hoạch tổng thể quốc gia và tích hợp nội dung vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Theo đó, đến năm 2050 từng bước xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chơn Thành).

- Bộ GTVT đã trình Ban cán sự đảng Chính phủ cho ý kiến đối với Đề án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam để kết nối hành lang kinh tế Bắc - Nam và rút ngắn khoảng cách các tỉnh vùng Tây Nguyên với hai cực tăng trưởng là thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương, các vùng và cả nước.

- Đối với dự án “Khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt”: Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng giai đoạn đến năm 2050 đầu tư khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt. Trên cơ sở đề xuất của Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Khách sạn Bạch Đằng, Bộ GTVT đồng ý cho nhà đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án. Trên cơ sở ý kiến của Bộ GTVT và Công văn số 2465/CĐSVN-KHTC ngày 30/10/2023 của Cục ĐSVN, nhà đầu tư đang nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

c) Hàng không

- Về các Đề án quy hoạch CHK và mở rộng các CHK thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Cục HKVN đã hoàn thành và trình Bộ GTVT 03/03 quy hoạch các CHK khu vực Tây Nguyên và Bộ GTVT đang xem xét. Sau khi Quy hoạch được duyệt, sẽ tiến hành các thủ tục về đầu tư xây dựng và mở rộng CHK theo đúng quy hoạch, cụ thể:

+ Quy hoạch mở rộng, nâng cấp CHK Liên Khương lên cấp 4E: trên cơ sở đề nghị của Cục HKVN tại văn bản 5622/CHK-QLC ngày 12/10/2023, Bộ GTVT đang triển khai lấy ý kiến các cơ quan đơn vị để hoàn thiện quy hoạch CHK Liên Khương.

+ Quy hoạch mở rộng CHK Pleiku: Cục HKVN đã báo cáo, trình Bộ GTVT hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch hoàn thiện lại sau khi nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan được Bộ GTVT tổ chức lấy ý kiến (văn bản số 230/CHK-QLC ngày 12/01/2023, số 1839/CHK-QLC ngày 13/04/2023). Bộ GTVT đã thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và tổ chức lấy ý kiến của các Thành viên. Cục HKVN đang phối hợp và yêu cầu tư vấn khẩn trương nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Hội đồng thẩm định.

(iii) Quy hoạch mở rộng CHK Buôn Ma Thuật: Cục HKVN đã có văn bản 5561/CHK-QLC ngày 10/10/2023 về việc rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch báo cáo Bộ GTVT. Hiện nay, Bộ GTVT đã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định và triển khai các công tác tiếp theo.

- Về khai thác hiệu quả hệ thống CHK, mở rộng mạng đường bay nội địa, khuyến khích mở các đường bay quốc tế:

+ Việc khai thác các CHK được thực hiện nghiêm túc theo Đề án quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng CHK được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07/12/2020.

+ Các tuyến bay kết nối với các CHK Buôn Ma Thuột, Liên Khương, Pleiku đã và đang được khôi phục, mở rộng.

+ Việc mở các đường bay quốc tế tại CHK Liên Khương đang được các đơn vị của Bộ GTVT là Cục HKVN và ACV triển khai. Theo đó ACV hiện đang khẩn trương hoàn thành thủ tục để chuyển CHK Liên Khương thành CHK quốc tế, dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

d) Các nhiệm vụ khác

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong thiết kế, xây dựng, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành công trình; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; khuyến khích áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới.

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế, kỹ thuật trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo trì... trong ngành giao thông vận tải. Nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ phù hợp với tiêu chuẩn đường bộ của ASEAN để đảm bảo sự kết nối và hội nhập quốc tế.

- Phát triển giao thông vận tải gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, tích hợp, lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả từ khi lập quy hoạch, dự án.

- Sử dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong việc thi công các công trình giao thông.

- Tăng cường phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thi công và các dự án đã huy động được nguồn vốn đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Tăng cường phối hợp với các địa phương, bộ, ngành trong công tác đầu tư xây dựng các công trình kết nối giao thông đối ngoại trong khu vực theo quy hoạch và phân cấp.

4.2. Phát triển du lịch đặc sắc

- Xây dựng, hoàn thiện Dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt).

- Triển khai chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Quốc hội, Chính phủ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng, lồng ghép một số nội dung ưu tiên người dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số, miền núi và người sống ở vùng đặc biệt khó khăn, trong đó vùng Tây Nguyên được hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển du lịch vào Luật Du lịch 2017, gồm: Ưu tiên, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới có tác động tích cực tới môi trường, thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư; đầu tư phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa và sản phẩm du lịch đặc thù khác; tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân

cu trong phát triển du lịch; tăng cường vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc; ưu tiên khuyến khích phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng; phối hợp với các tỉnh vùng Tây Nguyên ban hành một số chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng; thực hiện lồng ghép nội dung phát triển du lịch vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I, trong đó có vùng Tây Nguyên. Từ đó, hoạt động du lịch tại các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và Tây Nguyên đã có sự phát triển mạnh mẽ, phong phú và đa dạng; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào vùng Tây Nguyên.

5. Về thực hiện nhiệm vụ tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

5.1. Nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ

Hội đồng Điều phối vùng Tây Nguyên được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký Quyết định số 827/QĐ-TTg thành lập ngày 11/7/2023, nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Quyết định đã đề ra 9 nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu của Hội đồng điều phối vùng trong đó nhấn mạnh việc phối hợp phải đảm bảo nguyên tắc đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật, việc phối hợp được thực hiện thông qua các quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án.

Hội đồng do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang làm Chủ tịch, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Chủ tịch Thường trực; Bộ trưởng các bộ: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên cũng đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng tại Quyết định số 47/QĐ-HĐĐPTN ngày 20 tháng 7 năm 2023, theo đó quy định 07 phương thức điều phối về: (1) Lập và tổ chức thực hiện quy hoạch; (2) Đầu tư phát triển; (3) Đào tạo và sử dụng lao động; (4) Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển vùng; (5) Giải quyết vấn đề liên kết vùng; (6) Kế hoạch điều phối liên kết vùng; (7) Cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin vùng nhằm đổi mới cơ chế điều phối vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phát triển nhanh, bền vững, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên.

Hội đồng điều phối vùng làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận, trao đổi ý kiến để thống nhất đối với các vấn đề chung của vùng, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; Chủ tịch Hội đồng có ý kiến kết luận cuối cùng. Như vậy, Hội đồng điều phối vùng được xác định không phải là một cấp hành chính nhưng là mô hình tổ chức mới để xem xét, giải quyết những vấn đề quan trọng của vùng, góp phần tháo gỡ các vấn đề khó khăn, vướng mắc mà địa phương trong vùng chưa thể giải

quyết được, đồng thời có thể cho ý kiến đối với những vấn đề chưa đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành và địa phương trong vùng.

5.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Quy hoạch vùng Tây Nguyên

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 1475/TTr-BKHĐT ngày 29 tháng 2 năm 2024 và Báo cáo số 2294/BC-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2024 về Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tại Thông báo số 159/TB-VPCP ngày 11/4/2024, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tiếp thu các ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp và chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện Quy hoạch vùng Tây Nguyên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong tháng 4 năm 2024"

b) Đối với quy hoạch tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt Quy hoạch của 05/05 địa phương trong vùng, cụ thể tại các Quyết định:

- Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quyết định 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Về xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia thường xuyên cập nhật các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng như các quy hoạch trong quá trình lập, thẩm định, rà soát và trình phê duyệt để các tỉnh trong vùng Tây Nguyên nghiên cứu, tổng hợp trong quá trình lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

5.3. Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng; phát triển một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn; huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương. Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi để phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch, phù hợp với quy

hoạch vùng, địa phương. Xây dựng tiêu chí xác định đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng theo hướng đô thị xanh, bền vững.

- Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương vùng Tây Nguyên trong công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật. Đôn đốc các địa phương rà soát, đánh giá nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong các đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để thực hiện điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết trong quá trình thực hiện. Phối hợp góp ý kiến, thẩm định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng liên quan đến kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tập trung nông thôn thuộc vùng Tây Nguyên.

- Tiếp tục tăng cường tập huấn nâng cao năng lực quản lý và phát triển nhân lực trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật cho các địa phương vùng Tây Nguyên.

- Thúc đẩy, kêu gọi hợp tác về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giữa các tổ chức hợp tác quốc tế với các địa phương vùng Tây Nguyên.

- Phối hợp chuyên gia các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực cấp, thoát nước và xử lý nước thải để áp dụng cho vùng Tây Nguyên để chủ động ứng phó với tình hình BĐKH.

- Tiếp tục phối hợp với các địa phương trong vùng Tây Nguyên triển khai thực hiện Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch giai đoạn 2016-2025; Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và Chỉ thị số 34/CT-TTg về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục (cụ thể: hướng dẫn kiểm soát, thực hiện bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước từ nguồn nước, nhà máy nước, hệ thống truyền tải và phương án dự phòng rủi ro cấp nước). Dự kiến về chỉ tiêu tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước tính trong năm 2024 đạt khoảng 76-80%.

Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và kịp thời xử lý những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch kiến trúc, về phát triển đô thị, về hạ tầng kỹ thuật, về nhà ở, về bảo vệ môi trường, về khoa học công nghệ, về bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa vùng Tây Nguyên và về hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng.

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2023 khoảng 6,5% và lạm phát khoảng 4,5% được Quốc hội, Chính phủ đặt ra, NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 14-15% (cao hơn tăng trưởng các năm trước), có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Ngay từ đầu năm, NHNN đã phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD và chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

- Các TCTD trên địa bàn vùng Tây Nguyên đã: (i) Chú trọng công tác huy động vốn, cung ứng tín dụng kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực có thế mạnh của vùng (như nông, lâm nghiệp; cây công nghiệp - cà phê, hồ tiêu, cao su; công nghiệp chế biến; du lịch sinh thái và văn hóa,...), phục vụ nhu

cầu đời sống, tiêu dùng chính đáng của người dân trên địa bàn các địa phương trong vùng. (ii) Tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên đạt được đầy mạnh; các công trình, dự án giao thông huyết mạch của vùng tiếp tục được quan tâm đầu tư tín dụng. (iii) Tích cực triển khai chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ (theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN), miễn giảm lãi, phí dịch vụ ngân hàng;... nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng của người dân, doanh nghiệp.

Kết quả, đến 31/10/2023, trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên:

- Huy động vốn của các TCTD tại khu vực đạt trên 272,7 nghìn tỷ đồng, tăng 9,03% so với cuối năm 2022 (cao hơn tốc độ tăng huy động vốn toàn quốc là 7,44%) và chiếm khoảng 2,07% tổng huy động vốn toàn quốc.

- Dư nợ tín dụng của vùng đạt gần 511,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,53% so với cuối năm 2022 (thấp hơn tốc độ tăng tín dụng toàn quốc 7,39%) và chiếm khoảng 3,99% tổng dư nợ tín dụng toàn quốc. Trong đó: (i) Dư nợ tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản, chiếm 32,01% tổng dư nợ tín dụng vùng, tăng 8,48% so với cuối năm 2022; (ii) Dư nợ tín dụng ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 13,71% tổng dư nợ tín dụng vùng, tăng 14,12% so với cuối năm 2022; (iii) Dư nợ tín dụng ngành thương mại và dịch vụ chiếm 54,28% tổng dư nợ tín dụng vùng, tăng 3,50% so với cuối năm 2022.

- Tín dụng tập trung, tăng trưởng cao vào một số ngành thế mạnh của vùng như: nông, lâm nghiệp và thủy sản (chiếm 32,01%, tăng 8,48%); bán buôn bán lẻ (chiếm 31,82%, tăng 7,10%); sản xuất và phân phối điện (chiếm 6,26%, tăng 12,35%); sản xuất và tự tiêu dùng hộ gia đình (chiếm 13,04%); xây dựng (chiếm 4,04%, tăng 27,41%); dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 1,52%, tăng 10,86%).

- Tín dụng các lĩnh vực ưu tiên tăng trưởng tốt, trong đó: (i) Tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt hơn 306 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với cuối năm 2022 (cao hơn mức tăng dư nợ nông nghiệp nông thôn toàn quốc 5,64%), chiếm khoảng 60% tổng dư nợ tín dụng của vùng và chiếm 10% tổng dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn toàn quốc; (ii) Tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt trên 67 nghìn tỷ đồng, tăng 0,17% so với cuối năm 2022, với trên 7.400 khách hàng còn dư nợ, chiếm gần 13% tổng dư nợ tín dụng của vùng.

- Các TCTD cấp tín dụng đối với 09 dự án BOT, BT giao thông vùng Tây Nguyên với tổng hạn mức cấp tín dụng là 7.349 tỷ đồng, tổng dư nợ cấp tín dụng là 2.911 tỷ đồng.

- Về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng, tăng khả năng tiếp cận tín dụng:

+ Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp: (i) Tháng 10/2023, Lãnh đạo NHNN đã chủ trì cùng Lãnh đạo UBND các tỉnh Vùng Tây Nguyên tổ chức Hội nghị kết nối ngân hàng – doanh nghiệp khu vực Tây Nguyên; (ii) Đến cuối Quý III/2023, trên địa bàn vùng Tây Nguyên, NHNN chi nhánh, các TCTD đã tổ chức hàng chục hội nghị, buổi làm việc, cuộc đối thoại giữa ngân hàng - doanh nghiệp, qua đó các TCTD đã thực hiện kết nối, hỗ trợ (thông qua các biện pháp cho vay mới, điều chỉnh giảm lãi suất, giảm phí, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ,...) cho trên 2.400 doanh nghiệp và một số đối tượng khác với dư nợ trên 29 nghìn tỷ đồng.

+ Chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN: Tổng giá trị nợ được cơ cấu lũy kế đến 31/10/2023 của các tỉnh Vùng Tây Nguyên là 2.129,9 tỷ đồng (gốc và lãi) với số lượt khách hàng được cơ cấu là 341 khách hàng.

a) Đẩy mạnh triển khai các chương trình, giải pháp tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn góp phần quan trọng phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên như chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 116/2018/NĐ-CP; cho vay hỗ trợ phát triển một số mặt hàng nông sản xuất khẩu thế mạnh của vùng (như cà phê, hồ tiêu, cao su). Theo đó, đến cuối tháng 10/2023: (i) Dư nợ tín dụng ngành cà phê của vùng đạt 78.308 tỷ đồng, tăng 10,42% so với cuối năm 2022, chiếm 81,14% tổng dư nợ cà phê toàn quốc; (ii) Dư nợ tín dụng ngành hồ tiêu của vùng đạt 6.965 tỷ đồng, tăng 1,06%, chiếm 54,88% tổng dư nợ hồ tiêu toàn quốc; (iii) Dư nợ tín dụng ngành cao su của vùng đạt 6.965 tỷ đồng, chiếm 15,85% tổng dư nợ cao su toàn quốc.

b) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) triển khai cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vùng Tây Nguyên, nhất là các chương trình tín dụng chính sách xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần tạo sinh kế, tạo cơ hội cho con em đi học, đi xuất khẩu lao động, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội trong khu vực. Theo đó, NHCSXH trên địa bàn Tây Nguyên đang triển khai khoảng 22 chương trình tín dụng chính sách đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách với tổng dư nợ đạt 26.949 tỷ đồng, tăng 10,08% so với 31/12/2022, với trên 715 nghìn khách hàng còn dư nợ. Dư nợ tập trung vào một số chương trình như: Cho vay hộ nghèo đạt 4.237 tỷ đồng (chiếm 15,72%), cho vay hộ cận nghèo đạt 5.129 tỷ đồng (chiếm 19,03%), cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 3.399 tỷ đồng (chiếm 12,61%), cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đạt 3.875 tỷ đồng (chiếm 14,38%), cho vay giải quyết việc làm đạt 3.785 tỷ đồng (chiếm 14,04%)...

c) Tổ chức triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG): (i) NHNN đã tích cực hoàn thiện văn bản hướng dẫn triển khai các chương trình MTQG đúng tiến độ, quy định; theo đó, NHNN đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan và NHCSXH xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025. (ii) Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc chức năng quản lý của mình nhằm bổ sung nguồn lực từ vốn tín dụng ngân hàng góp phần quan trọng thực hiện các Chương trình MTQG. (iv) Thực hiện đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các Chương trình trên địa bàn các tỉnh được phân công theo Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG. (v) Kịp thời phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chương trình.

Đề án “Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương.”

Việc đầu tư phát triển nhà máy điện thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Hiện nay, các Luật thuế (Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp...) đã có quy định ưu đãi ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế đối với các dự án đầu tư phát triển nhà máy điện.

Tại Quyết định số 139/QĐ-BTC, Bộ Tài chính đã giao các đơn vị có liên quan triển khai nhiệm vụ được phân công. Vì vậy, trong thời gian tới Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phù hợp.

6. Về thực hiện nhiệm vụ bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phân đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây

rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước.

7. Về thực hiện nhiệm vụ tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23, tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tạo chuyển biến thực sự trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyên giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

8. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể

Tình hình thực hiện từng nhiệm vụ đã được giao cụ thể kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ và được tổng hợp tại các Phụ lục kèm theo.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

Đến nay, các quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực giao thông vận tải thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng biển, cảng hàng không) làm cơ sở từng bước thực hiện đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng Tây Nguyên và cả nước nói chung.

Các mục tiêu về đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đã được cơ bản hoàn thành. Trong đó có nhiều công trình giao thông kết nối quan trọng giữa khu vực Tây Nguyên với các tỉnh duyên hải miền Trung, khu vực Đông Nam Bộ, các cảng biển, các cửa khẩu với Lào và Campuchia như sau:

- Về đường bộ cao tốc đã đưa vào khai thác 19 km; đang thi công 126 km và chuẩn bị đầu tư 169 km, phấn đấu đến 2025 sẽ có trên 295 km đường cao tốc đưa vào khai thác.

- Về cảng hàng không: đang triển khai xây dựng các Đề án Quy hoạch mở rộng, nâng cấp CHK Liên Khương lên cấp 4E, mở rộng CHK Pleiku và CHK Buôn Ma Thuột; và Đề án định hướng huy động nguồn lực xã hội đầu tư kết cấu hạ tầng CHK, trong đó có đề xuất phương án huy động nguồn XHH để thực hiện tại CHK Liên Khương.

- Hoạt động KH&CN đã chú trọng vào yêu cầu thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có tác động tích cực tới phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của vùng Tây Nguyên. Các địa phương đã xác định được danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, đặc thù để xây dựng chương trình phát triển; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp... Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin KH&CN... Qua đó, thể hiện rõ vai trò động lực quan trọng của KH&CN trong sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

2. Một số tồn tại, khó khăn, hạn chế:

Bên cạnh những thành tựu nêu trên; quá trình thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, đối với nông nghiệp, nông thôn của Vùng vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, khó khăn:

- Vùng vẫn là vùng có quy mô GRDP nhỏ nhất cả nước, chỉ chiếm 4% so cả nước. Tốc độ tăng trưởng thấp nhất cả nước. GRDP bình quân đầu người thấp nhất cả nước.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên năm 2022 vẫn còn 129.160 hộ (8,39%), tăng 48.652 hộ so với năm 2021. Hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 99.722 hộ, chiếm đến 77,21% số hộ nghèo trong Vùng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân tộc thiểu số, nhất là nhóm dân tộc thiểu số tại chỗ với người Kinh và các nhóm dân tộc với nhau ngày càng cao.

- Hạ tầng xã hội chưa đáp ứng nhu cầu học tập, khám chữa bệnh, vui chơi giải trí của nhân dân, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng biên giới. Việc tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục cũng như cơ hội việc làm cho lao động nông thôn còn thấp, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định còn thấp so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025. Tỷ lệ hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở tuy đã được giải quyết nhưng còn thấp. Đây cũng là một trong những khó khăn gây nên tình trạng tranh chấp đất đai, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp có nguồn gốc từ các nông lâm trường; gây sức ép và khó khăn cho các địa phương trong việc quản lý hộ khẩu, giải quyết nhu cầu giáo dục, y tế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của Vùng còn tồn tại, hạn chế, phát triển chưa tương xứng với nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông cấp vùng, liên vùng còn thiếu và chưa đồng bộ; trục ngang chưa có tuyến cao tốc (hiện mới chỉ khai thác 19 km cao tốc nội vùng Liên Khương - Đà Lạt). Do vậy, hạ tầng giao thông chưa trở thành tiền đề, động lực để khai thác tiềm năng, lợi thế của Vùng. Đường thủy nội địa còn khai thác hạn chế.

- Huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông vùng nói chung và của địa phương nói riêng chưa thực sự hiệu quả, chủ yếu trông chờ vào ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), cơ chế chính sách huy động nguồn lực chưa theo kịp yêu cầu phát triển, thực hiện chính sách không nhất quán.

- Tỷ lệ đất dành cho giao thông thấp từ 10 - 20% chưa đạt so với yêu cầu của Luật Giao thông đường bộ từ 16 - 26%, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số; quản lý sử dụng đất đai còn bất cập, ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp của Vùng còn cao (khoảng 65%); tỷ trọng nông lâm, thủy sản trong cơ cấu GRDP của Vùng còn cao, dẫn đến thu nhập bình quân đầu người thấp; nhu cầu đất canh tác tăng dẫn đến nguy cơ lấn chiếm đất rừng trái pháp luật lấy đất canh tác là rất lớn.

- Sản xuất nông nghiệp thiếu bền vững; sự gắn kết giữa nhà nông với HTX và doanh nghiệp còn yếu dẫn đến đầu ra cho nông sản chưa bền vững.

- Thị trường lao động tại các địa phương trong vùng mặc dù có bước phát triển nhưng tính kết nối cung - cầu lao động còn hạn chế; chất lượng nguồn lao động và chất lượng việc làm đã được cải thiện nhưng chưa cao, thiếu tính ổn định, bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Chất lượng công tác phân tích, dự báo thị trường lao động còn hạn chế; hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm mặc dù có những bước tiến nhất định nhưng chưa đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp, người lao động; sự gắn kết giữa các chương trình giảm nghèo và đào tạo nghề với các chính sách, chương trình giải quyết, hỗ trợ tạo việc làm còn hạn chế dẫn đến việc đào tạo, giải quyết, hỗ trợ tạo việc làm đạt hiệu quả chưa cao; nguồn lực từ các chương trình, đề án về đào tạo, hỗ trợ tạo việc làm còn hạn chế trong khi khả năng đầu tư từ ngân sách địa phương chưa đáp ứng yêu cầu do đó kết quả giải quyết việc làm cho người lao động trong vùng còn thấp; các dự án cho vay vốn tạo việc làm thông qua Quỹ quốc gia về việc làm đạt hiệu quả chưa cao, chủ yếu là dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, làm tăng thêm thời gian lao động; điều kiện kinh tế kém phát triển, vị trí địa lý hiểm trở gây khó khăn trong việc tiếp cận thông tin thị trường lao động cũng như trong tư vấn, giới thiệu việc làm thông qua hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Công tác tuyển sinh của một số cơ sở Giáo dục nghề nghiệp gặp khó khăn, nhất là tuyển sinh đối với các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Nhân lực qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ, nhất là nhân lực chất lượng cao còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu của nhiều địa phương và các doanh nghiệp. Chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề ở nhiều cơ sở

Giáo dục nghề nghiệp chưa theo kịp thay đổi trong sản xuất - kinh doanh, do đó doanh nghiệp vẫn phải thực hiện việc đào tạo lại lao động sau khi tuyển dụng.

- Cơ sở vật chất của nhiều cơ sở bảo trợ xã hội tại các tỉnh, thành phố tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên chưa đáp ứng được yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng và cung cấp các dịch vụ cho đối tượng bảo trợ xã hội; các cơ sở trợ giúp xã hội thiếu sự liên kết, kết nối mang tính hệ thống với các cơ quan phúc lợi xã hội, các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc, trợ giúp xã hội khác.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ chưa có sự lan toả mạnh mẽ, kết quả nghiên cứu chậm được áp dụng vào thực tiễn. Số lượng các nhiệm vụ KH&CN có quy mô lớn, có khả năng tạo ra các sản phẩm chủ lực, hình thành chuỗi giá trị còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở phạm vi xây dựng mô hình và còn nhiều khó khăn, vướng mắc khi nhân rộng, phát triển các sản phẩm công nghệ. Hoạt động nghiên cứu phục vụ công tác tham mưu, hoạch định cơ chế, chính sách, xây dựng định hướng phát triển ngành, lĩnh vực tại địa phương còn hạn chế, chất lượng chưa cao.

- Thiếu sự gắn kết trong việc đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN liên quan đến các vấn đề cấp thiết của vùng. Sự hợp tác trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ giữa nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; chưa huy động, thu hút được hiệu quả nhân lực trình độ cao ở các viện, trường trong triển khai nhiệm vụ KH&CN. Vấn đề liên kết trong đề xuất, triển khai nhiệm vụ KH&CN giữa các địa phương trong vùng cũng như ngoài vùng chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả; chưa đề xuất và thực hiện được các nhiệm vụ KH&CN lớn để giải quyết các vấn đề liên tỉnh, liên vùng.

- Quốc phòng – an ninh cơ bản được giữ vững, ổn định. Tuy nhiên các thế lực thù địch vẫn chưa từ bỏ âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, biểu tình. Một số buôn, làng vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Về an ninh trật tự, ở một số nơi vùng dân tộc thiểu số, tình hình tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật. Có nơi đồng bào bị kẻ xấu lợi dụng, gây chia rẽ khối đoàn kết dân tộc; xâm nhập, vượt biên trái pháp luật,...

3. Bài học kinh nghiệm

(1) Nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng đối với cả nước ở tất cả các cấp, các ngành; xác định rõ tiềm năng, lợi thế và những khó khăn, thách thức, điểm nghẽn để đưa ra các quan điểm, tầm nhìn và nhiệm vụ, giải pháp phát triển vùng.

(2) Các cơ chế, chính sách cho phát triển kinh tế- xã hội vùng cần phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và đặc thù cụ thể của từng địa phương và cả vùng.

(3) Phát triển Tây Nguyên phải tập trung và kết hợp giải quyết đồng bộ cả về chính trị - tư tưởng, kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; gắn phát triển kinh tế với chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội, văn hóa, chính sách dân tộc, tôn giáo.

(4) Tăng cường công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách đến người dân để cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt, phù hợp với tình hình và điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

(5) Chủ động nắm chắc tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định cùng phát triển với các nước láng giềng. Khơi dậy niềm tự hào về lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng, ý chí, khát vọng vươn lên và truyền thống anh hùng, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, sự đồng thuận của người dân trong Vùng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

(6) Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, duy trì tỷ lệ thích đáng và bảo đảm cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số trong bộ máy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên trong năm 2023

1. Thuận lợi

- Tây nguyên là Vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của quốc gia, được Đảng, Quốc hội, Chính phủ quan tâm đầu tư phát triển, đời sống người dân đã khá lên về mọi mặt, sức khỏe đã được cải thiện. Cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư xây dựng, các phương tiện thông tin hiện đại phát triển nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận các cơ sở y tế cũng như các kiến thức về sức khỏe. Nhận thức và sự tham gia của người dân, các cấp ủy đảng, chính quyền vào công tác y tế, dân số ngày càng sâu rộng; sự phối hợp liên ngành ngày càng rộng rãi và hiệu quả.

- Việc tham gia các định chế thương mại quốc tế, ký kết và triển khai các FTAs, trong đó có Hiệp định CPTPP và EVFTA đem lại động lực tăng trưởng mới cho ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và vùng Tây Nguyên nói riêng. Tây Nguyên có cơ hội lớn để mở rộng thị trường cho các sản phẩm có lợi thế, đặc biệt là các sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng cao vào các thị trường cao cấp. Sản phẩm cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn trái có cơ hội lớn nhất.

- Các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến mở ra nhiều cơ hội cho ngành nông nghiệp xử lý các điểm nghẽn lớn về đầu vào cho sản xuất, giá trị gia tăng cho sản phẩm và liên kết chuỗi giá trị, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Trong nước tình hình chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh; tiếp tục tận dụng cơ hội cơ cấu dân số vàng. Mạng lưới giao thông, phương tiện thông tin phát triển nhanh tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các dịch vụ y tế thuận lợi hơn rất nhiều. Cùng với xu thế đi lên của nền kinh tế, người dân ngày càng quan tâm và sẵn sàng chi cho sức khỏe. Truyền thông, thông tin phát triển mạnh mẽ giúp người dân được phổ biến, nâng cao kiến thức và khả năng tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Chỉ số sức khỏe của người dân trong vùng Tây Nguyên có những cải thiện tích cực. Cơ chế, chính sách phát triển y tế nói chung và vùng Tây Nguyên nói riêng ngày càng được hoàn thiện. Mạng lưới cơ sở y tế được đầu tư và phát triển, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Nhân lực y tế tuyến dưới, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được từng bước tăng cường, nâng cao chất lượng thông qua đào tạo cử tuyến, theo địa chỉ, liên thông, bồi dưỡng kiến thức, chuyên giao kỹ thuật, đưa bác sỹ trẻ về vùng khó khăn, luân phiên nhân viên y tế theo hai chiều.

2. Khó khăn, thách thức

- Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, yếu tố rủi ro, bất định gia tăng; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét.

- Mặc dù có vị trí và vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và chính trị của cả nước, nhưng Tây Nguyên vẫn được coi là vùng nghèo, GRDP của vùng vẫn thấp nhất trong cả nước. Tình trạng di dân tự do, một số phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại ảnh hưởng đến nhu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Chênh lệch giàu - nghèo còn lớn; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị thiên tai; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn. Quá trình đô thị hóa tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nhanh, khốc liệt và khó lường, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống người dân.

- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng do tình hình dịch bệnh, mô hình bệnh tật thay đổi, già hóa dân số nhanh, tác động của toàn cầu hóa, đô thị hóa và biến đổi khí hậu, hành vi lối sống có hại cho sức khỏe như hút thuốc lá, sử dụng rượu bia, chất gây nghiện, dinh dưỡng không hợp lý còn phổ biến. Kinh tế phát triển cũng dẫn đến yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao và đa dạng.

- Những khó khăn, thách thức từ tác động của giá vật tư đầu vào; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, cực đoan hơn, thiên tai khó lường, hạn hán luôn là nguy cơ tiềm ẩn... Những yếu tố trên sẽ tác động đến sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức.

- Thu nhập từ lao động nông nghiệp thấp, khó cạnh tranh với các ngành khác, dẫn đến ngành nông nghiệp thiếu lao động, nhất là lao động chất lượng cao; cần có giải pháp đẩy mạnh cơ giới hóa để nâng cao năng suất lao động ngành nông nghiệp.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn vùng Tây Nguyên còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Trình độ dân trí và kiến thức khoa học kỹ thuật, quản lý sản xuất kinh doanh của nông dân không đồng đều, chưa đáp ứng được yêu cầu trong điều kiện mới.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

- Nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND các địa phương trong vùng. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt, khẩn trương hơn nữa trong việc triển khai đầy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết của Chính phủ.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, phổ biến với nhiều hình thức thông qua Báo, Đài, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở; các cuộc họp, hội nghị, giao ban, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể... về nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ, các Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND; qua đó các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân của các địa phương trong vùng đã được nâng lên về nhận thức đối với vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 152/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với các bộ, ngành cùng các địa phương trong Vùng để tiếp tục chỉ đạo:

- Tích hợp định hướng phát triển nông nghiệp vào các quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) của các tỉnh để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất. Tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá, khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, quy trình sản xuất sạch nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực chế biến nông sản; liên kết sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị, từ xây dựng vùng trồng đến chế biến tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống người dân nông thôn, đặc biệt hệ thống thuỷ lợi phục vụ tưới tiêu. Hệ thống nghiên cứu và sản xuất giống, hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, ngăn ngừa dịch bệnh...

- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp cùng với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025..., nhằm đưa vùng Tây Nguyên trở thành vùng sản xuất hàng hoá nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai nhanh và hiệu quả các Chương trình, dự án, đề án về lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên; đặc biệt là các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

Chương trình bảo vệ và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình phòng chống thiên tai và ổn định dân cư; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025...

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các dự án ổn định dân cư đối với các hộ dân di cư tự do trong vùng, nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo tình an ninh, chính trị vùng Tây Nguyên.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đề xuất các chính sách đặc thù đối với vùng Tây Nguyên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trong nước và vốn ODA đối với vùng Tây Nguyên.

- Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh Tây Nguyên, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; xúc tiến đầu tư trong nông nghiệp; kết nối tiêu thụ, quảng bá sản phẩm nông sản.

- Triển khai công tác truyền thông, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu, không bị động đối với lệnh chống phá rừng Châu Âu áp dụng cho 1 số nông sản như: Cà phê, ca cao, cao su, gỗ và các sản phẩm chăn nuôi... coi đây là cơ hội để cơ cấu lại sản xuất nông lâm nghiệp ở Tây Nguyên và cả nước hướng tới một nền nông nghiệp bền vững, có trách nhiệm.

- Về đổi mới, sắp xếp lại các công ty nông, lâm nghiệp: Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên theo Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các quy hoạch sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như: Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, Quy hoạch Hạ tầng thông tin và truyền thông, Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hóa người Tây Nguyên.

- Các địa phương trong vùng Tây Nguyên về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế số và xã hội số đã đề ra trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022), chỉ tiêu về phát triển Chính quyền điện tử tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021, thực hiện tốt Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030 trình Thủ tướng Chính phủ năm 2023 khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hoàn thành các mục tiêu cụ thể đã đề ra tại Nghị quyết chuyển đổi số đã ban hành tại các địa phương (Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2035; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 12/NQ/TU ngày 25/05/2022 về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 04-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển hạ tầng số (hạ tầng kết nối băng rộng, điện toán đám mây và các nền tảng), phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên. Hạ tầng số được quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác, tối ưu cho việc dùng chung và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Vùng Tây Nguyên, tạo niềm tin cho xã hội khi tham gia vào các hoạt động trên không gian mạng phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại vùng Tây Nguyên.

- Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng thông tin liên lạc liên tục, có dự phòng tại các khu vực vành đai biên giới, các tuyến quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng Tây Nguyên, các khu vực phát triển kinh tế lâm nghiệp, công nghiệp khai thác, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

- Tăng cường đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho KH, CN & ĐMST trong Vùng. Bảo đảm tăng nguồn kinh phí chi cho KH, CN & ĐMST đạt tối thiểu 2% trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển sự nghiệp KH & CN. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH & CN, năng lực của các tổ chức KH & CN trong Vùng. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các trường đại học lớn trong Vùng (Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt, ...) nhằm đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý KH & CN & ĐMST, thúc đẩy phát triển KH & CN & ĐMST của cả nước, trong đó có vùng Tây Nguyên; tập trung vào hoàn thiện cơ chế tài chính, đầu tư cho KH & CN; cơ chế quản lý hoạt động KH & CN; cơ chế, chính sách phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH & CN...

3. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

3.1. Về y tế

a) Quy hoạch, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả

- Xây dựng một bệnh viện đa khoa trung ương tại vùng Tây Nguyên để tăng cường tiếp cận của người dân đối với dịch vụ y tế chuyên sâu. Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh ở từng tỉnh trong Vùng bên cạnh hệ thống bệnh viện thuộc lực lượng vũ trang; Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc sức khỏe người dân ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa và biên giới.

- Đầu tư nâng cấp Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên để đảm nhận vai trò Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh (CDC) khu vực; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk; Bệnh viện Quân y 211, Bệnh viện Quân y 15 (tại Gia Lai); Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đảm nhận vai trò hỗ trợ các tỉnh khác trong vùng.

b) Nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế

- Nâng cao năng lực các cơ sở y tế tuyến huyện, xã phải được xác định là một trong các giải pháp trọng tâm của y tế các tỉnh Tây Nguyên để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe

ban đầu để cải thiện tình trạng sức khỏe của người dân, thu hẹp sự khác biệt về các chỉ số sức khỏe giữa các vùng kinh tế - xã hội trên cả nước.

- Đối với trạm y tế cấp xã: chính quyền địa phương phải đảm bảo đủ điều kiện làm việc cho trạm y tế cấp xã thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, nhân lực và kinh phí hoạt động. Đảm bảo kinh phí cho công tác khám chữa bệnh ban đầu từ nguồn BHYT cũng như kinh phí chi sự nghiệp y tế từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động y tế dự phòng và y tế xã. Chú trọng đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án y tế công cộng trên cơ sở lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối với hệ thống các bệnh viện, thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực thực hiện các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật và cải thiện chất lượng dịch vụ.

c) Phát triển nhân lực y tế

- Các tỉnh phải có chính sách thu hút nhân lực y tế nói chung, đặc biệt là bác sĩ làm việc tại các cơ sở y tế các tuyến của 5 tỉnh Vùng Tây Nguyên, trong đó ưu tiên tuyến y tế cơ sở.

- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế các tỉnh Tây Nguyên.

- Về mạng lưới đào tạo khu vực Tây Nguyên: Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực đào tạo của Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột (theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ); đầu tư, nâng cấp Khoa Y của Trường Đại học Tây Nguyên; Xây dựng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng thành trường trọng điểm khu vực Tây Nguyên trong đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục triển khai các đề án đào tạo nhân lực y tế theo cơ chế đặt hàng, đào tạo hợp đồng theo địa chỉ, đào tạo chuyển giao kỹ thuật, đào tạo cử tuyển để kịp thời đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế khu vực Tây Nguyên, đặc biệt tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Triển khai có hiệu quả Dự án 585 Thí điểm đưa bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn II (2021-2030), trong đó có các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên.

d) Đổi mới cơ chế tài chính, tăng cường đầu tư y tế

Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng.

Nhà nước tiếp tục mua và hỗ trợ mua BHYT cho các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người dân tộc thiểu số, người dân sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng tỷ lệ người tham gia BHYT, đặc biệt là người tham gia BHYT theo hộ gia đình, người làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động trong các doanh nghiệp thực hiện BHYT toàn dân.

3.2. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng.

- Triển khai Chiến lược, quy hoạch GDNN; rà soát, sắp xếp các cơ sở GDNN phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở GDNN của các tỉnh trong vùng; liên kết giữa các cơ sở GDNN với các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục đại học. Hình thành hệ thống các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đào tạo, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, doanh nghiệp của vùng, nhất là nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng, gắn với các ngành nghề trọng điểm của vùng như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, công nghiệp chế biến công nghệ cao, công nghệ số, năng lượng tái tạo, logistics, tài chính - ngân hàng và dược phẩm. Trong đó có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông (đầu vào của đào tạo nghề); làm tốt công tác phân luồng học sinh (học sinh đi học đại học, học sinh đi học nghề, vừa học nghề vừa học văn hóa...). Gắn đào tạo nghề với tạo việc làm; gắn kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; tăng cường rèn luyện, nâng cao hiểu biết về pháp luật, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp cho người lao động.

b) Phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm bền vững gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động, tạo công ăn việc làm, đảm bảo an ninh trật tự, an ninh con người, an sinh và an dân. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại nhằm phục hồi nhanh kinh tế xã hội nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Đầu tư, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm, nâng tần suất phiên giao dịch việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm để tư vấn, cung cấp thông tin đến đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, các vùng còn khó khăn; phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; tăng cường dự báo cung - cầu lao động, kết nối hiệu quả thông tin lao động - việc làm các tỉnh trong vùng với các địa phương vùng Tây Nguyên. Tập trung xây dựng nhà ở xã hội, nhất là tại các khu công nghiệp tập trung, đồng bộ các cơ sở giáo dục, nhà trẻ, trạm y tế, thiết chế văn hóa gắn với các khu nhà ở tập trung để tạo điều kiện cho người lao động ổn định cuộc sống, yên tâm làm việc...

- Có giải pháp, chính sách ưu đãi (về thu nhập, về nhà ở...), tạo môi trường sống tốt nhất để thu hút chuyên gia, nhân tài, nhà khoa học... vào làm việc tại các địa phương; thu hút, sử dụng hiệu quả lực lượng lao động có tay nghề, lao động đi làm việc ở nước ngoài về làm việc vì lực lượng cơ bản này cơ bản có kinh nghiệm, kỹ năng, trình độ, tác phong công nghiệp..., có thể đáp ứng ngay nhu cầu của doanh nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách hỗ trợ tạo việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động, chú trọng tạo việc làm mới. Thực hiện lồng ghép chính sách việc làm công trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động là lao động nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động vùng nghèo, vùng khó khăn tại các tỉnh trong vùng. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường công tác quản lý, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp

- Mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tổ chức thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người lao động bị mất việc làm bù đắp được chi phí tiền lương, ổn định cuộc sống; đồng thời kịp thời hỗ trợ tư vấn, bồi dưỡng kỹ năng nghề, giới thiệu người lao động tìm kiếm việc làm mới. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp; theo dõi và giải quyết tốt tranh chấp lao động và đình công, hướng dẫn, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, không để xảy ra các cuộc tranh chấp lao động tập thể dẫn đến ngừng việc, đình công. Làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phấn đấu tăng thêm nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả các mô hình quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động, từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế; xây dựng văn hóa an toàn trong doanh nghiệp. Quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam; hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

c) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh chi trả trợ cấp ưu đãi người có công không dùng tiền mặt và chi trả thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

d) Tổ chức thực hiện tốt Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Nắm chắc tình hình đời sống của người dân, rà soát, thực hiện các phương án bảo đảm an sinh xã hội cho người dân có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn, giáp hạt năm 2024; tổ chức cứu trợ đột xuất kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra; tăng cường đào tạo, phát triển đội ngũ những người làm công tác xã hội chuyên nghiệp. Triển khai hiệu quả Quy hoạch phát

triển hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đầu tư củng cố và phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, nhất là cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người mắc bệnh tâm thần và trung tâm chăm sóc ban ngày. Đẩy mạnh việc thực hiện chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

3.3. An sinh xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo hiện hành như chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách dạy nghề, hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, hỗ trợ tiền điện, chính sách trợ giúp pháp lý.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện. Tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em. Triển khai thực hiện hiệu quả các mô hình hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; mô hình phòng, chống xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em; mô hình phát triển toàn diện trẻ em, hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại gia đình, cộng đồng và mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trên phạm vi cả nước.

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới 2021-2025 và các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tăng cường lồng ghép giới trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách, chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, chương trình, đề án về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; phòng, chống mại dâm và hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm, mua bán người. Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực

người làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị mua bán.

4. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

4.1. Về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng

- Quán triệt quan điểm chỉ đạo của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, trong đó xác định phát triển KCHTGT là đột phá chiến lược và phát triển hệ thống hạ tầng vùng gắn với đẩy mạnh đô thị hóa, kết nối đô thị.

- Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh cần phải được coi là công cụ định hướng chính của Nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, từng địa phương trong vùng và là công cụ liên kết bắt buộc giữa các địa phương trong vùng.

- Đầu tư phát triển KCHTGT vùng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm ATGT, kết nối hiệu quả giữa các loại hình giao thông; phát huy ưu thế của từng phương thức vận tải. Ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng khung giao thông kết nối giữa các địa phương, các đô thị lớn trong vùng, đầu tư các trục xuyên liên kết vùng, kết nối các cảng biển, cảng hàng không trong vùng; vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, an toàn, ít ô nhiễm môi trường.

- Khi nghiên cứu xây dựng các tuyến cao tốc cần định hướng quan điểm đi xa các tuyến đường cũ để tạo thêm không gian mới làm động lực phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp mới trong Vùng, khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư KCHTGT để tái đầu tư phát triển.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn để đầu tư phát triển hệ thống KCHTGT vùng; linh hoạt, sáng tạo trong sử dụng nguồn lực, trong đó vốn Nhà nước đóng vai trò là “vốn môi” để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác theo phương châm “đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; thể chế hóa các giải pháp về huy động nguồn lực; tăng cường phân cấp, phân quyền tổ chức thực hiện đầu tư KCHTGT cho các địa phương.

- Các địa phương trong Vùng cần chủ động dành nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện, nâng cấp kịp thời các tuyến đường kết nối từ đường cao tốc, giao thông trực chính vào các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, sân bay và cảng thủy nội địa, để bảo đảm khai thác đồng bộ hạ tầng giao thông, không để xảy ra tình trạng “cảng chờ đường” gây lãng phí nguồn lực.

- Quản lý, khai thác hệ thống giao thông Vùng đồng bộ, hiện đại. Chủ động tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quản lý, khai thác giao thông Vùng nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4.2. Về phát triển du lịch đặc sắc

- Rà soát hiện trạng nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch thông qua việc triển khai đề án, năng lực của các cơ sở đào tạo, dự báo được nhu cầu bổ sung về quy mô, cơ cấu, trình độ; xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo mới, đào tạo lại, bồi dưỡng phù hợp; chú ý nhân lực tại chỗ; hoàn thiện các đề án, cụ thể hóa các nội dung đã xác

định trong Chương trình hành động phát triển nguồn nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2021-2025, xác định những nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, đẩy mạnh giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển ngành.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư xây dựng các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch, Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục thanh tra công tác quản lý nhà nước và việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tại một số tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên theo quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết số 152/NQ-CP.

- Tổ chức thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Ưu tiên đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng các hạt nhân văn hóa, văn nghệ, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số công tác trong lĩnh vực văn hóa; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ truyền dạy văn hóa phi vật thể; Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ du lịch, lớp bồi dưỡng kỹ năng phục vụ khách du lịch cho người dân vùng Tây Nguyên.

5. Về thực hiện nhiệm vụ tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

Đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên, giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, điều phối, giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về liên kết vùng, phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, cụ thể:

- Nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, giải pháp, cơ chế, chính sách thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, các hoạt động liên kết vùng bảo đảm thực hiện đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điều phối các hoạt động trong công tác lập, điều chỉnh và tổ chức thực hiện Quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong Vùng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu, đề xuất về thể chế, cơ chế, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng bảo đảm các quy định, cơ chế, chính sách liên kết vùng, tiểu vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực, thu hút đầu tư; điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công để định hướng, dẫn dắt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước (FDI, vốn doanh nghiệp, tư nhân), thúc đẩy đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, cấp bách, quan trọng của vùng.

- Điều phối các hoạt động liên kết phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Nghiên cứu hình thành Quỹ phát triển hạ tầng vùng.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong vùng giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố không thuộc thẩm quyền của các địa phương trong vùng.

- Phối hợp với các vùng khác trong việc hợp tác phát triển kinh tế - xã hội có tính chất liên kết giữa các vùng.

- Thực hiện các nhiệm vụ điều phối các hoạt động liên kết ở quy mô cấp vùng, tiểu vùng, đặc thù riêng của Vùng (từ hai địa phương trở lên) theo quy định của pháp luật do Thủ tướng Chính phủ giao.

6. Về thực hiện nhiệm vụ bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phân đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn

hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước.

7. Về thực hiện nhiệm vụ tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phân đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

- Tiếp tục chỉ đạo quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên và liên kết vùng.

- Tiếp tục quan tâm, kịp thời phân công và giao nhiệm vụ cho Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban Đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng

ủy trực thuộc Trung ương, các cấp, các ngành, các địa phương nhằm tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết 23-NQ/TW.

2. Đối với Đảng đoàn Quốc hội.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Để có đủ nguồn lực phát triển vùng Tây Nguyên, kiến nghị Quốc hội quá trình ban hành chính sách, có sự ưu tiên đối với các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như vùng Tây Nguyên. Trước mắt, kiến nghị ưu tiên các chính sách về nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, nhất là hạ tầng giao thông liên vùng, trọng điểm, phân bổ đầu tư và chi thường xuyên, chính sách về thuế và ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên địa bàn.

3. Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ, Bộ, ngành.

- Để tạo điều kiện linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh, cho phép giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh sẽ đáp ứng được mục tiêu phân cấp quản lý nhà nước theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022.

- Kiến nghị tiếp tục tăng chi ngân sách cho công tác y tế - dân số, quan tâm bố trí tăng ngân sách cho y tế dự phòng; quan tâm dành ngân sách trung ương để hỗ trợ đầu tư y tế các tỉnh vùng Tây Nguyên; xem xét điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm y tế để có thể cân đối được Quỹ BHYT, tạo điều kiện để tính chi phí quản lý, khấu hao, chi phí nhân lực phục vụ chăm sóc toàn diện vào giá dịch vụ y tế.

4. Đối với các Ban Đảng Trung ương.

- Các Ban Đảng Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, phối hợp với các địa phương vùng Tây Nguyên để thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục quan tâm, kịp thời triển khai, hướng dẫn các tỉnh trong Vùng thực hiện các Nghị quyết, quy định của Trung ương, tăng cường giám sát quá trình thực hiện nhằm kịp thời hướng dẫn địa phương khắc phục những hạn chế, khó khăn, ngày càng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

5. Đối với các Tỉnh ủy trong vùng.

- Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh trong vùng Tây Nguyên tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và các Kế hoạch của Tỉnh ủy đã ban hành./.

PHỤ LỤC 4b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023, DỰ KIẾN NĂM 2024 VÙNG TÂY NGUYÊN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 152/NQ-CP		Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
	VỀ KINH TẾ					
1	Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 của Vùng	%	Khoảng 7 - 7,5%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	4,82	
2	GRDP bình quân đầu người/năm	triệu đồng	Khoảng 130	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	67,6	
3	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	29,5		34,09	
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	26,9		22,54	
	<i>Dịch vụ</i>	%	38		38,76	
	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp</i>	%	5,6		4,61	
4	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021-2030	%	Khoảng 6,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5,3	
5	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	Khoảng 39	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
6	Tỉ lệ đô thị hóa	%	37,2 - 40,7	Bộ Xây dựng		
7	Tỉ trọng kinh tế số so với GRDP	%	25-30%	Bộ Thông tin và Truyền thông	7,76	
8	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Khoảng 85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	61,86	65
	<i>Trong đó, tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	50		8,6	12
	VỀ XÃ HỘI					
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	25-30	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	26,8	
10	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	1,0-1,5	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	1,1	
	<i>Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm</i>	Điểm %	>3%			
11	Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia			Bộ Giáo dục và Đào tạo		
	<i>Giáo dục mầm non</i>	%	60			
	<i>Tiểu học</i>	%	65			
	<i>Trung học cơ sở</i>	%	75			
	<i>Trung học phổ thông</i>	%	60			
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế	31,5	
13	Số bác sĩ trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sĩ	11	Bộ Y tế	7,9	
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90	Bộ Y tế	88	
	VỀ MÔI TRƯỜNG					
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	>47%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	46,5	46,7
16	Tỉ lệ sử dụng nước sạch của dân cư đô thị	%	100	Bộ Xây dựng	75	
17	Tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	98	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	96,2	96,5

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 152/NQ-CP		Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường		
	<i>Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý</i>	%	100			
19	Tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường		
20	Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		

PHỤ LỤC 4c

**TÌNH HÌNH NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÙNG TÂY NGUYÊN**

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
1	2	3	4	5	6	7
I	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG NHANH VÀ BỀN VỮNG					
1	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 1475/TTr-BKHĐT ngày 29 tháng 2 năm 2024 và Báo cáo số 2294/BC-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2024 về Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại Thông báo số 159/TB-VPCP ngày 11/4/2024, Thường trực Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tiếp thu các ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp và chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện Quy hoạch vùng Tây Nguyên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong tháng 4 năm 2024
2	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ đã hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt Quy hoạch của 05/ 05 địa phương trong vùng, cụ thể tại các Quyết định: - Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Quyết định 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Quyết định 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
3	Đề án báo cáo Chính phủ đề trình Quốc Hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vùng Tây Nguyên	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2024	Chính phủ	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ để thống nhất tên về nhiệm vụ rà soát, đề xuất một số cơ chế chính sách đặc thù các vùng kinh tế - xã hội. Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024, Chính phủ đã giao thống nhất nhiệm vụ 6 vùng kinh tế - xã hội, vùng Tây Nguyên được điều chỉnh thành: Rà soát một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng Tây Nguyên.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao và Thông báo số 409/TB-VPCP ngày 10/10/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên, tại Hội nghị lần thứ nhất của Hội đồng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 2512/BKHĐT-KTĐPLT ngày 03/4/2023 và số 10203/BKHĐT-KTĐPLT ngày 06/12/2023 đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong vùng xây dựng báo cáo rà soát, nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù cho vùng Tây Nguyên cho một số lĩnh vực thiết yếu và đề nghị các Bộ có ý kiến về các đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù vùng và có văn bản số 74/BKHĐT-KTĐPLT ngày 19/03/2024 lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương và 5 địa phương trong Vùng.</p>

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
4	Quyết định về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Bộ Tài chính và các địa phương vùng Tây Nguyên	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá kết quả đạt được từ việc triển khai Chương trình KH&CN cấp quốc gia “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên” giai đoạn 2011-2015 và Chương trình “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế” giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ đang nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030; xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị được gia hạn thêm thời gian xây dựng Chương trình và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2024.
5	Quyết định về Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2026	Thủ tướng Chính phủ	Hiện nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đang triển khai Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 – 2025
6	Quyết định về Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ-BKH&CN ngày 14/7/2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp”. Chương trình hiện bắt đầu được triển khai thực hiện; Bộ đang thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình.
7	Đề án thí điểm về cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang hoàn thiện

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
8	Đề án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang hoàn thiện
9	Chương trình phát triển Sâm Ngọc Linh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ đã hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 01/6/2023
10	Đề án phát triển chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh vùng TN	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang xây dựng
11	Đề án "Tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo vùng Tây Nguyên"	Bộ Công thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ đã hoàn thành. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch điện VIII. Theo báo cáo Bộ Công Thương, Quy hoạch điện VIII đã xác định việc phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo trên địa bàn cả nước, trong đó có vùng Tây Nguyên (là nhiệm vụ thực hiện Đề án nêu trên).
12	Báo cáo rà soát tình trạng tranh chấp đất đai trên địa bàn Tây nguyên. Đề xuất phương án xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo tại các kỳ tiếp theo

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
13	Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Sau hoàn thành dự thảo, Bộ TTTT đã gửi xin ý kiến 29 cơ quan, đơn vị gồm 22 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, 05 Ủy ban Nhân dân các tỉnh trong vùng kinh tế - xã hội Tây Nguyên và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Thương mại điện tử. Đến nay, Bộ TTTT đã nhận được ý kiến góp ý của 10/22 Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, 05/05 Ủy ban Nhân dân tỉnh thuộc vùng kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Ngoài ra, Bộ TTTT cũng tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ TTTT. Dự kiến trình chính phủ trong Quý IV/2023. Sau khi tiếp nhận các ý kiến đóng góp, Bộ TTTT đã tổ chức tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Đề án. Dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12/2023.
II	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC; NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN					
14	Đề án "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030"	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo tại các kỳ tiếp theo
15	Đề án "Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ đã hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 31/01/2024
16	Đề án xây dựng trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giáo dục và đào tạo đã tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với nội dung Dự thảo Đề án của các Bộ, các chuyên gia và tổ chức Hội thảo khoa học vào ngày 19/10/2023 ở Đà Nẵng để xin ý kiến nội dung dự thảo đối với các Cơ sở GDĐH. Dự kiến sẽ xin ý kiến các bộ, ngành và khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ.

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
17	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giáo dục và đào tạo đã đề xuất nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao vào Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, đang nghiên cứu hoàn thiện dự thảo Đề án.
18	Đề án xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nguyên	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Y tế đã giao Ban Quản lý dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế là chủ đầu tư, phối hợp với Đại học Y, Dược thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai xây dựng chủ trương đầu tư, thực hiện Dự án xây dựng Bệnh viện Trung ương Tây Nguyên, thời gian trong năm 2023 - 2025.
III NHÓM GIẢI PHÁP TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT VÙNG						
19	Đề án xây dựng thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Nhiệm vụ đã hoàn thành. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên. Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-HĐĐPTN ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên
20	Nghiên cứu sửa đổi chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa nguồn thu NSNN với ổn định, phát triển của địa phương	Bộ Tài chính	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ	Việc đầu tư phát triển nhà máy điện thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Hiện nay, các Luật thuế (Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp...) đã có quy định ưu đãi ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế đối với các dự án đầu tư phát triển nhà máy điện. Tại Quyết định số 139/QĐ-BTC, Bộ Tài chính đã giao các đơn vị có liên quan triển khai nhiệm vụ được phân công. Vì vậy, trong thời gian tới Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phù hợp.

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP				TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	
IV	NHÓM GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI					
21	Thúc đẩy sớm đàm phán, tiến tới ký kết Hiệp định về quản lý biên giới và Hiệp định cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thay thế cho Hiệp định về Quy chế biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2023-2025	Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ	Trên cơ sở chủ trương đàm phán Hiệp định về cửa khẩu và qua lại biên giới tại cửa khẩu và Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới thay thế Hiệp định về Quy chế biên giới giữa Việt Nam và Campuchia năm 1983 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, từ năm 2020 đến năm 2022, hai bên đã tích cực trao đổi về 02 Hiệp định; ta tiếp tục thúc đẩy phía Campuchia sớm tổ chức đàm phán trong thời gian tới.
22	Phối hợp với Lào tổ chức kiểm tra liên hợp đường biên giới, tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 16/3/2016	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026	Chính phủ	Về công tác kiểm tra liên hợp đường biên giới, hai Bên đã có cơ chế kiểm tra định kỳ 10 năm một lần, theo đó Chính phủ hai nước thành lập Đoàn kiểm tra liên hợp biên giới để tiến hành kiểm tra; trình tự, phương pháp làm việc và các vấn đề liên quan do hai Bên thống nhất thỏa thuận qua đường ngoại giao. Theo kế hoạch đã đặt ra, hai bên sẽ triển khai kiểm tra liên hợp đường biên giới vào năm 2026. Về việc tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới đất liền năm 2016, Bộ Ngoại giao chủ trì, tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương về việc rà soát tình hình thực hiện Hiệp định năm 2016, trong đó đề xuất những nội dung của Hiệp định cần cụ thể hóa, điều chỉnh và bổ sung phù hợp với thực tiễn. Bộ Ngoại giao cũng đã trao đổi, đề nghị phía Lào phối hợp xây dựng kế hoạch triển khai rà soát, tổng kết công tác triển khai Hiệp định năm 2016 trong thời gian tới.
23	Đề án tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên hướng chiến lược trọng điểm của Tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo tại các kỳ tiếp theo

PHỤ LỤC 4d

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI PHÂN ĐÁU HOÀN THÀNH TRƯỚC NĂM 2030 VÙNG TÂY NGUYÊN

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP			TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến	
1	2	3	4	5	6
I	Các tuyến đường bộ				
1	Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Tại Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 15/6/2022, Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Gia Lai chủ trì, phối hợp với Bộ GTVT, UBND tỉnh Bình Định nghiên cứu phương án đầu tư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, trong đó ưu tiên phương án đầu tư theo phương thức PPP để huy động tối đa mọi nguồn lực; thống nhất với các cơ quan, đề xuất phương án đầu tư (tiến trình đầu tư, hình thức đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp đầu tư theo phương thức PPP) báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Thực hiện chỉ đạo, UBND tỉnh Gia Lai đang phối hợp với UBND tỉnh Bình Định nghiên cứu phương án đầu tư Dự án để triển khai theo quy định. Đề nghị Bộ KHĐT cập nhật báo cáo của địa phương để tổng hợp.
2	Tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải / Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 của Quốc hội. Dự án có chiều dài 117,5 km, quy mô phân kỳ 04 làn xe, tổng mức đầu tư khoảng 21.935 đồng, được chia làm 03 dự án thành phần và giao 03 cơ quan chủ quản để thực hiện . Đến ngày 28/3/2023, 03 dự án thành phần đã hoàn thành phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi. Đến ngày 13/9/2023, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ GTVT đã hoàn thành thẩm định thiết kế kỹ thuật (TKKT), dự toán toàn bộ 08 gói thầu. Dự án đã tổ chức khởi công ngày 18/6/2023 theo đúng tiến độ Chính phủ yêu cầu. Đến nay, Dự án đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu đối với toàn bộ 08 gói thầu và tổ chức triển khai thi công trên hiện trường.

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP			TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến	
3	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND tỉnh Bình Phước là cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án tại văn bản số 658/TTg-CN ngày 22/7/2022 và Thông báo số 166/TB-VPCP ngày 06/6/2022. Hiện nay, Hội đồng thẩm định nhà nước đang thực hiện thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.
4	Tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương giao UBND tỉnh Lâm Đồng là cơ quan có thẩm quyền triển khai Dự án theo phương thức PPP tại Thông báo số 24/TB-VPCP ngày 04/02/2021. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022. Trên cơ sở văn bản số 3479/UBND-VBTT ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao nhà đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT) Dự án, Công ty cổ phần Đèo Cả đã có Tờ trình số 478/2023/TTr-ĐCG ngày 05/10/2023 gửi UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị thẩm định, phê duyệt BCNCKT Dự án. Trên cơ sở Tờ trình số 8947/TTr-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Bộ GTVT đã có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.
5	Tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Dự án đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 09/12/2022. Hiện Nhà đầu tư đề xuất dự án (Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T, Công ty Cổ phần đầu tư Tập đoàn Phương Trang - FUTA GROUP, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành) đang lập hồ sơ BCNCKT Dự án.
II	Cảng hàng không				

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 152/NQ-CP			TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Nguồn vốn dự kiến	Thời gian thực hiện dự kiến	
1	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Trên cơ sở đề nghị của Cục HKVN tại văn bản 5622/CHK-QLC ngày 12/10/2023, Bộ GTVT đang triển khai lấy ý kiến các cơ quan đơn vị để hoàn thiện quy hoạch CHK Liên Khương.
2	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Cục HKVN đã báo cáo, trình Bộ GTVT hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch hoàn thiện lại sau khi nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan được Bộ GTVT tổ chức lấy ý kiến (văn bản số 230/CHK-QLC ngày 12/01/2023, số 1839/CHK-QLC ngày 13/04/2023). Bộ GTVT đã thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và tổ chức lấy ý kiến của các Thành viên. Cục HKVN đang phối hợp và yêu cầu tư vấn khẩn trương nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến của các Thành viên Hội đồng thẩm định.
3	Mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Cục HKVN đã có văn bản 5561/CHK-QLC ngày 10/10/2023 về việc rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch báo cáo Bộ GTVT. Hiện nay, Bộ GTVT đã thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định và triển khai các công tác tiếp theo.
III	Đường sắt				
1	Khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	Trên cơ sở đề xuất của Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Khách sạn Bạch Đằng, Bộ GTVT đồng ý cho nhà đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án. Trên cơ sở ý kiến của Bộ GTVT và Công văn số 2465/CĐSVN-KHTC ngày 30/10/2023 của Cục ĐSVN, nhà đầu tư đang nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

PHỤ LỤC 4e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

STT	Cơ quan	Cơ quan/địa phương đã gửi báo cáo chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
	TỔNG	23		
I	Các Bộ, cơ quan trung ương	18		
1	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT ngày 22/12/2023		
2	Bộ Công an	1918/BC-BCA-VPB ngày 29/11/2023 (mật)		
3	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5504/BVHTTDL-KHTC ngày 12/12/2023		
4	Bộ Thông tin và Truyền thông	5942/BTTTT-VCL ngày 28/11/2023		
5	Ngân hàng Nhà nước	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023		
6	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8963/BNN-KH 07/12/2023		
7	Bộ Tài chính	14038/BTC-NSNN 21/12/2023		
8	Bộ Công Thương	8592/BCT-KHTC 01/12/2023		
9	Bộ Giao thông vận tải	13758/BGTVT-KHĐT 30/11/2023		
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường			1
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	5001/BKHCN-ĐP 26/12/2023		
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	573/BGDĐT-KHTC 05/02/2024		
13	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	189/BC-LĐTBXH 18/12/2023		
14	Bộ Y tế	1450/BC-BYT 20/11/2023		
15	Ủy ban Dân tộc	105-BC/BCSD 22/12/2023		

STT	Cơ quan	Cơ quan/địa phương đã gửi báo cáo chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
16	Bộ Xây dựng	110/BXD-PTĐT 05/01/2024		
17	Bộ Nội vụ	211-BC/BCSD ngày 6/12/2023		
18	Bộ Ngoại giao	6826/BNG-THKT 27/12/2023		
19	Bộ Tư pháp	651/BTP-PLDSKT 02/02/2024		
II	Các địa phương	5		
1	Tỉnh Đắk Lắk	412/BC-UBND ngày 12/12/2023		
2	Tỉnh Đắk Nông	793/BC-UBND ngày 30/11/2023		
3	Tỉnh Gia Lai	326/BC-UBND ngày 05/12/2023		
4	Tỉnh Kon Tum	02/BC-UBND ngày 04/01/2024		
5	Tỉnh Lâm Đồng	323/BC-UBND ngày 01/12/2023		

PHỤ LỤC 5a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW NGÀY 7/10/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 154/NQ-CP NGÀY 23/11/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 24) và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ (Nghị quyết số 154) các Bộ, ngành, địa phương trong vùng Đông Nam Bộ đã nghiêm túc triển khai nghiên cứu, quán triệt trong tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành, phổ biến nội dung sâu rộng tới các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, các tầng lớp Nhân dân. Các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154 của Chính phủ nhằm cụ thể hoá quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ; xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung triển khai thực hiện tại vùng Đông Nam Bộ (Vùng).

Các Bộ, cơ quan trung ương đã tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch thực hiện, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong công tác tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp

luật, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung và vùng Đông Nam Bộ nói riêng.

Các tỉnh, thành phố trong Vùng đã nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ, kế hoạch của Tỉnh ủy, Thành ủy, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất của toàn hệ thống chính trị và sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân trong triển khai thực hiện.

II. Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023

1. Các kết quả đạt được

Về phát triển kinh tế:

Vùng Đông Nam Bộ trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh là vùng kinh tế năng động, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới và phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm của cả nước.

Năm 2023, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp khó khăn hơn so với dự báo, tạo sức ép lớn lên quản lý, điều hành kinh tế, tác động lớn đến phục hồi, phát triển nhiều ngành, lĩnh vực và đời sống Nhân dân. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế xã hội của Vùng tiếp tục chuyển biến tích cực, cơ bản đạt được mục tiêu đề ra và đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP cả vùng ước đạt 5,06%, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng kinh tế cả nước (5,05%)¹. Cơ cấu kinh tế GRDP của Vùng chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ². GRDP bình quân đầu người của Vùng cao nhất so với các vùng trong cả nước (đạt 166 triệu đồng), trong đó Bà Rịa - Vũng Tàu đạt cao nhất cả nước là 331,3 triệu đồng.

- Vùng Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài, có 04/06 địa phương trong Vùng thuộc nhóm dẫn đầu cả nước về thu hút FDI³. Công nghiệp và thương mại có vai trò quan trọng và là động lực phát triển kinh tế của

¹ Trong đó: TP Hồ Chí Minh tăng 5,81%, Đồng Nai tăng 5,3%, Bình Dương tăng 5,97%, Bình Phước tăng 8,34%, Tây Ninh tăng 6,12%, Bà Rịa - Vũng Tàu tăng -1,02% (không tính dầu khí thì Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 5,75%).

² Khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng 4,21%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 41,11%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 44,53%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 10,15%.

³ Tính từ 01/01/2023 đến 20/12/2023, thu hút đầu tư nước ngoài của Tp.Hồ Chí Minh đứng thứ nhất cả nước với số dự án cấp mới là 1.202 dự án và tổng vốn đăng ký là 5.851,951 triệu USD, Bình Dương đứng thứ 9 cả nước với số dự án cấp mới là 136 dự án và tổng vốn đăng ký là 1.573,93 triệu USD, Đồng Nai đứng thứ 10 cả nước với số dự án cấp mới là 85 dự án và tổng vốn đăng ký là 1.514,176 triệu USD, Bà Rịa - Vũng Tàu đứng thứ 12 cả nước với số dự án cấp mới là 21 dự án và tổng vốn đăng ký là 954,226 triệu USD.

Vùng thời gian qua. Công nghiệp phát triển theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, trong đó định hướng phát triển mạnh các ngành cơ khí chế tạo, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hoá chất; ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số; Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; chuyển dịch nhanh những lĩnh vực công nghiệp, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, ít hàm lượng giá trị gia tăng sang sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Phát triển thương mại của Vùng tập trung dựa trên nền tảng hiện đại, công nghệ số góp phần đưa Vùng trở thành trung tâm dịch vụ tài chính, thương mại, du lịch của khu vực Đông Nam Á. Trong năm 2023, ngành công thương của Vùng đạt được những kết quả quan trọng: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) các tỉnh trong Vùng đều tăng và tăng cao hơn cả nước⁴; có 4/6 địa phương có mức tăng trưởng về sức mua cao hơn mức bình quân cả nước⁵.

- Nông nghiệp của Vùng đã phát triển theo định hướng của Bộ Chính trị và Chính phủ, cụ thể là: (i) Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững, áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học. (ii) Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. (iii) Tăng cường bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát.

- Về thu ngân sách nhà nước năm 2023: Thu ngân sách nhà nước của Vùng ước đạt 675 nghìn tỷ đồng, bằng 95,2% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao⁶; trong đó: Thu nội địa đạt 441,4 nghìn tỷ đồng (bằng 96,5% so với dự toán TTCP giao); Thu từ hoạt động XNK đạt 175,2 nghìn tỷ đồng (bằng 82,8% so với dự toán TTCP giao); Thu từ dầu thô đạt 58,4 nghìn tỷ đồng (bằng 146,4% so với dự toán TTCP giao).

⁴ Cụ thể: Bình Phước tăng 9,8%; Tây Ninh tăng 8,7%; Đồng Nai tăng 5%; Bình Dương tăng 4,16%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 4,1%; Bà Rịa Vũng Tàu tăng 3,1%; trong khi cả nước tăng 1%.

⁵ Bình Phước tăng 12,7%; Đồng Nai tăng 10,9%; ; Bình Dương tăng 13,7%; Tây Ninh tăng 10%. Thành phố Hồ Chí Minh tăng 9,2%, Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 7,3%; trong khi cả nước tăng 9,6%.

⁶ Theo văn bản số 14267/BTC-NSNN ngày 27/12/2023 của Bộ Tài chính và Báo cáo số 43/BC-CP ngày 21/10/2023 của Chính phủ trình Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2024 đã đánh giá ước thực hiện thu NSNN năm 2023 trên địa bàn Vùng Đông Nam Bộ.

- Về chi ngân sách địa phương năm 2023: Tổng số chi cân đối ngân sách địa phương của Vùng ước là 188,1 nghìn tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: Chi đầu tư phát triển là 104,8 nghìn tỷ đồng (bằng 113,4% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao); Chi thường xuyên là 87,5 nghìn tỷ đồng (bằng 95% so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao).

Về giải ngân vốn đầu tư công:

a) Nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao cho Vùng là 116.788 tỷ đồng (chiếm 16,5% cả nước). Đến ngày 31/12/2023, tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao của Vùng đạt 79% (cả nước đạt 82,8%⁷).

b) Về Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG): Tổng vốn CTMTQG được Thủ tướng Chính phủ giao cho vùng trong năm 2023 (chỉ có tỉnh Bình Phước, Tây Ninh) là 534,608 tỷ đồng, các địa phương đã phân bổ 471,79 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân nguồn vốn CTMTQG của Vùng ước đạt 60% (cả nước đạt 61,88%)⁸.

c) Về các dự án bộ, ngành trung ương quản lý trên địa bàn Vùng: kế hoạch đầu tư công do bộ, cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn các địa phương trong Vùng thuộc kế hoạch năm 2023 là 7.037 tỷ đồng; lũy kế thanh toán từ đầu năm đến 23/11/2023 là 3.432 tỷ đồng, đạt 48,77%⁹.

Về các lĩnh vực khác:

- Chính phủ và các bộ, ngành cơ quan trung ương đã tích cực phối hợp với các địa phương trong Vùng, triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công tác của Chính phủ để kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, chủ động xử lý, tháo gỡ những vướng mắc về phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Các địa phương đã chủ động triển khai và cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đề ra; Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải từng bước phát triển, nhiều dự án quan trọng quốc gia có tính chất động lực, liên kết vùng đã hoàn thiện thủ tục đầu tư, khởi công xây dựng trong năm 2023 và đang khẩn trương thi công để sớm hoàn thành đưa vào khai thác theo đúng kế hoạch¹⁰; khẩn trương thực hiện các cơ chế, chính sách được trung ương ban hành¹¹; các chỉ số về y tế

⁷ Theo công văn số 1197/BTC-ĐT ngày 30/01/2023 của Bộ Tài chính về tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn NSNN lũy kế 12 tháng, ước thực hiện 13 tháng năm 2023.

⁸ Theo Báo cáo của Bộ Tài chính, tính đến ngày 30/11/2023.

⁹ Theo Báo cáo của Bộ Tài chính, căn cứ trên báo cáo của các bộ, ngành trung ương và tổng hợp từ hệ thống của Kho bạc Nhà nước.

¹⁰ Các dự án lớn như mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành, Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Chơn Thành - Đức Hòa, nâng cấp tuyến đường Cái Mép - Thị Vải...

¹¹ Thành phố Hồ Chí Minh đã bước đầu triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù được Trung ương ban hành, tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng,

và sức khoẻ của nhân dân trong Vùng đã đạt được khá cao so với mặt bằng chung của cả nước; công tác giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của các địa phương trong Vùng được giữ vững ổn định.

2. Một số khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, Vùng còn có một số khó khăn như sau:

- Hoạt động xuất khẩu các tỉnh, thành phố trong Vùng bị suy giảm, duy nhất tỉnh Bình Phước có mức tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước (10 tháng tăng 6%)¹².

- Huy động vốn của các tổ chức tín dụng trong Vùng đạt trên 4,27 triệu tỷ đồng (thấp hơn tốc độ tăng huy động vốn toàn quốc là 7,44%) và chiếm khoảng 32,6% tổng huy động vốn toàn quốc; dư nợ tín dụng của vùng đạt gần 4,43 triệu tỷ đồng (thấp hơn tốc độ tăng tín dụng toàn quốc 7,39%) và chiếm khoảng 34,6% tổng dư nợ tín dụng toàn quốc¹³.

- Phát triển khoa học công nghệ trong Vùng chưa có nhiều tiến bộ đáng kể do thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết số 24 và Nghị quyết số 154 chưa nhiều nên các địa phương trong Vùng chưa đủ thời gian tiếp cận, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế - xã hội dựa trên việc ứng dụng các thành tựu, tiến bộ của khoa học và công nghệ, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

III. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ

Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW đã đề ra 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, kèm theo các Phụ lục gồm các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030, 35 nhiệm vụ chi tiết cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện và danh mục 29 dự án kết cấu hạ tầng vùng Đông Nam Bộ.

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương vùng Đông Nam Bộ đã bám sát các nhiệm vụ được giao, ban hành các Chương trình hành động, kế hoạch thực

lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững, là động lực, đầu tàu phát triển kinh tế của Vùng và cả nước.

¹² Các tỉnh còn lại trong Vùng có mức giảm nhiều hơn so với cả nước (10 tháng cả nước giảm 7,1%): Tây Ninh giảm 11,6%; Bình Dương giảm 12,8%; Đồng Nai giảm 14,42%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 13,4%, Bà Rịa Vũng Tàu giảm 7,83%. Xét về tỷ trọng giá trị xuất khẩu của các địa phương trong kim ngạch xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ thì Thành phố Hồ Chí Minh xếp thứ nhất đạt 35,02 tỷ USD chiếm 37,9%. Xếp sau lần lượt là Bình Dương đạt 25,3 tỷ USD chiếm 27,4%; Đồng Nai chiếm 19,3%; Bà Rịa - Vũng Tàu chiếm 6,6%.

¹³ Trong đó: (i) Dư nợ tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 3,04% tổng dư nợ tín dụng vùng, tăng 0,25%; (ii) Dư nợ tín dụng ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 25,75%, tăng 3,95%; (iii) Dư nợ tín dụng ngành thương mại và dịch vụ chiếm 71,21%, tăng 5,15%.

hiện cụ thể nhằm khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở các báo cáo của các cơ quan, kết quả đạt được cụ thể như sau:

1. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

- Về phát triển công nghiệp:

Các địa phương trong Vùng đã đề ra kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp theo định hướng có chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, cụ thể: Hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, phát triển 4 ngành công nghiệp trọng điểm, tập trung vào phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng giai đoạn 2021-2025¹⁴; Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn các tỉnh, theo đó từng bước chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.¹⁵

Về phát triển các cụm công nghiệp: các địa phương trong Vùng đã phối hợp với Bộ Công Thương triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, ký kết các chương trình hợp tác hỗ trợ phát triển lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ với các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, khuyến khích thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp, tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sản xuất kinh doanh.¹⁶

- Về phát triển dịch vụ:

Các địa phương tham gia tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa và Hội chợ Công Thương vùng Đông Nam Bộ tổ chức tại tỉnh Bình Dương, thu hút hơn 320 gian hàng của 200 doanh nghiệp đến từ các tỉnh, thành phố trong cả nước¹⁷ để quảng bá sản phẩm, thúc đẩy hợp tác sản xuất, kinh doanh tham gia chuỗi liên kết phát triển kinh tế vùng bền vững.

Thành phố Hồ Chí Minh đang khẩn trương triển khai Đề án xây dựng Thành phố trở thành Trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và khu vực với các ngành dịch vụ cao cấp, hiện đại, tập trung dịch vụ tài chính, du lịch, ngân hàng, thương mại, logistic; xây dựng cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để xây dựng Trung

¹⁴ Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ các sản phẩm thuộc các ngành: Cơ khí, Cao su - nhựa, Lương thực - Thực phẩm, Công nghệ thông tin - Điện tử - Viễn thông, Dệt may.

¹⁵ TP HCM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

¹⁶ Tỉnh Bình Phước.

¹⁷ Gồm các địa phương: TP Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận, Quảng Nam, Phú Yên, Đắk Nông, Nghệ An, Quảng Trị, Long An, Trà Vinh.

tâm tài chính khu vực và và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng Đề án nghiên cứu xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế.

Các địa phương trong vùng cũng chủ động tổ chức các Hội thảo kết nối chuỗi cung ứng giữa doanh nghiệp sản xuất và các doanh nghiệp thương mại, logistic nhằm mở rộng mạng lưới, chuỗi sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng giá trị, khối lượng hàng hóa sản xuất tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.¹⁸

- Về phát triển nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2023¹⁹, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với cơ cấu lại và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Đã hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm theo tiêu chuẩn. Tỉnh Bình Phước có các cây công nghiệp lâu năm chủ lực là cây điều, cây cao su hồ tiêu, trong đó giá trị kim ngạch xuất khẩu cây điều hàng năm đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ/năm.

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Về thể chế hóa cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 về thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ (Hội đồng) do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên của Hội đồng điều phối là lãnh đạo các Bộ, cơ quan trung ương và Chủ tịch các tỉnh, thành phố trong vùng²⁰. Hội đồng điều phối vùng là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, điều phối, giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về liên kết vùng, phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ.

Từ khi được thành lập vào tháng 7 năm 2023 đến nay, Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ đã tổ chức họp được 2 lần do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch

¹⁸ UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tổ chức Hội thảo kết nối chuỗi cung ứng giữa doanh nghiệp cung ứng sản phẩm hóa dầu và các doanh nghiệp trung - hạ nguồn nhằm tăng cường chia sẻ, kết nối các doanh nghiệp.

¹⁹ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tăng thêm 56 cơ sở nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao so với cùng kỳ. Ước tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong ngành sản xuất nông nghiệp đạt 30,03%; tỷ lệ giá trị sản phẩm thủy sản ứng dụng công nghệ cao đạt 53,02%. Hoạt động liên kết giữa các doanh nghiệp với các HTX và bà con nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, ngư nghiệp tục được duy trì. Công tác tuần tra, bảo vệ rừng được chú trọng, đồng thời tăng cường thực hiện phương án phòng cháy chữa cháy rừng.

²⁰ Quyết định số 104/QĐ-HĐĐPĐNB ngày 17/11/2023 của Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ về thành viên của Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ.

Hội đồng chủ trì: lần thứ nhất, Hội đồng họp vào ngày 18 tháng 7 năm 2023 Hội đồng đã thảo luận về các hoạt động trong các tháng cuối năm 2023, tập trung đề ra giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn của vùng như ách tắc giao thông, ngập úng tại các đô thị lớn, nhà ở cho công nhân; giải pháp điều phối trong các lĩnh vực đô thị, logistics, dịch vụ chất lượng cao (trung tâm tài chính, trung tâm logistic), nghiên cứu Quỹ phát triển hạ tầng vùng; khảo sát thực địa và nghe báo cáo về Đề án nghiên cứu xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; lần thứ hai, Hội đồng họp vào ngày 26/11/2023 với chủ đề tham vấn Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Dự kiến, Hội đồng sẽ tổ chức họp lần thứ ba trong 6 tháng đầu năm 2024 để thảo luận về cơ chế, chính sách đặc thù của vùng; thúc đẩy các dự án giao thông kết nối vùng; lựa chọn một số dự án có tính liên kết vùng để báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Về hoàn thiện thể chế:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với UBND Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết). Nghị quyết gồm 43 cơ chế, chính sách đặc thù, liên quan đến 7 nhóm cơ chế, chính sách gồm: Quản lý đầu tư; Tài chính ngân sách; Quản lý đô thị và tài nguyên môi trường; Thu hút nhà đầu tư chiến lược; Quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; Tổ chức bộ máy của Thành phố; Tổ chức bộ máy của thành phố Thủ Đức. Nghị quyết gồm nhiều cơ chế, chính sách mới mang tính đột phá, vượt trội²¹ tạo điều kiện để Thành phố phát triển mạnh mẽ. Các cơ chế, chính sách mới tại Nghị quyết số 98 lần đầu tiên được áp dụng trên cả nước, tạo tiền đề để các Bộ nghiên cứu, chỉnh sửa quy định pháp luật hiện hành, theo kịp thực tiễn phát triển, đồng thời tạo tác động lan tỏa ra các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ và cả nước có cơ sở để nghiên cứu, đề xuất chính sách tương tự, phù hợp với đặc điểm từng địa phương.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, trong đó một số công trình đường bộ quan trọng của

²¹ Các cơ chế, chính sách mới, đột phá như: (1) Thành phố được áp dụng thí điểm mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông (TOD); (2) Mở rộng lĩnh vực áp dụng đầu tư theo phương thức PPP đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa và quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP này; (3) Thành phố được sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện dự án, công trình giao thông đường bộ có tính chất vùng, liên vùng; (4) Quy định ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực như sản xuất chip, công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, vật liệu mới; (5) Quy định miễn, giảm thuế thu nhập đối với cá nhân, doanh nghiệp hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của Thành phố và nhiều cơ chế, chính sách mới khác.

Vùng²² được áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện.

+ Về cơ chế, chính sách đặc thù của vùng Đông Nam Bộ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì, phối hợp với các Bộ và địa phương trong vùng Đông Nam Bộ hoàn thiện Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù của Vùng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, làm căn cứ để nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù cho Vùng trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về các hoạt động hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng cụ thể:

Các Bộ và địa phương trong vùng đã tích cực triển khai các hoạt động liên kết nội vùng và liên vùng. Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò là trung tâm của Vùng, là động lực kinh tế của cả nước đã tổ chức thành công 05 Hội nghị tổng kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với 36 tỉnh, thành phố có thỏa thuận với Thành phố, thu hút hơn 2.520 lượt doanh nghiệp tham dự, nội dung hợp tác đa dạng trong các lĩnh vực đầu tư, du lịch, công thương, phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo nguồn nhân lực, ... nhằm cụ thể hóa chủ trương về hợp tác, liên kết vùng tại Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154 của Chính phủ.

Trong quá trình triển khai các hoạt động liên kết vùng có sự đồng thuận cao của Lãnh đạo các Bộ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ và các vùng khác, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong triển khai thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ cũng như tầm quan trọng của hợp tác, liên kết vùng.

- Về lập quy hoạch tỉnh và quy hoạch vùng Đông Nam Bộ²³:

+ Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ đã hoàn thành xong thẩm định và hiện đang tiếp tục hoàn thiện để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Đối với quy hoạch các địa phương trong vùng: tính đến hết tháng 12 năm 2023, quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương đang trong quá trình xây dựng dự thảo và họp tham vấn, quy hoạch các địa phương còn lại trong vùng đã được phê duyệt là các tỉnh: Tây Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Bình Phước; tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành xong thẩm định. Dự kiến trong tháng 5 hoặc tháng

²² Các dự án: Dự án nâng cấp, mở rộng đường QL.14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành; Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1; Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư; Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP; Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành.

²³ Theo văn bản số 10863/BKHĐT-QLQH ngày 25/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo tổng kết thi hành Luật Quy hoạch.

6/2024, Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Về phân cấp:

Thực hiện chủ trương về thí điểm phân cấp tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thành phố Hồ Chí Minh đã đề xuất và được phân cấp nhiều cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 98 của Quốc hội trong các lĩnh vực về tài chính, đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, tổ chức bộ máy. Hiện nay, Chính phủ đang nghiên cứu và sắp tới sẽ ban hành Nghị định nhằm tiếp tục mở rộng phân cấp các nội dung thuộc thẩm quyền Chính phủ, tạo sự chủ động tối đa cho Thành phố trong quá trình điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, giúp Thành phố phát triển mạnh mẽ, vượt trội hơn nữa trong giai đoạn tới.

Các công trình giao thông lớn trong vùng đã được phân cấp, áp dụng các cơ chế chính sách đặc thù để đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng như dự án Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và các dự án tại Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội.

- Về cải cách hành chính:

Các địa phương trong Vùng đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, thành lập doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch; chú trọng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư đã góp phần tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp yên tâm đầu tư kinh doanh trong vùng. Qua đó, môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương đã có nhiều cải thiện, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp có sự phát triển đáng kể.

Các địa phương trong Vùng đã triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính qua các hoạt động xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã được nâng cao, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương trong vùng, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và tạo niềm tin đối với người dân và doanh nghiệp.

3. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

Về phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo:

Phát triển khoa học và công nghệ đã bám sát mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội với những chuyển biến tích cực. Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ tổ chức các hội nghị,

hội thảo²⁴ về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi xanh; phối hợp với các đơn vị trực thuộc Thành phố triển khai Đề án xây dựng cơ chế thúc đẩy để hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được tiến hành theo quy định. Thành phố Hồ Chí Minh đã ưu tiên phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo nhằm xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và công ty công nghệ. Tại Bình Phước, việc đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý, sản xuất ngày càng hiệu quả.

Về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

Các địa phương trong Vùng đã phát triển các khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại với hạ tầng kỹ thuật và giao thông kết nối tốt. Các dự án hạ tầng giao thông lớn, quan trọng đã được triển khai, bước đầu đạt được những kết quả nhất định nhằm tạo ra hệ thống giao thông hiện đại, có tính kết nối nội vùng và liên vùng

Về các công trình cụ thể, trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của các lãnh đạo Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trong Vùng đã tích cực phối hợp, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng trên tinh thần đổi mới tư duy, phương thức, cách làm.

+ Về đường bộ: đã hoàn thành, đưa vào khai thác cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Phan Thiết - Dầu Giây dài 100 km (đoạn qua Vùng dài khoảng 50km), nâng tổng chiều dài đường cao tốc cả nước được đưa vào khai thác đạt khoảng 1.892km; hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng và khởi công xây dựng 04 dự án giao thông quan trọng: cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cao tốc Bến Lức - Long Thành, đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa, đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, đang hoàn thiện các thủ tục của dự án đầu tư đoạn tuyến cao tốc Dầu Giây - Tân Phú; tập trung nghiên cứu phương án mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương; nghiên cứu phương án đầu tư mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành; chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường bộ cao tốc, vành đai theo phương thức PPP như đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành.

+ Về đường sắt: đã hoàn thành Dự án cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn; Bộ Giao thông vận tải đã chủ trì xây

²⁴ Bộ Khoa học công nghệ phối hợp với UBND TP Hồ Chí Minh tổ chức Techfest - Whise 2023 với chủ đề “Phát huy tài nguyên đất nước - Nâng tầm hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam hội nhập quốc tế”; tham dự Hội nghị giao ban khoa học - công nghệ các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ tại Bình Dương nhằm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Vùng.

dựng, hoàn thiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tập trung đẩy nhanh công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án: đầu tư tuyến đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải, tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

+ Về đường thủy: Bộ Giao thông vận tải tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa; hình thành các cụm cảng phục vụ nhu cầu thu gom, giải tỏa hàng hoá cho các cảng biển lớn trong vùng²⁵; đã khởi công và đang triển khai thi công xây dựng Dự án nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số “0” và khu bến cảng container Cái Mép; UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục nghiên cứu, phát triển, hiện đại hoá Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn, có tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế; UBND Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

+ Về hàng không: đã hoàn thành Dự án cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn cảng hàng không Tân Sơn Nhất; hoàn thiện các thủ tục và khởi công xây dựng hạng mục nhà ga của Dự án mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1 vào tháng 8/2023.

Về phát triển đô thị:

Tỷ lệ đô thị hóa vùng Đông Nam Bộ ước đạt 69%, cao nhất trong 6 vùng kinh tế xã hội và gấp 1,6 lần so với trung bình cả nước năm 2023 là 42,6%²⁶. Kết nối đô thị trong vùng ngày càng rõ nét, nhất là liên kết đô thị giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị tại Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, hình thành các hành lang kinh tế, trung tâm thương mại, trung tâm hội nghị triển lãm cấp quốc gia và khu vực.

Vùng đã thu hút được được các dự án sản xuất công nghiệp và trung tâm dịch vụ lớn hiện đại tầm cỡ quốc gia và khu vực, bao gồm các tổ hợp lọc hóa dầu và các tập đoàn lớn như Apple, Dell, Lego, Foxconn, Pegatron, ...

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

²⁵ Ngoài ra, Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt Dự án phát triển các hành lang đường thủy và logistics khu vực phía Nam, sử dụng vốn vay WB, đang triển khai hoàn thiện tài liệu đàm phán Hiệp định vay vốn với WB.

²⁶ Tính đến tháng 10/2023, dân số đô thị toàn vùng Đông Nam Bộ ước đạt 13,5 triệu người trong đó dân số khu vực nội thành nội thị ước đạt 12,9 triệu người. Tính đến tháng 10/2023, hệ thống đô thị vùng Đông Nam Bộ gồm 58 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại đặc biệt (thành phố Hồ Chí Minh), 4 đô thị loại I trực thuộc tỉnh (thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh), 02 đô thị loại II (là các thành phố trực thuộc tỉnh: Bà Rịa tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Dĩ An tỉnh Bình Dương), 07 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 37 đô thị loại V.

Về phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế:

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong Vùng đã chú trọng đầu tư, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của Vùng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ của vùng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân trong Vùng. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các địa phương trong đó có các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Xây dựng Chiến lược phát triển Thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Tổ chức truyền thông, quảng bá các di sản văn hóa, tác phẩm văn học nghệ thuật đặc sắc, có giá trị tư tưởng của Việt Nam ra thế giới; hỗ trợ, hướng dẫn các đối tác nước ngoài tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch tại các tỉnh vùng Đông Nam Bộ. Công tác giảm nghèo đạt những kết quả tích cực, vùng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước, nhiều địa phương đã ban hành chuẩn nghèo riêng (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu).

Về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển các trường đại học lớn trên địa bàn: Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Đề án phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu trong khu vực và Châu Á, trong đó có Trường Đại học Việt Đức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ: Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao, trong đó gồm hợp phần về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cho vùng Đông Nam Bộ; đồng thời, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

Về y tế của Vùng:

Các chỉ tiêu sức khỏe cơ bản của vùng Đông Nam Bộ luôn được giữ vững trong suốt 10 năm qua²⁷. Cơ chế, chính sách phát triển y tế nói chung và vùng Đông Nam Bộ nói riêng ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Với sự nỗ lực của ngành y tế các tỉnh, thành phố trong vùng, công tác y tế dự phòng đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Mạng lưới cơ sở y tế gồm các đơn vị đầu ngành là Bệnh

²⁷ Các chỉ tiêu cơ bản như: Tuổi thọ trung bình toàn vùng tăng từ 75,3 năm 2012 lên 76,5 năm 2022; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 10,7% năm 2012 xuống còn 7,2% năm 2022.

viện, Viện như Bệnh viện Chợ Rẫy (bệnh viện hạng đặc biệt của Bộ Y tế), Bệnh viện Thống nhất, Bệnh viện Răng Hàm Mặt, ...

Các cơ sở đào tạo nhân lực y tế của vùng Đông Nam Bộ được tập trung chủ yếu tại TP Hồ Chí Minh, bao gồm cả Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Y tế đã góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên vùng Đông Nam Bộ và các khu vực lân cận.

Trên địa bàn mà cụ thể là tại TP Hồ Chí Minh không chỉ có các cơ sở y tế do địa phương quản lý mà còn có nhiều cơ sở y tế chuyên sâu, tuyến cuối của Bộ Y tế. Các cơ sở y tế chuyên sâu, tuyến cuối của Bộ Y tế có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ y tế, đồng thời hỗ trợ, nâng đỡ hệ thống y tế của các tỉnh, thành phố tại vùng Đông Nam Bộ cũng như những khu vực khác thông qua các hoạt động chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo và phát triển nhân lực y tế.

Mặc dù các chỉ số về y tế và sức khỏe của nhân dân trong vùng đã đạt được khá cao so với mặt bằng chung của cả nước, tuy nhiên các chỉ số sức khỏe cơ bản của người dân trong Vùng vẫn còn có sự chênh lệch giữa các huyện và xã. Khả năng tiếp cận bệnh viện tuyến cuối ở của nhân dân vùng sâu, vùng xa vẫn còn thấp; năng lực cung ứng dịch vụ y tế khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới còn hạn chế.

Về quản lý và bảo vệ môi trường:

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn các tỉnh, thành phố trong Vùng về công tác bảo vệ môi trường, trong đó tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Các địa phương trong vùng có tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định đạt khoảng 92,7%²⁸, trong đó tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh đạt tỷ lệ cao nhất là 100%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định đạt khoảng 99,52%²⁹; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn quy định. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 100%, cao nhất so với các vùng và cao hơn bình quân 91% của cả nước³⁰.

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

²⁸ Chỉ tiêu đến năm 2030 tại Nghị quyết số 24-NQ/TW là 95%.

²⁹ Chỉ tiêu đến năm 2030 tại Nghị quyết số 24-NQ/TW là 98%.

³⁰ Chỉ tiêu đến năm 2030 tại Nghị quyết số 24-NQ/TW là 100%.

Bộ Quốc phòng đã phối hợp với các cơ quan liên quan và các tỉnh, thành phố trong vùng thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; hoàn thành có chất lượng xây dựng các quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp triển khai tốt công tác đối ngoại biên giới, đạt hiệu quả thiết thực trong quản lý, bảo vệ biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Lào, Campuchia, bảo đảm hòa bình, ổn định, hữu nghị và phát triển, tăng cường quan hệ quốc phòng gắn bó, đoàn kết và tin cậy với các nước.

Các bộ và các địa phương đã phối hợp chặt chẽ, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ các cấp vững chắc; thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; kiểm tra, khảo sát, điều chỉnh bổ sung hệ thống công trình quốc phòng một số địa bàn trọng điểm đáp ứng yêu cầu phòng thủ của đất nước; quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ. Bên cạnh đó, tình hình an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tuyến biên giới vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, trong đó có vấn đề dân tộc, tôn giáo, lợi dụng vấn đề khiếu kiện kéo dài gây mất an ninh, trật tự. Chính quyền các cấp và các ngành chức năng vẫn tăng cường theo dõi, phối hợp nắm tình hình để kịp thời xử lý, không để bị động bất ngờ.

Về công tác đối ngoại: Các địa phương trong vùng đã có nhiều hoạt động đối ngoại thiết thực, hiệu quả, ký kết các văn kiện, thỏa thuận, cam kết hợp tác với các đối tác nước ngoài. Bộ Ngoại giao đã hỗ trợ, kết nối các hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố trong Vùng, hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp kết nối, mở rộng hợp tác thương mại, đầu tư và du lịch với các đối tác nước ngoài.

6. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Các bộ, địa phương trong Vùng đã tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên giáo, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra giám sát, công tác dân vận, mặt trận đoàn thể.

Chú trọng đào tạo, phát triển đảng viên và cán bộ có năng lực, phẩm chất và trách nhiệm, có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và giáo dục lý luận chính trị, qua đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đảng viên và nhân dân trong việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

7. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể

Tiến độ, tình hình thực hiện nhiệm vụ, đề án cụ thể Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị xin được báo cáo tại Phụ lục đính kèm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua các báo cáo sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154 của Chính phủ cho thấy các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã nghiêm túc, khẩn trương quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Các cơ quan trung ương và địa phương đã có sự phối hợp, tổ chức các chương trình công tác theo kế hoạch, nhằm đạt các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Một số đề án, nhiệm vụ đang triển khai hoặc đã có kết quả cụ thể, đóng góp chung vào sự phát triển của Vùng như đã khởi công các công trình kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng của vùng, công tác quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đang dần hoàn thiện, đã thành lập Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động liên kết nội vùng và với các vùng khác trong cả nước, nghiên cứu từng bước hình thành các trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của các địa phương trong vùng được giữ vững ổn định; công tác đối ngoại được quan tâm, mở rộng cả về đối tác và nội dung hợp tác, trong đó chú trọng đối ngoại kinh tế, xúc tiến thu hút đầu tư; kinh tế - xã hội từng bước phát triển ổn định đã chứng minh tính đúng đắn của Nghị quyết số 24 và các Nghị quyết, chỉ thị liên quan nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Đông Nam Bộ.

Khó khăn, thách thức

Do thời gian thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ từ khi được ban hành đến nay chưa nhiều nên các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và dự án lớn, quan trọng của Vùng cần thêm thời gian để hoàn thành, đánh giá một cách toàn diện. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số khó khăn, thách thức như sau:

- Chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bảo đảm tính bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy có nhiều cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống giao thông kết nối chưa đồng bộ, hạ tầng ven biển còn yếu, ảnh hưởng bất lợi đến khả năng hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Khoa học công nghệ chưa thật sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. An sinh, phúc lợi xã hội có nhiều tiến bộ nhưng chưa tạo được chuyển

biển mạnh mẽ. Chất lượng nguồn nhân lực cải thiện chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

- Các nội dung liên kết vùng quan trọng như liên kết trong hạ tầng giao thông; liên kết đầu tư phát triển;... đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng cần tăng cường hơn nữa. Tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công tại một số dự án vẫn còn chậm. Chưa hình thành được nhiều doanh nghiệp lớn, làm chủ công nghệ ở các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, sản xuất chip, chất bán dẫn...

Bài học kinh nghiệm

Một là, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, sâu sát thực tiễn các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ.

Hai là, huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng.

Ba là, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, công tác tổ chức thực hiện; Đổi mới tư duy phát triển, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức.

Bốn là, phát huy toàn diện, đồng bộ và có hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế; thu hút mọi nguồn lực, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đi đôi với tăng cường quốc phòng - an ninh, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ trong năm 2024

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Tình hình thế giới, khu vực sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; hậu quả của đại dịch COVID-19 còn tác động kéo dài. Cạnh tranh

chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột tại Ukraine và dải Gaza nhiều khả năng còn kéo dài. Tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm. Lạm phát, chính sách tiền tệ của một số nền kinh tế lớn còn chứa đựng yếu tố bất định. Các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là dịch bệnh, thiên tai và biến đổi khí hậu trở thành rủi ro thường trực, tác động ngày càng nặng nề.

Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; nhu cầu các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam tiếp tục suy giảm. Những tồn tại, hạn chế, bất cập từ nội tại nền kinh tế về cơ cấu kinh tế tích tụ từ lâu chưa được xử lý dứt điểm; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro; quy mô nền kinh tế nước ta còn khiêm tốn nhưng độ mở lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, sạt lở tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn...

Trước tình hình đó, phát triển kinh tế - xã hội của Vùng trong năm 2024 dự báo sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, do đó, các địa phương trong Vùng đều quyết tâm thực hiện nhiều giải pháp trọng tâm để tập trung lãnh đạo thực hiện trong năm 2024 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để phát triển nhanh, toàn diện, bền vững³¹.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong Vùng tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ của Bộ Chính trị đã đề ra và các đề án, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Chính phủ giao; chủ động theo dõi, đôn đốc và bám sát tiến độ, kịp thời phối hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Về phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan tỏa trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

- Các tỉnh, thành phố tập trung cơ cấu lại kinh tế theo hướng hiện đại, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh.

³¹ Dự kiến tốc độ tăng GRDP của các địa phương trong vùng đều đạt trên 6%.

- Tập trung phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nhất là những ngành, lĩnh vực, những công đoạn có hàm lượng khoa học - công nghệ, giá trị gia tăng cao dựa trên nền tảng công nghiệp công nghệ cao và kinh tế số. Rà soát quy hoạch các khu, cụm công nghiệp; có giải pháp hỗ trợ triển khai các loại hình khu công nghiệp mới như công nghiệp sinh thái, công nghiệp công nghệ cao,... nhằm hình thành chuỗi liên kết ngành, nâng cao giá trị gia tăng của sản xuất công nghiệp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tăng cường tổ chức kết nối doanh nghiệp - ngân hàng để giải quyết về vốn đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ.

- Tập trung phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, thế mạnh của vùng; phát triển các trung tâm dịch vụ lớn, cao cấp, hiện đại, có giá trị gia tăng cao. Tập trung phát triển thương mại điện tử. Khẩn trương nghiên cứu các cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển ngành logistics và hình thành các trung tâm logistics tầm cỡ khu vực trong Vùng; xây dựng Đề án nghiên cứu xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ.

- Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển; hoàn thành tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm, tập trung giải ngân vốn đầu tư công.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của các địa phương trong vùng.

3. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng một cách thiết thực, hiệu quả, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các tỉnh, thành phố trong vùng, khắc phục các điểm nghẽn phát triển; sớm hoàn thiện việc lập quy hoạch vùng và các địa phương trong vùng.

- Đẩy nhanh công tác quy hoạch, hoàn thành lập quy hoạch các tỉnh, thành phố trong vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch. Thành phố Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn thiện Đề án thí điểm

một số chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế của khu vực và quốc tế.

4. Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, chuyển đổi số; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, nhất là đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn. Phát triển mạnh lĩnh vực thông tin - truyền thông, chuyển đổi số và xây dựng các đô thị thông minh.

- Dành nguồn lực thích đáng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ trong đó gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; có giải pháp thiết thực khắc phục ùn tắc giao thông và ngập úng tại các đô thị lớn trong vùng; triển khai và hoàn thành theo tiến độ các dự án giao thông quan trọng, có tính kết nối, liên kết vùng nhất là các dự án kết nối giữa TP Hồ Chí Minh với các tỉnh trong vùng; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư để sớm triển khai các dự án giao thông kết nối liên vùng như cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), cao tốc TP Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/BCT ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển các đô thị lớn theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

5. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển các loại hình văn hóa, nghệ thuật tạo điểm nhấn đặc trưng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Chú trọng đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo cơ sở hạ tầng về văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa cơ sở, văn hóa công vụ nhất là đạo đức công vụ. Quan tâm thích đáng thể dục, thể thao thành tích cao và đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện các giải pháp đột phá phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế xã hội của vùng.

- Về y tế, tiếp tục tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực cho các cơ sở y tế để tăng cường tiếp cận của người dân trong vùng và các vùng lân cận đối với dịch vụ y tế chuyên sâu. Phát triển hệ thống y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC), các cơ sở khám chữa bệnh ở từng địa phương trong vùng. Nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế. Có chính sách khuyến khích thu hút nhân lực y tế làm việc trong các cơ sở y tế các tuyến. Thực hiện các giải pháp hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế các tỉnh, huyện khó khăn của Vùng.

- Các địa phương tiếp tục triển khai các đề án, nhiệm vụ đã đề ra nhằm phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, du lịch, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống y tế, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

6. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

- Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ. Nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời phát hiện, tham mưu với cấp có thẩm quyền về các chủ trương, xử lý tình huống, không để bị động, bất ngờ.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn những vấn đề phức tạp liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước cũng như các vùng kinh tế - xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và kinh tế - xã hội, triển khai thực hiện hiệu quả các đề án bảo đảm quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên các tuyến biên giới, địa bàn chiến lược, trọng điểm. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh, rộng khắp trên địa bàn.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, thực hiện thành công Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát

triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Đối với Quốc hội

- Quan tâm, xem xét các cơ chế, chính sách mới cho sự phát triển của Vùng Đông Nam Bộ trong việc đầu tư, phát triển các dự án phát triển đô thị, giao thông tương tự như cơ chế, chính sách áp dụng cho Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội để các địa phương có thể áp dụng thống nhất, đồng bộ triển khai thực hiện cho cả Vùng³².

- Xem xét, có cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy sự phát triển của vùng trong các ngành, lĩnh vực: phát triển du lịch (thuế, đất đai, vay vốn), giao thông đường bộ (tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án PPP, thẩm quyền đầu tư dự án quốc lộ, cao tốc đi qua các địa phương, dự án đi qua nhiều địa phương)³³.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật; tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 24, Nghị quyết số 154.

3. Đối với Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương

- Lãnh đạo, chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương khẩn trương triển khai theo tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp, đề án được giao tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động của Hội đồng điều phối vùng một cách thiết thực, hiệu quả, theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao, nâng cao vai trò điều phối, liên kết của Hội đồng điều phối vùng.

- Các bộ, cơ quan trung ương:

+ Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan liên quan đến các địa phương và vùng Đông Nam Bộ. Rà soát các cơ chế, chính sách khuyến khích các ngành, lĩnh vực là thế mạnh của vùng, thu hút đầu tư trong các lĩnh vực khoa học công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, logistics, kinh tế số, khởi nghiệp, trung tâm tài chính quốc tế; phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong vùng; tiếp tục nghiên cứu mô hình Quỹ phát triển hệ thống giao thông vùng

³² Kiến nghị của tỉnh Đồng Nai.

³³ Kiến nghị của tỉnh Đồng Nai.

+ Tiếp tục hỗ trợ các địa phương và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 154 của Chính phủ.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính; quyết liệt thực hiện rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa thủ tục và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Tăng cường hợp tác liên vùng và quốc tế, mở rộng cơ hội và tạo lợi thế cạnh tranh cho khu vực.

+ Chủ trì, phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng nghiên cứu giải pháp thực hiện các dự án giao thông, đường sắt quan trọng, có tính kết nối trong vùng và kết nối giữa các địa phương trong vùng.

4. Đối với các tỉnh, thành phố trong Vùng

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 154/NQ-CP. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất khó khăn, vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch để nhanh chóng thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo phương án phát triển đã được phê duyệt.

- Các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội³⁴, Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội³⁵ và các cơ chế, chính sách khác đã được trung ương ban hành.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng; Nâng cao hiệu quả đầu tư công, triển khai quyết liệt từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép với ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, nhiệm vụ đã được giao, các công trình trọng điểm, các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông lớn có sức lan tỏa lớn và giải quyết các vấn đề phát triển vùng và liên vùng.

- Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

³⁴ Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

³⁵ Về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

- Quan tâm, bố trí nguồn lực thích đáng bảo đảm thực hiện được các mục tiêu về an sinh xã hội, hỗ trợ các đối tượng chính sách; các vấn đề về dân tộc; bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật nhằm phát triển bền vững; thực hiện công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong vùng.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong thực hiện trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn./.

(Đính kèm theo các Phụ lục tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đề án cụ thể của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương)

PHỤ LỤC 5b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023, DỰ KIẾN NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Giai đoạn 2021-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		8 - 8,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5,06	
2	Cơ cấu GRDP của Vùng				Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
+	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,3			4,21	
+	Công nghiệp - xây dựng	%	45,3			41,11	
	<i>Trong đó: riêng công nghiệp chế biến chế tạo</i>	%	33,0				
+	Dịch vụ	%	41,7			44,53	
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	10,7			10,15	
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	380		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	166	
4	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30-35		Bộ Thông tin và Truyền thông	Tỷ trọng năm 2022 TPHCM 18,66%, các địa phương còn lại thấp hơn tỷ trọng cả nước (14,26%)	
5	Tỉ lệ đô thị hóa	%	70-75		Bộ Xây dựng	69	70%
6	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	92,90	
7	Tốc độ tăng năng suất lao động	%		7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2,5% (trong TPHCM cao nhất là 11,7%, các tỉnh còn lại ở mức thấp từ 0,5-6%)	
8	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%		56	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		<i>Tính toán vào các năm tiếp theo</i>
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	40-45		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	27-27,5	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Giai đoạn 2021-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
10	Tỉ lệ thất nghiệp	%	< 3		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2,76	
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	giường bệnh	32		Bộ Y tế	32	
12	Số bác sỹ trên 10.000 dân	bác sỹ	11		Bộ Y tế	11,5	
13	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>95		Bộ Y tế	92,04	
14	Tỉ lệ che phủ rừng	%	19,6		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19,63	
15	Tỉ lệ cư dân đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100		Bộ Xây dựng	95,53	96,00
16	Tỉ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của nông thôn	%	95		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	94,20	
17	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		Bộ Tài nguyên và Môi trường	100,00	
18	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định	%	95		Bộ Tài nguyên và Môi trường	92,07	
19	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	%	98		Bộ Tài nguyên và Môi trường	99,52	

PHỤ LỤC 5c

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 154/NQ-CP NGÀY 23/11/2022
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW NGÀY 07/10/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ, LAN TỎA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG, LIÊN VÙNG						
1	Đề án xây dựng vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Thông tin và Truyền Thông	Các cơ quan liên quan	2023-2025	TTgCP	Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn thiện dự thảo, hiện đang xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương liên quan để hoàn thành theo tiến độ được giao.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
2	Đề án phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh	UBND tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
3	Đề án Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước	UBND tỉnh Bình Phước	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
4	Đề án Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ (các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 10029/BTNMT-KHTC ngày 28/11/2023 đề xuất xây dựng Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ, theo đó xin lùi thời hạn trình Thủ tướng Chính phủ đến tháng 8/2024).	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
6	Đề án Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
7	Đề án nghiên cứu khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	Chính phủ	Đang tiếp tục xây dựng Đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
II	TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG						
8	Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Đông Nam Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Chính phủ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì, phối hợp với các địa phương và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Đông Nam Bộ, để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Xây dựng thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	TTgCP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định về thành lập Hội đồng điều phối vùng, quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng và thành viên của Hội đồng điều phối vùng.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
10	Đề án về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	TTgCP	Đang tiếp tục xây dựng Đề án đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Dự kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II/2024
11	Đề án Thí điểm một số chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế của khu vực và quốc tế	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	Chính phủ	UBND Thành phố Hồ Chí Minh đang tập trung chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để triển khai nhiệm vụ này.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
12	Lập quy hoạch vùng Đông-Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	TTgCP	Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng đã họp cho ý kiến và hiện Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
13	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND các địa phương trong vùng	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Trong 06 tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, quy hoạch các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu đã được phê duyệt; quy hoạch tỉnh Đồng Nai đã thẩm định xong và đang hoàn thiện; quy hoạch tỉnh Bình Dương đang trong quá trình thẩm định; Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh đang quá trình xây dựng quy hoạch và lấy ý kiến.	Tiếp tục thực hiện, hoàn thành trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
III	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG, ĐÔ THỊ						
14	Đề án hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Bộ KHCN đề xuất thực hiện nhiệm vụ này lồng ghép chung trong Đề án phát triển hệ thống khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2035 tại Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 7/11/2023 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 10 năm 2023	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
15	Đề án hình thành trung tâm dữ liệu vùng để phục vụ phát triển các trung tâm tài chính, đáp ứng nhu cầu của khu vực và quốc tế	Bộ Thông tin và Truyền Thông	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Bộ Thông tin và Truyền thông được biết Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đều đang xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia. Vì vậy, để bảo đảm Đề án không bị chồng chéo, Bộ TTTT cần trao đổi, thống nhất với các cơ quan nêu trên và sẽ có báo cáo gửi VPCP tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Chính phủ xem xét, quyết định	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
16	Đề án Kết nối các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương trong vùng	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đang phối hợp với các Sở KHCN trong vùng Đông Nam Bộ triển khai, dự thảo nội dung Đề án và Báo cáo nghiên cứu Đề án theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
17	Đề án tiếp tục phát triển, hiện đại hóa Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn nhất cả nước và có tầm cỡ khu vực Châu Á và thế giới	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ GTVT, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023	TTgCP	UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương thực hiện. Hiện nay đang triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
18	Đề án nghiên cứu xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	UBND Thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan, UBND các tỉnh, thành phố trong vùng hoàn thiện Đề án để báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
19	Đề án chuyển đổi chức năng khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp quy hoạch	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã thực hiện trong các nghiên cứu, báo cáo chuyên đề để tích hợp vào đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 (liên danh tư vấn đang thực hiện theo tiến độ)	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
20	Đề án hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của Vùng	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã thực hiện trong các nghiên cứu, báo cáo chuyên đề để tích hợp vào đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 (liên danh tư vấn đang thực hiện theo tiến độ)	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
21	Đề án Phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã thực hiện trong các nghiên cứu, báo cáo chuyên đề để tích hợp vào đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 (liên danh tư vấn đang thực hiện theo tiến độ)	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
22	Đề án Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	UBND tỉnh đã phê duyệt Đề cương thực hiện. Hiện nay đang triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
23	Đề án Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương	UBND tỉnh Bình Dương	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang triển khai thực hiện cùng với quy hoạch tỉnh Bình Dương	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
24	Đề án Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị sân bay Long Thành	UBND tỉnh Đồng Nai	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đang triển khai thực hiện theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
IV	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN						
25	Đề án Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	TTgCP	Đã hoàn thành dự thảo Đề án, hiện đang tiếp tục hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
26	Đề án phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu hàng đầu trong khu vực châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023-2024	TTgCP	Bộ GDĐT đang tập trung nguồn lực trong năm 2024 để hoàn thiện Đề án, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
27	Đề án Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	UBND TP Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các Sở, ngành tiếp tục phối hợp, nghiên cứu xây dựng Đề án	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
28	Đề án phát triển tỉnh Bình Dương thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và vùng.	UBND tỉnh Bình Dương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	TTgCP	UBND tỉnh Bình Dương đang phối hợp với Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh và các đơn vị liên quan hoàn thiện Đề án	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
29	Đề án phát triển tỉnh Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và vùng	UBND tỉnh Đồng Nai	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Đang triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
30	Đề án Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh đã xây dựng, ký kết thỏa thuận hợp tác đến năm 2025 với các Sở Y tế trong vùng ĐNB và ĐBSCL, tập trung vào phát triển các mạng lưới chuyên khoa của Vùng, trao đổi thông tin về giám sát, cảnh báo dịch bệnh giữa TT kiểm soát bệnh tật của các tỉnh, thành phố.	Tiếp tục triển khai theo Kế hoạch hợp tác về y tế, kiểm soát bệnh tật
31	Đề án Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	TTgCP	Bộ TNMT đã phối hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng, đang triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
V	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI						
32	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022-2030	TTgCP	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan, triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
33	Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022-2030	TTgCP	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan, triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
34	Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy hoạch; hoàn thành đường tuần tra biên giới	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022-2030	TTgCP	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan, triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
35	Tiếp tục phối hợp với Campuchia thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và thúc đẩy phân định biên giới trên biển	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022-2030	TTgCP	Đang phối hợp với các cơ quan liên quan, triển khai theo tiến độ	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

PHỤ LỤC 5d

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 154/NQ-CP NGÀY 23/11/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW NGÀY 07/10/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
1	Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
2	Xây dựng Trung tâm logistics hàng không gắn với sân bay quốc tế Long Thành	UBND tỉnh Đồng Nai	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
3	Đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng tại Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
4	Đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
5	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2026	Đã khởi công, đang thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
6	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2026	Đã khởi công, đang thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
7	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
8	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	Bộ GTVT và địa phương liên quan	NSNN	2022-2026	Đang triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
9	Đầu tư xây dựng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài	UBND TP Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Tây Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2027	Đang triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
10	Đầu tư xây dựng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành	UBND tỉnh Bình Dương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
11	Đầu tư xây dựng cao tốc Dầu Giây - Liên Khương	Bộ GTVT và địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
12	Đầu tư xây dựng cao tốc Gò Dầu - Xa Mát	UBND tỉnh Tây Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
13	Đầu tư xây dựng cao tốc Chơn Thành - Đức Hoà	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
14	Đầu tư xây dựng cao tốc Chơn Thành - Gia Nghĩa	UBND tỉnh Bình Phước	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
15	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
16	Nâng cấp, mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2027	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
17	Đầu tư xây dựng Tuyến kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Quốc lộ 20B)	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
18	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
19	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
20	Tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
21	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Bình Dương, Đồng Nai	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
22	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	Bộ GTVT và các địa phương liên quan (UBND TP Hồ Chí Minh; UBND tỉnh Đồng Nai)	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
23	Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt vận tải hàng hóa Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
24	Đầu tư tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
25	Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa	Các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
26	Đầu tư di dời các cảng trên sông Sài Gòn	Các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
27	Hoàn thành giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Bộ GTVT	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
28	Đầu tư mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo	Bộ GTVT	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024
29	Nâng cấp cảng hàng không Biên Hòa thành lưỡng dụng cấp 4E	UBND tỉnh Đồng Nai	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022-2030	Đang nghiên cứu triển khai, thực hiện	Tiếp tục thực hiện trong năm 2024

PHỤ LỤC 5e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

Cập nhật đến ngày 25/3/2024

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
I	Các bộ, cơ quan liên quan			
1	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT, 22/11/2023		
2	Bộ Công an	1915/BC-BCA-VPB ngày 29/11/2023 (M)		
3	Bộ Công Thương	9182/BCT-KHTC ngày 25/12/2023		
4	Bộ Giao thông vận tải	14286/BGTVT- KHĐT ngày 13/12/2023		
5	Bộ Nội vụ	211-BC/BCSD ngày 6/12/2023		
6	Bộ Tài chính	14267/BTC-NSNN ngày 27/12/2023		
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	10820/BTNMT- KHTC ngày 22/12/2023		
8	Bộ Tư pháp	651/BTP-PLKTDS ngày 2/2/2024		
9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5153/BVHTTDL- KHTC, 24/11/2023		
10	Bộ Xây dựng	5806/BXD-QHKT ngày 14/12/2023		
11	Bộ Y tế	1460/BC-BYT, 23/11/2023		
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	555/BGDĐT-KHTC ngày 02/2/2024		
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	4591/BKHCN-ĐP, 06/12/2023		
14	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	177/BC-LĐTBXD ngày 14/12/2023		
15	Bộ Ngoại giao	6667/BNG-THKT ngày 19/12/2023		

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9202/BNN-KH ngày 15/12/2023		
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	5948/BTTTT-VCL, 29/11/2023		
18	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023		
19	Ủy ban Dân tộc	2339/BC-UBND ngày 14/12/2023		
20	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2230/ĐHQG-KHĐT, 11/12/2023		
II	Các địa phương			
1	Tp.Hồ Chí Minh	15566/SKHĐT-DNKTTT&TN ngày 8/12/2023		
2	Đồng Nai	419/BC-UBND ngày 18/12/2023		
3	Bình Dương	399/BC-UBND ngày 15/12/2023		
4	Bình Phước	32/BC-UBND ngày 01/02/2024		
5	Tây Ninh	587/BC-UBND, 05/12/2023		
6	Bà Rịa - Vũng Tàu		1	

PHỤ LỤC 6a

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình thực hiện năm 2023 đối với Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 13-NQ/TW); Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW (Nghị quyết số 78/NQ-CP). Sau hơn 01 năm triển khai thực hiện tại các Bộ, ngành và địa phương đã đạt được một số kết quả như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 02/4/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 78/NQ-CP NGÀY 18/6/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

I. Về công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, các Bộ đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ, tổ chức các buổi quán triệt đến các đơn vị nhằm tạo nhận thức sâu sắc tới toàn thể cán bộ, công chức trong quá trình tham mưu, triển khai các nhiệm vụ và thống nhất cách thức triển khai thực hiện.

- Tại các địa phương trong vùng: Tỉnh ủy, Thành ủy các địa phương đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị; tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện. UBND các tỉnh, thành phố trong vùng đã ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, trong đó phân công các các, các ngành triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết được thực hiện đa dạng, phong phú dưới nhiều

hình thức như thông qua báo, đài, trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành và thông qua các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể,...

Nhìn chung, việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2023 của Chính phủ đã được các bộ, địa phương tích cực, chủ động triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

II. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Năm 2023 còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; nền kinh tế trong nước phải đối mặt với không ít rủi ro, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh; thiên tai, sạt lở diễn biến phức tạp tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, các địa phương trong vùng đã chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trong điều hành kinh tế - xã hội; một số kết quả, chỉ tiêu chủ yếu của Vùng đạt được như sau:

- Năm 2023, quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành vùng ĐBSCL đạt 1.263 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,1% so cả nước. Tốc độ tăng trưởng toàn vùng tăng khoảng 6,37%, cao thứ 2/6 vùng trên cả nước, chỉ sau vùng Trung du miền núi phía bắc¹. Thu nhập bình quân đầu người tăng 1,6 lần so năm 2020, đạt 72,3 triệu đồng/người/năm, đứng thứ 3/6 vùng trên cả nước².

- Cơ cấu kinh tế của vùng cho nhiều chuyển biến tích cực, ước tính năm 2023 tỷ trọng các ngành nông, lâm nghiệp giảm dần, đạt 30,5% (năm 2020 là 31,86%); tỷ trọng công nghiệp - xây dựng có xu hướng tăng, đạt 27,62% (năm 2020 là 21,1%); tỷ trọng khu vực khu vực dịch vụ tăng nhẹ, đạt 37,07% (năm 2020 là 36,1%); thuế trừ trợ cấp sản phẩm là 5,26%.

- Tổng vốn đầu tư toàn phát triển trên địa bàn toàn vùng đạt 424.603 tỷ đồng, đạt 98% so kế hoạch, tăng 12,2% so năm 2022.

- Tổng thu ngân sách toàn vùng năm 2023 đạt 108,186 tỷ đồng, vượt 8,725% so dự toán; tăng 3,2% so năm 2022. Một số địa phương thu vượt so dự toán như Vĩnh Long (vượt 8,2%), Hậu Giang (vượt 19,75%), An Giang (vượt 21,07%), Đồng Tháp (vượt 7,79%), Kiên Giang (vượt 24,2%), Cà Mau (vượt 11,43%).

- Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp năm 2023 phát triển ổn định, các địa phương tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ phát triển nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; cơ cấu lại sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp theo hướng

¹ Vùng TDMNPB tăng 6,53%; vùng ĐBSH tăng 6,28%; vùng Bắc Trung Bộ và DHMT tăng 6,28%; vùng Tây Nguyên tăng 4,82%; vùng Đông Nam Bộ tăng 5,06%.

² Sau vùng ĐBSH (131,9 triệu đồng/người/năm); vùng BTB&DHMT (75,6 triệu đồng/người/năm)

hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng chống hạn, xâm nhập mặn. Tình hình tiêu thụ các mặt hàng nông sản tương đối thuận lợi; hoạt động nuôi trồng thủy sản nhìn chung tăng so cùng kỳ.

+ Về trồng trọt: Lúa tiếp tục là cây trồng lợi thế được đầu tư phát triển theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược an ninh lương thực quốc gia. Năm 2023, diện tích gieo trồng lúa khoảng 4 triệu ha, năng suất 60,1 tạ/ha, sản lượng lúa 24,312 triệu tấn chiếm 55,4% sản lượng lúa cả nước, giá trị khoảng 77.459 tỷ đồng; xuất khẩu gạo khoảng 6,5 triệu tấn.

Cây ăn trái của vùng với diện tích lớn thứ hai sau lúa. Năm 2023, diện tích cây ăn trái 400 nghìn ha, chiếm gần 40% diện tích cả nước. Sản lượng trái cây 4,3 triệu tấn, chiếm 60% cả nước, trong đó dưa lớn nhất với 1,505 triệu tấn; giá trị sản xuất của cây ăn trái 48.651 tỷ đồng, chiếm 48% giá trị sản xuất cây ăn trái cả nước.

+ Về chăn nuôi: Năm 2023 sản lượng thịt lợn xuất chuồng còn 450 nghìn tấn chiếm 10,9% sản lượng thịt lợn cả nước; giá trị thịt lợn 14.043 tỷ đồng, chiếm 12% giá trị thịt lợn của cả nước. Chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là vịt là một ưu thế của vùng, năm 2023 đạt 324 nghìn tấn, chiếm 16,9% sản lượng của cả nước; giá trị gia cầm của vùng 21.875 tỷ đồng, chiếm 16% giá trị thịt gia cầm cả nước. Sản lượng bò đạt 102,8 nghìn tấn, chiếm 22,9% sản lượng bò cả nước; giá trị sản xuất chăn nuôi bò khoảng 5.259 tỷ đồng, chiếm 20% giá trị sản lượng thịt bò cả nước.

+ Về thủy sản: Sản lượng thủy sản của vùng năm 2023 khoảng 4,79 triệu tấn, chiếm 55,7% sản lượng thủy sản của cả nước. Trong đó: Diện tích nuôi trồng 806 ngàn ha, sản lượng nuôi trồng 3,37 triệu tấn, chiếm 69,5% sản lượng nuôi trồng cả nước. Các sản phẩm đa dạng, trong đó sản phẩm chính là cá tra và tôm sú. Năm 2023 diện tích nuôi cá tra khoảng 5.700 ha và sản lượng 1,472 triệu tấn, chiếm 98% sản lượng cá tra cả nước; nuôi tôm nước lợ 742 nghìn ha, chiếm 92,6% diện tích nuôi tôm nước lợ cả nước, sản lượng 782 ngàn tấn, chiếm 83,51 sản lượng nuôi của cả nước.

Sản lượng khai thác năm 2023 đạt 1,48 triệu tấn, chiếm 40,4% tổng sản lượng cả nước. Tổng số tàu thuyền khai thác năm 2023 là 24.194 chiếc, tàu thuyền máy chiếm 50%, số tàu thuyền khai thác xa bờ là 10.022 chiếc (chiếm 32,2% tổng số tàu cá hoạt động vùng khơi của cả nước).

+ Về lâm nghiệp: Diện tích rừng của vùng chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích rừng của cả nước (khoảng 1,6%) và độ che phủ rừng thấp (chỉ 4,9%, so với mức 42% của cả nước), nhưng có vai trò rất quan trọng trong bảo vệ môi trường, duy trì, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

+ Về xây dựng nông thôn mới: Đến thời điểm hiện nay toàn vùng có 1.029 xã, chiếm tỷ lệ 82,1% xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; có 275 xã, chiếm tỷ lệ 21,94% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Về Chương trình OCOP: Đã có 100% tỉnh, thành phố đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; có 2.046 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, (chiếm 20,8% cả nước, đứng thứ 2 sau vùng đồng bằng sông Hồng), trong đó 70,4% là sản phẩm 3 sao, 27,9% sản phẩm 4 sao, 17 sản phẩm 5 sao, còn lại là tiềm năng 5 sao. Có 922 chủ thể OCOP, trong đó có 18,9% là HTX, 28,5% là doanh nghiệp, 52,4% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp: Trong bối cảnh khó khăn chung của thế giới gặp nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp, cầu tiêu dùng còn yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng nhưng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) hầu hết các tỉnh Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đều duy trì tăng trưởng, trong đó 3 tỉnh trong Vùng là Trà Vinh, Kiên Giang và Hậu Giang là các tỉnh có mức tăng trưởng cao nhất trong Vùng (Trà Vinh có mức tăng trưởng là 27,4%; Kiên Giang là 11,7% và Hậu Giang là 11,1%. Riêng hai tỉnh Sóc Trăng và Vĩnh Long giảm so với cùng kỳ).

- Hoạt động thương mại, dịch vụ:

+ Về thương mại nội địa: Tình hình thị trường trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long có sự phục hồi tốt, nguồn cung các hàng hóa trong nước được bảo đảm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của Vùng 11 tháng năm 2023 tăng 12,9%, cao hơn bình quân cả nước (9,6%). Trong đó Có 8/13 địa phương có mức tăng trưởng cao hơn mức bình quân cả nước gồm: Sóc Trăng tăng 25,3%; Trà Vinh tăng 20,7%; Bạc Liêu tăng 19,5%; Kiên Giang tăng 17,6%; An Giang tăng 16,6%; Vĩnh Long tăng 12,4%; Cà Mau tăng 11,2%; Tiền Giang tăng 10,7%.

+ Hoạt động xuất khẩu các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long giảm so với cùng kỳ (10 tháng tổng kim ngạch xuất khẩu cả vùng giảm 2,2% so với cùng kỳ, tuy nhiên thấp hơn mức giảm cả nước). Có 3/13 địa phương có mức tăng trưởng cao, đó là tỉnh An Giang (10 tháng tăng 20% so với cùng kỳ); Tiền Giang (10 tháng tăng 14,5% so với cùng kỳ) và tỉnh Kiên Giang (10 tháng tăng 9,2% so với cùng kỳ)

Tình hình nhập khẩu trong 10 tháng đầu năm của các địa phương trong Vùng cũng suy giảm so với cùng kỳ do những khó khăn về đơn hàng xuất khẩu, nhu cầu thế giới giảm nên nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất để xuất khẩu giảm. Chỉ có Tiền Giang, Vĩnh Long và Trà Vinh có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ (lần lượt là 7,2%; 7,1% và 3,5%).

III. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 13-NQ/TW trong năm 2023

1. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 19/8/2023 về việc thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long thay thế Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 gồm đại diện 13 bộ ngành trung ương và 13 địa phương trong vùng do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái là Chủ tịch hội đồng.

- Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL đã ban hành Quyết định số 52/QĐ-HĐ ĐPĐBSCL ngày 31/8/2023 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng. Văn phòng Hội đồng điều phối vùng đã được Bộ

- Văn phòng Hội đồng điều phối vùng đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập tại Quyết định số 1948/QĐ-BKHĐT ngày 5/12/2023 để thực hiện các nhiệm vụ thường trực Hội đồng vùng; Các địa phương trong vùng đã thành lập Tổ Điều phối cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Công tác liên kết vùng được các Bộ phối hợp với các địa phương trong vùng chú trọng và triển khai thông qua nhiều hoạt động như: trong lĩnh vực thương mại, Bộ Công Thương đã triển khai các hoạt động kết nối cung cầu của các tỉnh, thành trong Vùng, chương trình bình ổn thị trường, chương trình XTTM, hội chợ triển lãm,...; Bộ GTVT tăng cường phối hợp với các địa phương trong việc sớm giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình giao thông kết nối liên vùng và hạ tầng đường thủy nội địa,...

Các địa phương trong vùng đã chú trọng thực hiện các liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành trong vùng và các tiểu vùng trong tỉnh để khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; phối hợp triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết về hợp tác giữa các địa phương trong vùng, tiểu vùng Đồng Tháp Mười, Tiểu vùng Duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long và hợp tác với TP Hồ Chí Minh; tỉnh Bạc Liêu đã ký kết biên bản ghi nhớ liên kết phát triển bền vững Tiểu vùng Bán đảo Cà Mau giữa 4 tỉnh Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau - Kiên Giang và liên kết song phương giữa Bạc Liêu - Cà Mau; Bạc Liêu - Sóc Trăng; Bạc Liêu - Hậu Giang nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Tiểu vùng và từng địa phương; xây dựng Tiểu vùng Bán đảo Cà Mau trở thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp, tiến tới hình thành Cụm liên kết chuyên ngành về thủy sản và lúa gạo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và cả nước.

Các tuyến giao thông liên vùng do địa phương quản lý cũng được chú trọng triển khai như cầu Rạch Miễu 2, tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh, cầu Đình Khao kết nối tỉnh Vĩnh Long với tỉnh Bến Tre, cầu Đại Ngãi kết nối tỉnh Sóc Trăng với tỉnh Trà Vinh, QL61C kết nối tỉnh Hậu Giang với TP Cần Thơ; nâng cấp, mở rộng ĐT.963 đoạn QL80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nối huyện Thới Lai, TP Cần Thơ,...

2. Về phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

Các địa phương tập trung cơ cấu lại nền kinh tế theo định hướng phù hợp với từng địa phương, các hoạt động cơ cấu lại kinh tế đã đi vào thực chất hơn; đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa của từng địa phương. Một số kết quả đạt được như sau:

- Cơ cấu lại ngành sản xuất nông nghiệp được nhiều địa phương triển khai tích cực phù hợp với thế mạnh của từng tỉnh, khuyến khích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, truy xuất nguồn gốc nông sản, an toàn thực phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Về đầu tư các dự án năng lượng, góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng của vùng: tỉnh Long An đến nay đã có 08 dự án Nhà máy điện hoàn thành và phát điện thương mại; tỉnh Bến Tre có 09/19 dự án đã triển khai lắp đặt hoàn thành các tuabin với công suất 365,9 MW, trong đó có 250,75/365,9MW điện gió được phát điện vận hành thương mại; tỉnh Hậu Giang đã được bổ sung các dự án điện mặt trời với tổng công suất 900MW và các dự án điện gió với tổng công suất 350MW vào Quy hoạch điện VIII; tỉnh Sóc Trăng đưa vào vận hành 05 dự án điện gió với tổng công suất 286,4MW; tỉnh Bạc Liêu duy trì hoạt động ổn định 08 nhà máy điện gió với tổng công suất 469,2MW, đồng thời đẩy mạnh các dự án trọng điểm về phát triển công nghiệp như Dự án điện LNG Bạc Liêu 3.200MW, dự án Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III (141MW), dự án nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu (50MW); tỉnh Cà Mau đã vận hành thương mại 04 dự án điện gió với tổng công suất 145MW.

- Về hạ tầng giao thông: Các mục tiêu về đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đã được cơ bản hoàn thành. Trong đó có nhiều công trình giao thông kết nối liên vùng đã được đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển cho cả vùng đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể:

- + Về đường bộ cao tốc đã đưa vào khai thác 90 km; đang triển khai thi công và phần đầu cơ bản hoàn thành đến năm 2025 thêm 458 km; đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030 thêm khoảng 215 km (đến năm 2030 có khoảng 763 km đường

cao tốc) và sau năm 2030 tiếp tục đầu tư thêm khoảng 425 km đường cao tốc trong vùng đưa vào khai thác.

+ Về đường sắt, đang chuẩn bị triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

+ Về đường thủy nội địa, triển khai các dự án quan trọng, tháo gỡ các nút thắt về vận tải (kênh Chợ Gạo giai đoạn 2, nâng tĩnh không cầu đường bộ qua đường thủy nội địa quốc gia), nâng cao hiệu quả khai thác các hành lang đường thủy trong vùng.

+ Về cảng biển, tiếp tục triển khai dự án luồng hàng hải cho tàu biển lớn và sông Hậu và nghiên cứu phát triển bến cảng Trần Đề nhằm đưa các tàu biển trọng tải lớn tiếp cận trực tiếp với hàng hóa xuất, nhập khẩu trong vùng.

+ Về cảng hàng không, từng bước nâng cấp các cảng hàng không trong vùng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

- Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo có nhiều đóng góp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phát triển các mô hình kinh tế mới trong ứng dụng khoa học công nghệ, chủ yếu trong các lĩnh vực: nông nghiệp, y tế, giáo dục. Tỉnh Đồng Tháp đã đưa vào danh mục Đề tài: "*Nghiên cứu và triển khai ứng dụng các giải pháp kỹ thuật trên nền tảng kinh tế tuần hoàn nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm gắn với hệ sinh thái tự nhiên cho các đối tượng khác nhau tại khu vực nông thôn tỉnh Đồng Tháp*"; "*Xây dựng quy trình canh tác lúa hữu cơ tiết kiệm – giảm phát thải trên nền đất 3 vụ tại Đồng Tháp*". Tỉnh Bến Tre ứng dụng khoa học và công nghệ đạt được nhiều kết quả khả quan, thực hiện thành công mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, chuyển giao quy trình kỹ thuật cho nông dân; đã xây dựng phần mềm tích hợp, cơ sở dữ liệu và bản đồ điện tử số hóa vùng trồng cây ăn trái trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp,...

- Các địa phương chú trọng tập trung triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển xã hội số; nhiều địa phương triển khai hỗ trợ chữ ký số doanh nghiệp, hỗ trợ hóa đơn điện tử, xây dựng website thương mại điện tử chuyên nghiệp, phần mềm họp trực tuyến, hỗ trợ giải pháp tăng nhận diện thương hiệu doanh nghiệp,...; đồng thời tổ chức triển khai tập huấn chuyển đổi số cho các đơn vị trong địa phương.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Về hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung hoạt động ổn định và hoạt động hiệu quả; Phong trào "Toàn dân đoàn

kết xây dựng đời sống văn hoá” được tuyên truyền lồng ghép trong việc vận động người dân thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng “Gia đình văn hóa”; “Làng, thôn, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa”; phong trào xây dựng “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” được nhiều địa phương triển khai quyết liệt như: Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long; phong trào xây dựng “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” được địa phương triển khai khá đồng bộ, cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động đồng tình ủng hộ và đăng ký thực hiện như Long An, Đồng Tháp.

Một số kết quả đạt được, cụ thể: Danh hiệu Văn hóa tính đến tháng 11 năm 2023: Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn Văn hóa 92,59%; Gia đình Văn hóa đạt 96,91%; Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 31,49 %.

- Về hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở: Nhìn chung, Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bằng Sông Cửu Long đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của Đảng, Nhà nước; tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân; các hoạt động đang từng bước được mở rộng, nội dung chương trình hoạt động ngày càng đa dạng, phong phú và phù hợp hơn với nhu cầu của nhân dân. Bên cạnh đó, hệ thống thiết chế văn hoá các cấp đã chú trọng đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng thông qua các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn nhằm thu hút người dân đến sinh hoạt.

- Các địa phương trong vùng tổ chức nhiều hoạt động nghệ thuật, các giải thi đấu thể thao tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho người dân; Các hoạt động văn hoá - nghệ thuật tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị được tổ chức với các hình thức phù hợp đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện.

4. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Các địa phương trong vùng triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; hoàn thành các chỉ tiêu về công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng, an ninh; huấn luyện, diễn tập cấp huyện, xã theo kế hoạch. Duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu; nắm chắc tình hình, xử lý kịp thời các vụ việc không để bị động bất ngờ. Công tác đấu tranh trấn áp tội phạm và tệ nạn xã hội được các lực lượng chức năng phối hợp triển khai

- Phối hợp chặt chẽ các cấp, các ngành, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tăng cường đối ngoại trên các mặt, nhất là đối ngoại quân sự, đối ngoại Nhân dân góp phần ngăn ngừa các hoạt động chống phá từ xa, tạo môi trường hòa bình, ổn định; tăng cường công tác phối hợp giữa các địa phương lân cận, các lực lượng chức năng trong bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm, nhất là trong đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm có tổ chức. Chủ động nắm tình hình, giải quyết hiệu quả các vấn đề về an ninh kinh tế, an ninh Nhân dân, an ninh nông thôn và một số vấn đề liên quan đến tôn giáo, không để xảy ra điểm nóng. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

5. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục tăng cường thực hiện công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng cấp bách, lâu dài. Tiếp tục chỉ đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể

Tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 ban hành Chương trình hành động Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính

phủ đã giao cho các Bộ, ngành, địa phương vùng ĐBSCL thực hiện 14 chỉ tiêu cụ thể, 26 nhiệm vụ, đề án và nhiệm vụ đầu tư đối với 07 dự án kết cấu hạ tầng.

Năm 2023, các Bộ và địa phương vùng ĐBSCL đã tích cực triển khai các nhiệm vụ được giao, tuy nhiên nhiều nhiệm vụ cần rà soát kỹ và cần nghiên cứu tổng thể như nhiệm vụ Báo cáo điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng ĐBSCL, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin lùi thời gian thực hiện sang năm 2024; Bộ Xây dựng đã báo cáo Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đề xuất lùi thời hạn trình Đề án xây dựng các nhà máy nước quy mô vùng đến tháng 12/2025; UBND tỉnh Kiên Giang đã có văn bản xin lùi việc thực hiện các đề án của Tỉnh sang năm 2024. Các nhiệm vụ cụ thể đang được các Bộ, địa phương triển khai thực hiện, một số kết quả đạt được như sau:

- 13/13 địa phương trong vùng ĐBSCL đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đối với nhiệm vụ Báo cáo hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Báo cáo số 10655/BC-BKHĐT ngày 18/2/2023.

- Đối với nhiệm vụ Báo cáo nghiên cứu chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 11110/BC-BKHĐT ngày 29/12/2023.

- Đối với nhiệm vụ đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cần thiết để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan liên quan, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về huy động nguồn lực nêu tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2024 trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ tại Tờ trình số 3456/TTr-BKHĐT ngày 8/5/2023 và trình UBTVQH tại Tờ trình số 199/TTr-CP ngày 8/5/2023 của Chính phủ. Tại các Tờ trình đã nêu rõ căn cứ, cơ sở chính trị là các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển các vùng, trong đó có Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022. Theo đó, Chính phủ đã thống nhất trình UBTVQH, Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết Quốc hội thí điểm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ đối với 03 chính sách, gồm: (i) Nâng tỷ lệ tham gia của nhà nuocs trên 50% tổng mức đầu tư một số dự án PPP; (ii) Giao thẩm quyền cho địa phương là cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa phương; (iii) Giao cho một địa phương là cơ

quan chủ quản thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách địa phương này để hỗ trợ vốn cho địa phương khác. Đến nay Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ bao gồm các nội dung nêu trên.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18/7/2023 đồng ý huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho 16 dự án phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn đến năm 2030.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ động phối hợp, hướng dẫn UBND TP Cần Thơ để triển khai Đề án xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia, theo đó yêu cầu địa phương chú ý cập nhật định hướng phát triển và đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện thành lập Khu CNC Cần Thơ (tính khả thi về nguồn vốn đầu tư), sớm gửi Bộ KH&CN để phối hợp với cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét.

- Đối với nhiệm vụ xây dựng các dự án cụ thể:

+ *Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông* để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng: Đã đưa vào khai thác 02 đoạn tuyến Bến Lức - Trung Lương và Trung Lương - Mỹ Thuận (dài 91 km), các đoạn còn lại trên địa bàn vùng đang được triển khai đầu tư trong đó đoạn cầu Mỹ Thuận 2 (7 km) và Mỹ Thuận - Cần Thơ (23 km) dự kiến đưa vào khai thác cuối năm 2023, đoạn Cần Thơ - Cà Mau dự kiến đưa vào khai thác cuối năm 2025, ngoài ra còn đoạn Cà Mau - Năm Căn đang được bổ sung vào quy hoạch làm cơ sở triển khai đầu tư trước năm 2030.

+ *Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây*: Hiện nay trên địa bàn Vùng một số đoạn tuyến đã được đưa vào khai thác theo phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (quy mô tương đương hệ thống quốc lộ), các đoạn tuyến hiện đang được nghiên cứu và triển khai đầu tư đảm bảo đạt tiêu chuẩn đường cao tốc trong giai đoạn từ nay đến 2030.

+ *Tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng*: Hiện Bộ GTVT đang triển khai lập điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ, trong đó có điều chỉnh tiến trình đầu tư đối với tuyến cao tốc trên vào giai đoạn trước năm 2030 để làm căn cứ triển khai đầu tư.

+ *Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng*: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 60/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 về triển khai Nghị quyết của Quốc hội. Theo chủ trương được Quốc hội thông qua, Dự án có tổng chiều dài 188,2 km, đi qua địa phận 4 tỉnh, thành phố, quy mô đầu tư phân

kỳ 4 làn xe, sơ bộ tổng mức đầu tư 44.691 tỷ đồng. Dự án được chia thành 4 dự án thành phần (DATP) vận hành độc lập (DATP 1 do An Giang là Cơ quan chủ quản, DATP 2 do Cần Thơ làm Cơ quan chủ quản, DATP 3 do Hậu Giang là Cơ quan chủ quản, DATP 4 do Sóc Trăng là Cơ quan chủ quản). Dự án đã khởi công ngày 17/6/2023, dự kiến cơ bản hoàn thành năm 2026. Hiện các nhà thầu đang tích cực triển khai thi công trên hiện trường.

+ *Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Cà Mau*: Bộ GTVT đã có văn bản số 3915/BGTVT-KHĐT ngày 19/4/2023 giao Ban QLDA Mỹ Thuận tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu.

+ *Tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh*: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại các Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 24/6/2022; số 1640/QĐ-TTg ngày 19/12/2023, dài khoảng 27,43 km, đi qua địa phận 02 tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang, quy mô 04 làn xe, chia làm 02 dự án thành phần (Đồng Tháp làm cơ quan chủ quản DATP 1, Tiền Giang làm cơ quan chủ quản DATP 2), sơ bộ tổng mức đầu tư khoảng 7.496 tỷ đồng. DATP 1 đã được UBND tỉnh Đồng Tháp tổ chức khởi công xây dựng ngày 25/6/2023, dự kiến sẽ đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành trong năm 2025. Tuy nhiên, DATP 2 do UBND tỉnh Tiền Giang làm cơ quan chủ quản, đang hoàn thiện hồ sơ Báo cáo NCKT theo chủ trương đầu tư điều chỉnh; dự kiến khởi công cuối tháng 4/2023, hoàn thành 2027.

+ *Đường thủy nội địa*: Bộ GTVT đã hoàn thành dự án Nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo giai đoạn 2; Phê duyệt dự án Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - giai đoạn 1 (khu vực phía Nam); Phê duyệt dự án phát triển các hành lang đường thủy, làm cơ sở để khơi thông động lực phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong Vùng.

+ *Về hoàn thành hệ thống cảng biển theo quy hoạch, trong đó Cảng Trần Đề phát triển thành cảng đặc biệt và cửa ngõ vùng; phát triển cảng Hòn Khoai thành bến cảng tổng hợp; nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, luồng hàng hải Trần Đề*: Hiện nay, Bộ GTVT đã hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021; quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023, trong đó đã quy hoạch 06 cảng cạn 13 tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và đang khẩn trương lập Quy hoạch chi tiết các Nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 trong Vùng theo quy hoạch được duyệt làm căn cứ để triển khai đầu tư.

+ Về mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc; điều chỉnh quy hoạch và đầu tư cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau: Hiện nay, Bộ GTVT đã hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/06/2023 và đang khẩn trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết các cảng hàng không trong Vùng theo quy hoạch được duyệt làm căn cứ để triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không.

+ Về hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ: Bộ GTVT đang chuẩn bị triển khai lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, phân đầu hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền trong năm 2025 nhằm làm cơ sở huy động nguồn lực triển khai.

- Bộ Ngoại giao tiếp tục thúc đẩy phân giới cắm mốc giữa Việt Nam và Campuchia. Hiện giữa hai nước còn khoảng trên 200km đường biên giới đang thực hiện phân giới cắm mốc trải dọc 09/10 tỉnh biên giới tiếp giáp với Campuchia. Trong năm 2023 Việt Nam và Campuchia đã tổ chức nhiều cuộc đàm phán để trao đổi về phân giới cắm mốc. Về công tác phân định biển giữa Việt Nam và Campuchia, Bộ Ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan chức năng và các địa phương ven biển trong quản lý khu vực biên giới biển tại địa phương và triển khai hiệu quả công tác đấu tranh, bảo vệ chủ quyền, quản lý khu vực biên giới biển tại địa phương thông qua cơ chế báo cáo định kỳ (sơ kết 6 tháng, cuối năm).

IV. Đánh giá chung

1. Các kết quả đạt được và khó khăn, hạn chế

Triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2023 của Chính phủ, các Bộ và địa phương vùng ĐBSCL đã khẩn trương, nghiêm túc quán triệt, phổ biến và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Về cơ bản, các nhiệm vụ đang được triển khai theo tiến độ. Các Bộ chủ động phối hợp với các địa phương liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ; đối với các địa phương trong vùng, lãnh đạo các địa phương đã kịp thời chỉ đạo, đề ra các giải pháp phù hợp với từng thời điểm để phấn đấu đạt kết quả cao nhất. Kinh tế - xã hội trong vùng tiếp tục được giữ vững, các ngành, lĩnh vực và hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định; nhiều dự án, công trình trọng điểm trong vùng hoàn thành đưa vào sử dụng; tuyên cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng kết nối giữa một số địa phương trong vùng ĐBSCL từng bước được hình thành. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao được quan tâm tổ chức nhiều hơn tạo không khí vui tươi cho nhân dân. Công tác an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã

hội được thực hiện khá tốt, mang lại hiệu quả thiết thực; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, vùng dân tộc thiểu số được nâng lên; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn khó khăn hạn chế như: tăng trưởng kinh tế tại một số địa phương còn chậm; khả năng cạnh tranh và tiêu thụ nhiều loại nông sản chưa cao; hoạt động liên kết vùng chưa hiệu quả, một số thỏa thuận liên kết còn mang tính hình thức, chưa thực chất; ứng dụng khoa học và công nghệ còn chậm; nguồn lực của các cơ sở khám chữa bệnh công lập còn hạn chế, thiếu trang thiết bị y tế; công tác chuyển đổi số còn chậm.

2. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, trong lãnh đạo, điều hành cần nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ. Tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thống nhất, xuyên suốt, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả; bám sát thực tiễn, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Thứ hai, phát huy vai trò chủ động, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp trong thực hiện nhiệm vụ, phát huy trí tuệ tập thể, tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân, người đứng đầu.

Thứ ba, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ.

Thứ tư, phát triển hài hòa lĩnh vực kinh tế với văn hóa – xã hội, môi trường và an ninh - quốc phòng.

PHẦN II

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2024

I. Bối cảnh trong nước, quốc tế, những vấn đề đặt ra và dự kiến tình hình kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong năm 2024

Dự báo năm 2024, tình hình thế giới và khu vực biến động, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn còn ở mức cao. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa

là thời cơ vừa là thách thức; an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,.. Hội đồng điều phối vùng thành lập sẽ giúp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành về liên kết vùng, phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế do chưa hoặc chậm được khắc phục, cũng như các vấn đề về già hoá dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,...

II. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị tư tưởng và nhận thức

- Nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ; Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND các địa phương trong vùng. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt, khẩn trương hơn nữa trong việc triển khai đầy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết của Chính phủ.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, phổ biến với nhiều hình thức thông qua Báo, Đài, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở; các cuộc họp, hội nghị, giao ban, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể... về nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, các Chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND; qua đó các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân của các địa phương trong vùng đã được nâng lên về nhận thức đối với vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Triển khai thực hiện quy hoạch vùng ĐBSCL và quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững.

- Tăng cường vai trò của Thành phố Cần Thơ trong hoạt động phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL và các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động liên kết hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng ĐBSCL, với các địa phương vùng Đông Nam Bộ, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của từng địa phương trong vùng; phổ biến các mô hình hay, hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội các địa phương.

- Tiếp tục ưu tiên xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tính chất kết nối liên vùng, liên tỉnh; nhất là đầu tư và nâng cấp mạng lưới giao thông đồng bộ, bảo đảm kết nối hài hòa, hợp lý và hiệu quả giữa các phương thức vận tải, gắn với kết nối, liên kết các tỉnh trong vùng. Tập trung đẩy nhanh hoàn thiện tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; An Hữu - Cao Lãnh; cầu Đại Ngãi,...

3. Về phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trên 03 lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo hướng phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ, sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu và cây ăn trái; Khai thác và phát triển các sản phẩm chất lượng cao, tạo thương hiệu cho sản phẩm và địa danh sản xuất nhằm khẳng định giá trị gia tăng cho các sản phẩm mang tính đặc sản của vùng. Hình thành các vùng chuyên canh, chủ lực để tạo thành các cực tăng trưởng, nhằm tạo ra các tác động lan tỏa, thúc đẩy các sản phẩm khác phát triển, như: bưởi da xanh, xoài cát Hòa Lộc, gạo ST Sóc Trăng, tôm, cua Cà Mau,...

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị đáp ứng được yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0, nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống và mở rộng các dịch vụ mới có tiềm năng và giá trị gia tăng lớn; tạo điều kiện và hỗ trợ hình thành các cơ sở cung ứng dịch vụ logistics tập trung, đồng bộ về bến bãi, hệ thống kho, bảo quản, vận chuyển,... và cảng hàng không với quy mô lớn, phương thức hoạt động tiên tiến, song song với việc thu hút các tập đoàn bán buôn, bán lẻ lớn, có uy tín để thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, nâng cao chất lượng hàng hóa và hệ thống phân phối trên địa bàn.

Chú trọng phát triển thương mại điện tử; phương thức cung ứng hàng hóa theo hướng chuyên nghiệp, đẩy mạnh áp dụng công nghệ và phương thức thanh toán qua thẻ, thanh toán trực tuyến; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho người mua và người bán khi tham gia giao dịch.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Phòng chống tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị, các khu công nghiệp, khu vực nông thôn. Khuyến khích phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm khí thải nhà kính, khuyến khích phát triển mô hình kinh doanh sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất.

Nâng cao đóng góp của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào tăng trưởng kinh tế, tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, gắn các hoạt động nghiên cứu ứng dụng với nhu cầu doanh nghiệp và nền kinh tế; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, thiết bị, trong đó ưu tiên doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0; hỗ trợ khai thác, ứng dụng các sáng chế, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm, dịch vụ chủ lực.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh;

Tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện các giải pháp phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tăng cường các hoạt động đào tạo và thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong thu hút, đãi ngộ, sử dụng cán bộ y tế để đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy hoạch phát triển ngành; quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Thực hiện đồng bộ, đầy đủ chính sách, chế độ theo Pháp lệnh ưu đãi người có công; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần người có công cách mạng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng triển khai nhân rộng các mô hình giảm nghèo; đảm bảo trợ cấp kịp thời và thực hiện đầy đủ chính sách cho các đối tượng trợ giúp xã hội, tạo cơ hội tốt cho người nghèo, đối tượng xã hội tự vươn lên thông qua các chính sách trợ giúp, hỗ trợ về giáo dục, dạy nghề, tín dụng, tạo việc làm, tăng thu nhập,...

5. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

Tăng cường công tác sẵn sàng chiến đấu, nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời phát hiện, tham mưu Đảng, Nhà nước có chủ trương, xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động, bất ngờ. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội vùng.

Tiếp tục triển khai xây dựng quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội; xây dựng các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội mang tính lưỡng dụng, sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh toàn vùng.

Tăng cường đối ngoại trên các mặt, nhất là đối ngoại quân sự, đối ngoại Nhân dân góp phần ngăn ngừa các hoạt động chống phá từ xa, tạo môi trường hòa bình, ổn định; tăng cường công tác phối hợp giữa các địa phương lân cận, các lực lượng chức năng trong bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm, nhất là trong đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm có tổ chức. Chủ động nắm tình hình, giải quyết hiệu quả các vấn đề về an ninh kinh tế, an ninh Nhân dân, an ninh nông thôn và một số vấn đề liên quan đến tôn giáo, không để xảy ra điểm nóng. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

6. Về tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 12/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ trung ương đến địa phương.

Nâng cao đạo đức cách mạng cho đảng viên, đội ngũ cán bộ, thế hệ trẻ. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của cấp chính quyền. Tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức cơ quan hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh tinh giảm biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Tăng cường giáo dục nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; bảo vệ cán bộ dám đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khơi dậy tinh thần cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức.

PHẦN III

KIỆN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Bộ Chính trị và Ban Bí thư

- Tiếp tục chỉ đạo quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và liên kết vùng.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết và có những chương trình, chính sách nhằm phát triển thông tin và truyền thông để làm nền tảng, cơ sở phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày càng phát triển trong thời gian tới, đặc biệt là những chính sách về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số cho Vùng.

- Tiếp tục quan tâm, kịp thời phân công và giao nhiệm vụ cho Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban Đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cấp, các ngành, các địa phương nhằm tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết 13-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW; trong đó khi quyết định, phê chuẩn các chủ trương, chiến lược, chương trình, đề án, dự án quan trọng của quốc gia, của Vùng ĐBSCL luôn xem xét, tạo điều kiện cho việc xây dựng thành phố Cần Thơ là địa bàn trọng điểm, có vị trí chiến lược quan trọng để từng bước phát triển thành phố xứng tầm với vai trò trung tâm động lực phát triển, có sức lan tỏa mạnh mẽ và vị trí hạt nhân của vùng.

2. Đối với Đảng đoàn Quốc hội

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Đề tạo đà phục hồi tăng trưởng kinh tế tích cực hơn trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2024 và những năm tiếp theo, kiến nghị Quốc hội xem xét tiếp tục ban hành Chương trình phục hồi kinh tế mới trong giai đoạn 2024 - 2025, trong đó chú trọng hơn nữa đến bảo đảm quyền tham gia và hưởng lợi của các tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai các giải pháp phục hồi kinh tế.

3. Đối với Ban cán sự Đảng Chính phủ, Bộ, ngành

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo hoàn thiện thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

4. Đối với các Ban Đảng Trung ương

- Các Ban Đảng Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, phối hợp với các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ.

- Tiếp tục quan tâm, kịp thời triển khai, hướng dẫn thành phố trong thực hiện các Nghị quyết, quy định của Trung ương, tăng cường giám sát quá trình thực hiện nhằm kịp thời hướng dẫn địa phương khắc phục những hạn chế, khó khăn, ngày càng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

5. Đối với các Tỉnh ủy, thành ủy trong vùng

- Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

PHỤ LỤC 6b

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ NĂM 2023, DỰ KIẾN NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 78/NQ-CP			Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Giai đoạn 2021-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm	%	6,5 - 7	-0,24%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6,37	
2	Quy mô nền kinh tế so với năm 2020		2 - 2,5 lần	1,02 lần	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1.263 tỷ đồng	
3	Cơ cấu GRDP của Vùng				Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	20	32,20%		30,05	
	Công nghiệp - xây dựng	%	32	26,38%		27,6	
	Dịch vụ	%	46	35,73%		37,07	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	2	5,69%		5,26	
4	GRDP bình quân đầu người/năm	triệu đồng	146	57,14 triệu đồng/người/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	72,3	
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	42 - 48		Bộ Xây dựng	32,5	
6	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80		Bộ NN&PTNT	82,1	
	Trong đó số xã đạt chuẩn nâng cao	%	30			21,94	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65		Bộ LĐTBXH	68	
	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	25			27-27,5	
8	Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp	%	75 - 80	71%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
9	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	1,5 - 2		Bộ LĐTBXH	1,1	
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn				Bộ Giáo dục và Đào tạo		
	Mầm non	%	75	51,07%		56,46	
	Tiểu học	%	70	57,2%		61,82	
	Trung học cơ sở	%	80	58,3%		43,82	
	Trung học phổ thông	%	90	41,8%		46,27	
11	Tỷ lệ trên 10.000 dân				Bộ Y tế		
	Số giường bệnh	%	30			29,1	
	Số bác sỹ	%	10			9,3	
	Số dược sỹ đại học	%	2,8			3,2	
	Số điều dưỡng viên	%	25			15	
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	7,5		Bộ NN&PTNT	5,43	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu tại Nghị quyết số 78/NQ-CP			Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
			Đến năm 2030	Giai đoạn 2021-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá		
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh						
	Đối với dân cư đô thị	%	98 - 100		Bộ Xây dựng	96,1	96,5
	Đối với nông thôn	%	70		Bộ NN&PTNT	95	100
14	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp	%	100		Bộ Tài nguyên và Môi trường		

PHỤ LỤC 6c

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 78/NQ-CP NGÀY 18/6/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 02/4/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG						
1	Quyết định về hoàn thiện khung pháp lý cho liên kết vùng giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2026	Thủ tướng Chính phủ		
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng điều phối vùng giai đoạn 2020 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đã hoàn thành (Bộ KH&ĐT đã có báo cáo số 10655/BC-BKHĐT ngày 18/2/2023)	
3	Ban hành quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	13 địa phương vùng ĐBSCL	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	13/13 địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định quy hoạch tỉnh	
4	Báo cáo thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
5	Đề án xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm phát triển vùng có dịch vụ thương mại, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến hiện đại; giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng	UBND Thành phố Cần Thơ	Các cơ quan liên quan	2024	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	dự kiến hoàn thành trong năm 2024

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
6	Đề án xây dựng thành phố Mỹ Tho, Tân An, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau, Sóc Trăng thành các trung tâm tổng hợp, chuyên ngành	UBND các tỉnh: Tiền Giang; Long An; An Giang; Kiên Giang; Cà Mau; Sóc Trăng	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
7	Đề án xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế	UBND tỉnh Kiên Giang	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Chưa triển khai; tỉnh có văn bản xin lùi đến năm 2024	
8	Đề án tổng kết thực hiện Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ và khu vực bị sạt lở	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Chưa triển khai, Bộ Xây dựng đề nghị điều chỉnh việc nhiệm vụ vào Quý IV năm 2025. Đồng thời, đề nghị không đưa Chương trình này vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong giai đoạn tiếp theo	
9	Đề án phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị gồm: Trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang, trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt; trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển, trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu An Giang	UBND tỉnh An Giang	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	Quý IV/2024
11	Báo cáo nghiên cứu chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đã hoàn thành (Bộ KH&ĐT đã có báo cáo số 11110/BC-BKHĐT ngày 29/12/2023)	
12	Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	Quý IV/2024
13	Đề án xây dựng các nhà máy nước quy mô vùng	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Chưa triển khai, Bộ Xây dựng đã báo cáo Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà về đề xuất lùi thời hạn trình Đề án đến tháng 12/2025 tại văn bản số 4548/BXD-HTKT ngày 10/10/2023	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
14	Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cần thiết để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	Đã hoàn thành; nhiệm vụ này được lồng ghép trong quá trình báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ; theo đó bao gồm một số chính sách đặc thù như: (i) Nâng tỷ lệ tham gia của nhà nuwocs trên 50% tổng mức đầu tư một số dự án PPP; (ii) Giao thẩm quyền cho địa phương là cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa phương; (iii) Giao cho một địa phương là cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách địa phương này để hỗ trợ vốn cho địa phương khác	
15	Báo cáo điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện, Bộ KH&ĐT có văn bản báo cáo TTCP lùi thời gian thực hiện đến năm 2024	
16	Đề án xây dựng Trung tâm huyết học - truyền máu vùng	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	2024 - 2025	Thủ tướng Chính phủ		
II	PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG						

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
17	Đề án đầu tư phát triển Trung tâm Logistics tại Cái Cui (Cần Thơ) và mở rộng dịch vụ logistics hàng không	TP Cần Thơ	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
18	Đề án phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia	UBND tỉnh Kiên Giang	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	Chưa triển khai; tỉnh có văn bản xin lùi đến năm 2024	
19	Đề án thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
20	Đề án xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và TP Cần Thơ	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
III	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN						
21	Đề án phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng; hoàn chỉnh các bệnh viện đa khoa vùng tại Kiên Giang, Đồng Tháp và Tiền Giang	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ		
IV	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH						
22	Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP				Tình hình thực hiện năm 2023	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình		
1	2	3	4	5	6	7	8
23	Đề án hoàn thành khu kinh tế quốc phòng biển, đảo Tây Nam	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
24	Tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và tiến hành phân định biên giới biển	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
V	TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
25	Đề án tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động	Bộ Nội vụ	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	
26	Đề án Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo	Bộ Nội vụ	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	Đang thực hiện	

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

PHỤ LỤC 6d

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TẠI NGHỊ QUYẾT 78/NQ-CP NGÀY 18/6/2022 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 02/4/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
1	Hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc kết nối vùng với vùng Đông Nam Bộ, hệ thống cảng biển và các cửa khẩu quốc tế, gồm: Các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Bắc - Nam phía Tây; Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Hồng Ngự - Trà Vinh	Bộ Giao thông vận tải; UBND các địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Đang thực hiện	Triển khai theo tiến độ
2	Đầu tư hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang	UBND các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Đang thực hiện	Triển khai theo tiến độ
3	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Bộ GTVT đang khẩn trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết các cảng hàng không trong Vùng theo quy hoạch được duyệt (Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/06/2023 về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) làm căn cứ để triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không	Triển khai theo tiến độ
4	Đầu tư cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030		Triển khai theo tiến độ

TT	Nhiệm vụ	Nhiệm vụ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP			Tình hình thực hiện	Dự kiến thực hiện năm 2024
		Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7
5	Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng	Bộ Y tế	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Đang thực hiện	Triển khai theo tiến độ
6	Nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ	UBND Thành phố Cần Thơ	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và được giao vốn chuẩn bị đầu tư 290 triệu đồng tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 28/1/2021 của UBND thành phố Cần Thơ.	Triển khai theo tiến độ
7	Nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, luồng hàng hải Trần Đề	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Đang thực hiện	Triển khai theo tiến độ

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

PHỤ LỤC 6e

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

Cập nhật đến ngày 25/3/2024

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
I	Các bộ, cơ quan TW			
1	Bộ Quốc phòng	4566/BQP-KHĐT ngày 22/11/2023		
2	Bộ Công an	1919/BC-BCA-VPB ngày 29/11/2023 (M)		
3	Bộ Công Thương	9183/BCT-KHTC ngày 25/12/2023		
4	Bộ Giao thông vận tải	14930/BGTVT-KHĐT ngày 25/12/2023		
5	Bộ Nội vụ	211-BC/BCSD ngày 6/12/2023		
6	Bộ Tài chính	14060/BTC-NSNN ngày 21/12/2023		
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường		1	
8	Bộ Tư pháp	651/BTP-PLDSKT ngày 02/02/2024		
9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5377/BVHTTDL-KHTC ngày 6/12/2023		
10	Bộ Xây dựng	5910/BXD-QHKT ngày 21/12/2023		
11	Bộ Y tế	1591/BC-BYT ngày 21/12/2023		
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo			1
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	4680/KHCN-ĐP ngày 08/12/2023		
14	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	188/BC-LĐTĐ ngày 18/12/2023		
15	Bộ Ngoại giao	6731/BNG-THKT ngày 22/12/2023		
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8522/BNN-KH ngày 22/11/2023		

Stt	Cơ quan	Văn bản chính thức	Văn bản dự thảo	Chưa gửi Báo cáo
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	6076/BTTTT-VCL ngày 06/12/2023		
18	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	9547/NHNN-TD ngày 14/12/2023		
19	Ủy ban Dân tộc	106-BC/BCSD ngày 22/12/2023		
II	Các địa phương			
1	Long An	3452/BC-UBND ngày 27/11/2023		
2	Tiền Giang	287/BC-UBND ngày 25/11/2023		
3	Bến Tre	718/BC-UBND ngày 28/11/2023		
4	Trà Vinh	806/BC-SKHĐT ngày 01/12/2023		
5	Vĩnh Long	471/BC-UBND ngày 08/12/2023		
6	Cần Thơ	415/BC-UBND ngày 15/12/2023		
7	Hậu Giang	306/BC-UBND ngày 01/12/2023		
8	Sóc Trăng	342/BC-UBND ngày 04/12/2023		
9	An Giang	1091/BC-UBND ngày 20/11/2023		
10	Đồng Tháp	459/BC-UBND ngày 08/12/2023		
11	Kiên Giang	562/BC-UBND ngày 04/12/2023		
12	Bạc Liêu	499/BC-UBND ngày 01/12/2023		
13	Cà Mau	531/BC-UBND ngày 19/12/2023		